



NGÔ HÁCH

TRÌNH QUÁN CHÍNH YẾU

PHÉP TRỊ NƯỚC CỦA
ĐƯỜNG
THÁI
TÔNG



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG



TRINH QUÁN CHÍNH YẾU

Phép Trị Nước Của Đường Thái Tông

—★—

Tác giả: Ngô Hách

Người dịch: Tiến Thành

Văn Lang phát hành

Nhà xuất bản Lao Động 2012

ebook©★★★ vctvegroup

31-03-2019

LỜI NÓI ĐẦU

“Trinh Quán” là niên hiệu của Đường Thái Tông Lý Thế Dân (598–649). Lý Thế Dân sinh ra vào cuối thời kỳ thống trị của Tùy Văn Đế, lớn lên tận mắt chứng kiến toàn bộ quá trình nhà Tùy từ thịnh đến suy, cuối cùng bị diệt vong, đồng thời đích thân cùng với cha là Lý Uyên tham gia các hoạt động dẹp loạn, gây dựng nhà Đường. Lịch sử rối ren cuối Tùy đầu Đường đã để lại ấn tượng sâu sắc trong ông. Bởi vậy sau khi lên ngôi hoàng đế, ông đã chú ý tổng kết và đúc rút các bài học kinh nghiệm trị nước của các đời vua trước, nhìn thẳng vào hiện thực xã hội, lập ra hàng loạt chính sách có lợi cho sự thống nhất nước nhà, đoàn kết dân tộc, phát triển sản xuất và tiến bộ xã hội, từ đó điều hòa hữu hiệu mâu thuẫn giữa các giai cấp, dân tộc cũng như nội bộ tập đoàn thống trị, dần tạo nên một cục diện thái bình thịnh trị.

Theo sử sách ghi lại, thời kỳ Trinh Quán là thời kỳ thanh bình, quan lại thanh liêm, hình phạt không hà khắc, dân phong thuần phác. Khi Đường Thái Tông lên ngôi trong tình trạng rối ren cuối nhà Tùy, dân số thưa thớt, kinh tế tiêu điều, trăm họ ăn không đủ no, mặc không đủ ấm. Trước tình trạng đó, vua tôi Đường Thái Tông đã một mặt tích cực áp dụng mọi biện pháp làm trong sạch bộ máy thống trị, mặt khác tiết kiệm, đồng cam cộng khổ cùng nhân dân. Nhiều năm sau, kinh tế dần phát triển, nông nghiệp liên tục được mùa, xã hội ổn định, dân phong thuần phác, thậm chí đi đường gặp của rơi không nhặt, đêm ngủ không cần đóng cửa. Năm Trinh Quán thứ tư, cả nước chỉ có 29 người bị xử tử hình. Năm Trinh Quán thứ sáu, Đường Thái Tông cho phép 390 tử tù về từ biệt người nhà, mùa thu năm sau trở lại “thọ hình”.

Đến hạn mà không một tội phạm nào bỏ trốn, đây là một kỳ tích vô tiền khoáng hậu trong lịch sử Trung Quốc.

Có thể nói, “Trinh Quán chi trị” là nét son rực rỡ nhất, chói lọi nhất trong lịch sử phong kiến Trung Quốc hơn hai nghìn năm.

Vậy thì Đường Thái Tông Lý Thế Dân cùng quần thần đã thực hiện “Trinh Quán chi trị” như thế nào? Các nhà chính trị và sử học từ đầu nhà Đường trở đi đã nỗ lực tìm câu trả lời. Người đầu tiên coi trọng vấn đề này và cung cấp cho hậu thế sử liệu đầy đủ và tư tưởng nghiên cứu cơ bản là Ngô Hách thời Đường qua bộ “Trinh Quán chính yếu”.

Ngô Hách (670 – 749) là một nhà sử học, sinh ra vào thời Đường Cao Tông, người Tuấn Nghi, Biện Châu (nay là Khai Phong, Hà Nam). Từ nhỏ ông đã hiếu học, rất thích nghiên cứu sử sách, điều này đã đặt nền tảng vững chắc cho nghề viết sử của ông sau này.

Cách viết sử của Ngô Hách trọng “giản hạch” (đơn giản mà trúng trọng tâm), được gọi là “lương sử” (sử tốt). Đồng thời ông cũng coi trọng nguyên tắc viết “thẳng thắn không kỵ húy”, được người đương thời đánh giá rất cao.

“Trinh Quán chính yếu” là một bộ sử được viết theo chuyên đề, chủ yếu ghi lại lời bàn luận chính trị của vua tôi Đường Thái Tông. Bộ sách này được các nhà nghiên cứu Nhật Bản đánh giá cao hơn bộ “Tam quốc diễn nghĩa” về tư tưởng chính trị.

TRÌNH QUẢN CHÍNH YẾU

- QUYỂN 1 -

ĐẠO LÀM VUA

Năm Trinh Quán thứ nhất, Đường Thái Tông bảo các đại thần thị tòng:

– Phép làm vua là phải bảo tồn dân trước nhất, nếu hại dân để nuôi mình thì giống như cắt thịt đùi mình lèn bụng, bụng tuy no đầy nhưng người sẽ chết. Nếu muốn yên thiên hạ thì trước nhất bản thân phải có hành vi đúng đắn. Chẳng bao giờ có chuyện thân ngay mà bóng cong, trên trị vì tốt mà dưới hỗn loạn. Ta thường nghĩ, cái làm tổn thương bản thân ta không xuất phát từ vật ngoài thân, mà phần lớn là tai họa do các sở thích và ham muốn gây nên. Nếu quá yêu thích của ngon vật lạ, chìm đắm trong tửu sắc thì ham muốn nhiều ắt cũng tổn thương lớn. Điều này vừa có hại đến việc trị nước, vừa phiền nhiễu dân. Huống chi lại nói ra những điều trái đạo lý thì sẽ khiến lòng dân ly tán, oán hận sản sinh, việc phản nghịch cũng xuất hiện. Cứ nghĩ đến những điều này ta lại không dám buông thả ham muốn để theo đòi hưởng lạc.

Quan Giám nghị đại phu Ngụy Trưng đáp lời:

– Bậc minh quân thời xưa phần lớn biết tu dưỡng bản thân nên có thể trông xa thấy rộng. Xưa nước Sở tuyển dụng Chiêm Hà, hỏi ông đạo trị nước. Chiêm Hà dùng phương pháp chú trọng tu dưỡng phẩm đức bản thân để trả lời. Vua Sở lại hỏi hiệu quả trị nước ra sao? Chiêm Hà đáp: “Chưa từng nghe nói phẩm hạnh bản thân đúng đắn mà nước nhà vẫn rối ren”. Điều bệ hạ hiểu quả thực phù hợp với đạo lý cổ xưa.

Năm Trinh Quán thứ hai, Đường Thái Tông hỏi Ngụy Trưng:

– Thế nào là minh quân và hôn quân?

Ngụy Trưng đáp:

– Vua thánh minh là vì biết lắng nghe những ý kiến khác nhau; vua ngu tối là bởi chỉ biết nghe và tin lời một phía. “Kinh thi” nói: “Tiên nhân hữu ngôn, tuần vu sô nghiêu” (Người xưa có câu rằng, hãy hỏi ý kiến của kẻ cắt cỏ và đốn củi). Xưa ông Nghiêu, ông Thuấn mở rộng cửa ngõ bốn phương để thu nạp những người hiền đức trong thiên hạ; mở rộng tai mắt để hiểu tình hình các nơi, lắng nghe các ý kiến khác nhau. Vì thế minh quân không việc gì không biết, cho nên loại người như Cộng Cung, Cỗn không thể bịt mắt được minh quân; lời xu nịnh và gian kế của lũ tiểu nhân gian tà cũng không thể mê hoặc được minh quân. Tần Nhị Thế thì không như vậy, sống trong thâm cung, xa lánh triều thần, xa rời dân chúng, chỉ tin lời Triệu Cao, đến khi thiên hạ băng hoại, dân chúng phản loạn cũng không biết. Lương Võ Đế chỉ tin lời Chu Dị, trọng dụng Hầu Cảnh. Hầu Cảnh dẫn phản quân đánh kinh thành mà Lương Võ Đế vẫn không hay biết. Tùy Dạng Đế chỉ tin lời Ngu Thế Cơ, quân khởi nghĩa các lộ đánh lấy thành trì, cướp lấy hương ấp mà vẫn không hay biết. Bởi thế, vua mà biết lắng nghe rộng rãi các ý kiến khác nhau, tiếp thu kiến nghị của bề tôi thì đại thần dù quyền thế cao đến mấy cũng không thể che giấu tình hình bên dưới, bịt mắt vua, mà tiếng kêu của bá tánh ắt có thể thấu tới tai vua.

Thái Tông rất tán thành ý kiến của Ngụy Trưng.

Năm Trinh Quán thứ mười, Đường Thái Tông hỏi thị thần:

– Sự nghiệp của đế vương, gây dựng và giữ gìn, việc nào khó hơn?

Thượng thư tả bộc xạ Phòng Huyền Linh đáp:

– Khi thiên hạ đại loạn, anh hùng các lộ tranh nhau dấy binh, ai bị công phá mới chịu hàng phục, ai bị đánh bại mới chịu tuân thủ, cho

nên dựng nghiệp khó.

Ngụy Trưng đáp:

– Đế vương khởi binh ắt nắm được lúc thế đạo suy bại rồi ren, tiêu diệt những kẻ cuồng loạn, bá tánh sẽ yêu mến, người trong thiên hạ đều quy thuận; trên có trời trao mệnh, dưới có dân đi theo, cho nên dựng nghiệp không coi là khó. Nhưng khi đã lấy được thiên hạ, lại chí thú vào việc xa xỉ dâm dật. Dân chúng mong muốn được nghỉ ngơi, nhưng các loại phục dịch không dứt; bá tánh đã cùng khốn mệt mỏi, mà việc xa xỉ lại không nguôi một khắc; sự suy bại thường nảy sinh từ đây. Từ đó mà luận thì giữ gìn công nghiệp đã gây dựng được còn khó khăn hơn.

Thái Tông nói:

– Huyền Linh trước kia theo trẫm bình định thiên hạ, nếm đủ mọi gian nan khốn khổ, ra vào cõi chết, may mắn được một con đường sống nên thấy được cái gian nan của quá trình dựng nghiệp. Ngụy Trưng và trẫm cùng an định thiên hạ, lo lắng việc nảy sinh mầm mống kiêu xa dâm dật, ắt sẽ trở lại cảnh nguy vong, cho nên thấy được nỗi gian nan của việc giữ gìn cơ nghiệp. Nay cái gian nan trong dựng nghiệp đã qua đi, còn việc khó khăn là giữ gìn cơ nghiệp, trẫm phải cùng các khanh suy nghĩ cẩn thận.

Năm Trinh Quán thứ 11, Đặc tiến Ngụy Trưng dâng lên Đường Thái Tông một bản tấu chương rằng:

– Theo thần thấy, từ xưa tới nay, các bậc quân chủ nhận được Hà đồ mà đón lấy vận trời, kế thừa đại nghiệp, giữ vững lễ nhạc, bảo vệ pháp lệnh, sử dụng nhân tài, ở ngôi vua mà trị vì thiên hạ đều mong muốn đức tốt của mình sánh ngang với trời đất, sự cao minh của mình tỏa sáng cùng nhật nguyệt; gốc vững thì chống đỡ được lâu dài, truyền ngôi không bao giờ dứt. Vậy nhưng, người làm tốt đến bước cuối cùng rất ít, còn kẻ thất bại và diệt vong lại liên tiếp, nguyên nhân bởi đâu? Tìm hiểu nguyên nhân, là bởi không tuân theo quy luật. Bài học mất nước của đời trước không xa, có thể dùng để chứng minh.

Triều Tùy ngày trước thống nhất thiên hạ, quân đội lớn mạnh, trong hơn 30 năm, uy danh vang xa muôn dặm, chấn động các nước khác. Một khi vứt bỏ nó đi thì sẽ có người khác sở hữu. Vậy thì lẽ nào Tùy Dạng Đế ghét thiên hạ được thái bình, bá tánh được an ninh, mà không muốn cơ nghiệp lâu dài, cố tình thực hiện nền chính trị tàn bạo của vua Hạ Kiệt để rước lấy diệt vong cho mình hay sao? Ông ta ỷ vào sự giàu có lớn mạnh mà không nghĩ đến hậu họa. Bắt dân chúng thuận theo ham muốn xa hoa của mình, tiêu hết của cải của thiên hạ để mình hưởng lạc, gom tuyền gái đẹp trong thiên hạ, tìm kiếm vật quý ở phương xa. Cung thất sân vườn trang trí hoa lệ, lầu đài đình tạ xây dựng nguy nga, chinh phạt phục dịch không có thời hạn, dùng binh đánh trận không hề ngừng nghỉ. Bề ngoài thể hiện được sự uy nghiêm, nhưng trong lòng đầy cay độc và nghi kỵ. Kẻ nào dâng hiến cho ông ta hưởng lạc sẽ được ban phúc lộc, người trung thành chính trực lại không giữ được tính mạng. Trên dưới che giấu nhau, lễ nghĩa vua tôi trái ngược nhau, dân chúng không thể chịu nổi nền chính trị tàn bạo này, quốc thổ phân tranh. Thế nên là một hoàng đế được cả nước tôn sùng, lại chết trong tay kẻ tầm thường, con cháu bị tuyệt diệt, bị người trong thiên hạ chê cười, có thể không đau lòng sao?

Người có tài năng phi phàm thì thuận theo thời cơ, cứu nước nhà nguy vong và bá tánh trong nước sôi lửa bỏng. Nước nhà nghiêng ngả lại được uốn nắn, quy phạm đạo đức lỏng lẻo lại được chỉnh đốn, người phương xa đến triều bái, người ở gần an cư lạc nghiệp, tiêu diệt kẻ ác, cũng không cần đến trăm năm. Bây giờ cung điện lầu các, lầu đài đình tạ của triều Tùy đã bị chiếm hết; châu báu quý lạ đều bị thu giữ; mỹ nữ trong cung đều hầu hạ bên cạnh vua. Cả nước đều là bề tôi và nô bộc của vua, nên biết xem gương bài học thất bại của triều Tùy thì hãy thường xuyên nghĩ xem mình lấy được thiên hạ bằng cách nào, cho nên ngày một cẩn thận, tuy có đức tốt mà không tự thị, thiêu cháy áo quý ở Lộc Đài, đốt trụ cung điện rộng rãi ở A Phòng, nhìn thấy nhân tố nguy vong từ trên cao, nghĩ đến sự an toàn khi ở dưới thấp,

vậy thì sự tu dưỡng tinh thần của bản thân sẽ có tác dụng giáo dục thâm lặng đối với trăm họ, tư tưởng cũng ngầm tương thông với dân chúng, từ đó đạt đến tâm “vô vi nhi trị” (không làm mà trị), đó là phương pháp thượng đẳng trong việc dùng đức trị nước. Nếu không hủy hoại thứ đã tạo thành, thì vẫn giữ được diện mạo vốn có của nó, miễn trừ những việc không vội phải làm, giảm bớt rồi lại giảm bớt. Dù nhà cửa tuềnh toàng xen lẫn với cung thất hoa lệ, lan can bằng đá quý xen lẫn với bậc cấp bằng đất cũng không so đo, việc gì làm cho trăm họ vui thì khiến họ làm, đừng tiêu hao hết tinh lực của họ. Thường xuyên nghĩ rằng người ở không thoải mái an dật, còn người làm việc thì vô cùng vất vả, như thế trăm họ sẽ vui vẻ quy thuận quân vương như con chăm cha mẹ, mọi người đều dựa vào quân quốc vương mà tính tình quy về thuần phác, đó là phương pháp thứ đẳng trong việc dùng đức trị nước. Nếu quân vương có một ý nghĩ sai lầm, thì sẽ không biết cân nhắc trước sau, quên nỗi gian nan khi gây dựng nước nhà, cho rằng ý chỉ của trời cao có thể dựa dẫm được mà lơ là việc tiết kiệm trong cung thất, một mực theo đuổi sự xa hoa tráng lệ. Cứ tăng trưởng như thế, không biết dừng lại và thỏa mãn, trăm họ không nhìn thấy đức tốt của nhà vua, trái lại chỉ nghe thấy thông tin binh dịch không ngớt, đó là phương pháp trị nước hạ đẳng nhất. Biện pháp này chẳng khác nào vác củi đi đập lửa, đổ nước sôi cho ngừng sôi, dùng bạo tàn thay thế bạo tàn, dẫm vào vết xe đổ rồi ren ban đầu, hậu quả của nó thực khó lường được. Cứ như thế, nối tiền triều thì có nghiệp tích gì thể hiện? Nhà vua không thể hiện được đức hạnh sẽ khiến trăm họ oán hận, thần linh phẫn nộ, tai họa nhất định sẽ xảy ra. Tai họa một khi xảy ra thì phản loạn nhất định sẽ nổi dậy, phản loạn đã nổi dậy thì khả năng bảo toàn được tính mạng, danh dự là rất nhỏ. Sau khi thay đổi triều đại theo ý chỉ của trời, đế nghiệp sẽ hưng thịnh bảy trăm năm và để lại cho con cháu, truyền đến muôn đời. Cơ nghiệp của nước nhà khó gây dựng mà dễ mất đi, có thể không suy nghĩ nghiêm túc hay sao?



Tháng sau, Ngụy Trưng lại dâng sớ rằng:

Thần nghe nói, muốn cây xanh tốt thì phải làm cho gốc vững chãi; muốn nước sông chảy xa thì phải đào sâu đầu nguồn; muốn chính cục nước nhà yên định nhất định phải năng tích đạo đức, nhân nghĩa. Đầu nguồn không sâu mà muốn nước sông chảy xa, gốc không vững mà muốn cây xanh tốt, đạo đức, nhân nghĩa không dày mà muốn nước nhà yên định, thần tuy thấp hèn ngu muội, cũng biết đó là điều không thể, huống hồ là bậc thánh nhân sáng suốt? Đức vua gánh vác trọng trách, ở ngôi cao cả nước coi trọng, muốn tuân theo đại đức của trời, giữ mãi phúc lộc vô biên mà không biết nghĩ đến nguy hiểm khi an lạc, ra sức tránh xa xỉ mà đề xướng tiết kiệm, không tích được đức dày, lý trí không thẳng được tham dục thì chẳng khác nào chặt gốc cây mà muốn cây xanh tốt, chặn đầu nguồn mà muốn nước sông chảy xa.

Rất nhiều bậc làm vua, khi thừa mệnh trời gây dựng cơ nghiệp, không ai không suy nghĩ lo lắng, cẩn thận hành động, nhưng sau khi công thành danh toại, thì đức hạnh bắt đầu suy giảm. Lúc ban đầu người tốt quả thực rất nhiều, nhưng rất ít người giữ vững được cho đến cuối cùng, lẽ nào lấy được thiên hạ dễ mà giữ thiên hạ khó? Trước đây đoạt lấy thiên hạ thì sức mạnh có thừa, nay giữ lấy thiên hạ thì không đủ lực, đó là vì duyên cớ gì? Khi dựng nghiệp ở trong lo lắng, ắt sẽ hết lòng thành thật đối xử với kẻ dưới; một khi đắc chí, sẽ buông thả ham muốn, coi thường người khác. Khi hết lòng thành thật đối xử với người, dù những người xa lạ ở khắp nơi cũng sẽ thân mật như một nhà; khi coi khinh người khác, dù là anh em ruột thịt cũng xa lạ như kẻ qua đường. Tuy dùng hình phạt nghiêm khắc để răn đe, dùng uy phong và phần nô để đe dọa, nhưng thuộc cấp luôn ứng phó bằng cách tránh tai họa, trong lòng không hề có ý tốt; bề ngoài cung kính vâng dạ, nhưng trong lòng lại không phục. Oán hận không ở lớn nhỏ, cái đáng sợ chỉ ở lòng người bội nghịch. Nước có thể chở thuyền cũng có thể làm lật thuyền, bởi vậy cần phải hết sức cẩn thận. Dùng dây thừng

mục để đánh cái xe đang chạy, sự nguy hiểm của nó có thể coi thường được không?

Người làm vua, nếu khi nhìn thấy thứ mình thích là nghĩ đến việc biết đủ và tự cảnh giới; khi muốn xây dựng công trình lớn cần trăm họ phục dịch là nghĩ đến việc điều độ đúng mức để trăm họ được nghỉ ngơi; khi nghĩ đến địa vị cao mà nguy hiểm lớn phải biết khiêm tốn hòa nhã và tăng cường tu dưỡng bản thân; khi sợ tự mãn gặp tổn thất là nghĩ đến lòng độ lượng biển lớn chứa cả trăm sông; khi say sưa trong vui chơi, sẵn bản là nghĩ đến giới hạn các đế vương, chư hầu cổ đại một năm chỉ đi săn ba lần; khi lo lắng mình lười biếng là luôn nghĩ đến việc phải luôn cẩn thận; khi lo lắng trên dưới không thông là nghĩ đến việc phải khiêm tốn tiếp thu ý kiến của kẻ dưới; khi nghĩ đến sự nguy hại của sàm ngôn là phải cân nhắc sửa mình, đẩy lùi tà ác; khi sắp thi hành ban thưởng là nghĩ đến việc có vì cao hứng nhất thời mà thường bừa hay không; khi sắp trừng phạt là nghĩ đến việc có vì phần nộ nhất thời mà lạm dụng trừng phạt hay không; tóm lại là làm được “thập tư” (mười điều suy nghĩ), phát huy được nhiều đức tốt, tuyển được người hiền tài, chọn được ý kiến hay, thì người có trí tuệ sẽ có thể vận dụng hết mưu trí, người có dũng lực sẽ vắt hết sức mạnh, người nhân đức sẽ nỗ lực tuyên truyền lòng nhân từ, người thành thực sẽ lấy lòng trung đền ơn nước. Văn võ bá quan sẽ tranh nhau ra sức vì nước, vua tôi sẽ không còn khúc mắc, như thế sẽ có thể hưởng trọn niềm vui, có thể sống lâu như Xích Tùng Tử, Vương Kiêu, khảy ngũ huyền cầm hát bài ca “Nam phong” như Ngu Thuấn, không cần thuyết giáo mà thuần hóa được dân phong. Hà tất phải hao tổn tinh thần, trầm tư suy nghĩ, làm việc thay cho cấp dưới, nô dịch tai mắt thông minh của mình, từ bỏ biện pháp hay là “vô vi nhi trị” (không làm mà trị)?

Đường Thái Tông đích thân viết chiếu thư trả lời Ngụy Trưng:

Trẫm thấy khanh nhiều lần dâng sớ, thực là vô cùng trung thành. Lời nói của khanh rất sát thực tế, ta đọc mà quên mệt mỏi, thường đọc cho đến đêm khuya. Không phải lòng quan tâm đến nước nhà của khanh sâu đậm, trong đại nghĩa mà chỉ dẫn ta thì sao có thể viết ra sách lược hay cho trẫm đọc để bù đắp chỗ thiếu sót của trẫm? Trẫm nghe nói, Tấn Võ Đế sau khi bình định Đông Ngô đã theo đòi cuộc sống kiêu xa dâm dật, không còn lưu tâm trị nước. Thừa tướng Tấn triều Hà Tăng sau một lần bãi triều đã nói với con là Hà Thiệu: “Mỗi lần cha lên triều gặp chúa thượng, chúa thượng đều không bàn sách lược lâu dài trị nước, chỉ nói những điều bình thường, đó không phải là người có thể để giang sơn lại cho con cháu, có thể tránh được họa sát thân”. Lại chỉ vào tất cả các cháu, nói: “Lớp người này nhất định sẽ chết vì gặp thời loạn”. Đến thời cháu của Hà Tăng là Hà Tuy quả nhiên bị Đông Hải Vương Tư Mã Việt lạm dụng hình pháp giết chết. Sử sách tiền nhân viết ca ngợi Hà Tăng, cho rằng ông ta có cái sáng suốt biết nhìn trước. Trẫm thấy không phải như vậy, trẫm cho rằng Hà Tăng không trung với vua mình, có tội rất lớn. Là kẻ bề tôi, khi lên triều phải tận trung vì nước, khi bãi triều phải tu thân sửa lỗi. Vua làm điều đúng phải thuận thế trợ giúp cho thành công, vua có điều sai phải uốn nắn sửa chữa, đó là phương pháp giúp vua tôi đồng lòng trị nước. Hà Tăng làm quan đến thừa tướng, địa vị cao mà danh vọng nặng, phải nói thẳng không e dè, nghiêm khắc khuyên can, luận về đạo trị nước để phò tá thời chính. Ấy vậy mà sau khi bãi triều mới đem ra bàn tán, khi lên triều lại không nói thẳng, ca ngợi hạng người đó là bậc minh trí, chẳng phải là hoang đường sao? Nước nhà nguy cấp mà không phò trợ, sao có thể dụng hạng người đó làm thừa tướng? Ý kiến khanh tâu lên giúp trẫm biết được lỗi mình. Trẫm sẽ đặt nó lên bàn, giống như Tây Môn Báo đeo da mềm, Đổng An Vu đeo cung trên người, luôn nhắc nhở mình. Ất sẽ kịp thời bù đắp, thu được hiệu quả. Trẫm sẽ không để cho bài hát “Khang tai lương tai” chỉ thịnh hành ở thời Ngu Thuấn. Mối quan hệ như cá nước giữa vua và tôi cuối cùng đã hiện rõ ở ngày nay. Trả lời thiện ngôn của khanh tuy có chậm,

nhưng hy vọng khanh vẫn không sợ mạo phạm, nói thẳng được mất mà không che giấu. Trẫm sẽ rất mực khiêm tốn, an định tâm trí, cung kính chờ đợi thiện ngôn của khanh.

Năm Trinh Quán thứ mười lăm, Đường Thái Tông hỏi các thị thần:

– Giữ chính quyền đã giành được khó hay dễ?

Thị trung Ngụy Trưng đáp:

– Khó lắm!

Thái Tông hỏi:

– Dùng người hiền năng, tiếp thu ý kiến của bề tôi là được, sao lại nói là khó lắm?

Ngụy Trưng đáp:

– Thần thấy các bậc đế vương xưa nay, khi họ ở trong lo lắng nguy cấp thì biết dùng người hiền năng, tiếp thu ý kiến. Đến khi yên định sung sướng thì trở nên lơ lỏng lười biếng. Đối với người tâu trình sự việc, chỉ cho phép người đó nói năng rụt rè, thận trọng, cứ theo đó thì thế nước sẽ ngày một suy, cho đến nguy vong. Thánh nhân sợ dĩ biết khi sống yên ổn luôn nghĩ đến gian nguy chính là để tránh tình trạng này xảy ra. Khi sống yên ổn mà biết lo sợ, lẽ nào không phải là khó sao?

CHÍNH THỂ

Năm Trinh Quán thứ nhất, Đường Thái Tông nói với Tiêu Ngu:

– Trẫm từ nhỏ đã thích cung tên, tự cho là đã biết hết sự huyền diệu của nó. Gần đây nhận được mười cây cung tốt, đem cho thợ làm cung xem. Thợ làm cung nói: “Không phải là đồ tốt”. Trẫm hỏi nguyên do, người thợ đáp: “Lõi gỗ không thẳng khiến cho thớ gỗ lệch, cung tuy mạnh, nhưng tên bắn đi không trúng, bởi vậy không phải là cung tốt”. Khi ấy trẫm mới hiểu được đạo lý của nó. Trẫm dùng cung tên bình định thiên hạ, số cung tên đã sử dụng rất nhiều, nhưng vẫn chưa hiểu sự huyền diệu của cung; hưởng hồ thời gian ta giành được thiên hạ chưa lâu, đạo lý trị nước biết được vốn không bằng sự hiểu biết của trẫm về cung; phẩm bình về cung tên còn thiếu chính xác huống hồ là đạo trị nước?

Sau đó, Thái Tông chiếu lệnh cho các quan ở kinh thành từ ngũ phẩm trở lên luân phiên nhau ở trong Trung thư nội tỉnh, mỗi lần triệu kiến đều ban cho ghế ngồi, cùng nói chuyện, hỏi về việc bên ngoài, ắt biết được nỗi thống khổ của dân gian và được mất của việc giáo hóa.

Năm Trinh Quán thứ nhất, Đường Thái Tông nói với Hoàng môn thị lang Vương Khuê:

– Các loại chiếu sắc do Trung thư tỉnh ban ra, Môn hạ tỉnh có nhiều ý kiến khác nhau, đôi khi hai bên có sai sót gì thì có thể dùng những ý kiến khác nhau để sửa chữa. Ban đầu thiết lập Trung thư tỉnh, Môn hạ tỉnh là để tránh sai lầm cho nhau. Ý kiến của mọi người

thường khác nhau, có đúng cũng có sai, vốn là đều vì đại sự nước nhà. Nhưng cũng có người bảo vệ sở đoản của mình, không muốn nghe sai lầm của mình, bất kể lời người khác nói đúng hay sai cũng đều oán hận. Có người thì làm việc cầu thả, tránh né mâu thuẫn, chiếu cố thể diện của nhau, biết rõ là việc không chính đáng nhưng vẫn cho thi hành. Không dám làm mất sĩ diện con con của cấp trên nhưng lại tức khắc trở thành đại họa của muôn người. Đây quả thực là cách làm khiến nước nhà nguy vong, các khanh phải đặc biệt chú ý phòng ngừa. Thời nhà Tùy, mọi viên quan trong ngoài xử lý công việc đều ba phải nên rước lấy tai họa, rất nhiều người không biết suy nghĩ sâu sắc về điều này. Khi ấy ai cũng cho là tai họa sẽ không xảy đến với mình. Ngoài mặt thì vâng dạ, sau lưng thì bàn tán, không cho là cách làm ấy sẽ gây ra tai họa. Sau đó đại họa xảy ra, nước mất nhà tan, tuy có người giữ được tính mạng, nhưng cũng phải trải qua trăm nghìn gian khổ mới tránh được cái chết, bị dư luận lên án. Các khanh phải diệt trừ lòng riêng, một lòng vì việc công, giữ vững chính đạo, xử lý mọi công việc phải hỗ trợ nhau, đừng để trên dưới không đồng thuận.

Năm Trinh Quán thứ hai, Đường Thái Tông hỏi Vương Khuê:

– Vua tôi thời cận đại trị nước thường kém hơn vua tôi thời thượng cổ, nguyên nhân do đâu?

Vương Khuê đáp:

– Để vương thời thượng cổ trị nước coi trọng thanh tịnh vô vi, họ nghĩ những điều trăm họ nghĩ. Để vương thời cận đại thì chỉ muốn tổn hại lợi ích của trăm họ để thỏa mãn lòng tham của mình, các đại thần được sử dụng không còn là những người tinh thông kinh học nho thuật. Tể tướng triều Hán chẳng ai không tinh thông kinh điển, triều đình có vấn đề nghi nan, đều dẫn dụng kinh thư, sử thư để ra quyết định. Bởi vậy bá tánh hiểu chuẩn mực lễ nghĩa, nước nhà được thái bình. Thời cận đại coi trọng võ bị mà xem nhẹ nho thuật, hoặc thích

dùng pháp lệnh hình luật, chuẩn mực đạo đức bị tổn hại, dân phong thuần phác đôn hậu bị phá hoại nặng nề.

Thái Tông rất tán đồng lời Vương Khuê. Từ đó những người có học thức cao, có sở trường và biết trị nước trong bá quan phần lớn được thăng cấp.

Năm Trinh Quán thứ ba, Đường Thái Tông nói với các thị thần:

– Trung thư tỉnh, Môn hạ tỉnh đều là những bộ phận then chốt trong việc trông coi việc lớn nước nhà. Tuyển chọn người có tài đảm nhiệm công việc ở những nơi này, những việc giao cho họ vô cùng hệ trọng, mệnh lệnh hoàng đế ban ra nếu có chỗ không ổn thỏa, không tiện thi hành thì đều phải giữ vững lập trường, thẳng thắn bàn luận. Gần đây chỉ thấy a dua nịnh bợ, thuận theo cấp trên, thông qua các chiếu lệnh văn cáo sơ sài qua loa, không có một câu can gián thẳng thắn. Lẽ nào đó là điều bình thường? Nếu chỉ là ký chiếu lệnh, ban hành văn cáo thôi thì ai không làm được? Việc gì phải lao tâm khổ tứ tuyển chọn nhân tài để giao trọng trách? Từ nay về sau, ai thấy chiếu lệnh hoàng đế ban ra không ổn thỏa, không tiện thi hành đều phải kiên trì ý kiến của mình, không được rụt rè sợ sệt, biết không đúng mà vẫn im lặng.

Năm Trinh Quán thứ tư, Đường Thái Tông hỏi Tiêu Vũ:

– Tùy Văn Đế là vị vua như thế nào?

Tiêu Vũ trả lời:

– Giữ mình nghiêm cẩn, phù hợp lễ nghĩa, thành thật chăm chỉ, không sợ gian khổ ngày đêm suy nghĩ việc triều chính, mỗi lần lâm triều họp mặt quần thần đều siêng năng làm việc, có khi mặt trời lặn vẫn chưa nghỉ ngơi. Các quan trong triều từ ngũ phẩm trở lên đều

được vua triệu kiến, cho ngồi cùng đàm luận việc nước, có lúc say sưa đến quên cả giờ cơm. Tuy rằng phẩm chất không được cho là nhân từ sáng suốt, cũng là một vị vua có ý chí, có tinh thần phấn đấu muốn cai trị tốt đất nước.

Thái Tông nói:

– Khanh chỉ biết một mà không biết hai. Tùý Văn Đế là người quá ư xét nét, còn không hiểu rõ đạo lí trong việc xử sự. Không sáng suốt thì không thể tự biết lỗi lầm của bản thân, quá xét nét dễ dẫn đến đa nghi trong đối nhân xử thế. Tùý Văn Đế từng vì bức hiếp kẻ cô thế quả phụ mà đoạt được thiên hạ, cho nên ông ta thường trút giận lên đầu những người bằng mặt nhưng không bằng lòng với những hành động của ông ta, không tin tưởng văn võ bá quan. Sự việc dù lớn hay nhỏ ông ta đều muốn tự mình xử lí và đưa ra quyết định, tuy là tinh thần lao lực, thân xác rã rời cuối cùng cũng không thể xử lí mọi việc một cách hợp tình hợp lí. Các quan trong triều tuy là hiểu được suy nghĩ của ông ta, cũng không dám thẳng thắn đưa ra lời can gián. Từ tế tướng cho đến các quan chức cấp thấp chỉ biết tuân theo lệnh, làm theo chỉ thị mà thôi. Còn cách nhìn nhận của ta thì không phải như thế. Thiên hạ vô cùng rộng lớn, người trong nước nhiều đến như thế, hằng ngày xảy ra hằng hà sa số các việc không giống nhau, cho nên không thể hành xử một cách khô cứng, chuyên nhất, cần phải linh hoạt. Ta cho rằng phạm việc gì cũng nên thương nghị với văn võ bá quan, chú ý lắng nghe kế sách của tế tướng đưa ra, đối với những việc cần xử lí phải có sách lược cụ thể nếu dự đoán kết quả có thể đạt được sự ổn thỏa, tiện lợi mới tiến hành thực hiện. Thử nghĩ một người làm sao có thể suy nghĩ để đưa ra quyết định cho vô số những việc cần phải xử lí trong một ngày! Và lại một ngày phải xử lí mười việc, có năm việc mắc sai lầm, làm đúng đương nhiên là rất tốt, nếu như sai thì làm sao? Cho nên ngày tháng trôi qua, nhiều năm trôi qua, sai lầm càng chồng chất, không bị diệt vong thì còn đợi gì đây? Như thế làm sao so sánh được với người biết mở rộng việc dùng hiền tài, thân ở ngôi cao mà

không việc gì không biết, không vấn đề gì không hay, tỏ tường sự việc, pháp lệnh nghiêm minh, cứ như thế còn ai dám làm càn làm bậy? Ngoài ra còn ban lệnh xuống cho tất cả các quan, nếu như phát hiện bên dưới có điều gì không ổn, hoặc không nên thực hiện, nhất thiết phải kiên trì trình báo ý kiến lên trên, không thể chỉ làm theo lệnh mà không đắn đo, suy xét. Nhất định phải làm cho tròn bổn phận của kẻ bề tôi.

Năm Trinh Quán thứ năm, Đường Thái Tông nói với thị thần:

– Trị nước với dưỡng bệnh có gì khác nhau đâu. Người bệnh sau khi đã trị khỏi thì tăng cường nghỉ ngơi, bảo vệ thân thể, tránh không để cho bệnh tái phát, nếu vô ý khơi dậy mầm bệnh, nhất định dẫn đến tử vong. Trị nước cũng cùng một đạo lí như thế, thiên hạ có hơi được yên ổn, thái bình, thì lại càng đặc biệt gia tăng cảnh giác, thận trọng hành sự. Nếu như cho rằng thiên hạ thái bình vô sự mà kiêu ngạo say đắm tửu sắc, sa đọa dâm tà, nhất định sẽ đi đến con đường diệt vong. Hiện tại sự an nguy của thiên hạ chất trên vai ta, cho nên ta ngày càng thận trọng hơn, tuy có điều kiện hưởng lạc nhưng cũng không truy cầu. Thế nên các khanh cần phát huy hơn nữa vai trò làm tai mắt cho ta trong thiên hạ, để cho quân vương và thần tử đoàn kết thành một khối thông nhất hiệp trợ lẫn nhau, hết lòng lo nước, an dân. Còn như có những việc, những chỗ chưa được ổn thỏa, nên dốc sức khuyên can, tuyệt không được che giấu. Nếu giữa quân thần mà nghi ngờ sợ hãi lẫn nhau, không thể nói ra những lời trung lương, tâm phúc thì đó chính là mối lo lớn trong việc trị nước vậy.

Năm Trinh Quán thứ sáu, Đường Thái Tông nói với các thị thần:

– Trẫm xem những vị hoàng đế thời cổ có lúc hưng thịnh cũng có lúc suy bại, giống ngày qua đêm đến, kẻ làm vua bị che tai, bịt mắt, không biết đến sự được mất của nền chính trị đương thời. Người trung thần ngay thẳng không khuyên can, kẻ gian tà, xiểm nịnh ngày càng đắc thế, kẻ làm vua không nhìn ra được sai lầm của bản thân, cho nên dẫn đến diệt vong vậy. Ta ở trong chốn thâm cung không thể biết hết tất cả mọi việc trong thiên hạ, cho nên đem nhiệm vụ thấu hiểu dân tình giao cho các khanh, mong các khanh thay ta làm tai mắt trông coi các việc trong thiên hạ và trình báo lại với ta. Không nên cho rằng thiên hạ thái bình vô sự, bốn biển an định, thì lơ là lỏng, không lưu tâm đến. Sách “Thượng thư” có nói rằng: “Người làm vua không thể yêu thương sao? Trẫm họ không đáng sợ sao? Kẻ làm vua trong thiên hạ nếu như có đạo đức người dân sẽ ủng hộ, theo về; nếu như vô đạo người dân sẽ nổi dậy đấu tranh mà phế bỏ, điều này quả thật đáng sợ.

Ngụy Trưng đáp:

– Từ cổ đến nay, những đế vương làm mất nước, đều là do trong lúc an bình vô sự quên mất chuyện hiểm nguy, lúc thái bình no ấm không lo nghĩ đến loạn lạc nhiễu nhương, cho nên nghiệp đế không thể dài lâu cho được. Bây giờ bệ hạ có cả thiên hạ trong tay, nền chính trị trong ngoài ổn định thanh bình, nếu có thể lưu ý đến cách thức trị nước, phàm làm việc gì cũng phải cẩn trọng giống như đang đối mặt với vực sâu, hố thẳm, đạp lên lửa, đi trên băng, có như thế thì vận số của quốc gia mới được lâu dài, quốc thái dân an. Thần lại nghe có câu nói xưa thế này: “Vua là thuyền, dân là nước, nước có thể đẩy thuyền cũng có thể lật thuyền”. Bệ hạ cho rằng sức mạnh của muôn dân là rất đáng sợ, chính xác là như thế đấy.

Năm Trinh Quán thứ sáu, hoàng thượng nói với các thị thần:

– Cổ nhân có nói: “Nước nhà nguy cấp mà không gánh vác, xã tắc nghiêng ngả mà không phù trợ thì sao có thể dùng loại người này

làm phò tá?”. Đạo nghĩa vua tôi nặng, có thể không tận trung ứng cứu được sao? Trẫm từng đọc sách, khi thấy Hạ Kiệt giết Quan Long Phùng, Hán Cảnh Đế giết Tiều Thố, trẫm đều than thở. Các khanh chỉ cần thẳng thắn khuyên can, có lợi cho việc giáo hóa là trẫm quyết không vì việc phạm húy mà tùy tiện trách móc các khanh. Gần đây trẫm lâm triều xử lý chính sự, cũng có những điều không phù hợp với pháp lệnh, các khanh cho là chuyện nhỏ nên không góp ý. Mọi việc lớn đều bắt đầu từ việc nhỏ, việc nhỏ không truy cứu, việc lớn ắt không thể cứu vãn, đất nước lâm nguy đều do đó mà nên. Tùy Dạng Đế tàn bạo, khi ông ta bị kẻ tầm thường giết chết, bá tánh chẳng mấy ai thương tiếc. Các khanh nghĩ đến việc nhà Tùy diệt vong giúp trẫm, trẫm nghĩ đến việc Long Phùng, Tiều Thố bị giết như thế nào giúp các khanh, quân thần bảo toàn cho nhau, lẽ nào không phải là điều hay sao?

Năm Trinh Quán thứ bảy, Đường Thái Tông và Mật thư giám Ngụy Trưng rảnh rỗi mạn đàm về sự được mất trong trị nước xưa nay, Đường Thái Tông nói:

– Nay nước nhà đã sau thời đại loạn, trong thời gian ngắn, không thể làm cho phong tục thuần phác, thiên hạ thái bình.

Ngụy Trưng nói:

– Không phải thế, nhưng khi con người ta nguy cấp khó khăn thì sẽ lo sợ bị chết, lo sợ bị chết thì mong muốn nước nhà thái bình, mong muốn nước nhà thái bình thì dễ giáo hóa. Vậy thì sau đại loạn dễ giáo hóa, giống như kẻ đói dễ thỏa mãn với nhu cầu ăn uống vậy.

Thái Tông nói:

– Người hiền minh trị nước cũng phải đợi đến trăm năm mới có thể làm cho kẻ tàn bạo không làm việc ác, loại bỏ hình sát. Sau đại loạn thì mong muốn đạt được thiên hạ thái bình, làm sao có thể hy vọng đạt được trong thời gian ngắn?

Ngụy Trưng đáp:

– Đây là nói theo quan điểm của kẻ thường nhân, không thể áp dụng cho bậc quân chủ anh minh. Nếu bậc quân chủ anh minh thi hành giáo hóa, trên dưới đồng lòng hiệp lực thì trăm họ sẽ nhanh chóng hưởng ứng giống như tiếng vọng, dù không muốn nhanh chóng cũng có thể nhanh chóng đạt được thành công. Trong vòng một năm là có thể làm được, hẳn là không mấy khó khăn, ba năm mới đạt được thành công còn cho là quá muộn.

Thái Tông cho là đúng. Bọn Phong Đức Di nói:

– Sau ba triều Hạ, Thương, Chu, con người ta dần trở nên giáo hoạt trí trá, bởi vậy nhà Tần trị nước chuyên dùng hình pháp, nhà Hán áp dụng cả nhân nghĩa lẫn hình pháp, đều là muốn làm cho dân phong thuần chính mà chưa thực hiện được, sao có thể nói có thể làm cho dân phong thuần chính mà không muốn làm? Nếu tin lời Ngụy Trưng thì e nước sẽ gặp bại loạn.

Ngụy Trưng nói:

– Khi Ngũ Đế, Tam Hoàng trị nước, không hề thay đổi dân phong mà thực hiện được việc giáo hóa. Thực hiện đạo vô vi nhi trị (không làm gì mà trị) thì làm nên đế nghiệp, thực hiện đạo nhân nghĩa thì làm nên vương nghiệp, điều này phụ thuộc vào việc trị vì, giáo hóa của bậc quân chủ đương thời, khảo sát ghi chép trong sách vở cổ là biết được. Ngày xưa Hoàng Đế và Xi Vưu đánh nhau hơn 70 trận, khi đó vô cùng hỗn loạn, sau khi chiến thắng Xi Vưu hung tàn, Hoàng Đế tập trung vào việc giáo hóa và làm cho thiên hạ thái bình. Tộc Cửu Lê làm loạn, Chuyên Húc đem quân chinh phạt họ, sau khi chiến thắng, không hề quên việc giáo hóa. Hạ Kiệt dâm loạn bạo ngược, Thương Thang đánh đuổi và thiên hạ thái bình. Trụ vương nhà Thương vô đạo, Chu Võ Vương thảo phạt, đến thời con của Võ Vương là Chu Thành Vương cũng đạt được thái bình. Nếu nói con người ta càng ngày càng giáo hoạt trí trá, không thể làm cho thuần chính chất phác thì đến nay hẳn đã biến thành quỷ quái yêu tinh, sao có thể còn giáo hóa được?

Bọn Phong Đức Di không tìm được lời phản bác Ngụy Trưng, nhưng vẫn cho là không thể thực hiện được. Thái Tông thường tiếp thu kiến nghị của Ngụy Trưng, ra sức thi hành, không hề lười biếng, trong vòng mấy năm, cả nước trên dưới an khang hòa mục, người Đột Quyết nhiều năm gây họa bị đánh bại nên thần phục. Thế nên Thái Tông bảo quần thần:

– Năm Trinh Quán thứ nhất, các khanh đều có ý kiến khác nhau, rằng đời nay chắc chắn không thể thực hiện đế đạo, vương đạo, chỉ có Ngụy Trưng khuyên ta. Ta nghe lời Ngụy Trưng, chỉ trong vòng mấy năm đã làm cho toàn quốc an định hòa mục, ngoại tộc phương xa thần phục. Tộc Đột Quyết xưa nay thường xuyên là kinh địch của Trung Quốc, nay thủ lĩnh của bọn họ mình đeo đao kiếm, túc trực cảnh vệ trong cung cấm, mà nhân dân trong bộ tộc họ đều dùng quần áo của Trung nguyên. Giúp ta cuối cùng làm được như vậy chính là công lao của Ngụy Trưng.

Rồi quay lại bảo Ngụy Trưng:

– Ngọc dù có bản chất tốt đẹp, nhưng khi nó vẫn còn trong đá, chưa gặp được người thợ ngọc có tay nghề cao thì có khác gì gạch đá? Gặp được người thợ ngọc có tay nghề cao sẽ lập tức trở thành báu vật vô giá lưu truyền muôn đời. Trẫm tuy không có bản chất tốt đẹp như ngọc để khanh chạm trổ, nhưng nhờ khanh đem nhân nghĩa đến yêu cầu trẫm, lấy đạo đức soi sáng trẫm giúp cho công nghiệp của trẫm được như ngày nay, khanh xứng đáng được gọi là thợ ngọc có tay nghề cao siêu rồi đấy!

Năm Trinh Quán thứ chín, Đường Thái Tông bảo quần thần:

– Ngày trước, khi mới bình định được đô thành nhà Tùy, mỹ nữ và các đồ quý giá trong cung nhà Tùy đầy ắp khắp nơi mà Tùy Dạng Đế vẫn thấy không thỏa mãn, trưng thu không dứt, lại thêm đông chinh tây phạt, làm kiệt quệ binh lực, trăm họ thực không thể chịu

đựng nổi, nên dẫn đến diệt vong. Đó đều là những điều trầm tận mắt trông thấy. Bởi vậy trăm sớm tối nỗ lực không sờn, chỉ mong được thanh tịnh vô vi nhi trị, làm cho thiên hạ thái bình vô sự, cuối cùng không còn phải dấy lên binh đao, hàng năm ngũ cốc được mùa, trăm họ an cư lạc nghiệp. Trị nước giống như trồng cây, gốc có vững cành lá mới xanh tươi. Bậc quân vương làm được điều thanh tịnh vô vi nhi trị thì sao trăm họ không thể có được cuộc sống an cư lạc nghiệp?

Năm Trinh Quán thứ mười sáu, Đường Thái Tông bảo quần thần:

– Có trường hợp vua ở trên hôn loạn, bề tôi ở dưới trị vì; có trường hợp bề tôi ở dưới làm loạn, vua ở trên trị vì. Nếu so sánh hai trường hợp thì trường hợp nào nghiêm trọng hơn?

Đặc tiến Ngụy Trưng đáp:

– Nhà vua hết lòng trị nước sẽ có thể minh xét lỗi lầm của bề tôi, xử phạt một người sẽ cảnh cáo được trăm người, ai còn dám không sợ oai nghiêm mà tận lực làm việc? Nếu vua ở trên hôn ám tàn bạo, không nghe lời can gián của trung thần thì dù có các bậc tôi hiền như Bách Lý Hề, Ngũ Tử Tư ở nước Ngu, nước Ngô cũng không thể cứu được họa hoạn, nguy cơ nước mất thân vong cũng theo đó sinh ra.

Thái Tông nói:

– Nếu nhất định là như vậy thì Văn Tuyên Đế của Bắc Tề là một hôn quân tàn bạo, Dương Tôn Nhan lại dùng phương pháp đúng đắn để phò trợ ông ta trị vì tốt Bắc Tề, như thế lý giải thế nào?

Ngụy Trưng nói:

– Tôn Nhan bù đắp cho lỗi lầm của vua, cứu trị được trăm họ nên mới giúp Bắc Tề tránh được họa loạn, nhưng đôi khi ông ấy cũng rất gian nguy khốn khổ. Điều này không thể so sánh với việc vua nghiêm minh sáng suốt, bề tôi biết sợ quốc pháp và dám thẳng lời khuyên can, mọi người đều được tin dùng.

Năm Trinh Quán thứ mười chín, Đường Thái Tông bảo quần thần:

– Trẫm thấy các bậc đế vương xưa nay có vô số người vì kiêu ngạo tự mãn mà cuối cùng thất bại. Không cần nói đâu xa xôi thời cổ, gần đây Tấn Võ Đế bình định được nước Ngô, Tùy Văn Đế công diệt triều Trần, trong lòng ngày càng kiêu ngạo, sống ngày càng xa xỉ, tự cho mình tài giỏi, bề tôi không ai dám khuyên giáng, chính sự pháp độ vì thế lỏng lẻo rồi ren. Trẫm từ khi bình định Đột Quyết, đánh bại Cao Ly, lại thôn tính Thiết Lặc, đánh chiếm sa mạc, lập nên các châu huyện, các tộc xa xôi thần phục, uy danh, giáo hóa của nước nhà ngày một rộng lớn. Trẫm rất sợ tình hình này sẽ ươm mầm cho sự kiêu ngạo tự mãn trong lòng, cho nên luôn răn mình, xử lý việc nước thường bận đến khuya mới ăn cơm, lo lắng việc nước nên cũng thường thức đêm không ngủ, ngồi đợi trời sáng. Cứ nghĩ đến bề tôi có người trực ngôn khuyên can, điều gì có thể dùng được vào việc giáo hóa chính trị, trẫm đều rửa mắt cho sáng, coi những người ấy là thầy tốt bạn tốt. Làm như thế, hy vọng có thể làm cho thời cuộc khang ninh, xã tắc bình an vậy!

Khi Đường Thái Tông mới lên ngôi, gặp tai họa do sương muối đại hạn, giá lương thực tăng vọt, tộc Đột Quyết lại liên tục quấy phá biên giới, rất nhiều châu huyện rồi ren. Thái Tông một lòng lo cho trăm họ, chuyên tâm trị nước, đề cao tiết kiệm, ra sức bố thí ân đức. Khi ấy từ kinh thành đến vùng Hà Đông, Hà Nam, Lũng Thạch mất mùa rất nghiêm trọng, một súc lụa mới đổi được một đấu gạo. Trăm họ tuy đi lánh nạn khắp nơi nhưng chẳng mấy may oán thán. Đến năm Trinh Quán thứ ba, Quan Trung lương thực bội thu, trăm họ đều trở về quê cũ. Đường Thái Tông được lòng người đến mức như vậy. Lại thêm lắng nghe và tiếp thu lời khuyên can của bề tôi, yêu thích học

thuật Nho gia, tìm kiếm nhân tài trị nước không biết mệt mỏi, lựa chọn người thích hợp ra làm quan nên đã cải cách được tình hình chính trị tồi tệ trước kia, xây dựng và khôi phục chế độ pháp luật, gặp việc gì cũng cân nhắc kỹ lưỡng nhằm tránh ác theo thiện. Ban đầu, đồng đảng của Kiến Thành, Nguyên Cát có hàng trăm, thậm chí hàng nghìn kẻ cùng mưu hại Thái Tông. Sau khi sự biến được dẹp yên, Thái Tông lại bổ nhiệm một số người trong đó làm cận thần tả hữu của mình, đối xử với họ bằng tâm địa bao dung, không hề hoài nghi và xa cách, các đánh giá khi ấy đều cho rằng Thái Tông có thể quả đoán quyết định đại sự, có khí độ của bậc đế vương. Ông rất ghét hành vi tham ô bẩn thỉu của quan lại, quan lại nào nhận tiền mà hành sự trái pháp luật nhất định sẽ bị xử phạt nghiêm, tuyệt đối không xá miễn. Bất kể làm quan ở kinh thành hay ở vùng xa xôi, ai phạm tội nhận hối lộ đều phải tâu rõ rồi căn cứ tình tiết phạm tội để xử trị theo pháp luật. Vì vậy, quan lại phần lớn thanh liêm cẩn trọng. Thái Tông còn chú ý kiểm soát nhà các vương công, quý phi, những người thuộc hào tộc và những kẻ gian狡 đều sợ uy lực của quốc pháp mà ẩn giấu hành tích của họ, không dám bắt nạt áp bức nhân dân. Thương nhân lữ khách trú ở bên ngoài cũng không còn bị cướp bóc, nhà ngục thường vắng bóng người. Trâu ngựa thành đàn khắp các cánh đồng, cửa nhà cũng không cần đóng. Lại liên tiếp được mùa bội thu, mỗi đấu gạo giá chỉ ba bốn tiền, lữ khách từ kinh thành đến các nơi, từ Sơn Đông đến Đông Hải đều không cần mang theo lương khô, có thể lấy dùng dọc đường. Đi vào các thôn xóm ở Sơn Đông, khách qua đường chắc chắn sẽ được cung cấp và tiếp đón nồng hậu, có người khi ra đi còn được tặng quà. Đó là điều xưa nay chưa từng có.

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU

- QUYỂN 2 -

BỔ NHIỆM NGƯỜI HIỀN

Phòng Huyền Linh là người Lâm Tri huyện Tề, ban đầu làm quan nhà Tùy, chức huyện úy Tập Thành, sau vì bị tội mà bị cách chức, di cư đến quận Thượng. Đường Thái Tông dẫn quân tuần hành Vị Bắc, Phòng Huyền Linh chống gậy đến cửa quân doanh bá kiến, Thái Tông vừa gặp Phòng Huyền Linh thì như cố nhân lâu ngày không gặp, nên tạm bổ nhiệm ông làm Hành quân ký thất tham quân ở đạo Vị Bắc. Huyền Linh gặp được tri kỷ nên tận lực cống hiến. Khi ấy cứ bình định được một phương, người ta lại tranh nhau vơ vét của cải quý giá, Huyền Linh chỉ thu nhận nhân tài, đưa họ đến phủ, nếu có văn thần có tài hay võ tướng có võ nghệ cao cường, ông ngấm ngấm giúp đỡ họ, hẹn ước với nhau tận lực báo quốc. Sau nhiều lần thăng tiến, ông được bổ làm Tần Vương phủ ký thất kiêm Thiêm Đông đại hành đài khảo công lang trung. Huyền Linh ở Tần vương phủ làm việc mười năm, chủ quản ký thất trong thời gian dài. Ấn Thái tử Kiến Thành, Sào thích vương Nguyên Cát vì Huyền Linh và Đỗ Như Hối là thân tín của Thái Tông nên rất căm ghét ông, bởi vậy bọn họ nói xấu hai người trước mặt Cao Tổ, vì thế, ông và Đỗ Như Hối cùng bị Cao Tổ xua đuổi lánh xa. Khi Ấn Thái tử sắp làm loạn, Thái Tông bèn cho vời Huyền Linh và Như Hối, lệnh cho hai người mặc trang phục đạo sĩ, bí mật vào nơi ở của Thái Tông thương nghị. Sau khi dẹp được sự biến ở Huyền Võ Môn, Thái Tông vào Xuân Cung làm Hoàng thái tử, thăng Huyền Linh làm Thái tử tả thứ tử. Năm Trinh Quán thứ nhất, Huyền Linh lại được thăng làm Trung thư tỉnh trưởng quan. Năm Trinh Quán thứ ba, ông được bổ làm Thượng thư tỉnh tả bộc xạ, trông coi việc tu soạn quốc sử, lại được phong làm Lương quốc công, thực ấp được phong thực tế

là một nghìn ba trăm họ. Vừa được bổ làm Tế tướng tổng quản bá quan, ông lại sớm tối tận lực làm việc, không để xảy ra sơ sót trong bất kỳ chuyện gì. Nghe người khác có ưu điểm thì giống như mình cũng có. Ông hiểu rõ công việc, lại dùng văn từ tu sức, thẩm tra hoặc lập pháp lệnh, chú ý khoan hoãn bình hòa. Ông dùng người không cầu toàn trách móc, cũng không dùng sở trường của mình để đánh giá người khác, mà luôn sử dụng hoặc khen thưởng theo tài năng và công tích, không hiềm người có xuất thân thấp hèn. Năm Trinh Quán thứ mười ba, ông lại được gia phong làm Thái tử thiếu sư. Huyền Linh làm chức tế tướng 15 năm, nhiều lần dâng tấu chương lên Thái Tông xin từ chức tế tướng, Thái Tông hạ chiếu không đồng ý. Năm Trinh Quán thứ mười sáu, Huyền Linh lại được tấn phong làm Tư không, vẫn tổng quản việc triều chính, trông coi việc tu soạn quốc sử. Huyền Linh lại xin từ quan với lý do tuổi già sức yếu. Thái Tông phái sứ giả đến bảo Huyền Linh: “Nước nhà một khi đột nhiên không có tế tướng hiền lương thì giống như một người bị mất hai tay. Nếu khanh còn sức lực thì đừng từ chức, nếu tự thấy mình sức yếu thì hãy làm bản tấu khác nói rõ”. Khi ấy Huyền Linh mới thôi yêu cầu. Thái Tông còn thường xuyên nghĩ đến nỗi gian nan khi dựng đế nghiệp và công lao phò tá dựng nghiệp của Huyền Linh, bèn làm bài phú “Uy phong” để ví với mình, rồi tặng bài phú cho Phòng Huyền Linh, từ đó có thể thấy được mức độ tin tưởng mà Thái Tông dành cho Huyền Linh.

Đỗ Như Hối là người Vạn Niên – Kinh Triệu. Năm Đường Cao Tổ Võ Đức thứ tư, ông làm Binh tào tham quân ở Tần vương phủ, không lâu sau được điều đến phủ tổng quản Thiểm Châu làm Trưởng sứ. Khi ấy trong Tần vương phủ có rất nhiều nhân tài, nhưng số người bị điều đi dần tăng lên, Thái Tông rất lo lắng về tình trạng này. Ký thất Phòng Huyền Linh tâu:

– Tuy rằng đồng liêu trong phủ bị điều đi rất nhiều, nhưng phần đông không đáng tiếc. Đỗ Như Hối là người thông minh sáng suốt, thông hiểu mọi chuyện, là nhân tài phò tá đế vương. Nếu đại vương chỉ muốn giữ địa vị phiên vương, ngồi khoanh tay không làm gì thì không dùng đến ông ấy; còn nếu đại vương muốn trị vì thiên hạ, làm nên đế nghiệp thì không có người này không được.

Từ đó Thái Tông càng kính trọng Như Hối, coi ông là tâm phúc, sau đó tâu xin Cao Tổ điều Như Hối làm thuộc quan trong phủ mình, thường xuyên cho tham gia mọi việc. Khi ấy quốc chính và hành động quân sự rất nhiều, mà Như Hối phân tích sự việc, quyết đoán rất nhanh, được người đương thời khâm phục, ông được thăng quan đến Thiên sách phủ tòng sự trung lang, kiêm Văn học quán học sĩ. Ấn Thái tử Kiến Thành làm loạn thất bại, công lao của Như Hối và Huyền Linh đứng hàng đầu, do đó ông được thăng làm Thái tử hữu thứ tử. Không lâu sau, lại được thăng làm Binh bộ thượng thư, tiếp đó được thụ phong làm Thái quốc công, thực ấp được ban thực tế là một nghìn ba trăm hộ. Năm Trinh Quán thứ hai, ông làm Binh bộ thượng thư kiêm hiệu thị trung. Năm Trinh Quán thứ ba, ông được bổ làm Thượng thư tỉnh hữu bộc xạ, kiêm nhiệm Lại bộ tuyền sự, vẫn cùng Huyền Linh trông coi việc triều chính. Còn về quy mô tổ chức của bộ máy trung ương, chế độ pháp lệnh, lễ nghi v.v... đều do hai ông chế định, được người đương thời đánh giá rất cao, gọi chung hai ông là “Phòng Đỗ”.

Ngụy Trưng là người Cự Lộc, sau di cư đến Lâm Hoàng – Tương Châu. Cuối năm Đường Cao Tổ Võ Đức, ông làm quan đến Thái tử tuyền mã. Thấy Thái tông và Ấn Thái tử ngấm ngầm đấu đá, tranh nhau làm người thừa kế đế vị, ông thường khuyên ấ Thái tử Kiến Thành sớm có dự tính. Sau khi giết được Ấn Thái tử, Thái Tông triệu Ngụy Trưng vào trách ông:

– Người chia rẽ quan hệ anh em ta là lý làm sao?

Mọi người đều lo sợ cho tính mạng của Ngụy Trưng. Ngụy Trưng bình thản, đáp:

– Nếu hoàng Thái tử nghe lời ta thì nhất định không có tai họa ngày hôm nay.

Thái Tông bị xúc động bởi lời nói của ông, lấy làm kính trọng, cho ông làm Giám nghị đại phu. Thái Tông còn nhiều lần cho vời ông vào cung hỏi chuyện được mất trong trị quốc. Ngụy Trưng rất có tài trị nước, tính cách lại cương trực, không a dua, không gì có thể khiến ông lùi bước, khuất phục. Thái Tông mỗi lần nói chuyện với ông đều lấy làm thích thú. Ngụy Trưng cũng vui mừng khi gặp được đấng quân vương tri kỷ nên cống hiến hết tài năng của mình. Thái Tông còn úy lạo Ngụy Trưng:

– Những điều khanh can gián trăm, trước sau cộng cả thấy hơn hai trăm việc, đều rất hợp ý trăm, nếu không nhờ khanh trung thành vì nước thì sao được như vậy?

Năm Trinh Quán thứ ba, ông nhiều lần được thăng quan đến Bí thư giám, tham dự triều chính, ông mưu sâu lo xa, có rất nhiều kiến nghị có ích cho việc trị vì đất nước. Thái Tông từng bảo Ngụy Trưng:

– Tội của khanh còn lớn hơn Quán Trọng bản Tề Hoàn Công, trăm tin nhiệm khanh còn hơn Tề Hoàn Công tin nhiệm Quán Trọng, vua tôi ngày nay quan hệ khăng khít, lẽ nào còn có ai như trăm với khanh?

Năm Trinh Quán thứ sáu, Thái Tông đến cung Cửu Thành, khoản đãi các đại thần thân cận, Trương Tôn Vô Kỵ nói:

– Vương Khuê và Ngụy Trưng năm xưa theo hầu Ấn Thái tử, tôi gặp bọn họ như gặp kẻ thù, không ngờ hôm nay lại cùng tham gia bữa tiệc này.

Thái Tông nói:

– Ngụy Trưng trước kia quả thực là người trăm căm ghét, nhưng ông ấy tận trung với người mình thờ thì cũng có chỗ đáng khen. Trăm trọng dụng ông ấy, có chỗ nào thẹn với bậc minh quân thời xưa? Thế

mà Ngụy Trưng dám thẳng thắn can gián mà mạo phạm trẫm, thường không cho phép trẫm làm sai, bởi vậy trẫm trọng dụng ông ấy.

Ngụy Trưng vái lạy nói:

– Bệ hạ dẫn dắt thần can gián nên thần mới dám thẳng thắn can gián, nếu bệ hạ không tiếp thu ý kiến của thần thì thần nào dám mạo phạm?

Thái Tông nghe xong vui lắm, lần lượt ban thưởng cho các đại thần mỗi người mười lăm vạn tiền. Năm Trinh Quán thứ bảy, Ngụy Trưng thay Vương Khuê làm Thị trung, được gia phong làm Trinh quốc công. Không lâu sau, vì bị bệnh nên ông xin từ chức Thị trung, yêu cầu được từ quan. Thái Tông nói:

– Trẫm tuyển dụng khanh trong số những kẻ thù địch, bổ nhiệm khanh vào những chức vụ trọng yếu trông coi đại sự nước nhà, khanh thấy trẫm có sai lầm đều khuyên can. Lẽ nào khanh không thấy rằng vàng trong quặng chẳng đáng quý hay sao? Nhờ được thợ luyện cao tay mà thành đồ vật được người ta cho là quý giá. Trẫm tự ví mình như quặng vàng chưa được gia công, ví khanh như người thợ luyện cao tay nghề. Khanh tuy có bệnh, nhưng chưa già yếu, sao lại xin rút lui giữa chừng?

Thế nên Ngụy Trưng thôi xin từ quan. Sau này ông lại kiên quyết xin từ quan, Thái Tông nghe theo, miễn chức Thị trung, bổ làm Đặc tiến, vẫn chủ quản việc ở Môn hạ tỉnh.

Năm Trinh Quán thứ mười hai, do sinh hoàng tôn (cháu trai) nên Thái Tông mở tiệc thết đãi bá quan văn võ. Trong tiệc, Thái Tông vui lắm, bảo thị thần:

– Trước năm Trinh Quán, trong số những người theo trẫm bình định thiên hạ, xông pha gian lao khổ khó phải tính công lớn cho Phòng Huyền Linh, không ai sánh được. Sau năm Trinh Quán, người tận trung với trẫm, đóng góp những ý kiến chân thành chính trực, yên định nước nhà, có lợi cho trăm họ, giúp ta làm nên nghiệp lớn ngày

nay, được cả thiên hạ khen ngợi chỉ có Ngụy Trưng mà thôi. Các bậc thanh thần thời xưa sao có thể vượt qua Ngụy Trưng được?

Nói xong đích thân cởi đao mang theo người ra ban cho Phòng Huyền Linh và Ngụy Trưng. Sau đó Thái tử bị phế làm thứ nhân là Thừa Càn ở Xuân Cung, không chịu tu dưỡng đạo đức. Mà Ngụy vương Thái ngày càng nhận được nhiều ân sủng của Thái Tông, bá quan trong ngoài cung đình đều nghi hoặc bàn tán. Thái Tông nghe thấy rất ghét, bảo thị thần:

– Nay các đại thần trong triều, trung thành chính trực không ai bằng Ngụy Trưng, trẫm cử ông ấy đi dạy cho hoàng Thái tử để chấm dứt vọng tưởng của người trong thiên hạ.

Năm Trinh Quán thứ mười bảy, phong Ngụy Trưng làm Thái tử thái sư, chủ quản các việc trong Môn hạ tỉnh không thay đổi. Bản thân Ngụy Trưng dẫu ốm có bệnh, Thái Tông nói:

– Thái tử là gốc rễ của tông miếu xã tắc, phải có thầy chỉ dẫn, bởi vậy cần chọn dùng người chính trực vô tư để dạy bảo hướng dẫn Thái tử. Trẫm biết khanh mắc bệnh, có thể nằm để dạy bảo Thái tử.

Khi ấy Ngụy Trưng mới chịu làm chức Thái tử thái sư, không lâu sau lại sinh bệnh. Trong nhà của Ngụy Trưng vốn không có chính đường, Thái Tông khi ấy đang cho tu sửa miếu nhỏ, bèn bảo dừng lại chuyển vật liệu tu sửa cho Ngụy Trưng xây chính đường, năm ngày thì hoàn công. Tiếp đó Thái Tông lại phái sứ giả trong cung ban chăn vải và đệm màu trắng cho Ngụy Trưng để đáp ứng nguyện vọng sống giản dị của ông. Sau đó vài ngày, Ngụy Trưng qua đời. Thái Tông đích thân đến linh đường lớn tiếng khóc, truy tặng cho ông làm Tư không, thụy hiệu là “Văn Trinh”. Thái Tông đích thân soạn văn bia, lại đích thân chấp bút viết lên bia đá. Đặc biệt ban cho nhà Ngụy Trưng thực ấp chín trăm hộ. Sau đó Thái Tông bảo thị thần:

– Dùng đồng làm gương, có thể sửa sang mũ áo cho ngay ngắn; dùng thời cổ làm gương, có thể biết nguyên nhân thiên hạ hưng vong và triều đại thay đổi; dùng người làm gương có thể biết sự được mất

của chính mình. Trẫm thường giữ ba tấm gương này, dùng để tránh mình mắc lỗi. Nay Ngụy Trưng mất đi, coi như ta đánh mất một tấm gương.

Vì thế ông khóc rất lâu. Sau đó xuống chiếu rằng:

– Trước kia chỉ có Ngụy Trưng chỉ ra lỗi lầm của ta, từ khi ông ấy mất đi, trẫm tuy có lỗi mà không có người hiểu được chỉ ra. Lẽ nào trước kia trẫm có sai lầm mà nay toàn đúng hết cả hay sao? Nguyên nhân chẳng qua là chúng quan cầu thả thuận theo, không dám động đến vảy rồng mà thôi. Bởi thế trẫm thật lòng trưng cầu ý kiến, giải mỗi nghi hoặc trong lòng, nội tâm kiểm điểm. Nếu các khanh góp ý mà không được tiếp thu, trẫm cũng lấy làm vui mừng, nếu trẫm muốn tiếp thu mà các khanh lại không góp ý, thì đó là trách nhiệm của ai? Từ nay về sau, ai nấy phải tận trung, nếu trẫm có chỗ đúng đắn hay sai lầm cũng đều phải nói thẳng, không được che giấu.

Vương Khuê là người huyện Kỳ – Thái Nguyên. Thời Đường Cao Tổ Võ Đức, ông làm Trung doãn trong Đông cung của Ấn Thái tử, rất được Thái tử Kiến Thành kính trọng. Sau vì liên lụy việc Kiến Thành mưu tạo phản nên bị lưu đày đến Tây Châu. Sau khi Kiến Thành bị giết, Thái Tông lên ngôi hoàng đế, ông được vời làm Giám nghị đại phu. Ông hết lòng với tư cách là một bề tôi, hiến nhiều mưu kế hay. Vương Khuê từng dâng mật tấu, khuyên can thẳng thắn, Thái Tông bảo ông:

– Những điều khanh phê bình trẫm đều rất đúng với lỗi lầm của trẫm, xưa nay những kẻ làm vua không ai không muốn nước nhà thịnh trị lâu bền, nhưng không thực hiện được, chỉ vì nghe không lọt tai khi người khác chỉ trích lỗi lầm của mình, hoặc có nghe mà không sửa được. Nay ta có lỗi, khanh có thể thẳng lời khuyên can, trẫm lại biết nghe rồi sửa, còn lo gì nước nhà không bình yên?

Thái Tông từng bảo Vương Khuê:

– Nếu khanh làm gián quan mãi thì trăm sẽ không bao giờ có lỗi lầm.

Rồi đối xử với Vương Khuê ngày càng hậu.

Năm Trinh Quán thứ nhất, Vương Khuê bổ làm Hoàng môn thị lang, tham dự đại sự triều chính, kiêm nhiệm Thái tử hữu thứ tử. Năm Trinh Quán thứ hai được thăng làm Thị trung. Khi ấy Phòng Huyền Linh, Ngụy Trưng, Lý Tịch, Ôn Ngạn Bác, Đới Trụ và Vương Khuê cùng chủ trì triều chính, thường vì vậy mà được hầu tiệc. Thái Tông bảo Vương Khuê:

– Khanh có tài phân biệt thẩm tra, nhất là giỏi bàn luận, từ bọn Huyền Linh trở đi đều có thể đánh giá được, lại còn có thể tự đánh giá, vậy khanh thử so sánh xem mình hiền năng hơn ai trong số bọn họ?

Vương Khuê đáp:

– Xử lý việc nước không biết mệt mỏi, biết rằng không việc gì không làm được, thần không bằng Huyền Linh. Thường canh cánh trong lòng chuyện can gián, làm cho nhà vua hổ thẹn mình không bằng Nghiêu Thuấn, thần không bằng Ngụy Trưng. Văn tài võ lược song toàn, ra đi thì có thể dẫn quân, vào triều có thể làm tướng, thần không bằng Lý Tịch. Trình bày sự việc, chi tiết rõ ràng, truyền đạt thánh chỉ, trên cung kính dưới hòa nhã, kiên trì công bằng, thần không bằng Ôn Ngạn Bác. Xử lý sự vụ khéo léo, mọi việc đều chăm chỉ thực hiện, thần không bằng Đới Trụ. Còn về tiểu trù ô trọc, biểu dương thanh liêm, căm ghét tà ác, yêu thích thiện lương, thần hơn mấy người bọn họ một chút.

Thái Tông rất tán đồng lời ông, mọi đại thần cũng đều cho Vương Khuê đã nói đúng những điều mình nghĩ, cho rằng lời bình luận của ông là đúng đắn.

Lý Tịch là người Tam Nguyên — Kinh Triệu. Cuối năm Tùy Dạng Đế Đại Nghiệp, ông làm Mã ấp quận thừa, khi ấy Đường Cao

Tổ Lý Uyên làm Thái Nguyên lưu thú, Lý Tịnh quan sát mọi việc làm của Cao Tổ, biết rằng ông có chí lớn lấy thiên hạ. Bởi vậy ông tự mình phong tỏa giữ ấp, báo cáo triều đình tình hình Cao Tổ sắp dấy binh, đồng thời dự định đến Giang Đô tấn kiến Tùy Dạng Đế. Đến Trường An, vì đường đi bị tắc nghẽn nên dừng lại. Cao Tổ tấn công kinh thành Trường An, bắt được Lý Tịnh, định giết ông. Lý Tịnh lớn tiếng kêu lên:

– Ngài khởi nghĩa là để diệt trừ bạo loạn, không muốn làm nên đại nghiệp thống nhất thiên hạ, lại lấy ân oán cá nhân mà giết tráng sĩ sao?

Thái Tông cũng đến xin, Cao Tổ bèn tha cho ông. Trong năm Võ Đức, Lý Tịnh vì bình định Tiêu Tiến, có công lớn nên được thăng quan làm Dương Châu đại đô đốc phủ trưởng sử. Thái Tông kế vị, bổ Lý Tịnh làm Hình bộ thượng thư. Năm Trinh Quán thứ hai, Lý Tịnh làm Hình bộ thượng thư kiêm Trung thư lệnh. Năm Trinh Quán thứ ba, ông chuyển sang làm Binh bộ thượng thư, kiêm nhiệm Đại châu đạo hành quân tổng quản, tiếp đó dẫn quân tấn công thành Định Tương bị người Đột Quyết chiếm lĩnh và giành lại thành. Các bộ lạc Đột Quyết đều trốn đến sa mạc lớn về phía bắc, còn bắt được con trai Tề vương Dương Giản nhà Tùy là Dương Chính Đạo và Tiêu hoàng hậu của Tùy Dạng Đế, giải họ đến Trường An; Đột Lợi Khả Hãn của tộc Đột Quyết đến xin đầu hàng, Hiệt Lợi Khả Hãn một mình bỏ trốn. Thái Tông bảo Lý Tịnh:

– Ngày trước Lý Lăng dẫn năm nghìn bộ binh đánh nhau với quân Hung Nô, không tránh được thất bại mà đầu hàng Hung Nô, còn được ghi tên vào sử sách. Khanh chỉ dẫn ba nghìn kỵ binh, đánh sâu vào nội địa Đột Quyết, thu phục Định Tương, uy chấn các tộc phương bắc, quả thực là xưa nay chưa từng có, đủ để báo thù cho sự nhẫn nhịn ở Vị Thủy năm xưa.

Nhờ lập công lớn mà ông được tấn phong làm Đại quốc công. Thủ lĩnh Đột Quyết Hiệt Lợi Khả Hãn vô cùng sợ hãi. Năm Trinh

Quán thứ tư, rút quân về thủ ở Thiết Sơn, đồng thời phái sứ giả vào triều thỉnh tội, xin đưa cả nước theo nhà Đường. Thái Tông lại bổ Lý Tịnh làm Định Tương đạo hành quân tổng quản, đến Đột Quyết đón tiếp Hiệt Lợi Khả Hãn. Hiệt Lợi Khả Hãn tuy về ngoài xin đầu hàng, nhưng trong lòng lại có ý do dự. Thái Tông hạ chiếu phái Hồng lư khanh Đường Kiệm, Đại lý lư bộ thượng thư tướng quân An Tu Nhân đến an ủi Hiệt Lợi Khả Hãn. Lý Tịnh bảo phó tướng Trương Công Cẩn:

– Sứ giả mà triều đình phái khiến đến Đột Quyết, Hiệt Lợi Khả Hãn được an ủi nhất định sẽ buông lỏng cảnh giác, người hãy chọn ra kỵ binh tinh nhuệ, mang theo hai mươi ngày lương thực, dẫn họ từ Bạch Đạo đến tập kích Đột Quyết.

Trương Công Cẩn nói:

– Đã cho phép Hiệt Lợi Khả Hãn xin hàng, sứ thần triều đình phái đi còn ở đó thì không nên đi thảo phạt.

Lý Tịnh nói:

– Đây là cơ hội tốt để dụng binh, thời cơ không được bỏ lỡ.

Thế rồi ông thúc quân nhanh chóng tiến đến nơi ở của Hiệt Lợi Khả Hãn. Hành quân đến Âm Sơn thì gặp hơn một nghìn kỵ binh trinh sát của Hiệt Lợi Khả Hãn, bắt hết bọn họ và áp giải đến trước quân Tùy. Hiệt Lợi Khả Hãn thấy sứ giả mà Thái Tông phái đi rất vui mừng, không ngờ quan binh Đường triều đã theo sứ thần đến. Quân đội của Lý Tịnh nhân sương mù tiến lên, cách quân doanh của Hiệt Lợi Khả Hãn chỉ có bảy dặm đường, Hiệt Lợi Khả Hãn mới phát giác, ông ta hốt hoảng dẫn binh bày trận, trận thế chưa bày xong thì người ngựa của Lý Tịnh đã đến, ông ta bèn cưỡi một con ngựa trốn chạy, người ngựa của ông ta vì thế tan rã bỏ trốn. Quân Đường giết chết hơn một vạn người của Hiệt Lợi Khả Hãn, còn giết cả vợ ông ta – Nghĩa Thành công chúa của nhà Tùy, bắt hơn mười vạn nam nữ, cưỡng thổ mở rộng từ Âm Sơn đến đại sa mạc phía bắc, cuối cùng tiêu diệt được Đột Quyết. Không lâu sau lại bắt được Hiệt Lợi Khả Hãn ở bộ lạc

khác, khi ấy bộ hạ của Hiệt Lợi Khả Hãn mới đầu hàng toàn bộ. Thái Tông rất mừng, bảo thị thần:

– Trẫm nghe nói nhà vua lo lắng, bề tôi phải lấy làm hổ thẹn; nhà vua hổ thẹn, bề tôi phải tận tiết. Ngày trước khi mới mở nước, Đột Quyết hung bạo, Thái thượng hoàng vì trăm họ mà xưng thần với Hiệt Lợi Khả Hãn, sao trẫm lại không vì thế mà đau lòng, vì thế trẫm lập chí tiêu diệt Hung Nô, đứng ngồi không yên, ăn cũng không thấy ngon. Nay mới điều động được một cánh quân, đến đâu thắng đó, rửa được nỗi nhục này.

Quần thần đều hô vang vạn tuế. Không lâu sau, gia phong Lý Tịnh làm Quang Lộc đại phu, Thượng thư hữu bộc xạ, ban cho ông thực ấp năm trăm hộ. Tiếp đó lại bổ Lý Tịnh làm Tây hải đạo hành quân đại tổng quản, chinh phạt Thổ Cốc Hồn, đại phá nước này. Cải phong cho Lý Tịnh làm Vệ quốc công. Sau đó khi Lý Tịnh qua đời, Thái tông ban chiếu lệnh, cho phép xây một công trình kiến trúc cao lớn trước mộ Lý Tịnh, tượng trưng cho núi Yên Nhiên ở lãnh thổ Đột Quyết và núi Thích Thạch ở lãnh thổ Thổ Cốc Hồn, để ca ngợi công huân to lớn của Lý Tịnh.

Ngu Thế Nam là người Dư Diêu – Hội Kê. Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông cho vời ông vào triều và đãi làm thượng khách, mở quán văn học. Khi ấy những người được cho là nhân tài trong quán văn học nhiều vô cùng, nhưng mọi người đều tôn Ngu Thế Nam là bậc thầy văn học. Thái Tông bổ nhiệm ông làm Ký thất, cùng Phòng Huyền Linh trông coi công văn thư tín. Thái Tông từng lệnh cho ông soạn “Liệt nữ truyện” để trang trí bình phong, khi ấy chưa có sách “Liệt nữ truyện”, Ngu Thế Nam bèn âm thầm viết ra, không một chút sơ sót. Năm Trinh Quán thứ bảy, ông nhiều lần được thăng làm Bí thư giám. Thái Tông thường cho vời ông đến bàn luận đại sự hoặc cùng xem kinh sử vào những lúc rảnh rỗi sau khi xử lý chính sự; Ngu Thế

Nam tuy dung mạo nho nhã, cơ thể gầy yếu, như thể không chịu nổi ngay cả trọng lượng của quần áo, nhưng ông có ý chí kiên định, tính cách cứng rắn, mỗi lần bàn luận đến thành bại trong trị nước của các đế vương cổ đại ông đều gửi gắm lời can gián trong ngôn từ của mình, điều này rất có ích cho việc trị nước của Thái Tông. Sau khi Cao Tổ Lý Uyên qua đời, Thái Tông để tang vượt quá quy định của “lễ”, bi ai quá mức khiến ông trở nên gầy yếu tiều tụy, hơn nữa bỏ bê triều chính trong một thời gian dài, văn võ bá quan không biết phải làm sao. Ngu Thế Nam thường vào cung khuyên can Thái Tông, Thái Tông khen lòng trung của ông và tiếp thu lời khuyên can, do đó ngày càng gần gũi và nể trọng ông.

Thái Tông nói với thị thần:

– Lúc nhàn rỗi, trẫm thường đàm luận chuyện cổ kim cùng Ngu Thế Nam. Trẫm có một lời hay, Thế Nam thấy đều lấy làm mừng; trẫm có một lời sai, Thế Nam đều lấy làm tiếc. Ông ấy thực là trung thành nên trẫm khen ngợi ông ấy. Mọi đại thần đều được như Ngu Thế Nam thì còn lo thiên hạ không trị được hay sao?

Thái Tông từng khen Ngu Thế Nam có năm ưu điểm đáng quý nhất: một là đức hạnh tốt, hai là lòng trung chính, ba là học vấn uyên bác, bốn là văn chương hoa mỹ, năm là thư pháp xuất chúng. Sau đó khi Thế Nam qua đời, Thái Tông đã làm lễ tế ai điều trước Thiên điện, khóc rất đau lòng. Tang sự của Ngu Thế Nam, chi phí đều được cấp, truy tặng làm Lễ bộ thượng thư, thụy hiệu là Văn Ý. Thái Tông còn đích thân viết một chiếu thư cho Ngụy vương Thái, nói: “Ngu Thế Nam đối với trẫm giống như một chính thể không thể tách rời. Ông ấy trám các lỗ hổng cho quốc sự, không một ngày tạm quên, thực xứng là bậc danh thần thời đại, làm tấm gương cho mọi người. Trẫm có điều thiện nhỏ, ông ấy nhất định tán thành; trẫm có một lỗi nhỏ, ông ấy không sợ mạo phạm mà thẳng lời khuyên can. Nay ông ấy đã mất đi, không còn thấy được bóng dáng ông ấy trong Thạch Cù, Đông Quan, nỗi tiếc thương này sao có thể nói hết được bằng lời?”. Không lâu sau,

Thái Tông làm một bài thơ hồi ức đạo lý trị và loạn thời xưa, tiếp đó cảm thán muôn phần, nói:

– Chung Tử Kỳ chết đi, Du Bá Nha đập vỡ cây đàn, bài thơ này của trẫm sẽ cho ai đọc đây?

Rồi sai người mang bài thi cáo đến trước linh cữu Ngu Thế Nam, đọc xong rồi đốt bài thơ để điếu. Nỗi xót xa thương tiếc của Thái Tông đối với Ngu Thế Nam quả thực là sâu sắc. Thái Tông lại lệnh vẽ hình hai mươi bốn người trong đó có Ngu Thế Nam, Phòng Huyền Linh, Trương Tôn Vô Kỵ, Đỗ Như Hối, Lý Tịch... lên tường lăng Yên Các.

Lý Tích là người Ly Hồ – Tào Châu, ông vốn họ Từ, lúc đầu làm quan thuộc hạ của Lý Mật, chức Tả võ hầu đại tướng quân. Sau đó Lý Mật bị Vương Thế Sung đánh bại, dẫn quân theo nhà Đường, Lý Tích còn chiếm cứ mười quận trước kia thuộc đất của Lý Mật. Năm Đường Cao Tổ Võ Đức thứ hai, Lý Tích nói với Trưởng sử Quách Hiếu Khác:

– Ngụy công (Lý Mật) đã quy thuận nhà Đường, nay nhân khẩu đất đai ở đây đều thuộc sở hữu của Ngụy công. Nếu ta dâng biểu hiến cho Đại Đường thì là mưu lợi nhân khi chủ nhân thất bại, coi là công lao của mình, dùng để đổi lấy quyền quý, đó là điều ta cho là sỉ nhục. Nay nên đăng ký toàn bộ đất đai và quân đội, nhân khẩu trăm họ của châu huyện, tổng kết lại rồi báo lên Ngụy công, để mặc người tự đi dâng hiến. Làm như vậy là công lao của Ngụy công, chẳng phải rất tốt ư?

Rồi ông phái sứ giả gửi một bức thư đến Lý Mật. Sứ giả vừa đến, Cao Tổ nghe nói không có tấu chương, chỉ có một bức thư gửi cho Lý Mật thì rất lấy làm lạ. Sứ giả bèn tâu suy nghĩ của Lý Tích cho Cao Tổ hay, Cao Tổ mới lấy làm vui mừng, nói:

– Từ Tích cảm kích ân đức, nhường công lao, thực là bề tôi trung trinh chính trực.

Xong bổ nhiệm ông làm Lê Châu tổng đốc, đồng thời ban cho họ Lý, giao họ hàng thân thích của ông cho Tông Chính trông coi. Phong cho cha ông là Lý Cái làm Tế âm vương, Lý Cái kiên quyết từ chối vương vị, nên đổi thành Thư quốc công. Không lâu sau, gia phong Lý Tích làm Hữu võ hầu đại tướng quân. Sau đó, Lý Mật làm phản bị triều đình giết, Lý Tích đích thân phát tang cho Lý Mật, mặc tang phục, hoàn toàn theo nghi lễ quân thân. Đồng thời ông còn dâng một bản tấu chương, xin cho để tang Lý Mật, Cao Tổ bèn giao thi thể Lý Mật cho Lý Tích. Lý Tích bèn chế ra nghi lễ mai táng, quân đội do ông thống lĩnh đều mặc tang phục màu trắng, táng Lý Mật ở núi Lê Dương. Tang lễ kết thúc, ông cởi tang phục bảo mọi người tự quay về. Triều đình và dân gian đều cho là Lý Tích tuân thủ đạo nghĩa. Không lâu sau, Lý Tích bị Đậ Kiến Đức tấn công, ông lại một mình trốn về kinh thành. Sau đó ông theo Thái Tông chinh phạt Vương Thế Sung, Đậ Kiến Đức, bình định được bọn họ. Năm Trinh Quán thứ nhất, Lý Tích được bổ nhiệm làm Tịch Châu đô đốc, mệnh lệnh phát ra lập tức chấp hành, cấm lệnh vừa ra lập tức dừng lại, được cho là một đô đốc tận trách, người Đột Quyết rất sợ ông.

Thái Tông bảo các thị thần:

– Tùy Dạng Đế không biết tỉ mỉ tuyển chọn nhân tài hiền tướng để trấn giữ biên cương quan ải, võ về bá tánh, chỉ dựa vào nơi xa xôi để tu sửa Trường Thành, đóng thật nhiều quân để phòng ngừa người Đột Quyết, tư tưởng ông ta thật hồ đồ hết mức. Nay trẫm bổ nhiệm Lý Tích làm đô đốc ở Tịch Châu là khiến Đột Quyết sợ mà lánh xa, thành trì biên cương được bình yên, lẽ nào không hơn Trường Thành vạn dặm hay sao?

Sau đó, Tịch Châu đặt Đại đô đốc phủ, lại bổ Lý Tích làm Trường sử, gia phong là Anh quốc công. Lý Tích trấn thủ 16 năm ở Tịch Châu, lại được điều về kinh thành làm Binh bộ thượng thư, còn kiêm trông coi đại sự triều chính. Có lần Lý Tích đột ngột mắc bệnh, Nghiêm Phương nói than do râu đốt thành có thể chữa được, Thái

Tông bèn tự tay cắt râu mình cho Lý Tích làm thuốc. Lý Tích dập đầu chảy máu, khóc lóc tạ ơn. Thái Tông nói:

– Trẫm chỉ nghĩ cho nước nhà thôi, không cần phải tạ ơn.

Năm Trinh Quán thứ mười bảy, Lý Trị vào ở Xuân cung làm Thái tử, Lý Tích lại được điều làm Thái tử chiêm sự, gia phong làm Đặc tiến, vẫn tham gia trông coi đại sự triều chính. Thái Tông bày tiệc khoản đãi các đại thần, trong tiệc ông nhìn Lý Tích rồi nói:

– Trẫm dự tính phó thác Thái tử cho người khác, suy nghĩ mãi không thấy có ai thích hợp hơn Khanh. Khanh trước kia không bỏ Lý Mật, nay lẽ nào lại phụ trẫm?

Lý Tích gạt nước mắt đáp tạ và cắn ngón tay, máu tươi chảy xuống. Một lát sau, Lý Tích uống say mềm, Thái Tông cời y phục của mình đắp cho ông. Ông đã được Thái Tông tin tưởng sâu sắc. Lý Tích mỗi lần hành quân đánh trận, lên kế hoạch dụng binh, gặp địch thì linh hoạt đối phó, mọi hành động đều phù hợp với thời cơ. Từ năm Trinh Quán thứ nhất trở đi, Hiệt Lợi Khả Hãn, Tiết Diên Đà... đều bại dưới tay ông. Thái Tông từng nói:

– Hai người Lý Tịnh, Lý Tích, các danh tướng Hàn Tín, Bạch Khởi, Vệ Thanh, Hoắc Khứ Bệnh ngày xưa sao sánh bằng được?

Mã Chu là người Trang Bình – Bác Châu. Năm Trinh Quán thứ năm, ông đến kinh thành Trường An, sống trong nhà Trung lang tướng Thường Hà. Khi ấy Đường Thái Tông lệnh cho văn võ bá quan dâng sớ bàn về sự được mất trong trị nước, Mã Chu kể ra cho Thường Hà hơn hai mươi việc cần làm, Thái Tông lệnh dâng bản tấu, những việc tấu lên đều hợp ý Thái Tông. Thái Tông lấy làm lạ trước tài năng của Thường Hà, bèn hỏi Thường Hà. Thường Hà đáp:

– Đây không phải là ý kiến do thần đề ra, mà là Mã Chu, gia khách của thần.

Ngày hôm đó Thái Tông cho triệu kiến Mã Chu, trong thời gian Mã Chu chưa vào cung, Thái Tông đã bốn lần sai người đốc thúc, lúc ấy ông mới vào cung bái kiến, Thái Tông nói chuyện với ông rất lấy làm vui mừng. Sau đó, Thái Tông ra lệnh sắp xếp ông vào Môn hạ tỉnh, ban cho chức Giám sát ngự sử, rồi được thăng đến Trung thư xá nhân. Mã Chu rất cơ trí khéo léo, giỏi tấu trình, hiểu sâu sắc từng sự việc, do đó những việc ông dâng tấu đều phù hợp với thực tế. Thái Tông từng nói:

– Ta đối với Mã Chu, chỉ cần tạm thời không gặp là thấy nhớ.

Năm Trinh Quán thứ mười tám, ông được thăng làm Trung thư lệnh kiêm Thái tử tả thứ tử. Mã Chu đã kiêm nhiệm hai chức quan, xử lý công việc lại hòa nhã công chính, nên rất được người đương thời khen ngợi. Sau đó lại được bổ làm Lại bộ thượng thư, Thái Tông từng nói với bá quan:

– Mã Chu quan sát sự vật nhạy cảm nhanh chóng, phẩm tính lại rất trung thành chính trực, còn về bình luận đánh giá người khác, cũng rất công bằng thẳng thắn. Gần đây trăm bổ nhiệm người ông ấy tiến cử, đa số đều hợp ý trăm. Ông ấy đã ra sức trung thành, gần gũi quy phục trăm, quả thực là có thể nhờ ông ấy để cùng làm cho chính cục nước nhà khang ninh.

YÊU CẦU CAN GIÁN

Đường Thái Tông có vẻ ngoài uy nghi, sắc mặt nghiêm túc, bách quan vào tấn kiến đều có cử chỉ bối rối. Thái Tông biết vậy nên mỗi ngày tiếp kiến bề tôi dâng tấu sự việc, đều tỏ ra vui vẻ, hy vọng nhận được lời can gián thẳng thắn của các đại thần để biết sự được mất trong giáo hóa chính trị. Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông từng bảo các vương công đại thần:

– Người ta muốn nhìn thấy mặt mình thì phải có một tấm gương; một bậc quân vương muốn biết lỗi lầm của mình phải nhờ vào trung thần. Nếu quân vương tự cho mình hiền năng, bề tôi lại không uốn sửa mà muốn không rơi vào cảnh thất bại thì làm sao được? Bởi vậy vua mất nước, bề tôi cũng không thể bảo toàn cho cả nhà. Còn những chuyện tàn bạo dâm dật như Tùy Dạng Đế, bề tôi đều im lặng không nói, cuối cùng khiến mình không nghe thấy lỗi lầm của mình, kết quả là nước mất thân vong, bọn Ngu Thế Cơ bề tôi của ông ta không lâu sau cũng bị tru di. Việc ở triều trước không xa, các khanh sau này thấy việc gì trầm làm bất lợi cho trăm họ thì nhất định phải thẳng thắn khuyên can.

Năm Trinh Quán thứ nhất, Đường Thái Tông bảo thị thần:

– Nhà vua chính trực mà dùng bề tôi gian tà sẽ không thể giúp nước nhà thịnh trị; bề tôi trung chính thờ vua tàn ác cũng không thể giúp nước nhà thịnh trị; chỉ có nhà vua chính trực gặp bề tôi trung chính giống như cá gặp nước thì thiên hạ mới được yên định. Trầm tuy không thông minh, nhưng may nhờ có các khanh bao lần sửa đổi bổ

cứu, cho nên mong các khanh dâng tấu thẳng thắn để thiên hạ được thái bình.

Gián nghị đại phu Vương Khuê nói:

– Thần nghe nói gỗ được kẻ bằng dây mực có thể được cưa thẳng, quân vương tiếp thu can gián sẽ thánh minh. Bởi vậy các bậc minh quân thuở xưa nhất định có bề tôi thẳng thắn can gián, nếu lời can gián không được quân vương tiếp thu sẽ lấy cái chết để can. Bệ hạ khơi mở suy nghĩ thánh minh, tiếp thu ý kiến của kẻ thấp hèn, ngu thần được ở trong triều đại không có kỳ hủ, xin nguyện đem hết sức khuyến mã phò tá.

Thái Tông khen ngợi lời Vương Khuê rồi hạ lệnh từ nay về sau tế tướng vào cung bàn việc lớn nước nhà nhất định phải cho gián quan cùng theo vào cung tham dự để tìm hiểu tình hình, nếu có can gián nhất định sẽ khiêm tốn tiếp thu.

Năm Trinh Quán thứ hai, Đường Thái Tông bảo các thị thần:

– Bậc minh quân luôn nghĩ đến điểm yếu của mình cho nên càng ngày càng tốt, kẻ hôn quân che giấu điểm yếu của mình nên mãi mãi ngu muội. Tùy Dạng Đế thích khoe khoang điểm mạnh, che giấu điểm yếu của mình nên không chịu nghe lời can gián, bề tôi quả thực khó xử. Ngu Thế Cơ không dám thẳng thắn thì cũng không thể coi là tội lớn. Cơ Tử nhà Thương giả điên để bảo toàn tính mệnh, Khổng Tử cũng nói nhân. Sau đó Tùy Dạng Đế bị giết, Ngu Thế Cơ phải chết theo ông ta hay sao?

Đỗ Như Hối đáp:

– Thiên tử có bề tôi cương chính trực ngôn thì dù vô đạo cũng không đến nỗi đánh mất thiên hạ. Khổng Tử nói: “Sử Ngu là người cương trực. Đất nước có đạo, ông cũng thẳng như tên; đất nước vô đạo, ông cũng thẳng như tên”. Ngu Thế Cơ sao có thể vì Tùy Dạng Đế vô đạo, không tiếp thu can gián mà im lặng không nói? Ở địa vị trọng yếu mà sợ sệt cầu an, lại không biết tự xin thôi giữ chức thì so với việc Cơ Tử giả điên bỏ trốn, đạo lý khác hẳn. Xưa Tấn Huệ Đế, Giả Hậu

định phế bỏ Thái tử Mẫn Hoài, với tư cách là Tư không, Trương Hoa lại không ra sức can gián, mà nghe theo ý chỉ của Huệ Đế và Giả Hậu để tránh tai họa. Triệu vương Luân bèn đẩy binh phế truất Giả Hậu, phái người trách móc Trương Hoa, Trương Hoa nói: “Khi phế Thái tử, không phải là tôi giữ im lặng, mà khi ấy lời nói ra không được tiếp thu”. Sứ giả nói: “Ông ở chức Tam công, Thái tử không có tội mà bị phế truất, lời can gián lại không được tiếp thu, sao không tự từ quan về ở ẩn?”. Trương Hoa không biết đối đáp sao, sứ giả giết chết ông ta, diệt cả ba họ. Cổ nhân nói: “Nước nhà nguy cấp mà không giúp đỡ, nghiêng ngả mà không ứng cứu thì sao có thể dùng loại người này làm phò tá?”. Vì thế “quân tử đứng trước tử nạn mà khí tiết không đổi”. Trương Hoa nói lời trốn tránh trách nhiệm đã không thể bảo toàn tính mạng, tiết tháo của bậc bề tôi vốn đã mất. Ngu Thế Cơ giữ chức Thừa tướng, ở địa vị có thể nói được, vậy mà không có một lời ngay thẳng khuyên can Dạng Đế, quả thực là đáng chết.

Thái Tông nói:

– Lời khanh nói rất đúng. Bề tôi nhất định phải trung lương phò tá mới có thể giữ được an toàn cho bản thân và giúp nước nhà thái bình. Lẽ nào Tùy Dạng Đế không phải vi dưới không có trung thần, bản thân lại không thấy lỗi lầm của mình, nên tội ác chồng chất, nên họa mất nước vong thân mới giáng xuống ông ta đó sao? Nếu việc vua làm không đúng mà bề tôi lại không khuyên can giúp đỡ, một mực a dua thuận theo, việc gì cũng nói là hay thì vua đó là hôn quân, bề tôi đó là nịnh thần, vua ngu tối, bề tôi xu nịnh, nước nhà nguy vong không cần nhiều thời gian đâu. Chí hướng của ta hiện nay là làm cho vua tôi trên dưới đồng lòng, ai nấy đều công chính để giúp cho thiên hạ đại trị. Các khanh phải hết mực trung thành, thẳng thắn khuyên can, sửa chữa khuyết điểm và lỗi lầm của trẫm, trẫm nhất định sẽ không coi lời khuyên can thẳng thắn của các khanh là ngược lại ý chỉ mà nổi giận trách cứ.

Năm Trinh Quán thứ ba, Đường Thái Tông nói với Tư không Bùi Thúc:

– Gần đây có đại thần dâng sớ tấu việc, điều khoản quá nhiều, trăm đã cho dán lên tường để đi ra đi vào đều nhìn thấy và suy ngẫm. Sở dĩ chăm chỉ không biết mệt như vậy là muốn hiểu rõ tư tưởng của quần thần. Trăm mỗi lần nghĩ đến việc trị vì nước nhà, đôi khi đến canh ba mới ngủ. Cũng mong các khanh cố công suy nghĩ, đừng lười biếng, để hợp với ý trăm.

Năm Trinh Quán thứ năm, Đường Thái Tông nói với Phòng Huyền Linh:

– Xưa nay trong số các bậc đế vương có nhiều người phóng túng tính tình, hỷ nộ vô thường, vui thì tùy tiện ban thưởng cho kẻ không có công lao, giận thì giết bừa người vô tội. Vì thế nước nhà gặp tổn thất, gây nên hỗn loạn, tất cả đều bắt đầu từ đó. Nay trăm sớm tôi không lúc nào không để chuyện này trong lòng, thường hy vọng các khanh hết lòng ra sức khuyên can. Các khanh cũng phải tiếp thu lời khuyên can của người khác, sao có thể vì lời người ta không hợp ý mình mà lập tức lấp liếm sở đoản không chịu tiếp thu? Nếu mình không thể tiếp thu lời khuyên của người khác thì sao có thể khuyên can người ta?

Năm Trinh Quán thứ sáu, vì Ngự sử đại phu Vi Đình, Trung thư thị lang Đỗ Chính Luân, Bí thư thiếu giám Ngu Thế Nam, Trước tác lang Diêu Tư Liêm cùng dâng mật tấu, những việc được tấu đều hợp ý Thái Tông, nên Thái Tông cho vời bọn họ vào gặp và nói với họ:

– Trăm nhận thấy, các bề tôi xưa nay xây dựng sự nghiệp trung quân báo quốc, nếu gặp vua hiền minh thì phải hết lòng trung thành

khuyên can, còn như các bề tôi như Long Phùng, Tỳ Can đã không tránh được hình sát, còn liên lụy gây họa cho vợ con. Làm một đấng minh quân không dễ, làm một bậc bề tôi trung trực cũng rất khó. Trẫm lại nghe nói rồng có thể thuần dưỡng mà hàng phục nó, nhưng dưới cằm nó có vảy ngược, chạm vào vảy ngược sẽ chết người, quân vương cũng vậy. Mấy người các khanh không ngại chạm vảy ngược, ai nấy dâng sớ tấu việc. Thường xuyên được như vậy, trẫm sao có thể lo nước nhà nghiêng ngả? Cứ nghĩ đến tấm lòng trung quân của các khanh, trẫm không một khắc dám quên, bởi vậy cho vời các khanh đến bày tiệc cùng vui hưởng.

Tan tiệc, còn ban thưởng gấm vóc cho họ.

Thái thường khanh Vi Đình thường xuyên dâng sớ trình bày sự được mất trong việc trị nước, Đường Thái Tông viết một bức thư cho ông, rằng: “Nhận được tấu chương khanh viết, trong đó đều là những lời lẽ trung thành chính trực, ngôn từ và đạo lý đều hay, đọc xong, trẫm cảm thấy rất mừng. Nếu thời Xuân Thu nước Tề xảy ra nội loạn, Quản Di có tội bắn trúng móc áo của Tề Hoàn Công; binh dịch xảy ra ở Bồ Thành nước Tấn, Bột Đê có thù dùng kiếm chém gấu áo của Tấn Văn Công. Tuy nhiên Tề Hoàn Công không vì tội bắn móc áo mà hoài nghi Quản Trọng, Tấn Văn Công đối xử với Bột Đê vẫn như cũ, lẽ nào không phải nghĩ đến việc vua tôi cùng chí hướng đó sao? Thành ý sâu sắc của khanh có thể thấy được qua bản tấu chương. Nếu kiên trì giữ được tiết tháo này sẽ có thể giữ được danh tốt; nếu lơ là lười biếng há chẳng đáng tiếc lắm sao? Từ đầu tới cuối khuyên răn mình, để lại tấm gương cho hậu thế, nên làm cho người đời sau nhìn người đời nay cũng giống người đời nay nhìn người đời xưa, chẳng phải rất tốt hay sao? Trẫm gần đây không được nghe người ta bàn luận về lỗi lầm của mình, không nhìn thấy được khiếm khuyết của mình, hoàn toàn nhờ vào lòng trung nghĩa của khanh, nhiều lần dâng lời hay lên trẫm, tươi

nhuần tâm điền trẫm, lòng trung thành chính trực của khanh nhất thời không nói hết được.

Năm Trinh Quán thứ tám, Thái Tông bảo thị thần:

– Mỗi lần trẫm nhàn rồi tĩnh tọa, lại tự kiểm lòng mình, thường sợ việc làm của mình trên không hợp ý trời, dưới bị dân oán hận. Chỉ muốn có được người chính trực hết lòng khuyển can, hy vọng điều mình mắt thấy tai nghe tương thông với bên ngoài, làm cho trẫm họ không oán hận trong lòng mà cố kết không thông. Ngoài ra, gần đây nhìn thấy những người đến dâng tấu, phần lớn vì lòng sợ hãi mà lời nói không ra đầu cuối. Tấu việc bình thường mà tình hình còn như vậy huống hồ là muốn trực ngôn can gián, chắc chắn sẽ sợ chạm phải vảy rồng ngược. Bởi vậy dù việc tấu lên không hợp ý trẫm, trẫm cũng không cho là phạm thượng. Nếu khi ấy trẫm trách mắng, trẫm sợ người tấu việc sẽ sợ hãi, sao còn dám nói nữa?

Năm Trinh Quán thứ mười lăm, Đường Thái Tông hỏi Ngụy Trưng:

– Gần đây các đại thần trong triều đều không bàn chính sự, tại sao vậy?

Ngụy Trưng đáp:

– Bệ hạ khiêm tốn tiếp thu ý kiến của bề tôi, đáng lẽ phải có chuyện để nói. Nhưng như cổ nhân nói: “Người không tin nhiệm đến khuyển can thì bị cho là phi báng mình; người tin nhiệm không đến khuyển can thì gọi là được ăn lộc mà không tận chức”. Thế nhưng, tài năng khí độ mỗi người mỗi khác. Kẻ yếu đuối tuy có cái tâm chính trực nhưng không thể nói ra; kẻ bị vua xa lánh thì lo không được tin nhiệm nên không dám nói; kẻ trong lòng chỉ nghĩ đến bổng lộc thì chỉ

lo bất lợi cho bản thân, cho nên không dám nói. Bởi vậy người ta giữ im lặng, để trôi theo sóng, sống qua ngày.

Thái Tông nói:

– Quả như khanh nói. Trẫm thường nghĩ đến việc này, bề tôi tuy muốn can gián, nhưng lại sợ chuốc lấy họa tử vong, khác nào gần vạc thì bị nấu, chơi kiếm sắc thì bị chém. Cho nên bề tôi trung trinh không phải không muốn hết lòng trung thành, mà là rất khó xử. Bởi thế ông Vũ nghe được lời hay thì bái tạ, lẽ nào là vì nguyên cố này? Nay trẫm mở lòng, tiếp thu ý kiến can gián trực ngôn, các khanh đừng quá lo sợ, mà không dám hết lòng khuyên can.

Năm Trinh Quán thứ mười sáu, Đường Thái Tông bảo Phòng Huyền Linh:

– Người hiểu đúng bản thân mình là sáng suốt, nhưng thật khó làm được điều này. Giống như người viết văn và người thợ đều tự cho mình có tài hơn người, người khác không bì kịp. Nếu người thợ và văn sĩ nổi tiếng đánh giá so sánh nhau thì những ngôn từ để hạ thấp nhau dễ dàng xuất hiện. Như vậy, bậc quân vương phải được bề tôi phò tá, can gián chỉ ra lỗi lầm của mình. Trong một ngày, quốc sự rất nhiều mà chỉ một người giải quyết thì dù suy nghĩ cân nhắc mệt mỏi cũng đâu có thể xử lý tốt mọi việc? Trẫm thường nghĩ đến Ngụy Trưng luôn khuyên can trẫm trong bất cứ việc gì, nhiều việc nhằm đúng lỗi lầm của trẫm, giống như tấm gương sáng soi vào mình, đẹp xấu đều lộ ra hết.

Thế rồi nâng cốc, ban rượu cho bọn Phòng Huyền Linh để khích lệ họ.

Đường Thái Tông hỏi Gián nghị đại phu Chử Toại Lương:

– Ngày trước, Ngu Thuấn chế tạo đồ sơn, Đại Vũ chạm mâm cúng, khi ấy đã có mười mấy người can gián Thuấn Vũ. Những việc nhỏ nhặt như chế tạo đồ đựng trang trí, cần gì phải nhọc công khuyên can?

Chữ Toại Lương đáp:

– Chạm đồ vật sẽ làm lỡ việc đồng áng, dệt vải màu sẽ làm lỡ việc của phụ nữ, trước hết là khuyến khích lối sống xa hoa dâm dật, đó là khởi đầu của việc nước nhà nguy vong. Đồ sơn không ngừng được chế tạo, nhất định lại dùng vàng để làm. Đồ vàng không ngừng được chế tạo, nhất định sẽ dùng ngọc để làm. Bởi vậy bề tôi chính trực nhất định phải khuyên ngăn khi sự việc mới bắt đầu. Đến khi lỗi lầm đã quá nhiều thì không cần phải khuyên ngăn nữa.

Thái Tông nói:

– Khanh nói đúng. Việc trăm làm nếu có chỗ không thỏa đáng, có việc có thể mới bắt đầu, có việc e rằng đã kết thúc, bất kể trường hợp nào cũng đều phải khuyên can. Gần đây trăm xem sách sử đời trước, có bề tôi can vua, vua bèn đáp: “Đã làm xong rồi”. Hoặc giả nói: “Đã hứa rồi” mà không dừng ngay cách làm sai lầm và sửa đổi. Cứ thế thì tai họa nước nhà nguy vong sẽ đến nhanh chóng như lật bàn tay.

TIẾP THU LỜI CAN GIÁN

Năm Trinh Quán thứ nhất, Đường Thái Tông và Hoàng môn thị lang Vương Khuê nói chuyện với nhau trong bữa tiệc, khi ấy có một mỹ nhân đứng hầu bên cạnh Đường Thái Tông. Nàng vốn là ái cơ của Lữ Giang vương Lý Ái, Lý Ái làm loạn bại vong nên nàng được vào cung. Trong bữa tiệc, Thái Tông chỉ vào người đẹp và bảo Vương Khuê:

– Lữ Giang vương hoang dâm vô đạo, âm mưu sát hại chồng nàng để chiếm hữu nàng. Lý Ái tàn bạo dâm ô đến cực điểm, sao có thể không diệt vong được?

Wương Khuê vội đứng dậy nói:

– Bệ hạ cho rằng Lữ Giang vương cưỡng chiếm người đẹp này là đúng hay là không đúng?

Thái Tông đáp:

– Làm gì có chuyện giết người rồi chiếm đoạt vợ người ta? Sao khanh lại hỏi trẫm việc làm này đúng hay không, thế là thế nào?

Wương Khuê nói:

– Thần nghe nói sách “Quản tử” có chép: Tề Hoàn Công đến nước Quắc, hỏi trẫm họ ở đó: “Vì sao nước Quắc mất nước?”. Trẫm họ đáp: “Vì vua thích người lương thiện mà ghét kẻ tà ác”. Tề Hoàn Công nói: “Nếu như lời ông nói thì vua nước Quắc là một vị vua hiền minh, sao có thể mất nước?”. Trẫm họ đáp: “Không phải vậy, vua nước chúng tôi tuy thích người lương thiện nhưng lại không biết dùng họ, ghét kẻ tà ác nhưng lại không biết lánh xa chúng, bởi vậy mới mất nước”. Nay người đẹp này còn ở bên cạnh bệ hạ nên thần cho rằng bệ

hạ tán thành việc làm của Lữ Giang vương. Nếu bệ hạ cho rằng Lữ Giang vương sai thì là biết tà ác mà lại không lánh xa.

Thái Tông rất mừng, khen Vương Khuê nói đúng, rồi lập tức hạ lệnh trả người đẹp về nhà.

Năm Trinh Quán thứ tư, Thái Tông ban chiếu trưng binh dịch để tu sửa điện Càn Nguyên ở Lạc Dương dùng làm hành cung tuần hành thị sát. Cấp sự trung Trương Huyền Tố dâng sớ can gián:

“Bệ hạ thánh minh nhân trí chiếu khắp vạn vật, bao la bốn bể. Việc thi hành chiếu lệnh, ở đâu mà không tiếp nhận? Việc thiên tử muốn làm, có gì mà không thuận theo? Tiểu thần trộm nghĩ, Tần Thủy Hoàng làm vua là nhờ vào nghiệp thừa của nhà Chu, dựa vào quốc lực cường thịnh của sáu nước, dự tính lưu truyền đế nghiệp đến muôn đời, nhưng đến đời con thì nước nhà bị diệt vong, quả thực là do buông thả ham muốn, đi ngược ý trời làm hại trăm họ mà ra. Qua đó thấy rằng, thiên hạ không thể chinh phục bằng vũ lực, thần linh cũng không thể dựa vào thân cận. Chỉ có phát huy tinh thần cần kiệm, giảm thuế khóa, thận trọng hành xử mới có thể giữ mãi được sự bền vững của nền móng nước nhà.

“Nay bệ hạ thừa kế cơ nghiệp muôn đời, muốn dùng chế độ lễ nghi để tiết chế thiên hạ, bệ hạ cần lấy mình làm gương. Ngày tuần du Đông Đô còn chưa sắp xếp đã chiếu lệnh trưng binh đi xây sửa; các phiên vương hiện nhất tề dời kinh đến đất phong để nhậm chức, lại phải xây dựng cung thất. Số người bị trưng dụng nhiều, lẽ nào đây là điều mà trăm họ mong mỏi? Đây là một trong những nguyên nhân không thể trùng tu điện Càn Nguyên. Khi bệ hạ vừa bình định Đông Đô Lạc Dương, những lâu đài trùng điệp, cung điện rộng lớn đều được lệnh dỡ bỏ tiêu hủy, cả nước hiệp đồng, trăm họ cùng một lòng khâm phục kính ngưỡng bệ hạ. Làm gì có chuyện ban đầu thì ghét sự xa hoa của cung điện Lạc Dương, nay lại kế thừa cách bài trí của nó? Đây là

nguyên nhân thứ hai không thể trùng tu điện Càn Nguyên. Nhận được thánh chỉ của bệ hạ, lập tức đi thị sát, đây chính là việc chưa cấp thiết phải làm, dễ trở thành hành động gây lãng phí sức người, sức của. Nước nhà tích lũy chưa được hai năm, hà tất phải có sự phô trương của Đông Đô và Tây Đô? Lao dịch vượt quá giới hạn thì oán hận sẽ nảy sinh, đây là nguyên nhân thứ ba không thể trùng tu điện Càn Nguyên. Trăm họ sau khi bị chiến loạn lưu ly, tài lực tổn thương, con đường sống còn chưa yên định, trong vòng ba đến năm năm e rằng cũng chưa hồi phục được. Sao có thể vì xây một đô thành để tuần du mà khiến sức lực của trăm họ kiệt quệ? Đây là nguyên nhân thứ tư không thể trùng tu điện Càn Nguyên. Ngày trước Hán Cao Tổ định dựng đô ở Lạc Dương, chỉ một câu nói của Lâu Kính mà Cao Tổ tây hành ngay trong ngày hôm đó. Lẽ nào không biết Lạc Dương nằm trong quốc thổ, đường đi bằng phẳng, có điều địa hình địa lý của nó không hiểm yếu bằng Quan Nội. Bệ hạ giáo hóa trăm họ đang suy nhược mệt mỏi, cải cách phong tục đang nông cạn, thời gian vẫn còn ngắn, dân phong vẫn chưa thuần phác bình hòa, cân nhắc đến điều này, liệu có thể tuần du phương đông? Đây là nguyên nhân thứ năm không thể trùng tu điện Càn Nguyên.

“Thần từng nhìn thấy tình cảnh nhà Tùy vừa xây dựng cung Càn Nguyên, cột và xà của tòa điện đó hầu hết đều rất lớn, gỗ lớn không phải địa phương lân cận có, mà phần lớn là chuyển về từ Dự Chương. Hai nghìn người kéo một cây cột lớn, phía dưới cột có gấn bánh xe, cái bánh xe đó được đúc bằng sắt. Nếu dùng bánh gỗ thì khi di chuyển sẽ gây cháy. Tính sơ chi phí một cây cột thì số tiền cũng lên đến hàng chục vạn, tính cho chính xác thì các chi phí còn lại sẽ nhiều gấp bội. Thần nghe nói, cung A Phòng xây xong, người Tần ly tán; đài Chương Hoa xây xong, nước Sở chúng phản thân ly; điện Càn Nguyên hoàn công, trăm họ nhà Tùy tan tác. Huống hồ quốc lực hiện tại của bệ hạ sao có thể sánh bằng nhà Tùy năm đó? Sau khi kế thừa một đống hoang tàn, sai dịch trăm họ đã nếm đủ vết thương chiến tranh, hao phí

hàng ức vạn tiền tài, nổi gót tề nạn của đế vương trăm đời, từ đó thấy rằng lỗi lầm của bệ hạ còn vượt rất xa Tùy Dạng Đế. Thần rất mong bệ hạ cân nhắc những việc này, đừng để bị người Tây Nhung chê cười, ấy là điều may mắn lớn của thiên hạ vậy”.

Đường Thái Tông hỏi Trương Huyền Tố:

– Khanh cho rằng trăm không bằng Tùy Dạng Đế, thế còn so với vua Kiệt nhà Hạ, vua Trụ nhà Thương thì thế nào?

Trương Huyền Tố đáp:

– Nếu điện Càn Nguyên được trùng tu thì có thể nói kết quả chẳng khác nào Kiệt Trụ.

Thái Tông thở dài nói:

– Trăm không cân nhắc kỹ càng để cuối cùng sai lầm đến mức này.

Rồi quay lại nói với Phòng Huyền Linh:

– Nay Trương Huyền Tố dâng biểu, Lạc Dương quả thực cũng không cần tu tạo, sau này nếu có chuyện gì, phải đi tuần hành, dù có ngủ ngoài trời cũng có sao? Mọi việc xây dựng và điều phái phu dịch đều phải dừng lại. Tuy nhiên người có địa vị thấp mạo phạm người có địa vị tôn quý, xưa nay thật không dễ, không phải Huyền Tố trung thành cương trực thì sao có thể như vậy? Huống hồ lời vâng vâng dạ dạ của bao người cũng chẳng bằng lời can gián thẳng thắn của một kẻ sĩ trung thành. Có thể ban cho ông ấy năm trăm vuông lụa.

Ngụy Trưng than rằng:

– Trương công có tài xoay chuyển ý trời, có thể nói lời người nhân mang lại lợi ích to lớn xiết bao!

Thái Tông có một con tuấn mã, rất yêu thích nó, thường ngày nuôi trong cung. Một hôm con ngựa này không bệnh mà chết. Thái Tông trút giận lên cung nhân chăn ngựa, định giết anh ta. Trưởng Tôn hoàng hậu khuyên Thái Tông:

– Ngày trước Tề Cảnh Công vì ngựa chết nên định giết người, Yến Tử bèn xin liệt kê ra tội lỗi của người chăn ngựa: “Con ngựa nhà người chăn bị chết, đó là tội thứ nhất của người. Để nhà vua vì ngựa chết mà giết người, trăm họ nghe xong nhất định sẽ oán hận vua, đó là tội thứ hai của nhà người. Chư hầu hay biết tin này ắt sẽ khinh thị đất nước ta, đó là tội thứ ba của nhà người”. Tề Cảnh Công bèn miễn tội cho người chăn ngựa. Bệ hạ từng đọc được chuyện này trong sách, lẽ nào quên rồi sao?

Khi ấy Thái Tông mới nguôi cơn giận, còn nói với Phòng Huyền Linh:

– Hoàng hậu giúp đỡ ta rất nhiều việc, quả thực có ích vô cùng.

Năm Trinh Quán thứ bảy, Đường Thái Tông định tuần du cung Cửu Thành, Tán kỵ thường thị Diêu Tư Liêm khuyên can:

– Bệ hạ ở ngôi cao, yên định thiên hạ, cứu tế trăm họ, nên làm cho ham muốn của mình phục tùng trăm họ, không được để trăm họ phục tùng ham muốn của mình. Vậy thì xa hoàng cung đến nơi khác tuần du tìm vui, đó là việc làm của Tần Thủy Hoàng, Hán Võ Đế chứ không phải là việc làm của Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, Hạ Vũ, Thương Thang.

Ngôn từ rất khẩn thiết chặt chẽ. Thái Tông bảo ông:

– Trẫm có bệnh khí, thời tiết nóng thì bệnh tình lập tức nặng thêm, bởi vậy không phải trong lòng thích thú du ngoạn. Trẫm rất hài lòng về thành ý của khanh.

Vì thế ban mười lăm khúc gấm cho Diêu Tư Liêm.



Năm Trinh Quán thứ nhất, Lý Đại Lượng làm đô đốc Lương Châu, từng có một sứ giả do Trung ương quan thử phái đến vùng Lương Châu, thấy địa phương có loài chim ưng săn rất tốt, bèn báo Lý Đại Lượng dâng lên. Đại Lượng mật tấu việc này lên Đường Thái Tông:

“Bệ hạ đã lâu không đi săn, mà sứ giả đến đòi chim ưng săn. Nếu là suy nghĩ của bệ hạ thì đã vi phạm ý chỉ ngày trước; nếu là sứ giả tự chủ trương thì bệ hạ đã dùng sai người rồi”.

Thái Tông viết một phong thư cho Đại Lượng rằng:

“Vì khanh có văn tài võ lược, có chí hướng trung trinh kiên cường nên bổ nhiệm khanh làm trưởng quan vùng biên thù trọng yếu, gánh vác trọng trách như vậy. Gần đây khanh trấn thủ ở Lương Châu, uy danh nghiệp tích đã vang khắp biên thù, nghĩ đến lòng trung và tinh thần chăm lo chính sự của khanh, trẫm đi ngủ cũng không thể quên. Sứ giả đòi khanh dâng chim ưng săn, khanh không thuận theo, viện dẫn chuyện xưa để nói chuyện nay, từ nơi xa xôi dâng lời trung trực, thể hiện chân tâm của khanh, rất khẩn thiết chu đáo. Trẫm đọc xong tấu chương của khanh, mãi không tìm được lòng cảm kích. Có một bề tôi như vậy, trẫm còn có gì để lo lắng! Nên giữ vững lòng trung như vậy, từ xưa đến nay thủy chung như nhất. Kinh Thi viết: “Yên với chức vị, mến người chính trực, thần linh hay chuyện, sẽ ban phúc lành”. Cổ nhân nói, một câu nói thẳng thắn trung trực đáng giá nghìn vàng, những điều khanh nói là rất đáng quý. Nay ban cho khanh bình vàng, chén vàng mỗi thứ một cái, tuy không nặng bằng nghìn vàng, nhưng chúng đều là những đồ vật chính trẫm sử dụng. Khanh lập chí chính trực, hết lòng trung thành, hoàn toàn vì việc công, đảm nhiệm chức quan luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Nay giao cho trọng trách để tỏ lòng trọng dụng của trẫm. Lúc làm xong việc công, rảnh rỗi nên đọc nhiều điển tích cổ. Nay đồng thời ban cho khanh một bộ “Hán ký” của Tuần Thuyết, bộ sách này kể chuyện chặt chẽ, văn tự ngắn

gọn, nghị luận sâu sắc, rộng rãi, trình bày toàn diện cái gốc của việc trị nước và đạo nghĩa vua tôi. Nay ban nó cho khanh, hãy chịu khó đọc và nghiền ngẫm”.

Năm Trinh Quán thứ tám, huyện thừa huyện Thiểm là Hoàng Phủ Đức Tham dâng sớ tấu việc, khiến Đường Thái Tông nổi giận, Thái Tông cho rằng Hoàng Phủ Đức Tham phỉ báng triều đình. Thị trung Ngụy Trưng khuyên can:

– Ngày xưa, Giả Nghi dâng sớ lên Hán Văn Đế tấu việc, trong đó nói: “Có việc có thể khóc vì quân vương, cũng có việc có thể thờ dài vì quân vương”. Xưa nay dâng sớ tấu việc thường dùng ngôn từ gay gắt mà bức thiết, nếu không gay gắt bức thiết thì không thể đánh động lòng người. Gay gắt bức thiết có vẻ giống như phỉ báng, mong bệ hạ suy xét điều dâng tấu đúng hay không đúng.

Thái Tông nói:

– Ngoại trừ khanh ra không còn ai nói ra được những đạo lý này. Thế rồi ban cho Hoàng Phủ Đức Tham hai mươi súc lụa.

Giữa thời Trinh Quán, Thái Tông phái sứ thần đến Tây Vực phong lập Diệp Hộ Khả Hãn. Sứ thần vẫn chưa về, lại phái người mang theo vàng bạc lụa là, đến các nước Tây Vực mua ngựa. Ngụy Trưng khuyên can:

– Nay phái sứ thần đến Tây Vực là lấy danh nghĩa phong lập Khả Hãn, nhưng Khả Hãn chưa lập xong mà đã phái người đến các nước Tây Vực mua ngựa, nhất định họ sẽ cho bản ý là mua ngựa chứ không phải là lập Khả Hãn. Khả Hãn dù được phong lập cũng không thật biết ơn; không được lập sẽ nảy sinh oán hận sâu sắc. Các nước Tây Vực hay tin sẽ không còn tôn trọng Trung Nguyên. Chỉ cần để Đột Quyết

bình yên thì ngựa ở các nước sẽ không cần mua cũng tự tìm đến. Ngày trước vào thời Hán Văn Đế, có người dâng cho ông một con thiên lý mã, Văn Đế nói: “Khi trăm tuần hành tế lễ, một ngày đi ba mươi dặm, khi xuất binh đánh trận, một ngày đi năm mươi dặm, xe loan đi phía trước, xe phụ theo sau, mình ta cưỡi thiên lý mã thì biết đi đâu?”, thế nên thường lộ phí cho người dâng ngựa, bảo anh ta trở về. Ngoài ra, vào thời Hán Quang Võ Đế, có người dâng cho ông thiên lý mã và bảo kiếm, Quang Võ Đế dùng thiên lý mã kéo xe chở trống, ban bảo kiếm cho kỵ sĩ. Nay mọi việc làm của bộ hạ đều vượt qua Vũ, Thang và Chu Văn Vương, sao đến nay lại muốn ở dưới Hán Văn Đế và Quang Võ Đế? Ngoài ra, Ngụy Văn Đế tìm mua châu báu Tây Vực, Tô Tắc nói: “Nếu ân trách của bộ hạ ban khắp thiên hạ thì không cần tìm mua, châu báu cũng tự tìm đến, tìm mua mới có được nó thì không còn quý giá nữa”, bộ hạ dù không ngưỡng mộ đức hạnh cao trọng của Hán Văn Đế, nhưng có thể không sợ lời nói của Tô Tắc không?

Thái Tông vui vẻ dừng việc mua ngựa.

Năm Trinh Quán thứ mười bảy, Thái tử hữu thứ tử Cao Quý Phụ dâng một bản tấu chương, trình bày sự được mất trong trị nước, Đường Thái Tông ban cho ông một liều thuốc chung nhũ và bảo:

– Những lời khản tấu là những lời hay nhắm vào tệ nạn đương thời nên dùng thuốc để báo đáp.

Năm Trinh Quán thứ mười tám, Thái Tông nói với bọn Trưởng Tôn Vô Kỵ:

– Bề tôi đối với đế vương phần lớn là thuận theo ý chỉ chứ không dám nghịch, dùng lời đường mật để được lòng đế vương. Nay trăm

đưa ra vấn đề, các khanh không được có bất kỳ kỳ hựu, phải nói ra lỗi lầm của trẫm theo thứ tự.

Bọn Trường Tôn Vô Kỵ, Đường Kiệt đều nói:

– Bệ hạ thánh minh giáo hóa, làm cho thiên hạ được thái bình, theo chúng thần nhận thấy thì không có lỗi lầm gì.

Hoàng môn thị lang Lưu Ký đáp:

– Bệ hạ dẹp loạn dựng nghiệp, quả thực là công lớn muôn đời, đúng như Trường Tôn Vô Kỵ và các đại thần khác nói. Nhưng cách đây không lâu có người dâng sớ tấu việc, ngôn từ đạo lý không hợp ý bệ hạ, bệ hạ truy vấn trách mắng tại chỗ khiến người tấu việc không ai không xấu hổ mà lui xuống. E rằng đó không phải là biện pháp khích lệ dâng lời trung.

Thái Tông nói:

– Đúng thế, trẫm nhất định tiếp thu ý kiến của khanh và sửa đổi.

Đường Thái Tông từng nổi giận với Viện giám Mục Dự, hạ lệnh giết ông ta ngay tại triều đường, khi ấy Cao Tông Lý Trị là Hoàng Thái tử, vội mạo phạm cơn thịnh nộ của Thái Tông mà đưa lời khuyên can, cơn giận của Thái Tông mới nguôi. Tư đồ Trường Tôn Vô Kỵ nói:

– Xưa nay lời khuyên can của Hoàng Thái tử luôn là từ từ nói ra lúc rảnh rỗi. Nay bệ hạ đang nổi giận, Thái tử lại dám mạo phạm thánh nhan bày tỏ ý kiến, thực là chuyện xưa nay chưa từng có.

Thái Tông nói:

– Con người sống với nhau lâu dài tự nhiên sẽ nhiễm tập tính của nhau. Từ khi trẫm thống trị thiên hạ đến nay, khiêm tốn tiếp thu lời chính trực, nên có Ngụy Trưng sớm tối đưa lời can gián. Từ khi Ngụy Trưng qua đời, bọn Lưu Ký, Sần Văn Bản, Mã Chu, Chủ Toại Lương lại kế tục Ngụy Trưng không ngừng can gián. Hoàng Thái tử từ nhỏ ở

bên mình trẫm, thường gặp những người thích can gián nên nuôi dưỡng được tập tính tốt, bởi vậy mới có lời khuyên can ngày hôm nay.

THẮNG THẮN KHUYÊN CÁN

Năm Trinh Quán thứ hai, con gái Thông sự xá nhân Trịnh Nhân Cơ nhà Tùy tuổi vừa đôi tám, là một tuyệt thế giai nhân, dung mạo xinh đẹp không ai sánh bằng. Văn Đức hoàng hậu tìm đến, thỉnh cầu cho giữ lại hậu cung làm quý phi, Thái Tông tuyển nàng và phong làm Sung hoa. Chiếu thư đã ban đi, nhưng sứ giả sách phong vẫn chưa xuất phát. Ngụy Trưng nghe nói người con gái này đã được hứa gả cho nhà họ Lục, bèn vội vào cung gặp Thái Tông nói:

– Bệ hạ là cha mẹ trăm họ, nên lo cái lo của trăm họ, vui cái vui của trăm họ. Xưa nay bậc đế vương có đức coi tâm nguyện của trăm họ là tâm nguyện của mình, cho nên đế vương sống trong lâu đài đình tạ thì nghĩ đến trăm họ phải có nhà ở yên thân; đế vương ăn sơn hào hải vị thì nghĩ đến trăm họ không có nỗi lo đói rét; khi tuyển chọn quý phi thì nghĩ đến trăm họ cũng có niềm vui lấy vợ thành gia. Đó là cái đạo thường tình của bậc đế vương. Nay con gái họ Trịnh trước kia đã được hứa gả cho người khác, khi bệ hạ tuyển nàng mà không hoài nghi, cũng không hề hỏi han, việc này truyền khắp cả nước, lẽ nào là đạo nghĩa cần có của bậc đế vương với tư cách là cha mẹ trăm họ sao? Điều thần nghe nói tuy không phải mười phần chính xác, nhưng rất e nó sẽ tổn hại đến mỹ đức của thánh thượng, sự tình không dám giấu. Nhất cử nhất động của quân vương đều nhất định phải được ghi lại, điều thần mong mỏi là bệ hạ đặc biệt lưu tâm cân nhắc.

Thái Tông nghe Ngụy Trưng nói xong vô cùng kinh ngạc, đích thân viết chiếu thư trả lời ông, tự trách mình sâu sắc và dừng phái sứ giả đi sách phong, hạ lệnh đưa con gái họ Trịnh trả về cho chồng cũ

của nàng. Tả bộc xạ Phòng Huyền Linh, Trung thư lệnh Ôn Ngạn Bác, Lễ bộ thượng thư Vương Khuê, Ngự sử đại phu Vi Đình nói:

– Con gái họ Trịnh hứa gả cho nhà họ Lục, không có chứng cứ xác đáng, nghi lễ long trọng đã cử hành, không thể dừng lại nữa chừng.

Ngoài ra, nhà họ Lục cũng dâng biểu tấu:

– Phụ thân của thần là Lục Khang khi còn sống có qua lại với nhà họ Trịnh, đôi khi có tặng nhau của cải, nhưng không hề giao ước chuyện hôn nhân làm thân thích.

Còn nói:

– Người ngoài không biết tình hình thực tế nên thêu dệt ra chuyện này.

Các đại thần lại khuyên Thái Tông lấy con gái họ Trịnh. Bởi vậy Thái Tông rất hồ nghi, bèn hỏi Ngụy Trưng:

– Quần thần có thể thuận theo ý chỉ, nhưng sao họ Lục lại biện giải quá mức như thế?

Ngụy Trưng đáp:

– Theo thần nghĩ, có thể biết được bản ý của họ Lục, hẳn đánh đồng bộ hạ với Thái thượng hoàng.

Thái Tông hỏi:

– Tại sao?

Ngụy Trưng đáp:

– Lúc Thái thượng hoàng bình định kinh thành, được vợ của Tân Xứ Kiệm nên bí mật sủng ái. Tân Xứ Kiệm khi ấy là Thái tử xá nhân, Thái thượng hoàng hay được chuyện này nên rất không vui, bèn hạ lệnh điều Tân Xứ Kiệm ra khỏi Đông cung đến làm huyện lệnh Vạn Niên. Tân Xứ Kiệm lo sợ sẽ không giữ được cái đầu. Lục Sảng cho rằng bộ hạ nay tuy khoan dung cho hắn, nhưng hắn lo sau này sẽ ngầm khiển trách biếm quan nên nằng nặc tự biện bạch, bản ý là như vậy, không có gì là lạ.

Thái Tông cười nói:

– Suy nghĩ của người ngoài có lẽ là như vậy. Tuy nhiên lời trăm nói chưa thể khiến người ta nhất định tin vào.

Rồi ban chiếu thư rằng:

“Nay nghe nói con gái họ Trịnh trước kia đã nhận sính lễ của người khác, trước đây khi ban chiếu thư, không thẩm tra kỹ việc này, đó là lỗi của trăm, cũng là lỗi của quan thử. Chiếu sách tuyển Sung hoa phải ngưng thực hiện.

Mọi người khi ấy không ai không ca ngợi.

Năm Trinh Quán thứ ba, Đường Thái Tông xuống chiếu: Quan Trung miễn trừ hai năm tô thuế, Quan Đông miễn trừ một năm tô thuế sai dịch.

Không lâu sau lại có văn thư rằng: Số tráng đinh điều đi phục dịch vẫn phải đi phục dịch, số tô thuế đã nộp vẫn dâng nạp cho xong, sang năm sẽ tính lại làm căn cứ chiết toán.

Cấp sự trung Ngụy Trưng dâng sớ nói:

– Thần đọc thấy chiếu thư ngày 9 tháng 8, cả nước đều được miễn trừ tô thuế phục dịch một năm, già trẻ ai nấy đều hân hoan ca hát nhảy múa. Nay lại nghe có văn thư rằng, nam giới thành niên ai đã bị điều đi phục dịch thì vẫn để họ đi phục dịch hết hạn rồi chiết toán tô thuế, các vật tư còn lại cũng phải giao nộp hết, đợi đến sang năm tính lại làm căn cứ chiết toán. Trong trăm họ có người cảm thấy thất vọng. Cách làm này quả thực xem trăm họ như nhau, giống như con trai mình. Nhưng kẻ ngu muội rất khó thương lượng sự việc với họ ngay từ đầu, họ đều cho là nhà nước hối tiếc lời đã nói, thay đổi thất thường. Thần trộm nghe có lời nói thế này, trời xanh phù hộ cho người nhân từ, trăm họ giúp đỡ những người tín nghĩa. Nay bệ hạ vừa kế tục ngôi vua, ức vạn dân đều đang mong chờ đức hạnh của bệ hạ. Nếu vừa

ban ra thánh chỉ trang trọng mà đã có thay đổi thì sẽ khiến cả nước trên dưới sinh lòng nghi, cho là bệ hạ không giữ tín nghĩa, giống như xuân hạ thu đông mất trật tự. Dù nước nhà có nguy nan cần phải ứng cứu cũng nhất định không thể làm như vậy, huống hồ là dựa vào cục diện vững tựa Thái Sơn. Người nghĩ ra biện pháp này cho bệ hạ tuy có một vài lợi ích, nhưng lại tổn thất rất lớn về đức nghĩa. Thần tuy trí tuệ nông cạn, tài học khiếm khuyết, nhưng trộm lấy làm tiếc cho bệ hạ. Mong rằng bệ hạ xem qua tấu chương của thần, lựa chọn những việc có ích để làm. Tội mạo muội dâng sớ, thần xin cam tâm chịu nhận.

Bọn Giản Điểm Sứ, Hữu bộc xạ Phong Đức Di đều muốn sung hết những người con trai thứ tuổi từ mười tám trở lên vào quân. Văn thư ban ra ba bốn lần, Ngụy Trưng đều cố chấp dâng tấu, cho rằng không thể làm như vậy. Phong Đức Di lại một lần nữa dâng tấu nói:

– Nay nghe Giản Điểm Sứ nói: “Những người con trai thứ phần lớn là những người tráng kiện”.

Đường Thái Tông cả giận, ban chiếu lệnh:

– Con trai thứ trở lên, tuy có kẻ chưa đủ mười tám tuổi, như ai có sức khỏe tốt, thân thể cao lớn đều sung quân.

Ngụy Trưng lại không phục tùng, không chịu ký văn thư. Thái Tông bèn cho triệu Ngụy Trưng và Vương Khuê vào gặp, bức bối nói:

– Trong số con trai thứ nếu thật sự có kẻ thấp bé thì tất nhiên không sung quân, nhưng nếu thân hình cao lớn thì cũng có thể sung quân. Điều này có trở ngại gì với khanh? Cố chấp như vậy, trẫm không hiểu ý khanh.

Ngụy Trưng nghiêm túc đáp:

– Thần nghe nói, tát cạn nước ao bắt cá, không phải không bắt được cá, mà là sang năm không còn cá để bắt nữa; đốt hết cây rừng để săn thú, không phải không săn được dã thú, mà là sang năm không còn dã thú nữa. Nếu đem con trai thứ sung quân hết thì tô ruộng và thuế khóa cùng các thứ phục dịch lấy nguồn đâu cung cấp? Huống hồ, gần đây cảnh vệ binh sĩ của nhà nước không thể tấn công tác chiến, lẽ nào

là vì số người ít ư? Chỉ là bởi mất đi đãi ngộ đáng có đối với họ nên binh sĩ không còn tâm tư chiến đấu. Nếu sung quân nhiều người mà vẫn đi làm tạp sự thì nhân số tuy nhiều nhưng rốt cuộc cũng chẳng ích gì. Nếu cẩn thận tuyển chọn đàn ông thành niên tráng kiện, đối xử với họ bằng lễ thì ai cũng sẽ đều dũng cảm trăm lần, cần gì phải nhiều người? Bệ hạ thường nói, bệ hạ làm vua, lấy thành khẩn tín nghĩa đãi người, muốn làm cho quan lại, trăm họ đều không có lòng gian trá giả dối. Từ khi bệ hạ lên ngôi đến nay, việc lớn mới xử lý được dăm ba việc, toàn là những việc bất chấp tín nghĩa, vậy thì lấy gì để lấy lòng tin của trăm họ?

Thái Tông kinh ngạc hỏi:

– Việc không giữ tín nghĩa mà khanh nói là những việc gì?

Ngụy Trưng đáp:

– Bệ hạ vừa lên ngôi hoàng đế, đã ban chiếu thư rằng: “Tô ruộng còn thiếu, nợ nần từ lâu và vật tư nhà quan còn nợ đều được miễn trừ”. Rồi lệnh cho bộ phận chủ quản liệt nó vào điều khoản trị sự. Tần vương phủ là công sở nhà nước, cũng không coi là vật tư nhà quan, bệ hạ từ Tần vương lên làm thiên tử, Tần vương phủ không coi là vật tư nhà quan thì những thứ còn lại còn có cái gì có thể coi là vật tư nhà quan? Ngoài ra, Quan Trung miễn hai năm tô thuế, Quan Ngoại miễn một năm tô thuế và phục dịch, trăm họ được hưởng ơn vua, không ai không hân hoan mừng rỡ. Kết quả lại có văn thư nói: “Số tráng đinh trưng tập tạm thời năm nay phần nhiều đã mãn thời gian phục dịch, nếu bắt đầu miễn trừ phục dịch tô thuế từ bây giờ thì đều là nhận không ơn nước. Số tô thuế đã nộp vẫn phải giao nộp lên hết, những thứ được miễn trừ bắt đầu từ sang năm”. Biện pháp tráng đinh đi phục dịch hồi hương xong mới thay đổi trưng thu tô thuế, trong lòng trăm họ không thể không có oán trách. Đã trưng thu vật tư, lại lập tức trưng binh nhập ngũ, coi năm thứ hai là năm bắt đầu miễn tô thuế phục dịch, vậy thì lấy cái gì để lấy lòng tin của dân? Còn nữa, những người cùng tham gia trị nước là các quan địa phương như thứ sử, huyện lệnh, bình

thường thu tô thuế đều ủy thác cho họ, đến khi tuyển chọn tráng đinh lại hoài nghi họ có hành vi gian trá. Thế thì muốn thuộc cấp thành khẩn giữ tín nghĩa chẳng phải cũng rất khó hay sao?

Thái Tông nói:

– Trẫm thấy khanh cố chấp, hoài nghi rằng khanh không hiểu những chuyện này. Nay khanh nói triều đình không giữ tín nghĩa, không hiểu tình hình dân gian, trẫm không suy xét cẩn trọng, lỗi lầm cũng thật lớn. Xử lý sự việc thường sai lầm thất sách như vậy sao có thể giúp nước nhà đại trị?

Rồi cho dừng việc sung con trai thứ nhập ngũ, ban thưởng cho Ngụy Trưng một học vàng và Vương Khuê năm mươi súc lụa.

Năm Trinh Quán thứ năm, Trị thư thị ngự sử Quyền Vạn Kỳ, Thị ngự sử Lý Nhân Phát đều vì cáo giác công kích vu hại người khác nên nhiều lần Thái Tông cho gọi vào gặp. Thế nên bọn họ tùy tiện chỉ trích, lừa dối che giấu, khiến Thái Tông thịnh nộ, triều thần không được yên ổn. Người ngoài biết rõ là không đúng nhưng không ai có thể tranh luận với Thái Tông. Cấp sự trung Ngụy Trưng nghiêm túc khởi tấu Thái Tông:

– Quyền Vạn Kỳ, Lý Nhân Phát đều là bọn tiểu nhân, không biết đại cục, coi vu hãm người khác là điều đúng đắn, coi cáo giác công kích người khác là chính trực, những người bị bọn họ chỉ trích chẳng ai có tội lỗi. Bệ hạ che đậy khuyết điểm của hai người này, nghe mọi lời xấu của bọn họ, bọn họ sẽ càng rõ thi hành gian kế, xu nịnh quân chủ, ức hiếp quần thần, hành sự phần lớn đi ngược lẽ phép, qua đó ăn cắp cái mỹ danh cương cường chính trực. Bọn họ vu oan cho Phòng Huyền Linh, giá họa cho Trương Lượng, hoàn toàn không có tác dụng chinh đốn khích lệ, làm hại đến sự thánh minh của bệ hạ. Dân chúng đều bàn tán chỉ trích. Thần hiểu tâm ý của bệ hạ, nhất định không phải cho rằng hai người này mưu sâu lo xa, có thể ủy thác trọng trách, chỉ

định dùng hành vi không kiêng kỵ của bọn họ để cánh cáo khuyên miễn quần thần. Dù bệ hạ tin tưởng kẻ tà ác bất chính thân cận cũng không thể dùng tiểu thần để mưu hại đại thần, quần thần xưa nay không hề có hành vi gian trá giả dối, làm như thế chỉ khiến quần thần ly tán. Như các đại thần Phòng Huyền Linh, Trương Lượng, còn không biện hộ được cho sự ngay thẳng của mình, vậy thì những bề tôi xa, địa vị thấp, ai có thể tránh được sự ức hiếp vu cáo của bọn họ? Mong bệ hạ chú ý cân nhắc chuyện này, từ khi bệ hạ dùng hai người này, bọn họ mà có một việc có ích cho nước nhà thì thần cam tâm chịu chết, chịu nhận tội bất trung. Bệ hạ dù chưa chọn được người tốt để phát huy thánh đức, lẽ nào có thể trọng dụng gian tế để tự hại mình sao?

Thái Tông vui vẻ tiếp thu ý kiến của Ngụy Trưng, ban cho Ngụy Trưng năm trăm súc lụa. Quyền Vạn Kỳ lại dẫn lộ bộ mặt gian trá, Lý Nhân Phát cũng bị bãi quan, Quyền Vạn Kỳ bị biếm đến Liên Châu làm Tư mã, quần thần trong triều đều chúc mừng nhau.

Năm Trinh Quán thứ sáu, có người cáo giác Thượng thư hữu thừa Ngụy Trưng là thiên vị cho thân thích. Đường Thái Tông cho Ngự sử đại phu Ôn Ngạn Bác đi thẩm tra xử lý việc này, được biết người cáo giác Ngụy Trưng không công chính. Ngạn Bác tấu rõ với Thái Tông rằng Ngụy Trưng đã bị người khác chỉ trích, tuy không có hành vi thiên tư, nhưng cũng có chỗ đáng trách. Thế nên Thái Tông bảo Ôn Ngạn Bác nói với Ngụy Trưng:

– Khanh can gián uốn sửa trăm hàng trăm điều, việc gì phải vì chuyện nhỏ này mà làm tổn hại đến rất nhiều ưu điểm của khanh trước kia? Từ nay về sau, khanh cũng không thể không tự kiểm điểm lời nói cử chỉ của mình.

Vài ngày sau, Thái Tông hỏi Ngụy Trưng:

– Gần đây khanh ở bên ngoài có nghe thấy việc gì không đúng không?

Ngụy Trưng đáp:

– Mấy ngày trước, Ôn Ngạn Bác phụng lệnh tuyên đọc lời bệ hạ nói với thần: “Tại sao không kiểm điểm lời nói hành động của mình?”. Lời nói này rất không đúng. Thần nghe nói, quân thần ý khí tương hợp, về đạo nghĩa đều là một chỉnh thể, chưa từng nghe nói không giữ công đạo, chỉ chú ý đến lời nói cử chỉ. Nếu vua tôi đều tuân thủ đạo lý này thì sự hưng thịnh suy vong của nước nhà có lẽ không thể biết được.

Thái Tông thất kinh, đổi sắc mặt, nói:

– Trước đây nói những lời này, không lâu sau đã thấy hối hận, thực là rất không nên. Khanh cũng không thể vì thế mà muốn ăn mình lán mặt.

Ngụy Trưng bèn quỳ xuống và nói:

– Thân giao thân mình cho nước nhà, hành sự theo chính đạo, nhất định không dám có hành vi ngông cuồng. Mong bệ hạ để cho thần trở thành tôi hiền, đừng để thần trở thành một tôi trung.

Thái Tông hỏi:

– Tôi hiền và tôi trung có chỗ nào khác nhau?

Ngụy Trưng đáp:

– Tôi hiền có thể làm cho mình có được danh tiếng tốt, giúp quân vương có danh tiếng cao vời, con cháu đời đời nối nghiệp, vinh hoa phú quý không bao giờ dứt. Tôi trung làm cho chính mình bị tru diệt, đổ cho quân vương tiếng ác to lớn. Nhà và nước đều bị tổn thất, mà y lại được hưởng tiếng tôi trung. Từ đó thấy rằng, tôi hiền và tôi trung khác nhau rất xa.

Thái Tông nói:

– Mong khanh đừng đi ngược lời nói này, trăm nhất định sẽ không quên việc lớn căn bản của nước nhà.

Rồi ban thưởng cho Ngụy Trưng hai trăm súc lụa.

Năm Trinh Quán thứ sáu, Hung Nô bị bình định, các dị tộc phương xa đến triều cống, dấu hiệu tốt lành ngày một xuất hiện, ngũ cốc năm nào cũng được mùa, quan lại các châu phủ nhiều lần xin Thái Tông phong thiên, quần thần lại ca ngợi công đức của Thái Tông, cho là “thời cơ không thể bỏ lỡ, ý chỉ của trời xanh không thể vi phạm, nay cử hành đại lễ phong thiên, chúng thần còn cho là đã quá muộn”. Chỉ có Ngụy Trưng cho là không được. Thái Tông nói:

– Trẫm mong khanh nói thẳng những ý kiến của mình, đừng giấu giếm. Công tích của trẫm không cao sao?

Ngụy Trưng đáp:

– Công tích cao.

Thái Tông hỏi:

– Đức hạnh trẫm không dày sao?

Ngụy Trưng đáp:

– Đức hạnh dày.

Thái Tông hỏi:

– Hoa Hạ có nơi nào chưa trị lý được sao?

Ngụy Trưng đáp:

– Đều đã trị lý tốt.

Thái Tông hỏi:

– Ngũ cốc mỗi năm không được mùa sao?

Ngụy Trưng đáp:

– Đều được mùa.

Thái Tông hỏi:

– Vậy thì sao không thể phong thiên?

Ngụy Trưng đáp:

– Công tích của bệ hạ tuy cao nhưng trăm họ vẫn chưa ghi lòng ân huệ của bệ hạ; đức hạnh của bệ hạ tuy dày nhưng ân trạch vẫn chưa ban hết cho mọi người. Hoa Hạ tuy yên định, nhưng vẫn chưa đủ để gánh vác chi phí cử hành đại lễ tế cáo trời đất. Ngoại tộc phương xa tuy ngưỡng mộ, nhưng không có nhiều thứ để đáp ứng nhu cầu. Dấu hiệu tốt lành tuy xuất hiện, nhưng lưới hình phạt lớn nhỏ vẫn giăng kín khắp thiên hạ. Liên tục mấy năm tuy được mùa, nhưng kho đụn vẫn trống không. Đó chính là nguyên nhân mà thần trộm cho là không thể tổ chức phong thiên. Thần không thể dùng chuyện xa xôi để ví von, tạm dùng con người gần đây làm thí dụ. Có một người nọ, mười năm bệnh tật, sau khi được chữa khỏi bệnh, chỉ còn da bọc xương mà đã muốn vác một thạch gạo, ngày đi trăm dặm đường, nhất định là không làm nổi. Họa loạn nhà Tùy không dứt suốt mười năm. Bệ hạ là lương y “chữa trị” cho đất nước rối ren này, giải tỏa được nỗi đau đớn của nó, tuy đã chữa lành, nhưng chưa khỏe hẳn, tế cáo trời đất thành công, thần trộm lấy làm nghi hoặc, hưởng hồ bệ hạ đến Thái Sơn ở phía đông tổ chức phong thiên, sứ giả các nước đến dự lễ đều sẽ tụ hội tại đó, người ở phương xa đều phải cấp tốc đến. Nay từ Doãn Thủy, Lạc Thủy đến Đông Hải, Thái Sơn, cây cỏ rậm rạp, khắp nơi đầm lầy, trăm họ thừa thớt, không nghe thấy tiếng gà gáy chó sủa, đường đi hoang vắng, tiến lui đều rất khó khăn. Làm sao có thể thu hút các ngoại tộc kia đến mà không mang cái hư nhược ra cho họ thấy? Dốc hết tài lực để ban thưởng không thể thỏa mãn ham muốn của người phương xa. Tăng số năm miễn thuế dịch không thể bù đắp nỗi lao khổ của trăm họ. Nếu gặp hạn hán lụt lội, thiên thời biến đổi, thì những lời bàn tán tà ác của bọn tầm thường sẽ khiến hối hận không kịp. Lễ nào chỉ có một mình thần thành tâm khẩn cầu, còn có lời bàn tán của dư luận nữa.

Thái Tông khen là lời hay rồi cho dừng việc phong thiên.

Năm Trinh Quán thứ bảy, cha của Thục vương phi là Dương Dự truy đuổi tì nữ ở cấm địa hoàng cung, Đô quan lang trung Tiết Nhân Phương bắt ông ta lại tra hỏi, chưa kịp xử trí thì con trai Dương Dự làm Thiên ngư dâng sớ bầm tấu trên cung điện:

– Quan ngũ phẩm trở lên nếu không phạm tội phản nghịch thì không nên bắt giữ, vì cha thần là thân thích hoàng thất, nên có nhiều vấn đề chưa thể quyết đoán.

Thái Tông nghe xong cả giận:

– Đã biết là thân thích của trẫm mà cố tình làm như vậy ư?

Rồi lập tức hạ lệnh đánh Tiết Nhân Phương một trăm roi, phế chức quan ông đang nhậm. Ngụy Trưng tấu nói:

– Con cáo dưới tường thành và con chuột dưới miếu thờ đều là những con vật bé nhỏ, vì chúng có chỗ dựa nên khó trừ bỏ chúng. Huống hồ nhà quan lại và thân thích hoàng thất, ngày xưa đã có tiếng là khó trị, từ thời Đông Hán, Tây Tấn đến nay đã phát triển đến mức không cấm cản kiểm soát được. Vào năm Võ Đức, đã có nhiều hiện tượng kiêu ngạo phóng túng, sau khi bệ hạ lên ngôi mới bắt đầu giảm đi. Tiết Nhân Phương đã thực hiện chức trách của mình, có thể chấp pháp vì nước, sao có thể xử phạt để tăng thêm dục vọng cho ngoại thích? Nếu có tiền lệ này thì các tể nạn sẽ bắt đầu trỗi dậy, sau này nhất định sẽ hối hận, khi đó thì không còn cách nào thay đổi. Xưa nay người cấm tuyệt ngoại thích hoành hành chỉ có một mình bệ hạ. Làm tốt việc chuẩn bị, phòng ngừa sự bất ngờ là đạo lý thông thường trong trị nước. Lẽ nào có thể khi nước chưa tràn đã muốn hủy hoại đê? Thần suy nghĩ mãi mà không thấy cách làm này khả thi.

Thái Tông nói:

– Đúng như lời khanh nói, trước đây trẫm không hề nghĩ tới. Nhưng Tiết Nhân Phương tự ý bắt giữ tù nhân mà không tấu báo, đó là chuyên quyền, tuy không nên trị tội nặng, nhưng cũng phải phạt nhẹ để cảnh cáo.

Và lệnh cho hai mươi roi rồi xá miễn cho Nhon Phương.

Năm Trinh Quán thứ tám, Tả bộc xạ Phòng Huyền Linh, Hữu bộc xạ Cao Sĩ Liêm gặp Thiếu giám Đậu Đức Tố trên đường, bèn hỏi cửa bắc gần đây xây dựng những gì. Đậu Đức Tố bèn bẩm chuyện Phòng Huyền Linh và Cao Sĩ Liêm hỏi chuyện. Thái Tông bèn bảo Phòng Huyền Linh:

– Khanh chỉ cần trông coi việc ở nam nha là được, còn ở phía bắc trẫm xây dựng những gì, việc gì đến khanh?

Bọn Phòng Huyền Linh quỳ lạy Thái Tông tỏ ý xin lỗi. Ngụy Trưng nói:

– Thần không hiểu lời trách cứ của bệ hạ, cũng không hiểu sao Phòng Huyền Linh, Cao Sĩ Liêm lại phải xin lỗi. Huyền Linh đã là đại thần, là tay chân và tai mắt của bệ hạ, xây dựng nhà cửa sao lại không được biết? Trách cứ họ hỏi chủ quản bộ phận, thần không hiểu. Huống hồ xây dựng nhà cửa là có lợi hay có hại, sử dụng bao nhiêu nhân công, việc bệ hạ làm nếu là việc tốt thì nên trợ giúp bệ hạ hoàn thành; nếu là việc làm không đúng thì dù đã khởi công cũng nên tấu xin bệ hạ cho dừng lại. Đó chính là nguyên tắc vua dùng bề tôi, bề tôi thờ vua. Huyền Linh không có tội mà bệ hạ trách cứ bọn họ, thì bọn họ không biết việc mình trông coi, chỉ biết quỳ xuống xin tội, thần cũng không thể hiểu nổi.

Thái Tông lấy làm xấu hổ.

Năm Trinh Quán thứ tám, nguyên Quế Châu đô đốc Lý Hoảng Tiết có tiếng là liêm khiết cẩn thận, sau khi ông mất, nhà ông đem bán châu báu. Thái Tông hay chuyện bèn tuyên bố trên triều đình:

– Người này bình thường có công, tế tướng còn nói ông ấy liêm khiết, thế mà nay trong nhà bán châu báu, lẽ nào người tiến cử không có tội? Nhất định phải xử lý nghiêm, không được bỏ qua.

Ngụy Trưng tìm dịp nói với Thái Tông:

– Bệ hạ nói con người này làm quan bất chính, không thấy ông ta nhận của cải; nay nghe nói nhà ông ta bán châu báu, dự định xử phạt người tiến cử, thần không biết là lý do gì. Từ thánh triều đến nay, người tận trung vì nước, liêm khiết cẩn thận, trước sau như một chỉ có Khuất Đột Thông, Trương Đạo Nguyên mà thôi. Ba người con trai của Khuất Đột Thông đến ứng tuyển, chỉ có một con ngựa gầy; con trai của Trương Đạo Thông không thể sinh tồn tự lập, không hề nghe thấy bệ hạ có một câu nói đến họ. Nay Lý Hoằng Tiết lập công vì nước, trước sau nhận nhiều thứ bệ hạ ban thưởng, nhậm chức cho đến chết chẳng thấy ai nói ông ấy tham tàn, vợ con ông ấy bán châu báu không bị coi là có tội. Biết rõ là làm quan thanh liêm mà không có một lời vỗ về; hoài nghi làm quan tham ô thì ngay cả người tiến cử cũng đòi xử phạt, tuy nói ghét kẻ ác không thể nghi ngờ, thực ra đây cũng là thích người tốt không sâu sắc. Thần trộm nghĩ, ngay cả khi cách làm này đúng thì e kẻ có kiến thức nghe được chuyện này nhất định cũng bàn tán bừa bãi.

Thái Tông vỗ tay nói:

– Vội vàng không suy xét, nghe được lời này của khanh mới biết nói chuyện không dễ dàng. Không truy cứu chuyện này nữa. Con trai của Khuất Đột Thông, Trương Đạo Nguyên mỗi người được giữ một chức quan.

Năm Trinh Quán thứ chín, người từ bắc phiên trở về báo cáo với triều đình:

– Lãnh thổ Đột Quyết tuyết rơi lớn, dân đói, dê ngựa chết hết. Người Đường ở đó đều trốn vào rừng núi làm cướp, lòng người hỗn loạn, tình thế nguy hiểm.

Thái Tông bảo thị thần:

– Quan sát các bậc đế vương ngày xưa, thi hành nhân nghĩa, bổ nhiệm trọng dụng người hiền lương thì thiên hạ đại trị; thi hành bạo chính, trọng dụng gian tà thì thất bại. Người mà Đột Quyết tín nhiệm, trăm và các khanh đều thấy cả, hẳn là không có người trung lương chính trực đáng tin. Hiệt Lợi lại không quan tâm đến trăm họ, muốn làm gì thì làm. Theo trăm đánh giá thì sao có thể lâu dài?

Ngụy Trưng kể:

– Xưa Ngụy Văn Hầu hỏi Lý Khắc rằng, trong chư hầu ai diệt vong trước? Lý Khắc đáp: “Nước Ngô diệt vong trước”. Ngụy Văn hầu hỏi: “Tại sao?”. Lý Khắc nói: “Nước Ngô đánh trận nào thắng trận ấy. Chiến thắng xong, quân chủ ắt sinh kiêu ngạo, sau mấy trận chiến, trăm họ ắt mệt mỏi khốn khổ, không diệt vong thì còn đợi gì?”. Hiệt Lợi gặp lúc Tùy mạt, Trung Nguyên rối ren nên ý nhân mã nhiều, xâm nhập nội địa, đến nay vẫn chưa dừng lại, đây chính là nguyên nhân khiến hần ắt diệt vong.

Thái Tông cho lời này rất đúng.

Năm Trinh Quán thứ mười, Việt Vương, do Trưởng Tôn hoàng hậu sinh, em trai Thái tử (Thừa Càn), thông minh tuyệt đỉnh, trí tuệ hơn người, Thái Tông đặc biệt sủng ái. Có người nói với Thái Tông, đại thần tam phẩm trở lên đều khinh miệt Việt Vương, dụng ý nhằm vu hãm bọn Thị trung Ngụy Trưng, lấy đó để khích cho Thái Tông nổi giận. Thái Tông đến điện Tề Chính, cho vời các đại thần tam phẩm trở lên vào gặp, sau khi bảo bọn họ ngồi xuống, Thái Tông nổi giận lôi đình, nói:

– Trẫm có một câu muốn nói với các khanh. Ngày trước thiên tử là thiên tử, bây giờ thiên tử không còn là thiên tử sao? Ngày trước con trai thiên tử là con thiên tử, ngày nay con trai thiên tử không phải là con thiên tử sao? Trẫm thấy các hầu vương nhà Tùy, những người từ đại quan hiển hách trở xuống đều không khỏi bị bọn họ trêu chọc quấy

nhieu. Con trai của ta đương nhiên không được phép phóng túng kiêu ngạo, các khanh qua lại với nhau, sao có thể cùng nhau khinh miệt chúng?

Nếu trẫm phóng túng cho chúng, lẽ nào không thể làm khó chư công?

Bọn Phòng Huyền Linh, quỳ hết xuống xin tội. Ngụy Trưng sắc mặt nghiêm chỉnh khuyên can:

– Các vị đại thần ngày nay nhất định không hề khinh miệt Việt Vương. Nhưng về lễ nghĩa, bề tôi, con trai là như nhau. Kinh truyện nói rằng, người bên cạnh đế vương tuy thấp hèn, nhưng xếp trên chư hầu. Chư hầu nhiệm dụng họ làm công thì là công; nhiệm dụng họ làm khanh thì là khanh. Nếu không phải là công khanh thì ở dưới hầu hạ chư hầu. Nay những người tam phẩm trở lên, địa vị ngang với công khanh, đều là đại thần của thiên tử, là những người được bề hạ lễ kính ưu đãi. Mặc dù họ có chút không đúng, nhưng Việt Vương sao có thể tùy tiện làm nhục? Nếu pháp chế luân thường của nhà nước đã bị phế bỏ phá hoại, thì đó chẳng phải là điều thần có thể hiểu. Trong thời đại thánh minh ngày nay, Việt Vương sao có thể làm như vậy? Huống hồ Tùy Văn Đế không biết lễ nghĩa, sủng ái chư vương kiêu ngạo, khiến các con làm những việc vô lễ, không lâu sau, vì phạm tội mà bị bãi truất. Không thể làm tấm gương thì có gì đáng để khen ngợi?

Thái Tông nghe Ngụy Trưng nói xong mừng ra mặt, bảo quần thần:

– Lời khanh nói lý lẽ đầy đủ chu đáo, không thể không phục. Lời trẫm nói xuất phát từ lòng riêng của bản thân. Điều Ngụy Trưng nói là đại pháp căn bản của nước nhà. Vừa rồi trẫm nổi giận, tự cho là có đầy đủ lý do mà tin tưởng sâu sắc, nay nghe Ngụy Trưng nói, mới thấy lời của mình thực không có đạo lý. Lời nói của kẻ làm vua thực không dễ chút nào.

Rồi triệu kiến bọn Phòng Huyền Linh trách cứ, ban thưởng cho Ngụy Trưng một nghìn súc lụa.

Năm Trinh Quán thứ mười, Thái Tông nói với thị thần:

– Thầy dạy của Thái tử xưa nay rất khó tuyển chọn. Chu Thành Vương kế vị khi còn nhỏ tuổi, dùng Chu Công Đán, Triệu Công Sảng làm Thái bảo, Thái phó, tả hữu đều là người hiền, đủ dùng để tăng thêm nhân nghĩa, chính trị được thái bình, được gọi là bậc minh quân. Đến Hồ Hợi nhà Tần, Thủy Hoàng sủng ái ông, Triệu Cao làm thầy ông. Triệu Cao dạy cho hình pháp. Sau khi Hồ Hợi soán ngôi làm vua thì tru diệt công thần, giết thân thích, tàn khốc bạo liệt vô cùng, nên nhanh chóng bị diệt vong. Như vậy, sự thiện ác của con người quả thực học được từ người thân cận. Những người trẫm giao du lúc hai mươi tuổi chỉ có Sài Thiệu, Đâu Đán, bọn họ không phải là những người có ba sở trường. Sau này trẫm ở ngôi hoàng đế, trị vì thiên hạ, tuy thánh minh không sánh bằng Nghiêu, Thuấn, nhưng cũng tránh được sự tàn bạo của Tôn Hạo, Cao Vĩ. Từ đó thấy rằng, lại không phải là học được từ người thân cận, thế nghĩa là thế nào?

Ngụy Trưng nói:

– Người có trí năng bình thường, có thể cùng người làm việc thiện, cũng có thể cùng người làm việc ác, nhưng người có trí năng thượng đẳng thì tự nhiên không chịu ảnh hưởng. Bệ hạ nhận sứ mệnh trời trao, dẹp yên đạo loạn cho giặc cướp gây ra, cứu tính mệnh của muôn dân, trị nước được thái bình, lẽ nào những người như Sài Thiệu, Đâu Đán có thể làm tổn hại đức hạnh của bệ hạ?

Nhưng kinh điển nói rằng: “Bỏ âm thanh dâm loạn, xa lánh kẻ gian tà”. Người thân tín càng phải đặc biệt thận trọng.

Thái Tông nói:

– Chính phải.

Năm Trinh Quán thứ mười một, có viên quan bầm với Thái Tông chuyện Lãng Kính kinh doanh cầu lợi. Thái Tông trách bợn Thị trung Ngụy Trưng tiến cử người bừa bãi, Ngụy Trưng nói:

– Mỗi lần được bệ hạ hỏi, chúng thần đều nói rõ ưu điểm và khuyết điểm của Lãng Kính. Có học vấn, dám can gián là ưu điểm của ông ấy; quá lưu tâm đến sinh kế, thích kinh doanh là nhược điểm của ông ấy. Nay Lãng Kính viết văn bia cho người ta, dạy người ta đọc “Hán thư”, lấy đó làm cơ trao đổi cầu lợi, điều này khác với những gì chúng thần nói. Bệ hạ không dùng sở trường của ông ấy, chỉ thấy được sở đoản của ông ấy mà cho rằng chúng thần che giấu bệ hạ, thực không dám tâm phục.

Thái Tông tiếp thu ý kiến của ông.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Đường Thái Tông nói với thị thần:

– Hôm qua trẫm đến Hoài Châu, có người dân mật tấu: “Tại sao thường xuyên sai phái rất nhiều nam giới thành niên ở vùng Sơn Đông xây dựng ở Uyển Nội? Lao dịch ngày nay dường như không ít hơn thời nhà Tùy. Hoài Châu, Lạc Hà trở về đông, trăm họ còn sống sót sau chiến loạn không chịu đựng được nền chính trị hà khắc này, mà những cuộc săn bắn vẫn diễn ra liên miên, thực là quân chủ kiêu xa dâm dật! Nay lại đến Hoài Châu săn bắn, lời can gián trung thành không còn đến Lạc Dương nữa”. Bốn mùa săn bắn đã là nghi lễ thường xuyên của đế vương, nay săn bắn ở Hoài Châu chẳng hề phạm đến trăm họ. Việc dâng sớ can gián sửa chữa tự có tiêu chuẩn thông thường, bề tôi đáng quý ở chỗ có lời khuyên can, quân chủ đáng quý ở chỗ biết sửa lỗi lầm. Lời phi báng thế này hơi giống với chửi mắng.

Thị trung Ngụy Trưng dâng tấu nói:

– Nước nhà mở rộng con đường nói năng chính trực, cho nên người dâng mật tấu rất nhiều, bệ hạ đích thân giờ đọc để mong lời bề

tôi có chỗ tiếp thu được, bởi vậy những người muốn ngẫu nhiên thành công được phóng túng ác ngôn của họ. Bề tôi khuyên can nhà vua phải thật chính xác, phải sử dụng ngôn từ uyển chuyển để khuyên can. Hán Nguyên Đế từng dùng rượu nguyên chất để tế miếu Cao Tổ, từ Biện Môn Trường An đi ra, dự định ngồi thuyền lâu, Ngự sử đại phu Tiết Quảng Đức chặn xa giá và bỏ mũ xuống nói: “Nên đi bằng cầu, bệ hạ không nghe lời thần, thần sẽ tự sát, dùng máu trên cổ nhuộm lên bánh xe, bệ hạ sẽ không thể vào tổ miếu”. Nguyên Đế rất không vui. Quang lộc đại phu Trương Mãnh nói: “Thần nghe nói vua thánh minh thì bề tôi chính trực. Đi thuyền nguy hiểm, qua cầu an toàn. Vua thánh minh không ngồi xe thuyền nguy hiểm, lời Quảng Đức có thể nghe theo”. Nguyên Đế nói: “Hiếu dụ người khác, không nên giống thế này hay sao?”. Rồi đi qua cầu. Như vậy Trương Mãnh có thể nói là bề tôi chính trực khuyên can nhà vua.

Thái Tông rất vui mừng.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Thái Tông hỏi Ngụy Trưng:

– Gần đây sự được mất trong những việc trăm làm và việc giáo hóa chính trị so với trước thì thế nào?

Ngụy Trưng đáp:

– Nếu nói về tình hình ân trạch thanh uy đạt được, các ngoại tộc phương xa đến triều cống thì không thể sánh bằng năm Trinh Quán thứ nhất. Nếu xét từ việc đạo nghĩa tương thông với trăm họ, lòng dân vui vẻ thành phục thì kém rất xa năm Trinh Quán thứ nhất.

Thái Tông hỏi:

– Ngoại tộc phương xa đến quy phục, hẳn là do thi hành đạo nghĩa, sao công nghiệp ngày trước lại lớn hơn?

Ngụy Trưng đáp:

– Ngày trước thiên hạ chưa yên định, thường ghi khắc đức nghĩa trong lòng, không lâu sau, vì nước nhà bình yên vô sự nên dần tăng tính kiêu xa tự mãn. Bởi vậy công nghiệp tuy rằng lớn nhưng đạo nghĩa lại không sánh bằng năm Trinh Quán thứ nhất.

Thái Tông lại hỏi:

– Những việc làm hiện giờ có gì khác trước?

Ngụy Trưng đáp:

– Năm Trinh Quán thứ nhất, chỉ lo người khác không can gián nên dẫn dụ quần thần khuyên can. Ba năm sau, thấy có người khuyên can là có thể tiếp thu nghe theo. Một hai năm gần đây thì không thích người khác khuyên can, tuy cố gắng lắng nghe và tiếp thu nhưng trong lòng lại không vui, quả thực có vẻ khó xử.

Thái Tông hỏi:

– Ở những việc nào thì như thế?

Ngụy Trưng đáp:

– Lúc mới lên ngôi, phán xử Nguyên Luật Sư tử hình, Tôn Phục Ca can rằng: “Chiếu theo pháp luật thì không đến mức bị xử tội chết, không thể cho phép xử hình phạt khắt khe một cách tùy tiện”. Bệ hạ bèn thưởng Lan Lăng công chúa cho ông ta, giá trị vạn nguyên tiền. Có người nói: “Điều Tôn Phục Ca nói chỉ là đạo lý thông thường, mà lại được ban thưởng quá hậu”. Khi ấy bệ hạ nói: “Từ khi trẫm lên ngôi đến nay, chẳng có người khuyên can, cho nên ban thưởng cho ông ấy”. Đó chính là dẫn dụ quần thần khuyên can. Tư hộ Từ Châu là Liễu Hùng ban bổng lộc cấp bậc bừa bãi cho những người còn sót lại của nhà Tùy, có người tố cáo ông ta, bệ hạ bèn lệnh cho Liễu Hùng thẳng thắn bộc bạch, không thẳng thắn bộc bạch sẽ định tội. Liễu Hùng kiên quyết nói là xử lý theo thực tế, không chịu thẳng thắn bộc bạch. Đại lý tự điều tra được biết sự trí trá của Liễu Hùng, bèn xử Liễu Hùng tội chết, Thiếu khanh Đới Trụ bầm tấu rằng, chiếu theo pháp luật, chỉ đáng xử tội tù. Bệ hạ nói: “Trẫm đã phán quyết, nên xử tội chết”. Đới Trụ nói: “Bệ hạ đã không cho lời thần là đúng, vậy xin lập tức giao

thần cho bộ phận tư pháp. Tội không đáng chết thì không thể dùng khốc hình bừa bãi”. Bệ hạ rất tức giận sai người đi giết Liễu Hùng, Đới Trụ kéo lại không buông, cứ thế bốn năm lần, sau đó xá miễn cho Liễu Hùng. Thế nên bệ hạ nói với người của bộ phận tư pháp: “Chỉ cần giữ vững pháp chế này cho trẫm thì còn sợ có chuyện lạm dụng hình phạt giết người hay sao?”. Đó chính là tiếp thu can gián bằng tâm tình vui vẻ. Ngày trước, Thiêm huyện thừa Hoàng Phủ Đức Tham dâng sớ xúc phạm ý chỉ thánh thượng, gay gắt bức thiết giống như phi báng. Khi ấy tuy bệ hạ nghe theo lời thần, ban thưởng cho ông ta hai mươi loại vật phẩm, nhưng tâm tư lại rất không thoải mái, thế là khó tiếp thu khuyên can.

Thái Tông nói:

– Đúng như lời khanh nói, ngoài khanh ra chẳng có ai nói được những lời này. Con người ta thường không biết được bệnh của chính mình, khi khanh mới nói, trẫm tự cho việc mình làm không có gì thay đổi, sau khi khanh nói xong, lỗi lầm của trẫm thật là to lớn. Chỉ cần khanh giữ vững lòng trung như vậy, trẫm sẽ không bao giờ làm ngược lời khanh nói.

Năm Trinh Quán thứ mười hai, Thái tông đi tuần ở miền đông, khi sắp vào Lạc Dương thì trú tạm trong cung Hiến Nhị, các quan quản lý cung uyển phân lớn bị trách mắng xử phạt. Thị trung Ngụy Trưng can:

– Nay bệ hạ giá lâm Lạc Châu là vì đây là nơi chiến tranh xảy ra, hy vọng nó yên định, cho nên muốn ban nhiều ân cho phụ lão cố cựu địa phương. Trăm họ trong thành chưa nhận được đức trạch ân huệ mà quan viên và người quản lý cung uyển đã đa số bị phạt tội. Hoặc giả cho rằng vật phẩm dâng lên không đẹp, hoặc cho rằng không hầu hạ cẩn thận, đó chính là không nghĩ đến sự biết đủ, một lòng nghĩ đến xa xỉ lãng phí. Đã đi ngược lại tâm nguyện ban đầu khi đi tuần thị, vậy

dùng lấy cái gì để đáp ứng tâm nguyện của trăm họ? Vua nhà Tùy lệnh cho bề dưới dâng nhiều vật phẩm, vật phẩm dâng lên không nhiều thì bị trừng phạt gặt gao. Người trên có sở thích, người dưới nhất định dâng nộp nhiều hơn, cứ như thế mà không có giới hạn, cuối cùng dẫn đến diệt vong. Đó chẳng phải là điều đọc được trong sử sách, mà là điều bệ hạ tận mắt nhìn thấy, vì vua nhà Tùy vô đạo nên trời xanh lệnh cho bệ hạ thay thế ông ta. Nên bệ hạ thận trọng trong việc nhỏ, mỗi sự việc đều phải tiết kiệm, đưa vào chiếu lệnh, huấn thị con cháu rõ ràng, sao hôm nay lại muôn ở dưới tiền nhân? Nếu bệ hạ cho là đầy đủ thì hôm nay đã chẳng khác gì đầy đủ. Nếu cho là không thỏa mãn, thì có nhiều hơn thế muôn lần cũng không thấy thỏa mãn.

Thái Tông kinh ngạc nói:

– Không phải khanh thì trăm không nghe được những lời này, từ nay về sau, mong sẽ không còn chuyện thế này nữa.

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU

– QUYỂN 3 –

QUẢN THẦN LÀM GƯƠNG

Năm Trinh Quán thứ ba, Đường Thái Tông nói với các thị thần:

– Vua và tôi vốn cùng nhau trị thời loạn, chia sẻ an nguy, nếu vua nghe theo lời khuyên can trung thành mà bề tôi lại biết đưa ra những ý kiến chính trực thì đó cố nhiên là vua tôi ý hợp, là điều được trân trọng xưa nay. Nếu vua tự cho là hiền minh, bề tôi lại không uốn nắn lỗi lầm của vua mà muốn nước nhà không nguy vong thì là điều không thể. Vua mất nước, bề tôi cũng không thể một mình bảo toàn nhà mình. Còn như Tùy Dạng Đế tàn ngược, bề tôi đều kín miệng không nói, cuối cùng khiến ông ta không biết lỗi lầm của mình, thế nên đến bước đường diệt vong, bọn Ngu Thế Cơ chẳng bao lâu sau cũng bị giết chết. Việc của triều trước cách nay không xa, trăm và các khanh có thể không cẩn thận hành sự sao? Đừng để hậu thế chê cười.

Năm Trinh Quán thứ tư, Đường Thái Tông bàn về tình hình thời nhà Tùy. Ngụy Trưng đáp lời:

– Trước kia thần ở nhà Tùy, từng nghe nói xảy ra một vụ cướp, Tùy Dạng Đế hạ lệnh cho Vu Sĩ Trưng đi truy bắt tội phạm. Vu Sĩ Trưng chỉ cần nghi ngờ ai giống cướp là tra tấn, có đến hơn hai nghìn người hàm oan thừa nhận mình là cướp, Tùy Dạng Đế bèn hạ lệnh chém đầu hai nghìn người này cùng một ngày. Đại lý thừa Trương Nguyên Tế cho rằng vụ án này kỳ lạ, bèn thử dò hỏi tình hình của những người gây án thì có sáu bảy người đã bị giam ở nhà ngục khác trong ngày xảy ra vụ cướp, vừa được thả ra khỏi ngục thì cũng bị truy

hỏi, do không chịu được nỗi đau đớn của khốc hình, nên tự thừa nhận tham gia vụ cướp. Trương Nguyên Tế vì thế càng chịu khó điều tra, kết quả trong hai nghìn người, chỉ có chín người có hành tung không rõ ràng trong ngày xảy ra vụ án. Trong số các quan có người quen biết, biết rõ là trong chín người này có bốn người hoàn toàn không phải là cướp. Viên quan phụ trách hành hình vì Tùy Dạng Đế đã hạ lệnh xử quyết nên không bấm báo tình hình thực tế nữa, giết hết cả hai nghìn người.

Thái Tông nói:

– Không chỉ Tùy Dạng Đế vô đạo, bề tôi của ông ta cũng không làm việc tận tình, lẽ ra phải uốn nắn can gián, không sợ bị giết, sao có thể chỉ biết a dua xiểm nịnh, chỉ mong lấy lòng và ban thưởng. Vua tôi đều như vậy thì sao có thể không thất bại? Trẫm nhờ các khanh cùng phò tá nên lao ngục trống không, mong các khanh trước sau như một để luôn được như ngày hôm nay.

Năm Trinh Quán thứ sáu, Đường Thái Tông nói với các thị thần:

– Trẫm nghe nói hai triều Chu, Tần, ban đầu lấy được thiên hạ không có gì khác nhau. Tuy nhiên nhà Chu dựng nước xong thì chuyên chú làm việc tốt, tích lũy công nghiệp và nhân đức nên có thể giữ được cơ nghiệp bảy trăm năm. Nhà Tần thì để mặc sự xa xỉ dâm dật của mình, ưa dùng hình phạt nên chưa quá hai đời đã diệt vong. Lẽ nào chẳng phải để nghiệp làm việc tốt thì sẽ lâu dài, làm việc ác thì tuổi trời không lâu sao? Trẫm lại nghe nói, Kiệt và Trụ là đế vương, so sánh một người bình thường với họ thì người bình thường còn cảm thấy sỉ nhục; Nhan Uyên và Mẫn Tồn là người dân bình thường, so sánh đế vương với họ thì đế vương cũng còn cho là vinh diệu. Đây chính là điều mà đế vương cảm thấy đáng xấu hổ. Trẫm thường lấy những việc này làm gương, thường sợ không sánh bằng những bậc hiền nhân Nhan Uyên, Mẫn Tồn, bị người đời chê cười.

Ngụy Trưng đáp lời:

– Thần nghe nói Lỗ Ai Công nói với Khổng Tử: “Có một người hay quên, di dời nhà xong lại quên mất vợ mình”. Khổng Tử nói: “Còn có người hay quên hơn cả người này. Tôi thấy những đế vương như Hạ Kiệt, Thương Trụ lại quên mất thân mình của mình”. Mong rằng bệ hạ luôn nghĩ đến những việc này, tránh để bị hậu thế chê cười.

Năm Trinh Quán thứ mười bốn, Đường Thái Tông vì đẹp yên được nước Cao Xương nên cho vời các thị thần đãi tiệc ở điện Lương Nghi, Thái Tông nói với Phòng Huyền Linh:

– Vua nước Cao Xương nếu không đánh mất lễ nghi của bề tôi thì sao đến bước đường diệt vong? Trẫm bình định được một nước như vậy, trong lòng càng cảm thấy lo sợ, chỉ biết ra sức ngăn ngừa kiêu xa dâm dật để tự đề phòng, tiếp thu lời trung để sửa mình. Truất bỏ gian nịnh, tuyển dụng hiền lương, không lấy lời tiểu nhân để bàn việc quân tử, cẩn thận giữ nghiệp theo cách ấy, hẳn có thể làm cho nước nhà được yên định.

Ngụy Trưng nói:

– Thần xem các bậc đế vương xưa nay, khi đẹp loạn sáng nghiệp, họ rất thận trọng, luôn cảnh giới mình, biết tiếp thu ý kiến của trăm họ bình dân, lắng nghe kiến nghị trung thành chính trực. Khi thiên hạ đã yên định, họ bèn tùy tiện phóng túng dục vọng, thích nghe những lời a dua xiểm nịnh, ghét lời khuyên can chính trực. Trương Tử Phòng là đại thần vạch mưu kế cho Hán vương Lưu Bang, khi Lưu Bang lên ngôi hoàng đế, dự định phế con trưởng Lưu Doanh để lập con thứ Lưu Như Ý làm Thái tử, Tử Phòng nói: “Việc ngày hôm nay không phải dựa vào miệng lưỡi có thể tranh biện được”. Ông không dám có lời nào để ngăn cản Cao Tổ, hưởng hồ công nghiệp, đức nghĩa của bệ hạ to lớn, so với Hán Cao Tổ thì Cao Tổ cũng không bằng được. Bệ hạ lên ngôi đến nay đã mười lăm năm, đức trạch thánh minh như ánh

sáng rực rỡ chiếu rọi bốn biển, nay lại tiêu diệt được Cao Xương, còn nhiều lần ghi nhớ trong lòng chuyện an nguy của nước nhà, vừa rồi lại nói muốn sử dụng người trung trực hiền lương, mở rộng đường trực ngôn can gián, ấy là may mắn lớn nhất của thiên hạ. Ngày trước Tề Hoàn Công từng cùng uống rượu với các đại thần Quản Trọng, Bão Thúc Nha, Ninh Thích, Tề Hoàn Công nói với Bão Thúc Nha: “Sao không chúc phúc cho trăm?”. Thúc Nha nâng ly rượu lên và đứng dậy nói: “Mong bệ hạ đừng quên tình cảnh bên ba ở nước Cử, Quản Trọng chớ quên tình trạng khi bị trói ở nước Lỗ, Ninh Thích chớ quên cảnh ngộ cho trâu ăn ở dưới xe”. Tề Hoàn Công nghe xong lời Bão Thúc Nha nói, rời khỏi chiếu cảm tạ Bão Thúc Nha: “Trăm và hai vị đại phu mà không quên được lời tiên sinh nói thì nước nhà sẽ không còn nguy hiểm gì nữa”.

Thái Tông bảo Ngụy Trưng:

– Trăm nhất định không dám quên tình cảnh khi làm dân thường, khanh cũng chớ quên con người của Bão Thúc Nha đấy!

Năm Trinh Quán thứ mười bốn, Đặc tiến Ngụy Trưng dâng một bản tấu lên Đường Thái Tông:

Thần nghe nói, vua là đầu não của con người, bề tôi là tứ chi, đầu và tứ chi hiệp lực đồng tâm hình thành một cơ thể hoàn chỉnh. Là một chỉnh thể, nếu có cơ quan không hoàn thiện thì sẽ không trở thành một con người hoàn chỉnh. Vậy thì đầu tuy ở địa vị quan trọng nhất cũng phải nhờ vào tứ chi mới trở thành chỉnh thể, vua tuy minh xét thông hiểu, nhưng nhất định phải nhờ sự phò tá của bề tôi mới có thể đạt được mục đích trị nước. Sách “Lễ ký” nói: “Trăm họ coi vua là trái tim mình, vua coi trăm họ là thân thể mình, lòng ngay thẳng thì thân thể thoải mái, lòng nghiêm túc thì vẻ mặt cung kính”. Sách “Thượng thư” nói: “Vua sáng, tôi hiền, muôn sự khang ninh”, “Vua hành sự nhỏ nhặt không có đại lược, bề tôi sẽ lỏng lẻo lừa dối, mọi việc sẽ bị

hủy hoại không thể thành công”. Cho nên vứt bỏ tứ chi, chỉ dùng trái tim để cả nước được thịnh trị không phải là điều thần từng nghe thấy.

Vua tôi ý hợp tâm đầu xưa nay là điều hiếm có. Làm cho đá thuận theo nước là chuyện nghìn năm mới có một lần, làm cho nước thuận theo đá thì không khi nào không có. Những triều đại mà biết khởi xướng đạo nghĩa công bằng nhất, cho thấy nhân tài trong thiên hạ đều có thể sử dụng, nên trong thì dốc hết sức mạnh của tủy cốt, bên ngoài trở hết năng lực của tứ chi, hài hòa như muối và mớ trong cang, đoàn kết chặt chẽ như vàng đá thì không phải dựa vào quan cao lộc hậu ban cho bề tôi, mà dựa vào đối xử với nhau bằng lễ. Ngày xưa Chu Văn Vương tuần du ở đất Phụng Hoàng, bút tất bị rách, ông nhìn tả hữu không có ai có thể sai khiến, bèn tự khâu bút tất lại. Lễ nào người ở thời Chu Văn Vương toàn là người tài đức, còn những người ở triều đại thánh minh ngày nay chỉ là những người thiếu hiền lương hay sao? Chỉ là hiểu và không hiểu, đối xử trọng hậu và không trọng hậu mà thôi. Y Doãn là gia nô của họ Hữu Săn, Hàn Tín là bề tôi lưu vong của Hạng Vũ. Thương Thang hết lòng đối xử tốt với Y Doãn, thực hiện được đế nghiệp ở Nam Sào, Hán Cao Tổ Lưu Bang lên đàn bái Hàn Tín làm đại tướng, đánh bại Hạng Vũ ở Cai Hạ mà dựng nên đế nghiệp. Nếu Hạ Kiệt không rũ bỏ Y Doãn, Hạng Vũ gia ân cho Hàn Tín thì làm sao biến thành kẻ mất nước vong thân? Ngoài ra, Vi Tử là thứ huynh của Thương Trụ, được Chu Võ Vương phong đất ở đất Tống; Cơ Tử là tôi hiền của Thương Trụ, nhưng lại kể “Hồng phạm” cho Chu Võ Vương, Khổng Tử khen họ là người nhân, không ai nói họ không đúng. Sách “Lễ ký” nói: “Lỗ Mục công hỏi Tử Tư: “Bề tôi bị lưu đày trở về để tang cho vua cũ, xưa nay có không?”. Tử Tư đáp: “Vua có đức hạnh ngày xưa sử dụng người theo lễ tiết, cách chức người cũng theo lễ tiết. Bởi vậy có lẽ nghi bề tôi bị lưu đày trở về để tang vua cũ. Vua ngày nay khi dùng người thì giống như ôm người đó trên đầu gối, khi biếm chức người thì lại như đạp người ta xuống vực sâu. Những người bị biếm chức không làm chủ mưu đánh lại nước

mình đã là tốt lắm rồi, làm gì còn có chuyện trở về nước mình để tang cho vua cũ?”. Tề Cảnh Công hỏi Yến Tử: “Trung thần thờ vua như thế nào?”. Yến Tử đáp: “Vua có tai nạn không chết vì vua, vua chạy đến nước khác đào vong không đi tiễn vua”. Tề Cảnh Công hỏi: “Cắt đất ban phong cho người đó, ban quan tước cho người đó mà vua có nạn không chết vì vua, vua trốn chạy không đi đưa tiễn, thế là đạo lý gì?”. Yến Tử nói: “Bề tôi can gián mà được tiếp thu, suốt đời không có tai họa thì việc gì phải chết? Bề tôi can gián mà được vua nghe theo, cả đời không phải đào vong thì sao bề tôi phải đi đưa tiễn? Nếu bề tôi can gián mà không được vua tiếp thu, vua gặp nạn mà chết vì vua thì là chết oan; bề tôi khuyên can mà không được vua tiếp thu, vua bỏ trốn mà đi đưa tiễn thì là giả trung”. Sách “Lã thị Xuân thu” viết: “Thôi Trữ giết Tề Trang Công, Yến Tử đứng trước cửa nhà Thôi Trữ, người gác cửa nhà Thôi Trữ hỏi: ‘Ông đến tuần tiết vì vua chăng?’. Yến Tử đáp: ‘Có phải chỉ là vua của mình tôi đâu mà tôi phải chết?’. Người gác cửa hỏi tiếp: ‘Bỏ trốn phải không?’. Yến Tử đáp: ‘Vua chết là tội của tôi đâu mà tôi phải bỏ trốn? Vua chết nếu là vì nước mà chết thì tôi sẽ chết vì vua; vua bỏ trốn vì nước thì tôi sẽ trốn theo vua. Nếu là chết vì mình, bỏ trốn vì mình thì không phải thân nhân của vua, ai có thể làm những ‘việc này?’. Cửa nhà Thôi Trữ mở ra, Yến Tử bèn bước vào, đặt đầu của Tề Trang Công lên đùi mình rồi ôm thi thể mà khóc lớn, sau đó đứng dậy, bỏ đi”. Mạnh Tử nói: “Vua coi bề tôi là chân tay của mình thì bề tôi coi vua là tâm phúc của mình; vua coi bề tôi là chó ngựa thì bề tôi coi vua là kẻ xa lạ; vua coi bề tôi là phân đất thì bề tôi coi vua là thù địch”. Tuy bề tôi thờ vua không có hai lòng, nhưng về nguyên tắc bỏ đi hay ở lại thì còn phải tùy thuộc việc vào nhận được bao nhiêu ân huệ. Vậy thì vua với tư cách là chủ của trăm họ, sao có thể vô lễ với thần dân của mình?

Thần quan sát mọi đại thần trong triều, những người gánh vác trọng trách của nước nhà, có người phụng mệnh trú phòng ở biên

cương, có người ở lại triều tham gia xử lý việc lớn, mọi người kiến công lập nghiệp vì nước. Đó đều là những người hiền năng nhất thời được tuyển chọn, ở vào những địa vị vô cùng trọng yếu, nhiệm vụ phải gánh vác rất nặng nề. Chức trách giao cho họ tuy nặng, nhưng sự tin tưởng dành cho họ lại không sâu sắc, lòng tin vào họ không sâu sắc thì khiến họ nảy sinh hoài nghi lo lắng. Người ta mà hoài nghi lo lắng thì sẽ có thái độ được chẳng hay chớ. Trong lòng có suy nghĩ được chẳng hay chớ thì sẽ không giữ tiết tháo lễ nghĩa của bề tôi. Tiết tháo lễ nghĩa không giữ thì lễ giáo chính danh cũng không trỗi dậy. Lễ giáo chính danh không trỗi dậy mà có thể cùng họ cùng cố cơ nghiệp thái bình, giữ vững ngôi vua bảy trăm năm là chuyện không bao giờ có. Lại nghe nói, nước nhà coi trọng những bề tôi có công, không truy cứu tội lỗi ngày trước, so với các bậc thánh quân ngày trước thì chẳng có một chút khác biệt. Tuy nhiên chỉ khoan thứ cho việc lớn, nghiêm ngặt với tội nhỏ, gặp việc không thuận lòng thì khiến trách nổi giận, không rủ bỏ lòng thiên vị và oán ghét thì không thể dùng để trị nước được. Nhà vua nghiêm khắc thi hành pháp lệnh mà trong số bề tôi còn có người xúc phạm, huống hồ là bên trên phạm pháp, bên dưới nhất định càng làm bừa. Lòng sông tắc nghẽn thì đê sụt lở, số người bị nó hại nhất định rất nhiều, sẽ khiến trăm họ trong thiên hạ biết yên thân chốn nào. Đó chính là thượng bất chính, hạ tắc loạn. Sách “Lễ ký” nói: “Người mình thích thì phải biết sở đoản của họ, không nhìn sở trường của họ, như vậy người làm tốt công việc nhất định sẽ cảm thấy lo sợ. Người mình thích mà không biết sở đoản của họ, thì kẻ làm điều ác sẽ ngày càng nhiều. “Kinh thi” viết: “Người quân tử nếu nổi giận với kẻ tiểu nhân sàm gian thì đại sự hỗn loạn hẳn sẽ nhanh chóng dừng lại”. Như vậy sự nổi giận của người xưa là dùng để trừng trị kẻ ác, sự trừng phạt nghiêm khắc ngày nay lại là dùng để làm cho gian tà phát triển, đó không phải là bản ý của Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, cũng không phải là việc mà Hạ Vũ, Thương Thang đã làm. Sách “Thượng thư” viết: “Người vỗ về ta là vua của ta, người ngược sát ta là thù địch của ta”. Tuân Tử nói: “Vua là thuyền, dân là nước. Nước có thể chở

thuyền, cũng có thể làm lật thuyền”. Bởi vậy Khổng Tử nói: “Cá mất nước sẽ chết, nước mất cá vẫn là nước”. Vì thế Đường Nghiêu, Ngu Thuấn luôn nơm nớp lo sợ, ngày một thận trọng. Sao có thể không suy ngẫm những đạo lý này? Sao có thể không cân nhắc những sự việc này?

Giao trọng trách cho đại thần, giao việc nhỏ cho tiểu thần, ấy là lẽ thường tình trong xử lý việc nước, biện pháp để trị nước. Nay giao cho họ chức quan thì trọng đại thần mà khinh tiểu thần; đến khi có việc nảy sinh thì lại cả tin tiểu thần mà hoài nghi đại thần. Tin tưởng kẻ mà mình khinh thị, hoài nghi người mà mình trọng thị, muốn dùng biện pháp này để trị nước, làm sao có thể được? Ngoài ra, trị nước quý ở sự ổn định, không nên hay thay đổi. Nay, hoặc là giao trọng trách cho tiểu thần, hoặc giao việc nhỏ cho đại thần, tiểu thần chiếm địa vị cao không xứng được hưởng, đại thần lại mất đi chức vị họ xứng đáng được đảm nhận, đại thần hoặc vì lỗi lầm nhỏ mà bị tội, tiểu thần hoặc vì việc lớn mà bị trừng phạt. Chức quan và địa vị không tương xứng, bị phạt không phải tội lỗi của họ, muốn họ không có lòng riêng, hy vọng họ tận lực chẳng phải là rất khó hay sao? Tiểu thần không thể giao việc lớn cho họ, đại thần không được vì tội nhỏ mà bị phạt. Bổ nhiệm đại thần làm quan lớn mà lại đi tra xét lỗi nhỏ của họ, thế thì quan văn cầm cán bút sẽ tuân theo ý chỉ, quan sát hướng gió, vung bút, bõn cột pháp luật, bóp méo sự thực để cấu thành tội danh của đại thần. Đại thần mà biện bạch thì lại sợ vua cho là trong lòng không phục tội; không nói gì thì hoàng thượng lại cho là thực sự phạm tội. Nói và không nói đều có tội, không thể biện minh nỗi oan khiên của mình thì có thái độ cầu may tránh họa. Đại thần cầu may tránh họa thì sẽ khiến việc gian trá manh nha sinh sôi. Việc gian trá manh nha sinh sôi thì sẽ khiến sự giả dối trở thành tệ nạn; giả dối trở thành tệ nạn thì nước nhà không được trị lý nữa.

Ngoài ra, bổ nhiệm đại thần, muốn làm cho họ tận lực vì nước, mỗi khi bổ nhiệm làm quan mà có tránh né không nói thì gọi là không

tận tâm. Nếu người được tiến cử phù hợp thì việc gì phải tị hiềm người đối địch hay bạn cũ? Nếu người được tiến cử không phù hợp thì việc gì phải coi người xa lạ là quý? Đối xử với đại thần không thật tâm thành ý thì lấy gì để yêu cầu họ trung thành. Bề tôi tuy có khi có chỗ sai sót, nhưng nhà vua không phải lúc nào cũng đúng. Vua không tin bề tôi ắt sẽ cho là trong số các bề tôi không có ai tin tưởng được. Nếu nhất định cho rằng trong số bề tôi không có ai tin tưởng được thì nhà vua cũng có chỗ đáng để hoài nghi. Sách “Lễ ký” viết: “Nhà vua đa nghi, trăm họ sẽ mê hoặc. Không hiểu kẻ bề tôi, nhà vua sẽ âu sầu”. Nhà vua và bề tôi nghi kỵ nhau thì đừng mong làm cho nước nhà đại trị. Nay trong số quần thần, có người ở phương xa, lời đồn đại không hay ba lần truyền đến mà không có người vớt khung cửu bỏ trốn giống như mẹ Tăng Sâm thì trộm nghĩ không có người như thế. Thiên hạ rộng lớn, nhân sĩ trăm họ rất nhiều, lẽ nào không có người nào đáng tin cậy hay sao? Biết tin tưởng vào bề tôi thì không có ai không tin tưởng được, nghi ngờ bề tôi thì không có ai đáng để tin cậy, sao chỉ là lỗi của bề tôi? Huống hồ một người bình thường kết bạn thân với một người khác cũng sẽ cam kết bằng sinh mệnh, đến chết còn không thay đổi, huống hồ là vua tôi ý hợp nhau, noi gương nhau, như cá với nước? Nếu nhà vua được như Nghiêu Thuấn, bề tôi được như Tắc, Khế, thì sao có thể gặp chuyện nhỏ mà đã mất ý chí, gặp lợi nhỏ đã thay lòng? Đây tuy là bề tôi xây dựng lòng trung vẫn chưa rõ rệt, nhưng cũng là do trong lòng nhà vua không tin tưởng bề tôi, đối xử với họ quá hà khắc gây nên. Lẽ nào đây là vua dùng lễ đối xử với bề tôi, bề tôi dùng lòng trung thờ vua? Dựa vào sự thánh minh của bộ hạ, dựa vào công nghiệp ngày nay, nếu có thể tìm kiếm rộng rãi tuần kiệt đương thời, trên dưới đồng lòng, thì tam hoàng có thể tăng thành tứ hoàng, ngũ đế có thể thêm thành lục đế. Các nhà Hạ, Ân, Chu, Hán sao có thể sánh bằng?

Thái Tông rất tán đồng ý kiến của Ngụy Trưng.

Năm Trinh Quán thứ mười sáu, Đường Thái Tông hỏi Ngụy Trưng:

– Trẫm kiểm chế bản thân, một lòng trị nước, ngưỡng mộ các bậc quân chủ tài năng và nhiều mưu lược thuở trước, mong sánh kịp họ. Tích đức tốt, tăng nhân nghĩa, xây dựng nghiệp lớn, mưu lợi cho dân, bốn việc này trẫm cho là quan trọng nhất, trẫm đều muốn dùng để khích lệ mình. Con người khổ vì không biết được lỗi lầm của mình, không biết việc làm của trẫm tốt xấu thế nào?

Ngụy Trưng đáp:

– Tích đức tốt, tăng nhân nghĩa, gây dựng nghiệp lớn, mưu lợi cho dân, bệ hạ đều đã làm được. Vậy thì trong nước dẹp yên họa loạn, ngoài nước chinh phục Nhung Địch là công nghiệp của bệ hạ; võ về trẫm họ để họ đều có nghề nghiệp mưu sinh là lợi mà bệ hạ thu được. Như vậy, việc lập công, thu lợi nhiều lắm, chỉ có điều hai việc đức hạnh, nhân nghĩa mong bệ hạ thực hiện không ngừng, nhất định là có thể đạt được.

Năm Trinh Quán thứ mười bảy, Đường Thái Tông hỏi các đại thần theo hầu:

– Xưa nay các bậc đế vương khai nghiệp, đến tay con cháu thường sinh ra họa loạn, là nguyên do làm sao?

Tư không Phòng Huyền Linh nói:

– Đó là bởi ấu chúa lớn lên trong thâm cung, từ nhỏ đã có cuộc sống phú quý, không hề biết đến sự chân giả trong các sự việc nhân gian, sự an nguy trong trị nước, cho nên khi lên nắm quyền thì thường sinh ra họa loạn.

Thái Tông nói:

– Ý của khanh là đẩy lỗi lầm cho quân chủ. Còn trẫm thì lại quy tội cho bề tôi. Con em của các công thần phần lớn là vô tài vô đức,

dựa dẫm vào phúc ấm của ông cha nên được làm quan lớn, không tu thân dưỡng tính, chỉ thích xa xỉ phóng túng. Quân vương còn nhỏ mà bề tôi lại không có tài năng, khi nước nhà lâm nguy không biết phò tá, sao có thể không sinh ra họa loạn? Tùy Dạng Đế ghi công lao của Vũ Văn Thuật khi mình còn làm Tấn Vương, thăng con trai ông ta là Vũ Văn Hóa Cập làm quan cao, nhưng Vũ Văn Hóa Cập không nghĩ cách báo đền, lại phản nghịch giết vua. Đây lẽ nào không phải là tội lỗi của bề tôi? Trẫm nói lời này, mong các khanh răn dạy con em mình, để chúng đừng phạm lỗi lầm nghiêm trọng, ấy là điều đáng mừng cho nước nhà.

Thái Tông lại nói:

– Vũ Văn Hóa Cập và Dương Huyền Cảm đều là con cháu của những người nhận được ân sâu nặng trong các đại thần nhà Tùy, sau đó đều mưu phản, thế là nguyên cố làm sao?

Sâm Văn Bản đáp:

– Người quân tử mới biết cảm ơn đức, hạng Dương Huyền Cảm, Vũ Văn Hóa Cập đều là lũ tiểu nhân, cổ nhân thường coi trọng quân tử và khinh thị tiểu nhân.

Thái Tông nói:

– Phải lắm.

CHỌN QUAN

Năm Trinh Quán thứ nhất, Đường Thái Tông nói với Phòng Huyền Linh và các đại thần khác:

– Cái gốc để nước nhà thịnh trị chỉ là ở sự tinh giản. Đánh giá tài năng của con người cao hay thấp để giao cho chức quan phù hợp, phải giảm thiểu định biên chức quan. Bởi vậy sách “Thượng thư” nói: “Bổ nhiệm chức quan chỉ ở chỗ tuyển dụng hiền tài”. Nếu có được người hiền năng thì dù ít người cũng là đủ. Phường vô học thì dù nhiều cũng có ích gì? Người xưa cũng ví việc tuyển quan không chọn được người phù hợp như vẽ bánh trên đất, không ăn được. “Kinh Thi” nói: “Cả nhà Quản Trọng mỗi người một chức không kiêm nhiệm việc khác, sao có thể nói là tiết kiệm?”, huống hồ giá trị của một nghìn tấm da cừu không đăt bằng một sợi lông dưới nách con cáo”. Những lời này đều được ghi trong kinh điển, không thể đều nói ra hết. Phải tinh giản cơ cấu, giảm thiểu số quan lại, làm cho ai nấy gánh vác chức trách của mình, như thế sẽ có thể đạt đến tâm “vô vi nhi trị” (không làm mà trị). Khanh phải suy nghĩ kỹ càng đạo lý trong đó, cân nhắc quyết định số lượng các quan.

Vì thế bọn Phòng Huyền Linh thiết lập bộ máy quan lại văn võ tổng cộng 640 người. Thái Tông đồng ý phương án này và bảo Phòng Huyền Linh:

– Từ nay về sau, nếu có nhạc công và những người làm tạp vụ khác, ai có kỹ nghệ hơn người thì chỉ ban thêm ít tiền để thưởng cho kỹ năng của họ chứ nhất định không ban quan tước, để họ đứng ngang

hàng, cùng ngồi ăn cơm với bậc quân tử hiền lương trong triều, để liên lụy đáng xấu hổ cho triều đình.

Năm Trinh Quán thứ hai, Đường Thái Tông nói với Phòng Huyền Linh và Đỗ Như Hối:

– Các khanh thân làm bộc xạ, cần phải chia sẻ lo lắng với trẫm, trợ giúp trẫm lo việc nước, tai phải nghe xa, mắt phải nhìn rộng, tìm kiếm người hiền minh có trí tuệ. Gần đây nghe nói các khanh lắng nghe và tiếp nhận đơn, trong vòng một ngày đến hàng trăm đơn. Như vậy đọc công văn đã không còn thời gian, làm sao có thể giúp trẫm tìm kiếm người hiền?

Rồi xuống một chiếu thư lệnh cho Thượng thư tỉnh, những việc nhỏ nhất giao hết cho Tả hữu thừa xử lý, chỉ những vụ án lớn oan khuất khó khăn cần tấu lên mới giao cho Bộc xạ.

Năm Trinh Quán thứ hai, Đường Thái Tông nói với các đại thần theo hầu:

– Trẫm hằng đêm đều nghĩ đến chuyện của dân gian, có khi đến nửa đêm còn chưa ngủ được, chính là lo các đô đốc, thứ sử có võ về được trăm họ không. Bởi thế ghi lại tính danh họ trên bình phong để khi nằm ngồi đều có thể nhìn thấy. Bọn họ làm nhiệm vụ nếu làm được việc tốt thì cũng đều ghi dưới tên của họ. Trẫm ở trong thâm cung, không nhìn thấy cũng không nghe thấy nơi xa, chỉ biết dựa vào các đô đốc, thứ sử. Trưởng quan những nơi này quả thực là quan hệ đến sự trị loạn của nước nhà, đặc biệt phải lựa chọn người đặc lực.

Năm Trinh Quán thứ hai, Đường Thái Tông nói với Hữu bộ xạ Phong Đức Di:

– Cái gốc để nước nhà được yên định là có được người tài. Gần đây lệnh cho khanh tiến cử người tài mà chưa thấy khanh tiến cử được ai. Trị vì thiên hạ, công việc vô cùng nhiều, khanh phải biết chia sẻ nỗi lo lắng và vất vả của trăm. Khanh không tiến cử người, trăm sẽ phó thác cho ai?

Phong Đức Di đáp:

– Thần tuy ngu muội, nhưng sao dám không tận tâm làm? Tuy nhiên đến nay vẫn chưa tìm được người nào có tài năng đặc biệt.

Thái Tông nói:

– Các bậc minh quân thuở trước sử dụng người tài giống như sử dụng đồ vật, dùng sở trường của họ, không mượn người tài của triều đại khác, mà đều tuyển chọn nhân tài ở thời đại mình. Lẽ nào có thể mơ thấy truyền thuyết, gặp được Lã Thượng rồi mới trị nước hay sao? Huống hồ, triều đại nào mà không có người hiền năng, chỉ lo chúng ta bỏ sót mà không biết đẩy thôi.

Phong Đức Di rất xấu hổ lui xuống.

Năm Trinh Quán thứ ba, Đường Thái Tông nói với lại bộ thượng thư Đỗ Như Hối:

– Gần đây thấy lại bộ tuyển bạt quan viên, chỉ là tuyển chọn những người nói giỏi viết giỏi, không biết họ có đức hạnh cao thượng không. Mấy năm sau, hành tích tà ác bắt đầu hiển lộ, dù có trừng phạt chém đầu nhưng trăm họ đã bị họ gây hại nặng nề. Làm thế nào mới tìm được người có phẩm hạnh đứng đắn?

Đỗ Như Hối đáp:

– Những người tài được tuyển chọn thời Lương Hán đều là những người có đức hạnh có tiếng ở thôn quê và thành thị, trước hết do các châu quận tiến cử lên, sau đó mới đưa vào sử dụng, bởi vậy khi ấy người được gọi là nhân tài nhiều lắm. Nay mỗi năm tuyển người,

người ứng tuyển tụ tập một nơi, gần nghìn người, những người này bề ngoài trung hậu, lại dùng ngôn từ làm ngụy trang nên không thể hoàn toàn hiểu được họ, các quan tuyển chọn người tài chỉ phụ trách phối cho họ quan phẩm nhất định mà thôi. Đạo lý chọn quan theo tài, tuyển bạt người tài quả thực là chưa tinh thông, cho nên không thể tìm được người tài.

Thái Tông dự định làm theo phương pháp tuyển bạt quan lại thời nhà Hán, bèn lệnh cho các châu quận trưng triệu tiến cử.

Năm Trinh Quán thứ sáu, Đường Thái Tông bảo Ngụy Trưng:

– Người xưa nói, vua phải căn cứ vào quan chức để lựa chọn người phù hợp, không được vội vã trọng dụng. Trẫm nay làm một việc là bị người trong thiên hạ nhìn thấy, nói một câu là bị người thiên hạ nghe thấy. Sử dụng người chính trực, ai làm được việc tốt thì đều khuyến miễn; dùng sai người xấu, đã không làm việc tốt lại chỉ tranh nhau cầu lợi. Thường phạt tương đương với công tích, ai không có công lao thì sẽ tự động xin lui, trừng phạt tương xứng với tội ác, kẻ xấu sẽ biết sợ hãi. Từ đó có thể thấy thưởng phạt quyết không được tùy tiện sử dụng, dùng người càng phải thận trọng lựa chọn.

Ngụy Trưng đối đáp:

– Biết dùng người là việc khó xưa nay, bởi thế khi khảo hạch công lao, quyết định biếm giáng hay là thăng chức, phải tra xét sự thiện ác của người đó. Nay muốn tìm nhân tài phải tra xét kỹ phẩm hạnh của người đó. Nếu biết thực sự là tốt thì sau đó mới sử dụng. Nếu người đó không biết làm việc, chỉ là tài lực không đủ thì cũng không có hại gì lớn. Dùng sai kẻ xấu, nếu người đó có năng lực lại biết làm việc thì nguy hại sẽ rất nhiều. Nhưng trong thời loạn chỉ cầu có tài năng, có thể không chú ý đến đức hạnh. Khi thái bình thì tài năng và đức hạnh đều phải cao mới có thể sử dụng.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Ngự sử Mã Chu dâng sớ lên Đường Thái Tông tấu rằng:

– Người trị thiên hạ phải coi trăm họ là gốc. Muốn làm cho trăm họ an cư lạc nghiệp thì phải tuyển chọn đúng thứ sử, huyện lệnh. Huyện lệnh nhiều, không thể toàn là người hiền lương, nếu mỗi châu đều có một thứ sử hiền lương thì cả châu sẽ được nghỉ ngơi. Thứ sử các châu trong thiên hạ đều hợp ý bệ hạ, vậy bệ hạ có thể khoan tay ngồi trên triều đình, trăm họ cũng không lo là không thể an cư lạc nghiệp. Xưa nay, quận thú, huyện lệnh đều phải tuyển chọn kỹ càng nhưng người hiền lương đảm nhận, những người được dự tính tuyển bạt làm đại tướng, thừa tướng nhất định phải để họ thử làm quan địa phương trước, hoặc trực tiếp lựa chọn trong số các quận thú được hưởng bổng lộc hai nghìn thạch vào triều làm thừa tướng, tư đồ và thái úy. Triều đình nhất định không được chỉ trọng dụng bề tôi trong triều mà nhìn thứ sử, huyện lệnh bằng con mắt khác, khinh thị thứ sử, huyện lệnh. Trăm họ sợ dĩ không được yên định, nguyên nhân hẳn là ở đây.

Vì thế, Thái Tông bảo các đại thần theo hầu:

– Ứng cử viên cho chức thứ sử, trăm phải đích thân tuyển bạt, ứng cử viên huyện lệnh thì giao cho các quan ngũ phẩm trở lên ở kinh thành mỗi người tiến cử một người.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Trị thư thị ngự sử Lưu Ký cho rằng những người giữ chức thượng thư tả, hữu thừa phải được tuyển chọn kỹ càng, nên dâng sớ tấu:

– Thần biết Thượng thư tỉnh ngày phải giải quyết rất nhiều việc, là trung tâm thi hành chính sách, việc sử dụng bổ nhiệm người ở đây quả thực là không đơn giản. Bởi vậy tả, hữu bộc xạ và trưởng quan sáu bộ giống như là quần tinh trong cung Văn Xương trên trời, tả thừa và hữu thừa giống như khóa, chốt trên bánh xe, những viên quan này cho đến các chức quan thấp hơn như tào, lang cũng giống như các tinh tú trên trời, nếu không làm tròn trách nhiệm mà vẫn giữ vị trí thì sẽ bị

phê bình. Thần thấy gần đây thượng thư tỉnh nhận được chiếu sắc xong cứ để đấy không nhanh chóng thực hiện, văn thư án quyển để chất đống không kịp thời xử lý, thần tuy kém cỏi bất tài, cũng xin nói rõ nguyên nhân của hiện tượng này. Vào năm Trinh Quán thứ nhất, không bổ nhiệm chức thượng thư lệnh và tả hữu bộc xạ, khi ấy trong thượng thư tỉnh công vụ nhiều gấp bội so với hiện nay. Khi ấy Đới Trụ làm tả thừa, Ngụy Trưng làm hữu thừa đều là những người thông hiểu việc quan, tấm lòng họ ngay thẳng, phẩm tính chính trực, gặp việc cần phải kiểm tra tỉ mỉ, không có việc nào trốn tránh, bệ hạ lại ban cho ân huệ, cho nên tự nhiên khiến bá quan trang trọng nghiêm túc. Các viên quan đều không lười nhác, ấy là do dùng người hợp lý. Đến khi Đỗ Chính Luân kế nhiệm chức hữu thừa, cũng rất biết khuyến khích thuộc hạ. Gần đây pháp kỷ quan trọng của nhà nước không được thi hành bình thường đều là vì công thần quốc thích ở vị trí cao, tài năng không tương xứng với chức vụ, lại cậy quyền thế công huân để quấy rối nhau. Các quan đang tại chức cũng không tuân thủ chuẩn mực pháp luật của nhà nước, có người tuy muốn phấn đấu nỗ lực, nhưng sợ bị sàm tấu phi báng. Cho nên mọi việc đều do lang trung định đoạt, chỉ khi gặp việc mới thỉnh thị thượng cấp; Thượng thư lại ba phải, không quả đoán quyết định. Có người chậm trễ thượng tấu, cố tình lần lữa, sự việc đều đã nắm rõ, nhưng vẫn còn hỏi cấp dưới, đi xuống thì không có lộ trình kỳ hạn, trở về lại không trách cứ sự chậm trễ của họ, công văn ra khỏi tay thì một năm sau mới được thực hiện. Có những việc không xử lý theo tình hình thực tế chỉ để hợp ý cấp trên; có những việc thì để tránh hiềm nghi nên áp chế lý do chính đáng. Quan viên tra án chỉ cần làm án xong là coi như sự việc kết thúc, không truy cứu có đúng hay không. Thượng thư coi a dua ton hót là chấp pháp làm việc công, không hỏi xem có phù hợp hay không. Khoan dung cho nhau vô nguyên tắc, việc làm duy nhất là che giấu sai sót trong hành sự. Huống hồ tuyển bạt nhân tài trong số chúng nhân là để ban chức quan cho những người có tài năng, kẻ không có tài năng thì không được bổ nhiệm, chức quan trên trời do con người làm thay thì sao có thể tùy

tiện giao cho kẻ bất tài được? Còn thân thích hoàng thất và khai quốc công thần, chỉ phù hợp được trọng đãi về lễ nghi bổng lộc. Có người tuổi đã cao, có người bệnh hoạn đã lâu, thần trí không minh mẫn, đã không có ích cho việc hiện thời thì nên để họ nghỉ ngơi, an hưởng tuổi già. Ngăn cản con đường tiến cử người hiền trong thời gian dài là rất không nên. Muốn trừ bỏ những tệ nạn này thì phải tuyển bạt kỹ càng tả hữu thừa và tả hữu lang trung trong thượng thư tỉnh, nếu những chức vụ quan trọng này đều tìm được người phù hợp đảm nhận thì pháp kỷ quan trọng của nhà nước sẽ được thi hành, đương nhiên cũng uốn nắn được phong khí cạnh tranh lẫn nhau của bọn tiểu nhân, lẽ nào chỉ thay đổi hiện tượng chậm trễ chiếu sắc không thôi?

Sau khi bản tấu dâng lên, không lâu sau thì vua bổ Lưu Ký làm thượng thư tả thừa.

Năm Trinh Quán thứ mười ba, Đường Thái Tông nói với các đại thần theo hầu:

– Trẫm nghe nói, nước nhà sau khi thái bình nhất định sẽ xảy ra đại loạn, sau đại loạn nhất định có thái bình. Kế sau đạo loạn là khí số của thái bình. Người yên định được thiên hạ chủ yếu là nhờ tìm được người tài để sử dụng. Các khanh đã không biết người tài ở đâu mà trẫm lại không thể biết hết người trong thiên hạ, như thế ngày qua ngày, chẳng có cách nào tìm được hiền tài. Hiện trẫm dự định để người ta tự tiến cử, việc này các khanh thấy thế nào?

Ngụy Trưng đáp:

– Người hiểu được người khác là người khôn ngoan; người biết mình là người thông tuệ. Hiểu người khác đã khó khăn, biết mình lại càng khó. Huống hồ kẻ ngu muội tối tăm luôn tự cho mình là hiền năng, khoe khoang sở trường của mình, để người ta tự tiến cử e sẽ tạo nên phong khí cạnh tranh nông nổi, không thể để người ta tự tiến cử.



Năm Trinh Quán thứ mười bốn, Đặc tiến Ngự Trưng dâng sớ tấu rằng:

– Thần nghe nói, người hiểu bề tôi không ai bằng vua, người hiểu con không ai bằng cha. Cha không hiểu được con mình thì không thể làm cho gia đình hòa mục; vua không hiểu được bề tôi thì không thể làm cho thiên hạ hài hòa thống nhất. Thiên hạ bình yên, nhà vua có công tích ắt dựa vào những người trung thành hiền lương phò tá. Người hiền năng làm quan trong triều thì công nghiệp sẽ thành, nhà vua không cần lo lắng nhiều cũng làm cho dân phong thuần hóa. Bởi vậy Nghiêu, Thuấn, Văn Vương, Võ Vương được thời trước xưng tụng đều là vì hiểu được bề tôi, trở thành minh quân, hiền sĩ đầy khắp triều đình. Bát Nguyên, Khát Khái phò tá Thuấn làm nên công nghiệp hiển hách, nghiệp tích của Chu Công, Chiêu Công tỏa sáng rực rỡ. Bởi vậy thì những bậc tôi hiền như “tức nhạc”, “cửu quan”, “thập loạn” lẽ nào chỉ sinh ra trong các triều đại xưa, mà chỉ ngày nay không có? Chỉ phụ thuộc vào nhà vua có tìm hay không tìm, yêu mến hay không yêu mến mà thôi. Tại sao lại nói như vậy? Ngọc đẹp, châu sáng, khổng tước, phỉ thúy, sừng tê, ngà voi, ngựa Hãn huyết của Đại Uyển và chó dữ của nước Tây Di, có thứ không có chân, có thứ không có tình cảm, chúng đều sinh ra ở những nơi xa xôi hoang vắng tám phương, đường xa vạn dặm bên ngoài, người nước khác phải nhờ phiên dịch để tiến công, trên con đường xa xôi vạn dặm ấy, người dâng đồ quý nườm nượp không ngớt, tại sao lại như vậy? Là bởi người Trung Quốc thích những thứ này. Huống hồ người làm quan, trong lòng nghĩ đến vinh hoa vua ban, ăn bổng lộc vua cấp, dùng đại nghĩa để dẫn dắt họ, họ đâu không thể đạt được? Thần cho rằng, thi hành giáo dục về “trung” sẽ có thể làm cho họ trở thành những trung thần như Long Phùng, Tử Can; thi hành giáo dục về “hiếu” sẽ có thể làm cho họ trở thành các hiếu tử như Tăng Sâm, Tử Khiên; thi hành giáo dục về “tín” sẽ có thể làm cho họ trở thành những người thủ tín như Vĩ Sinh, Triển cầm; thi

hành giáo dục về “Liêm” sẽ có thể làm cho họ trở thành những người liêm khiết như Bá Di, Thúc Tề.

Tuy nhiên, bề tôi ngày nay rất ít người có phẩm đức, liêm khiết, hẳn là do yêu cầu đối với họ không nghiêm, trui rèn họ không kỹ càng. Nếu dùng chí công vô tư, lòng trung vì nước để khích lệ họ, dùng lý tưởng lớn để yêu cầu họ, làm cho họ có trách nhiệm thì sẽ có thể thực hiện được chủ trương của mình. Hiền quý phải quan sát người được tiến cử, giàu có phải quan sát của cải tích lũy, thường ngày phải quan sát những việc ưa thích, học tập phải quan sát lời đã nói, nghèo khó phải quan sát thứ tiếp nhận, ti tiện phải quan sát việc không muốn làm. Sau đó tuyển chọn theo sở trường của họ, thăm tra tài năng của họ để sử dụng, dùng sở trường của họ, tránh sở đoản của họ. Lại dùng “lục chính” (sáu điều chính trực) để khuyến miễn họ, dùng “lục tà” (sáu điều tà ác) để răn đe họ thì sẽ không cần giám sát nghiêm ngặt cũng có thể tự phấn đấu, không cần khuyến khích cũng có thể tự răn mỗi ngày. Cho nên sách “Thuyết uyển” nói: “Hành vi của bề tôi có sự khác biệt giữa ‘lục chính’ và ‘dục tà’, làm theo “lục chính” thì quang vinh, phạm vào “lục tà” thì nhục nhã. Thế nào là “lục chính”? Một là khi mằm mống sự việc chưa manh nha, hình thể chưa xuất hiện đã thấy rõ dấu hiệu tồn vong, cơ yếu của được mất, diệt trừ họa hại khi chưa hình thành, làm cho nhà vua ở vị trí hiển vinh, bề tôi như thế chính là tôi thánh. Hai là tận tâm vì việc nước, hàng ngày đề xuất ý kiến hay, dùng lễ nghĩa để khuyên can nhà vua, mách cho vua những sách lược hay, nhà vua có quan điểm tốt thì thuận theo trợ giúp, nhà vua có lỗi lầm thì kịp thời uốn nắn, bề tôi như thế chính là tôi lương, ba là dậy sớm ngủ muộn, tiến cử người hiền tài không mệt mỏi, thường xuyên ca ngợi hành vi xử sự của các bậc hiền nhân thời cổ, dùng để khích lệ ý chí của nhà vua, bề tôi như thế là tôi trung. Bốn là có thể thấy rõ thành bại của sự việc, sớm phòng bị và tìm cách bổ cứu, chặn đứng rò rỉ, cắt đứt nguồn họa, giúp cho vua không bao giờ có lo sầu, bề tôi như thế là

tôi trí. Năm là tuân thủ điển chương pháp độ, làm quan xử việc, không nhận hối lộ, không theo đuổi bổng lộc, chủ động từ chối ban ơn, ăn uống tiết kiệm giản dị, bề tôi như thế là bề tôi liêm khiết. Sáu là nhà vua tối tăm, nước nhà rối ren, không có hành vi a dua, dám mạo phạm nhà vua, vạch ra những lỗi lầm của nhà vua ngay trước mặt, bề tôi như thế là bề tôi cương trực. Sáu điều trên gọi chung là “lục chính”. Thế nào là “lục tà”? Một là chỉ biết làm quan, tham thú bổng lộc, không làm việc công, nước chảy bèo trôi, gặp việc thì khoanh tay đứng nhìn, không có chủ kiến, bề tôi như thế là bề tôi giá áo túi cơm. Hai là vua nói gì cũng khen phải, vua làm gì cũng khen đúng, ngấm ngấm chú ý tìm kiếm những thứ vua thích để dâng lên, dùng nó để làm cho vua sung sướng tai mắt, dùng thủ đoạn lấy lòng nhà vua để giữ lấy chức quan của mình, cùng hưởng lạc với nhà vua, bất chấp hậu quả của những việc ấy, bề tôi như thế là bề tôi a dua nịnh hót. Ba là trong lòng đầy những ý nghĩ gian hiểm tà ác, bề ngoài lại tỏ ra cẩn trọng, ngoài miệng ngọt ngào giả vờ lấy lòng người khác, nhưng ngấm ngấm đổ ky hiên lương, muốn tiến cử ai thì khen ngợi bừa bãi ưu điểm của người đó, che giấu khuyết điểm của người đó, muốn bài xích ai thì phóng đại lỗi lầm của người đó, che giấu ưu điểm của người đó, làm cho vua thưởng phạt đều không đúng đắn, hiệu lệnh không thể chấp hành, bề tôi như thế là gian thần. Bốn là giáo hoạt đủ để che giấu lỗi lầm, ngụy biện đủ để dùng cho du thuyết, ở trong thì ly gián quan hệ cốt nhục, ở ngoài thì tạo ra rối loạn trên triều đình, bề tôi như thế là bề tôi sàm gian. Năm là tay nắm quyền lớn, ngang ngược bá đạo, đảo lộn thị phi, cấu kết bè đảng, làm cho mình giàu có, tự ý ngụy tạo thánh chỉ, dùng để giúp mình hiển đạt tôn quý, bề tôi như thế bề tôi phản nghịch. Sáu là dùng lời đường mật để lừa dối nhà vua, làm cho vua theo điều bất nghĩa, kết bè kéo đảng, làm chuyện gian dối, che mắt nhà vua, làm cho nhà vua không phân biệt được trắng đen, thị phi không có giới hạn, khiến cho tiếng xấu của nhà vua đồn khắp trong nước, lân bang cũng nghe thấy, bề tôi như thế là bề tôi làm mất nước. Sáu loại trên gọi chung là “lục tà”. Bề tôi hiền lương đứng về phía “lục chính”, không

theo “lục tà”, cho nên triều đình yên định mà thiên hạ đại trị. Những người này khi sống thì được trăm họ yêu quý, khi qua đời được trăm họ tưởng nhớ, đó là tài trị nước cần có của bề tôi. Sách “Lễ ký” viết: ‘Cán cân treo ở đó, không thể dùng nặng nhẹ để lừa gạt nó; dây mực của thợ mộc đặt ở đó, không thể dùng cong thẳng để lừa gạt nó; quy củ đặt ở đó, không thể dùng tròn vuông để lừa gạt nó; người hiểu rõ lễ nghĩa, không thể dùng gian tà để lừa dối’. Đã vậy thì tình hình của bề tôi, biết không khó khăn gì lại thêm đối xử với họ theo chuẩn mực của lễ, dùng pháp luật để trói buộc, ai làm việc tốt thì được khen thưởng, ai làm việc xấu thì bị trừng phạt, sao dám không mong muốn tiến lên? Sao dám không tận lực vì nước?

Việc nhà nước muốn đề bạt người trung chính hiền lương, bãi miễn người bất tài đã có từ hơn mười năm nay, nhưng chỉ nghe được những lời như vậy chứ chưa nhìn thấy người như vậy, tại sao? Là bởi lời nói thì đúng, nhưng việc làm thì sai. Nói đúng là bởi bắt nguồn từ đạo lý ai cũng công nhận; làm sai là vì bước vào đường tà. Đúng và sai lẫn lộn nhau, tốt và xấu đan xen nhau.

Người mà nhà vua yêu mến thì dù có tội cũng không bị xử trị; người mà vua ghét thì dù không có lỗi lầm cũng bị trừng phạt. Đó là tình trạng người yêu thích thì mong cho được sống, người mình ghét thì mong cho chết đi như thường nói. Với một số người thì chỉ vì một lỗi nhỏ cũng rũ bỏ điều thiện của họ, chỉ vì lỗi nhỏ cũng quên đi công lớn của họ. Đó chính là tình trạng sự ban thưởng của nhà vua không thể lấy công mà cầu được, sự trừng phạt của vua không thể lấy có tội mà tránh được miễn giảm như thường nói. Thưởng không phải là để khích lệ người ta làm điều thiện, phạt không phải là để trừng trị kẻ ác, mà mong muốn kẻ xấu và người tốt không lẫn lộn, liệu có được không? Nếu thưởng không để sót người xa, phạt không thiên vị tông thân quý thần, coi ngay thẳng công bằng là tiêu chuẩn đánh giá thị phi, coi nhân nghĩa là thước đo phân biệt thiện ác, thông qua khảo sát thị

phi công tội của quan lại để xác định danh phận chức trách của họ, tìm hiểu ưu khuyết trong công việc của quan lại theo chức vụ đảm nhiệm thì gian tà và chính trực đều sẽ không bị che giấu, tốt và xấu tự nhiên phân rõ. Sau đó lựa chọn những người có chân tài thực học, không trọng dụng những kẻ có tác phong hủ hóa, sắp xếp những người trung hậu, loại bỏ những kẻ nông cạn thì không cần nói thiên hạ cũng được thuần hóa, trong vòng một năm là có thể biết được kết quả. Nếu chỉ thích kẻ có bề ngoài mà bên trong trống rỗng, mà không lựa chọn quan lại vì trăm họ, có lời nói công bằng mà không có hành động công bằng, không biết tội ác của người mình thích, quên đi ưu điểm của người mình không thích, chỉ thân cận kẻ gian tà do ân oán cá nhân, đi ngược lại nguyên tắc công bằng mà xa lánh người trung chính hiền lương, thì dù bận rộn từ sáng sớm đến tối khuya, hao phí tinh thần, khổ công suy nghĩ, muốn được nước nhà yên định và giàu mạnh cũng không thể được.

Sau khi bản tấu trình lên, Thái tông rất khen ngợi và tiếp thu những ý kiến này.

Năm Trinh Quán thứ hai mươi mốt, Thái Tông ở cung Thúy Vi, bổ nhiệm Tư nông khanh Lý Vi làm Hộ bộ thượng thư. Phòng Huyền Linh khi ấy ở lại kinh thành. Gặp người từ kinh thành đến, Thái Tông hỏi:

– Phòng Huyền Linh hay tin trăm bổ nhiệm Lý Vi làm Hộ bộ thượng thư, có ý kiến gì không?

Người đó đáp:

– Phòng Huyền Linh chỉ nói: “Đám râu của Lý Vi mọc tốt lắm”. Ngoài ra không nói gì nữa.

Vì thế Thái Tông đổi sang bổ nhiệm Lý Vi làm thứ sử Lạc Châu.

PHONG KIẾN

Năm Trinh Quán thứ nhất, phong Trung thư lệnh Phòng Huyền Linh làm Hàn quốc công, Công bộ thượng thư Đỗ Như Hối làm Thái quốc công, Lại bộ thượng thư Trương tôn Vô Kỵ làm Tề quốc công, cùng là công thần bậc nhất, phong cho thực ấp ba nghìn ba trăm hộ. Chú của Thái Tông là Hoài An vương Lý Thần Tông dâng tấu rằng:

– Ngọn cờ khởi nghĩa của Cao Tổ vừa giương lên, thần đã dẫn quân đến hưởng ứng đầu tiên, nay bọn Phòng Huyền Linh đều là những kẻ múa may chữ nghĩa, thế mà công huân được đứng hàng đầu, thần trộm thấy không phục.

Thái tông nói:

– Việc lớn của nước là chỉ có thưởng và phạt. Thưởng thì tương đương với công lao lớn nhỏ, kẻ không có công ắt tự nhiên lui xuống; phạt phù hợp với tội ác, kẻ làm việc xấu ắt tự lo sợ. Vậy thì phải biết rằng thưởng và phạt không thể tùy tiện thi hành. Nay ban thưởng theo công huân lớn nhỏ, bọn Phòng Huyền Linh có công lớn bày mưu tính kế để yên định nước nhà. Bởi thế Tiêu Hà nhà Hán tuy không có công lao chém giết nơi chiến trường, nhưng có vai trò chỉ đạo, do đó có thể được công huân hàng đầu. Thúc phụ là chí thân triều đình, trăm thực không phải là hà tiện phong thưởng, chỉ vì không thể tùy tiện phong thưởng như các bề tôi có công huân to lớn một cách tùy tiện theo tình riêng được.

Thế nên các công thần đều bảo nhau:

– Bệ hạ đối xử với bề tôi bằng thái độ công chính nhất, thưởng không thiên vị người thân, chúng ta còn có gì để nói nữa?

Ban đầu, Cao Tổ xây dựng số ghi tên tông thất, anh em, cháu chắt cho đến con cháu đời thứ hai, thứ ba, những người từ nhi đồng trở lên được phong vương có đến mấy mươi người. Đến nay, Thái Tông bảo quần thần:

– Từ thời Lương Hán đến nay, chỉ phong con trai và anh em làm vương, những người thân thuộc họ xa khác nếu không có công lớn như Lưu Giả, Lưu Trạch thời nhà Hán thì đều không được thụ phong. Nếu mọi người thân thuộc đều được phong vương, cho họ thêm nhiều người làm việc lao khổ thì đó là tăng thêm nỗi nhọc nhằn khổ cực của trăm họ để nuôi dưỡng thân thích của mình.

Thế nên trong tông thất những người trước kia đã được phong làm quận vương mà không có công lao thì đều bị giáng xuống làm huyện lệnh.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Đường Thái Tông cho rằng nhà Chu phân phong cho con em vương thất, ngôi vương truyền được đến tám trăm năm, nhà Tần phế trừ chế độ phân phong, đến đời thứ hai thì mất nước, Lã Hậu muốn gây hại cho thiên hạ họ Lưu, cuối cùng dựa vào sức mạnh của con em tông thất để được yên định, phân phong cho hoàng thân hiền thần, hẳn là biện pháp để con cháu kế nhiệm dài lâu. Thế nên quy định chế độ, nhất loạt phong con em hoàng đế là bọn Kinh Châu đô đốc Kinh vương Lý Nguyên Cảnh, An Châu đô đốc Ngô vương Lý Khác... tổng cộng 21 người, rồi thêm bọn công thần Tư không Triệu Châu thứ sử Trương Tôn Vô Kỵ, Thượng thư tả bộc xạ Tống Châu thứ sử Phòng Huyền Linh... tổng cộng 14 người làm thứ sử truyền đời. Lễ bộ thị lang Lý Bách Dực dâng một bản tấu nghị luận, dùng để phản bác việc phong tước truyền đời:

Thần nghe nói, trị nước, bảo vệ trăm họ là việc nhà vua thường phải làm; tôn trọng nhà vua làm cho người bên trên yên định là đạo lý lớn trăm họ đều phải hiểu. Muốn trình bày kế hoạch trị nước an bang, dùng để phát triển sự nghiệp muôn đời, suy nghĩ của mọi người là như nhau. Tuy nhiên, số năm trị nước của các triều đại dài ngắn khác nhau,

nước nhà cũng có yên định và loạn lạc khác nhau. Nhìn xa về các ghi chép trong điển tịch cổ đại, bàn về việc này rất chi tiết, đều nói rằng triều Chu đã vượt quá số năm trị nước đáng được hưởng, triều Tần không đạt được kỳ hạn như dự định, nguyên nhân khiến hai triều đại này tồn tại và diệt vong là có xây dựng quận thú hay không. Nhà Chu vì bắt chước kinh nghiệm trị nước lâu dài của nhà Hạ, nhà Ân, tuân thủ phương châm trị nước của các bậc thánh quân cổ đại, liên kết với các thành ấp bang quốc, làm cho nó vững như bàn thạch, gốc rễ sâu nên nước vững vàng, tuy pháp kỷ trọng yếu của nhà nước lỏng lẻo, nhưng các chư hầu và Chu vương lại như thân với cành của cây, nương tựa vào nhau. Bởi vậy làm cho việc phản bội ly loạn không xảy ra, lễ tế tông miếu không đứt đoạn. Triều Tần đi ngược lại lời dạy của cổ nhân, vứt bỏ biện pháp trị nước của bậc thánh quân cổ đại, chặt đứt Hoa Sơn để xây thành, dựa vào sự hiểm yếu của nó để ngăn chặn chư hầu xây dựng quận thú, con em tông thất không có một tấc đất phong làm thực ấp, trăm họ rộng lớn ít có nỗi lo cùng trị nước, cho nên một người bình thường kêu gọi nổi dậy thì tổ miếu triều Tần theo đó bị hủy hoại và sụp đổ.

Thần cho rằng, các bậc đế vương xưa nay, ở ngôi vua mà thông trị cả nước, không có ai không chịu theo mệnh trời, ghi danh vào sử sách. Khi gây dựng nước nhà đều gặp vận tốt, nỗi lo lắng sâu sắc chỉ thuộc về khi gây dựng đế nghiệp, dù nhờ người khác nuôi lớn như Ngụy Võ Đế, người thấp hèn phải đi phu như Hán Cao Tổ, không chỉ muốn đoạt lấy ngôi vua, mà có muốn từ chối nó cũng không được. Nếu trăm họ kiên cáo không đi theo, tinh hoa đã cạn kiệt thì tuy chính tích của Đế Nghiêu sáng rọi bốn biển, nền chính trị tốt đẹp của Đại Thuấn sánh bằng nhật nguyệt tinh tú, không chỉ trong lòng có ý nhường lại, mà ngay cả đế con cháu họ giữ lấy cơ nghiệp của tiền bối cũng không được. Dựa vào đức tốt của Đường Nghiêu, Ngu Thuấn mà còn không thể làm cho hậu duệ của họ thịnh vượng. Qua đó biết rằng,

đế nghiệp dài hay ngắn tùy thuộc vào ý trời, nước nhà hưng suy có liên quan đến việc trị vì của con người. Nhà Chu có đế nghiệp hưng thịnh, kết quả bốc quẻ đạt được là truyền đến 30 đời, trị nước 700 năm, tuy đã suy yếu đến cực điểm, nhưng chế độ danh vật mà Văn Vương, Võ Vương để lại vẫn tồn tại, đế nghiệp mà cái quy đỉnh kia tượng trưng đã được treo từ lâu tùy thuộc vào ý trời. Còn về chuyện Chu Chiêu Vương đi tuần thú phương nam một đi không trở lại, Chu Bình Vương sang đông đến ấp Lạc, tránh né thân thích, lễ nghi thờ cúng đã khiếm khuyết, đất đai ở kinh đô không được bảo tồn thì đó chính là khởi đầu của sự suy yếu, nó đã chịu sự liên lụy của việc phân phong bang quốc. Nước Tần bạo ngược, tuy vận nước giống như cựa gà mọc thừa, giống như ngày giờ dư thừa của năm nhuận, nhưng vận số nhà Chu đã đến cực điểm của âm số. Vua chịu mệnh của nhà Tần có đức hạnh khác với Hạ Vũ và Thương Thang, quân chủ kế vị có tài năng không bằng Hạ Khởi và Thành Vương. Ngay cả những người như Lý Tư, Vương Quán cũng đều xây dựng nước chư hầu, những người như Tương Lữ, Tử Anh đều được phát hàng nghìn cỗ xe, lẽ nào có thể xoay chuyển được sự trỗi dậy của Xích Đế Tử?

Vậy thì, sự được mất thành bại của sự việc có nguyên nhân của nó. Mà những người viết sách lập thuyết phần lớn là bảo thủ, chẳng một ai không phải là quên sự khác biệt giữa ngày nay và ngày xưa, phân biệt không rõ khinh bạc và thuần phác, muốn thúc đẩy chế độ pháp lệnh thời Hạ, Thương, Chu trong ngày nay, dùng hết đất của thiên hạ để phân phong chư hầu, đất hàng nghìn năm nơi đế vương cư trú toàn làm thực ấp của khanh đại phu. Đây chính là phương pháp thượng cổ của thời đại thắt nút dây để tính số, thịnh hành thời Ngu Thuấn, Hạ Vũ, dùng phương pháp thời Đế Thuấn để thực hiện trong thời đại Hán, Ngụy, chế độ pháp lệnh lỏng lẻo hỗn loạn là điều có thể biết được. Chém thuyên để tìm gươm, không thấy nó khả thi; dán que chỉnh dây đàn, diễn tấu bản nhạc, càng làm cho người ta hoài nghi.

Chỉ biết Sở Trang Vương hỏi đình, Tấn Văn Công xin hàng, có tâm lý lo sợ bá chủ nổi dậy; Tử Anh đầu hàng Hán Vương, không còn có chư hầu chi viện. Không biết Tần Nhị Thế tại sao lại bị Triệu Cao giết ở cung Vọng Di, không hiểu tại sao Hậu Nghệ bị Hàn Trạch giết ở cánh đồng Đào Ngô; tai nạn của hương công cao quý Tào Mao lẽ nào khác với việc Thân Hầu liên kết với kẻ buôn lụa, giặc Khuyển Nhung giết chết Chu U Vương? Đó chính là người trong sáng và tối tăm tự thay đổi sự yên nguy của mình, nhất định không phải là quận tể và công hầu tạo nên sự hưng phế của nước nhà. Huống hồ mấy đời sau, vương thất suy vi, bắt đầu từ tông thân ở phiên quốc biến thành thù địch. Trong một nhà tập tục khác nhau, trong một nước mỗi nơi có chính quyền khác nhau, chính quyền lớn mạnh xâm phạm chính quyền nhỏ yếu.

Trung thư xá nhân Mã Chu lại dâng sớ tấu:

Thần thấy chiếu thư của bệ hạ lệnh cho thân thuộc trong tôn thất và các công thần trấn thủ bang quốc được phân phong, đồng thời truyền lại cho con cháu họ, để họ đời đời kế thừa chính quyền ở đó, không có nguyên cớ trọng đại thì không được bãi miễn. Thần trộm cho rằng bệ hạ ban phong cho người vun trồng, quả thực là yêu mến họ sâu sắc, muốn làm cho hậu thế của họ kế thừa chức vụ, có thể truyền đời làm quan. Tại sao lại làm như vậy? Dựa vào các bậc quân phụ như Nghiêu, Thuấn, còn có những người con trai như Đan Châu, Thương Quân, huống hồ những người kém hơn mà muốn dựa vào tài năng phẩm đức của cha mình để suy đoán, e rằng kém rất xa. Nếu có người ngay khi còn nhỏ đã kế thừa chức vụ của cha mà vạn nhất kiêu xa dâm dật, thì trăm họ sẽ gặp tai họa do họ gây ra, mà nước nhà cũng bị bại hoại bởi họ; muốn cắt đứt đất phong và quan tước của họ thì trường hợp như Sở lệnh Doãn Tử Văn chết rồi, để cho con cháu ông lại làm quan vẫn còn; muốn giữ lại đất phong và quan tước của họ thì lại có

trường hợp cái ác muốn giấu đã hiển lộ. Thay vì để những người như vậy làm hại trăm họ, thì thà cắt ân đức đối với các bậc bề tôi đã chết, đây là đạo lý rất rõ ràng. Đã vậy thì những người được trọng dụng trước kia có vẻ như là làm tổn thương đến họ. Thần cho rằng phân phong đúng mức thực ấp đời đời như nhau, nhất định phải có tài năng và phẩm hạnh, ban chức theo tài năng và phẩm hạnh, như thế sẽ có thể làm cho những người có năng lực yếu cũng có thể vì thế mà được miễn chịu liên lụy của lỗi lầm. Ngày xưa Hán Quang Vũ Đế không bỏ nhiệm bề tôi có công làm quan địa phương, nên cuối cùng giữ được cả cuộc đời cho các công thần này, quả thực là đã hiểu phương pháp trị nước. Mong bộ hạ suy xét kỹ càng xem việc này xử lý như thế nào mới thỏa đáng, làm cho mọi người nhận được đại ân của bộ hạ, con cháu đời đời cuối cùng cũng được hưởng phúc lộc.

Thái Tông đồng thời khen ngợi và tiếp thu ý kiến của Lý Bách Dược, Mã Chu, cuối cùng hủy bỏ chiếu lệnh để con em tôn thất và công thần làm thứ sử truyền đời.

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU

– QUYỂN 4 –

ĐỊNH PHẬN THÁI TỬ VÀ CHƯ VƯƠNG

Năm Trinh Quán thứ bảy, Thái tông bổ nhiệm Ngô vương Lý Khắc làm Tề Châu đô đốc. Thái Tông bảo các đại thần theo hầu:

– Về tình cảm cha con, lẽ nào không mong muốn thường xuyên gặp mặt nhau? Nhưng việc nhà và việc nước, sự thể nặng nhẹ khác nhau, nó phải đến làm quan địa phương, tránh xa kinh thành. Hơn nữa để nó định danh phận sớm hơn một chút, đoạn tuyệt với những ý nghĩ không nên có, trầm chết đi, khiến cho anh em chúng không có tai họa nguy vong.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Thị ngự sử Mã Chu dâng sớ tấu rằng:

– Từ nhà Hán, nhà Tấn đến nay, các chư hầu vương được phân phong đều vì thụ phong không hợp lý, không xác lập trước danh phận nhất định, nên dẫn đến diệt vong. Người làm vua hiểu rất rõ tình trạng này, nhưng họ chìm đắm trong thiên vị nên cỗ xe phía trước đã lật, cỗ xe phía sau vẫn không đổi đường đi, đi vào vết xe đổ, không đúc rút bài học. Nay chư vương được sủng ái, nỗi lo của thần không chỉ là lo họ ỷ vào sự sủng ái của hoàng thượng mà kiêu ngạo tự đại. Ngày trước Ngụy Võ Đế sủng ái Trần Tư Vương Tào Thực, đến khi Ngụy Văn Đế lên ngôi, Trần Tư Vương bị cấm đoán giống như một tội phạm trong ngục, là bởi tiên hoàng sủng ái quá nhiều, cho nên vị vua kế ngôi cũng

phải sợ. Đây chính là nguyên nhân Ngụy Vô Đế sủng ái Trần Tư Vương lại khiến người được sủng ái chịu khổ. Huống hồ con em của đế vương nào phải lo không phú quý, họ hưởng thụ sự cung phụng, thực hộ được phong không ít, ăn ngon mặc đẹp, còn cần gì hơn nữa? Nhưng mỗi năm được ban lộc hậu lại không có giới hạn quy định. Tục ngữ nói: “Nghèo không học mà tiết kiệm, giàu không học mà xa xỉ”, ý muốn nói tự nhiên nó thế. Nay bệ hạ gây dựng sự nghiệp bằng thánh trí tốt vời, lẽ nào chỉ là sắp xếp cho con em hiện có là coi như xong chuyện? Mà còn phải lập ra chế độ lâu dài, làm cho đời đời tuân theo.

Bản tấu được dâng lên, Thái Tông rất tán đồng, ban thưởng cho ông rất nhiều tài vật.

Năm Trinh Quán thứ mười ba, Giám nghị đại phu Chử Toại Lương vì việc mỗi ngày cấp các loại vật tư cho phủ Ngụy vương Lý Thái Phủ nhiều hơn Hoàng Thái tử nên dâng sớ khuyên can:

– Ngày trước thánh nhân lập ra lễ tiết, tôn trọng con cả, xem nhẹ con thứ. Gọi con cả là trữ quân, đức hạnh của con cả gần bằng quân vương, rất được tôn trọng, sử dụng vật tư không hạn chế, tài vật được hưởng như quân vương. Con thứ xuất thân kém hơn, không thể đem con cả ra so sánh, qua đó cản trở hiềm nghi gia tăng, loại bỏ căn nguyên họa loạn. Tiên vương hẳn là đã căn cứ vào lẽ thường tình của con người, sau đó lập ra pháp lệnh. Hiểu rằng có nước có nhà thì ắt có trưởng có thứ. Nhưng ngay cả sủng ái con thứ cũng không thể vượt quá danh phận. Con cả là chính thể, phải đặc biệt tôn sùng. Nếu không thể xác định danh phận nhất định thì sẽ khiến những người đáng thân cản trở nên xa lánh, người đáng tôn trọng lại bị khinh thị, vậy thì những kẻ a dua xiểm nịnh sẽ thừa cơ hoạt động, dùng tình riêng để tổn hại công đạo, mê hoặc tâm trí, làm rối nước nhà. Bệ hạ công nghiệp vượt qua thiên cổ, đức hạnh át cả muôn đời; phát ra hiệu lệnh, lập pháp quy cho thiên hạ. Hàng ngày xử lý chính vụ phức tạp, có việc

chưa thể hoàn toàn thỏa đáng. Thần đảm nhiệm chức trách can gián, không cho phép giữ im lặng trước việc này. Nhìn thấy vật tư cung cấp cho Thái tử lại ít hơn Ngụy vương, các đại thần trong triều và dân chúng biết được sẽ cho là không hợp lý. Thần nghe “Tả truyện” nói: “Sùng ái con cái phải dùng quy củ hành sự để giáo dục nó”. Trung thành, hiếu thảo, khiêm cung, tiết kiệm chính là quy củ hành sự. Ngày trước Đâu thái hậu nhà Hán và Hán Cảnh Đế đều không hiểu đạo lý dùng quy củ hành sự để giáo dục con cái nên buông lỏng cho Lương Hiếu Vương, phong ban hơn bốn mươi thành ấp, hơn ba nghìn dặm vườn, xây dựng cung thất trên quy mô lớn, tích trữ rất nhiều tiền tài, ra vào đều theo nghi thức của hoàng đế. Nhưng sau đó thì không được như ý, mắc bệnh mà chết. Hán Cảnh Đế cũng buông lỏng con thứ Hoài Dương Vương, sau đó Hoài Dương Vương mưu phản làm loạn, gần như làm cho nước nhà bại vong, may nhờ có sự phò tá của các đại thần nên mới tránh được tai họa. Còn Ngụy vương Thái mới được phong, hy vọng luôn dùng lễ nghi để chỉ dạy, tuyển chọn thầy giáo phù hợp, dùng đạo lý thành bại của nước nhà để khơi mở; vừa dùng đức tốt tiết kiệm để giáo dục, vừa dùng văn chương học vấn để khuyến khích. Làm cho vương tận trung tận hiếu, dùng đức hạnh lễ nghi dẫn đạo, yêu cầu chính mình, từ đó mới có thể trở thành hiền tài. Đây gọi là thánh nhân thi hành giáo hóa, không cần thái độ nghiêm khắc mà làm cho con người thành tài.

Thái Tông hoàn toàn tiếp thu ý kiến của ông.

Năm Trinh Quán thứ mười sáu, Thái Tông bảo các đại thần theo hầu:

– Nước nhà hiện nay việc gì cần kíp nhất? Mỗi người các khanh hãy cho trẫm biết.

Thượng thư hữu bộc xạ Cao Sĩ Khiêm nói:

– Dưỡng sức dân là cần kíp nhất.

Hoàng môn thị lang Lưu Ký nói:

– Võ về các dân tộc thiểu số bốn phương là cần kíp.

Trung thư thị lang Sầm Văn Bản nói:

– “Tả truyện” nói: “Đem đức hạnh để dẫn đạo, dùng lễ nghi để yêu cầu”. Như vậy thi hành lễ nghi là cần kíp.

Gián nghị đại phu Chử Toại Lương nói:

– Nay bốn phương ngưỡng mộ thánh đức, không dám làm bậy, chỉ còn việc thái tử và chư vương phải có danh phận nhất định. Bệ hạ tốt nhất là lập pháp quy khả thi cho muôn đời để lại cho con cháu, đây chính là việc cần kíp nhất hiện nay.

Thái Tông nói:

– Nói đúng lắm. Trăm năm nay gần năm mươi tuổi, đã cảm thấy suy nhược mệt mỏi. Đã lập con cả làm Đông cung Thái tử, các anh em và con thứ có khoảng bốn mươi người, lòng trăm luôn lo lắng chuyện này. Nhưng xưa nay trường thứ nếu không thành tài thì làm sao không khiến nước nhà khuyh bại? Các khanh hãy giúp trăm tìm người hiền đức để phò tá Thái tử và chư vương, phải tìm những người chính trực. Hơn nữa quan lại theo hầu chư vương không được thời gian quá lâu. Thời gian quá lâu thì tình nghĩa sâu, thường từ đó sinh ra ý đồ không nên có. Quan lại ở các vương phủ không được để họ nhậm chức quá bốn năm.

TÔN KÍNH THẦY

Năm Trinh Quán thứ ba, Thái tử thiếu sư Lý Cương bị bệnh ở chân, không thể xỏ giày đi đường. Thái Tông ban cho ông ngồi xe vào Đông cung, chiếu lệnh Hoàng Thái tử dìu ông lên điện và đích thân bái kiến, tỏ ra rất mực tôn trọng. Lý Cương giảng cho Thái tử về luân lý vua tôi cha con, cũng như lễ tiết khác, đạo lý rất đúng đắn, ngôn từ khẩn thiết, khiến người nghe giảng quên mệt mỏi. Thái tử từng thảo luận các nguyên tắc mà quân thần xưa nay phải tuân theo cũng như những việc phải tận trung tận tiết. Lý Cương nghiêm giọng nói:

– Nhận lời vua ủy thác, phò tá ấu chúa, làm thay quốc chính, người xưa cho là khó, ta thì cho là dễ.

Mỗi khi ông nói, ngôn từ và thái độ đều khảng khái hiên ngang, có ý chí không thể buộc ông thay đổi. Thái tử rất kính trọng.

Năm Trinh Quán thứ sáu, Thái Tông xuống chiếu:

– Gần đây trăm nghìn cứu sử sách kinh điển, thấy các bậc minh quân có ai không có thầy dạy? Pháp lệnh trước đây chưa thấy thiết lập chức vị của tam sư, trong lòng cảm thấy không ổn. Tại sao lại nói như vậy? Hoàng Đế học từ Thái Địch, Chuyên Húc học từ Lục Đồ, Nghiêu học ở Doãn Thọ, Thuấn học ở Vụ Thành Chiêu, Vũ học ở Tây Vương Quốc, Thang học ở Uy Tử Bá, Văn Vương học ở Tử Kỳ, Võ Vương học theo Quắc Thúc. Các bậc thánh vương xưa nếu không gặp những người thầy này thì công nghiệp sẽ không thể rực rỡ trong thiên hạ, danh tiếng không thể được ghi trong sử sách. Huống hồ trăm nghìn tiếp

quân vương các đời, trí tuệ không bằng thánh vương, nếu không có thầy dạy thì sao có thể quản lý được ức vạn bách tính? “Kinh thi” chẳng phải từng nói: “Đừng sai lầm, đừng quên lãng, hoàn toàn theo quy củ cũ”. Không học để hiểu đạo lý trị nước thời xưa mà muốn làm cho nước nhà đạt được cục diện chính trị thiên hạ thái bình, thì là điều không thể. Phải lập tức lập ra pháp định, thiết lập chức vị Tam sư.

Năm Trinh Quán thứ tám, Thái Tông nói với các quan theo hầu:

– Thánh nhân có trí tuệ thượng đẳng hẳn không nhiễm thói xấu, nhưng người bình thường có trí tuệ trung đẳng thì phẩm đức không ổn định, thay đổi tùy theo giáo dục. Huống hồ người phò tá Thái tử xưa nay rất khó tuyển chọn. Thành Vương hồi nhỏ đã bỏ Chu Công, Triệu Công làm Thái phó, Thái bảo, tả hữu đều là những người hiền, hàng ngày được nghe lời dạy hay, tăng thêm nhân nghĩa đạo đức nên trở thành thánh quân. Tần Nhị Thế Hồ Hợi, dùng Triệu Cao làm Thái sư, Triệu Cao dạy y hình pháp quyết ngục, đến khi được lập làm vua thì tru diệt công thần, sát hại tông tộc, tàn bạo đến cực điểm, tiếp đến là mất nước. Bởi vậy sự thiện ác của con người quả thực chịu ảnh hưởng của thân tín tả hữu. Nay trẫm chọn thầy kỹ càng cho Thái tử và chư vương, để bọn họ làm theo lễ tiết chế độ, nhận được bổ ích. Các khanh có thể tìm người chính trực, trung thành, tín nghĩa, mỗi người tiến cử đôi ba người.

Năm Trinh Quán thứ mười một, bổ nhiệm Lễ bộ thượng thư Vương Khuê kiêm nhiệm làm thầy của Ngụy vương. Thái Tông bảo Thượng thư tả bộc xạ Phòng Huyền Linh:

– Xưa nay con của đế vương sống trong thâm cung, khi trưởng thành chẳng mấy ai không kiêu xa dâm dật, cho nên nối tiếp bị diệt

vong, không mấy ai biết tự cứu mình. Nay trăm nghiêm khắc giáo dục con em, hy vọng chúng đều được an toàn. Vương Khuê, trăm sử dụng lâu nay, rất hiểu ông ấy cương nghị chính trực, có lòng trung hiếu, chọn ông ấy làm thầy cho con trăm. Khanh cần bảo Lý Thái, mỗi lần gặp Vương Khuê đều phải như gặp trăm, phải tỏ ra kính trọng, không được lười biếng.

Vương Khuê cũng cẩn trọng ứng xử theo chuẩn mực làm thầy, dư luận khi ấy đều khen ngợi ông.

Năm Trinh Quán thứ mười bảy, Thái Tông nói với Tư đồ Trưởng Tôn Vô Kỵ, Tư không Phòng Huyền Linh:

– Tam sư là người dùng đức hạnh để dạy bảo thái tử. Nếu tam sư thân phận thấp hèn, thái tử sẽ không có tấm gương để học tập.

Thế nên chiếu lệnh chế định lễ tiết thái tử tiếp đại tam sư: Thái tử ra cửa điện nghênh đón, trước tiên lễ bái kiến tam sư, thái tử đáp lễ khi tam sư hành lễ, mỗi khi ra vào cửa đều để tam sư đi trước; tam sư ngồi thái tử mới ngồi; thái tử viết thư cho tam sư, phía trước đề “hoảng khủng” (lo sợ), phía sau đề “hoảng khủng tái bái” (lo sợ bái lại).

Năm Trinh Quán thứ mười tám, Cao Tông mới được lập làm Thái tử, còn chưa tôn kính hiền nhân, coi trọng đức hạnh, Thái Tông lại từng lệnh cho Thái tử ở phòng bên cạnh chính điện nơi ngài nghỉ ngơi, cấm Thái tử đến Đông cung. Tán kỵ thường thị Lưu Ký dâng sớ tấu:

– Thần nghe nói ra ngoài thành đón tiếp khách, Thái tử lấy đó để bồi dưỡng đức hạnh; học lễ nhượng theo độ tuổi, Thái tử từ đó trở thành chính tông. Đây đều là hạ thấp sự tôn nghiêm về mặt lễ tiết của quân chủ để tỏ lòng nhân nghĩa qua lại với thần dân. Bởi vậy có thể nghe được lời bàn tán của trăm họ trong dân gian, nghe được bốn

phương tám hướng; không ra khỏi cung, chỉ ngồi trong cung mà biết được việc của thiên hạ. Hoàn toàn tuân theo phương châm này sẽ mãi mãi củng cố được đại nghiệp của đế vương. Nếu sinh ra trong chốn thâm cung, lớn lên trong vòng tay phụ nữ, chưa từng biết lo lắng sợ hãi thì không thể hiểu được thơ văn từ chương. Dù tài thánh không thể đoán chừng, thiên sinh trí tuệ, nhưng dù thông hiểu quy luật của vạn vật, dựa theo nó để làm nên sự nghiệp thiên hạ, cuối cùng cũng phải dựa vào sự phò trợ của bề tôi. Nếu không coi trọng lễ nhạc giáo hóa, học ca dao thi tụng thì sao phân rõ vạn vật, giám định luân thường? Khảo sát phổ biến việc làm của thánh hiền thì hoàn toàn có thể dùng để dạy bảo Thái tử. Bởi vậy Thái tử nhà Chu tôn sùng thánh triết, bái Thái Công Vọng, Chiêu Công làm Thái sư, Thái bảo, nâng cao đức hạnh; Thái tử nhà Hán hấp thu nhân nghĩa, lễ đón các bậc hiền nhân Đông Viên Công, Khởi Lý Quý, thể hiện phẩm đức. Việc khảo sát thân phận của Thái tử quan hệ đến vận mệnh của nước nhà; sự hưng vong của nước nhà tùy thuộc vào việc Thái tử hành thiện hay hành ác. Nếu Thái tử ngay từ đầu không nỗ lực thì cuối cùng sẽ hối hận. Bởi thế Tiều Thố dâng sớ yêu cầu Thái tử thông hiểu phương lược trị nước; Giả Nghị hiến kế, yêu cầu Thái tử phải hiểu lễ giáo. Nay Hoàng Thái tử tài năng kiệt xuất, danh thơm sớm vang, đức tốt sáng suốt công bằng, đôn hậu thành thực, phẩm chất hiếu kính, hữu ái, nhân nghĩa đều bắt nguồn từ tư chất trời sinh, không cần phải dạy bảo chi tiết. Trăm họ khắp thiên hạ vốn ngưỡng mộ đức hạnh của Thái tử, ngay cả chim bay cá lội cũng đều hướng theo phong tiết của Thái tử. Tuy nhiên lễ nghi vấn tâm thị thiện (hỏi vua về giấc ngủ, trông coi khi vua ăn) đã biểu hiện ở ba lần triều kiến mỗi ngày; học tập nghiên cứu học thuật ở Nghệ cung, còn phải thông hiểu bốn môn học vấn thi, thư, lễ, nhạc. Tuy tuổi đang sung sức, tu thân có tiến triển, nhưng quả thực lo lắng ngày tháng dễ trôi qua, sự nghiệp bị tiêu hủy. Tham thú an dật và bị trách mắng chính là bắt đầu từ đây. Thần ngu muội nông cạn, may mắn được tham gia hầu hạ, hy vọng mở mang trí sáng của Thái tử, ý

kiến được lắng nghe. Trình bày chuyện cũ không dám bóp méo, khẩn cầu dùng đức hạnh của thánh thượng để nói rõ.

Bệ hạ trời sinh thánh trí, thừa thiên mệnh, lên ngôi hoàng đế, đã được thử thách. Đa tài đa nghệ, đức hạnh thể hiện ở việc cứu khốn phò nguy; văn hưng võ thịnh, công nghiệp được tạo nên nhờ kế thừa di chí của các bậc tiền bối. Muôn phương quy thuận, thiên hạ thanh bình yên định. Có thể nói, dù công cao đức hiển cũng không thể kiêu xa dâm dật, phải ngày càng cẩn thận. Nghiên cứu các sách lược trị nước kiệt xuất thời cổ, dành trọn tâm tư cho chính vụ đương đại. Đêm khuya đọc sách, công cao hơn Hán Quang Võ Đế; đọc sách trên chiến mã, cần cù vượt qua Ngụy Võ Đế. Bệ hạ tự cường không nghỉ như thế mà lại để Thái tử du nhàn hưởng lạc, bỏ phí tuổi xuân, không học đồ thư điển tịch, ấy là điểm thứ nhất thần lấy làm không hiểu. Ngoài ra, bệ hạ tạm thời không giải quyết chính vụ, gửi gắm tâm tư trong từ chương thư pháp. Suy nghĩ xoay vần trên văn chương, khiến cho Ngân hà mất đi vẻ rực rỡ; câu chữ tinh tế trình bày trên thánh chỉ, giống như ráng chiều di chuyển tạo nên mây màu. Quả thực là đứng hàng đầu trong số các bậc quân vương xưa nay, khiến họ trở nên nhỏ bé; từ phú của Khuất Nguyên, Tống Ngọc không đủ xứng là nhập môn; thư pháp của Chung Hệt, Trương Chi sao có thể nói là tinh thông. Bệ hạ tự tôn tự trọng như vậy mà Thái tử lại thoải mái nhàn cư, không dụng công vào văn chương thư pháp, đây là điểm thứ hai khiến thần lấy làm không hiểu. Bệ hạ hoàn toàn hội đủ tinh hoa của vạn vật, đứng hàng thiên hạ đệ nhất mà vẫn ẩn chứa thánh trí, không ngại học kẻ dưới các kiến thức phổ thông. Bởi vậy có thể biết được chính lệnh của triều đình có đúng đắn hay không, trong lòng trăm họ yêu hay ghét; mọi việc bất kể lớn nhỏ cũng đều quan tâm hỏi han. Bệ hạ làm việc khiêm tốn cẩn thận như thế, mà nay Thái tử lại vào cung hầu hạ lâu dài, không đi tiếp xúc với những người hiền đức, đây là điểm thứ ba thần lấy làm không hiểu. Nếu bệ hạ cho rằng không có ích, thì bản thân hà tất phải nhọc

công về những việc này; nếu cho rằng có ích, thì hãy nên làm gương cho con cháu. Xem thường việc này, không làm ngay thì không thấy là đúng đắn. Hy vọng mở rộng tấm gương của thánh thượng, dùng để dạy dỗ Thái tử, giao cho sách vở tốt, để Thái tử giao thiệp với người hiền đức. Sáng đọc kinh thư điển tịch để biết sự thành bại của các tiền triều; tối tiếp đãi tân khách, hỏi han sự được mất của chính sự hiện nay. Nhân nhàn thì viết thư tía, tiếp đó viết văn chương, vậy thì mỗi ngày sẽ nghe thấy những điều chưa từng được nghe, nhìn thấy những thứ chưa từng được thấy. Đức hạnh của Thái tử sẽ càng rực rỡ, đó chính là phúc của trăm họ trong thiên hạ.

Thần trộm nghĩ, việc lựa chọn phi tần cho Thái tử phải tổ chức khắp cả nước. Xem xét ý chỉ của thánh thượng, mục đích là tuyển chọn người quản lý sự vụ trong cung Thái tử. Hy vọng ngăn chặn sai lầm từ đầu, coi trọng dự tính lâu dài, đây là điều thần biết được, về việc tuyển bạt nhân tài, nó khác với việc tuyển phi tần; Thái tử trông coi việc nước việc quân hai năm, không tiếp xúc với người hiền. Thần cảm thấy việc tuyển chọn phi tần đã coi trọng như vậy thì tuyển bạt người tài cũng nên như thế. Nếu không e rằng sẽ khiến người đời chê cười, nói rằng bộ hạ coi trọng việc trong cung nhưng lại xem nhẹ chính sự nước nhà. Các Thái tử ngày xưa, sau khi lên triều vấn an thì lui về để tỏ lòng tôn kính phụ vương; sống trong cung điện bên ngoài để có thể tránh hiềm nghi. Nay Thái tử cứ vào ở tấm cung của bộ hạ thì thường là mười ngày hoặc một tháng, Thái sư, Thái phó và kẻ dưới đều không được tiếp kiến. Dù Thái tử thờ phụng có lúc rảnh rỗi, tạm thời trở về Đông cung, nhưng cơ hội thần được báo kiến cũng rất ít, mà sự việc phát triển biến đổi nhanh chóng, con đường khuyên can tự nhiên cũng không theo kịp. Bộ hạ không thể đích thân dạy dỗ, liêu thuộc trong cung đình không có cơ hội để bày tỏ, thì dù chức quan các cấp đều đủ cũng có ích gì?

Mong rằng tuân theo những quy định ngày trước, hạn chế bớt những việc thứ yếu, mở rộng quy hoạch lâu dài, phát triển tình cảm với thầy dạy, bạn bè. Vậy thì đức tốt của Thái tử sẽ có thể phát triển, để nghiệp có thể mở rộng. Trăm họ ai không chúc mừng, nương tựa? Thái tử ôn hòa lương thiện, cung kính tiết kiệm, thông minh sáng suốt, người trong thiên hạ ai cũng biết, lẽ nào thần không biết, thần kiến thức nông cạn, nhưng vẫn khẩn thiết khuyên can, nguyện hiến lòng trung, là muốn làm cho biển xanh thêm một giọt nước, nhật nguyệt thêm một tia sáng.

Thế là Thái Tông lệnh cho Lưu Ký và Sầm Văn Bản, Mã Chu, thay phiên nhau đến Đông cung mỗi ngày để thảo luận việc học với Thái tử.

DẠY DỠ THÁI TỬ VÀ CHƯ VƯƠNG

Năm Trinh Quán thứ bảy, Đường Thái Tông nói với Thái tử tả thứ tử Vu Chí Ninh, hữu thứ tử Đỗ Chính Luân:

– Các khanh dạy dỗ Thái tử, cần thường xuyên giảng cho nó nghe những khó khăn khốn khổ trong cuộc sống của trăm họ. Trăm 18 tuổi còn ở trong dân gian, nỗi gian nan khốn khổ của trăm họ không gì không biết. Đến khi lên ngôi hoàng đế, mỗi khi xem xét xử lý sự việc, đôi khi còn có chỗ sai lầm sơ sót, được người khác thẳng thắn khuyên can mới ngộ ra được. Nếu không có người trung thành can gián thì sao có thể làm được việc tốt? Huống hồ là Thái tử lớn lên trong thâm cung, nỗi gian nan của trăm họ đều chưa từng được nhìn thấy nghe thấy? Hơn nữa, vua là người quan hệ đến sự an nguy của nước nhà, không thể cậy quyền phóng túng. Chỉ cần xuống chiếu nói “Ai khuyên can sẽ bị chém đầu” thì phải biết rằng trăm họ và người đọc sách trong thiên hạ sẽ không dám nói thật nữa. Bởi vậy phải khắc phục ham muốn cá nhân, phẫn chấn tinh thần, cho phép tiếp nhận lời khuyên can thẳng thắn, các khanh phải thường xuyên bàn luận với Thái tử đạo lý này. Mỗi khi thấy việc gì không đúng, phải kịp thời khuyên bảo.

Năm Trinh Quán thứ mười tám, Thái Tông nói với các quan theo hầu:

– Ngày xưa có truyền thuyết dạy dỗ Thái tử từ trong thai, trăm lại không có thời gian để ý. Nhưng gần đây từ khi lập Thái tử, thấy phải dạy cho Thái tử biết đạo lý. Thấy nó sắp ăn cơm, bèn hỏi nó: “Con có

biết cơm từ đâu đến không?”. Nó đáp: “Thưa không”. Trẫm nói: “Việc nông cày cấy, gặt hái vất vả, phải bỏ ra sức lực. Không chiếm dụng nông sự thì sẽ luôn có cơm ăn”. Thấy nó cười ngượng, lại hỏi nó: “Con có biết đạo lý trong việc cười ngượng không?”. Nó đáp: “Thưa không”. Trẫm nói: “Ngượng có thể vất vả thay cho con người. Cho nó nghỉ ngơi đúng lúc, đừng vất kiệt thể lực nó thì có thể luôn có ngượng để cười”. Thấy nó đi thuyền, lại hỏi nó: “Con có biết đạo lý về đi thuyền không?”. Nó đáp: “Thưa không”. Trẫm bảo: “Thuyền ví như vua, nước ví như dân; nước có thể làm nổi thuyền, cũng có thể làm lật thuyền. Con mới làm Thái tử, có thể không sợ không?”. Thấy nó tựa vào cây cong, lại hỏi nó: “Con có biết đạo lý về cây cong này không?”. Nó đáp: “Thưa không”. Trẫm bảo: “Cây này tuy cong, nhưng nhờ chỉ mục của thợ mộc sẽ thành gỗ thẳng; kẻ làm vua dù không có đức hạnh, nhưng nếu biết nghe lời khuyên can thì cũng có thể trở thành thánh quân. Đó chính là điều người xưa nói, con có thể dùng làm tấm gương cho mình”.

Năm Trinh Quán thứ bảy, Thái Tông nói với Thị trung Ngụy Trưng:

– Xưa nay, hầu vương rất ít người tự bảo toàn được tính mạng mình, đều là bởi họ sống trong phú quý, thích kiêu xa dâm dật, thường không hiểu đạo lý gần người quân tử xa lính kẻ tiểu nhân, cho nên mới như vậy. Trẫm muốn làm cho tất cả con em mình biết được lời nói và hành động của tiên nhân, hy vọng bọn họ dùng làm chuẩn mực.

Thế nên lệnh cho Ngụy Trưng ghi lại sự tích thành bại của con em đế vương xưa nay, lấy tên là “Tự cổ chư hầu vương thiện ác lục”, ban cho chư vương. Lời tựa của sách như sau:

Xem khắp các bậc đế vương nhận thiên mệnh trị vì thiên hạ xưa nay, đều bố trí người chí thân làm chư hầu để đảm bảo cho vương thất, sự việc được ghi lại trong điển tịch, có thể lấy ra thảo luận. Từ Hoàng

Để phân phong cho hai mươi lăm người con, Thuấn bổ nhiệm thủ lĩnh mười sáu bộ tộc, từ đó trải qua nhà Chu, nhà Hán, đến nhà Trần, nhà Tùy, số người động đến căn cơ nước nhà rất nhiều, chur hầu có người yên định vương tộc, chìm nổi theo thời đại; có người đánh mất nước được phong, bỗng nhiên diệt vong, không thể thờ cúng tổ tiên. Tuy nhiên khảo sát tình hình thịnh suy hưng vong của họ thì những người công thành danh toại đều là nhờ quân vương phong cho ban đầu; những người vong thân phần lớn là con cháu được kế thừa sau này. Nguyên nhân là gì? Quân vương phong cho ban đầu, gặp thời kỳ nước mới mở, thấy được sự gian nan hiểm trở của sự nghiệp đế vương, biết được nỗi lo lắng cần lao của cha anh, cho nên ở địa vị cao mà không kiêu xa, sớm tối không lười biếng. Có người thết rượu ngon đãi người hiền, có người một bữa cơm buồng đũa ba lần tiếp kiến hiền nhân. Bởi vậy thích nghe lời trung trái tai, được lòng trăm họ. Khi còn sống gầy dựng đức hạnh cao thượng nhất, giữ lại ân trạch cho đến khi chết. Đến đời con cháu kế thừa tước được phong, phần lớn gặp lúc thái bình thịnh trị, sinh ra trong thâm cung, lớn lên trong vòng tay phụ nữ, không vì sự nguy hiểm ở địa vị cao mà lo lắng, nào biết nỗi gian nan của việc cấy cày gặt hái? Gần gũi tiểu nhân, xa lánh quân tử, sủng ái mỹ nữ, xem nhẹ đạo lý, đi ngược lễ nghi, tham luyến tửu sắc mà không có tiết chế, không tuân thủ pháp lệnh chế độ, vượt qua cấp bậc bốn phận. Ý thế được vua nhất thời sủng ái mà có dã tâm thù địch với con trưởng; tự khoe có công lao nhỏ trong một việc nào đó mà sinh ra tham vọng không thể thỏa mãn. Vứt bỏ chính đạo trung trinh, bước lên đường tà phạm pháp làm loạn. Bốc đồng không nghe khuyên can mà đi ngược ý trời, kiên trì sai lầm mà không chịu chỉnh đốn. Dù có công tích của Lương Hiếu Vương, Tề Vương Quýnh, có tài năng của Hoài Nam Vương, Trần Tư Vương cũng chặt đứt đôi cánh bay lượn trên mây, trở thành con cá trong vũng nước; vứt bỏ công lớn như Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, rơi vào tình cảnh bị bêu đầu thị chúng như Lương Dực, Đồng Trác, để lại làm gương sáng cho hậu thế, có thể không đáng tiếc sao? Thái Tông hoàng đế lấy tấm lòng thánh hiền,

cứu giúp vận nước nghiêng ngả. Thể hiện bảy đức, quét sạch sáu phương, thống nhất thiên hạ, làm cho trăm họ đến triều bái. Vỗ về các nước xa xôi ở bốn phương, thân thiện hòa mục với cửu tộc. Ca bản nhạc “Thường đệ”, tưởng nhớ đến tình anh em. Thế nên lệnh cho hạ thần khảo sát những điều ghi trong sách vở để làm gương rộng rãi, dự tính cho con cháu đời sau. Thần xin gắng hết năng lực nông cạn, xem xét các bài học thời trước. Phàm các chư hầu phiên trấn, trọng thần trong triều, những người có phong quốc có gia tộc, sự hưng suy của họ ắt do tích lũy thiện hạnh, sự diệt vong của họ đều là do ác hạnh tích tụ. Từ đó thấy rằng, không tích việc thiện thì không thể làm nên công danh; không tích việc ác sẽ không hủy diệt bản thân. Vậy thì phúc họa bất định, cát hung ở chính mình, do con người rước đến, đây lẽ nào là lời nói suông? Nay ghi lại sự được mất của chư vương cổ đại, chia thành hai thiên thiện hạnh và ác hạnh, lấy tên là “Chư vương thiện ác lục”. Hy vọng có thể giúp chư vương gặp hiền mà suy nghĩ chín chắn, có thể vang danh bất hủ; biết ác mà sửa, tránh được lỗi lầm to lớn. Học người hay thì được khen ngợi, biết sửa lỗi thì không có tai họa. Điều này quan hệ đến sự hưng vong của nước nhà, có thể không tự răn mình không?

Thái Tông đọc xong khen hay, bảo chư vương:

– Sách này phải đặt bên phải chỗ ngồi của các khanh, dùng làm nguyên tắc lập thân.

Năm Trinh Quán thứ mười, Thái Tông nói với Vị Kinh vương Lý Nguyên Cảnh, Ngô vương Lý Khắc, Ngụy vương Lý Thái:

– Từ nhà Hán đến nay, anh em và con cái của Hoàng đế, người được thu phong làm chư hầu vương, được hưởng vinh hoa phú quý rất nhiều, chỉ có Đông Bình vương và Hà Gián vương là có danh tiếng tốt nhất, giữ được lộc vị của mình. Hạng như Sở vương Vĩ nhà Tấn, số người bị mất nước được phong không chỉ có một, đều là bởi lớn lên

trong phú quý, thích kiêu xa dâm dật gây nên. Các khanh lấy đó mà làm gương, nên cân nhắc suy ngẫm. Tuyển chọn nhân tài làm thầy của các khanh, phải chấp nhận họ thẳng thắn khuyên bảo, không được độc đoán chuyên quyền. Trẫm nghe nói dùng đức hạnh làm cho trăm họ quy phục, quả thực không phải là cách nói suông. Gần đây trẫm từng mơ thấy một người tự xưng là Ngu Thuấn, trẫm bất giác kính phục, lẽ nào không phải vì ngưỡng mộ đức hạnh của ông ấy? Nếu mơ thấy Kiệt, Trụ thì nhất định sẽ giết họ. Kiệt, Trụ tuy là thiên tử, nhưng nay nếu gọi người khác là Kiệt, Trụ thì ai nấy nhất định sẽ căm giận. Nhan Hồi, Mẫn Tử Khiên, Quách Lâm Tông, Hoàng Thúc Độ tuy là người dân bình thường, nhưng nay nếu nói đến bốn người hiền này thì ai nấy đều vui mừng. Từ đó thấy rằng việc gây dựng bản thân của con người, cái đáng quý chỉ là ở đức hạnh, việc gì phải nói đến vinh hoa phú quý. Các khanh tước vị được liệt vào hàng phiên vương, trong nhà được hưởng thực ấp, lại biết tu dưỡng đức hạnh thì lẽ nào không hoàn mỹ? Huống hồ quân tử và tiểu nhân vốn không phải là cố định bất biến, làm việc tốt thì thành quân tử, làm việc xấu thì thành tiểu nhân, cần phải tự khắc chế dục vọng, phấn chấn tinh thần, ngày ngày làm việc tốt, không được phóng túng dục vọng và tình cảm, khiến cho mình bị trừng phạt.

Năm Trinh Quán thứ mười, Thái Tông nói với Phòng Huyền Linh:

– Trẫm luôn quan sát các bậc đế vương dẹp yên loạn thế gây dựng đế nghiệp ngày xưa, sống trong dân gian, hiểu hết dân tình, rất ít bị bại vong, đến đời vua kế nghiệp, sinh ra trong phú quý, không hiểu được nỗi khổ của dân gian, nên thường bị tru diệt. Trẫm từ nhỏ trải qua muôn vàn gian nan, hoàn toàn hiểu được sự việc trong thiên hạ mà còn lo có chỗ chưa suy xét chu toàn.

Còn về các anh em như Kinh vương, lớn lên trong thâm cung, kiến thức hạn hẹp, sao có thể suy xét được những việc này? Trẫm mỗi lần ăn cơm đều nghĩ đến nỗi gian nan của việc nông như cày cấy gặt hái; mỗi lần mặc áo là nghĩ đến nỗi vất vả của việc dệt vải. Các anh em sao có thể làm được như trẫm? Tuyển chọn phụ tá tốt làm trợ thủ cho các phiên vương, hy vọng bọn họ thường xuyên tiếp cận với người có phẩm đức tốt, tránh được lỗi lầm.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Thái Tông nói với Ngô vương Lý Khắc:

– Cha thương con là lẽ thường tình của con người, không cần chờ được dạy bảo mới biết. Con biết hiếu trung là được, nếu không nghe theo lời dạy bảo, quên lễ phép thì ắt sẽ bị trừng phạt bằng hình pháp. Cha dù thương con cũng biết phải làm sao? Ngày trước Hán Võ Đế băng hà, Chiêu Đế lên kế ngôi, Yên vương Lưu Đán xưa nay kiêu ngạo phóng túng, ngông cuồng không phục pháp lệnh triều đình, Quắc Quang ban một chiếu lệnh tiêu diệt hẳn, kết quả tự thân tử vong, nước được phong bị phế trừ. Kẻ làm bề tôi không thể không cẩn thận.

Vào thời Trinh Quán, hoàng tử khi còn nhỏ tuổi phần lớn được ban cho các chức quan đô đốc, thứ sử. Giám nghị đại phu Chủ Toại Lương dâng tấu chương khuyên can:

– Ngày trước Lương Hán đặt châu quận để quản lý trăm họ, ngoài châu quận thì phân phong các vị hoàng tử, phân chia cương giới địa vực, áp dụng chế độ của nhà Chu. Chế độ quận huyện của Đại Đường phần lớn theo pháp quy của nhà Tần. Hoàng tử nhỏ tuổi, có người được ban chức quan thứ sử. Lẽ nào không phải là lấy cốt nhục của đế vương đi trấn thủ bảo vệ bốn phương sao? Thánh nhân xây

dựng pháp lệnh chế độ, sách lược phải cao hơn hiền nhân thời trước. Theo ý thần, hoàng tử tuổi nhỏ ban cho làm thứ sử thì có chỗ chưa hoàn thiện. Tại sao? Thứ sử là gương sáng của một châu, trăm họ nhờ vào đó mà được an cư lạc nghiệp. Nếu có được một người hiền làm thứ sử thì người trong châu sẽ được nghỉ ngơi; gặp một người không hiền thì cả châu sẽ lao碌 mệt mỏi. Vì thế bậc quân vương thương dân thường tuyển chọn những thứ sử hiền năng. Có vị thứ sử được khen ngợi là ban ân đến những nơi xa xôi, giống như nước sông thấm nhuần đến mọi nơi, ngay cả kinh thành cũng được lợi; có vị thứ sử làm cho dân thái bình an lạc, cất tiếng ca vịnh, ngay khi còn sống đã được dân thờ. Hán Tuyên Đế nói: “Người cùng trăm trị vì nước nhà là các thái thú hiền lương”. Theo ngu kiến của thần, các con của bộ hạ tuổi vẫn còn nhỏ, chưa thể gánh vác trọng trách trị lý trăm họ, xin tạm thời giữ lại kinh thành, dùng học vấn kinh điển để giáo dục. Một là có thể làm cho họ sợ thiên uy của thánh thượng, không dám vi phạm lệnh cấm; hai là có thể giúp họ quan sát lễ nghi của triều đình, tự nhiên sẽ hiểu quy củ của các lễ nghi, biết cách trị lý trăm họ. Dựa vào học tập một thời gian dài như vậy, bản thân họ sẽ biết cách làm người và xử thế. Thấm tra họ quả thực có thể gánh vác việc trị lý châu quận, sau đó phái đi nhậm chức, Thần căn cứ vào tình hình ba đời Minh Đế, Chương Đế, Hòa Đế nhà Hán, có thể hữu ái với con em làm tiêu chuẩn hành sự. Khi ấy phong lập chư vương, tuy mỗi người có lãnh địa riêng, nhưng tuổi còn nhỏ, giữ họ lại kinh thành, dùng lễ giáo để dạy bảo, ban cho ân huệ. Cho đến khi triều đại của ba vị hoàng đế nhà Đông Hán kết thúc, trong số chư vương hàng trăm người, chỉ có Sở vương, Quảng Lăng vương là hơi ác, còn lại đều có phẩm đức khiêm hòa hiền lương. Mong bộ hạ thấm tra kỹ.

Thái tông khen ngợi và tiếp thu ý kiến của ông.

KHUYÊN CAN THÁI TỬ

Năm Trinh Quán thứ năm, Lý Bách Dược làm Thái tử hữu thứ tử. Khi ấy Thái tử Thừa Càn lưu tâm đến các sách cổ “Ngũ điển”, “Tâm phần”, nhưng thời gian rảnh sau khi làm việc công lại thích chơi bời. Lý Bách Dược làm bài “Tán đạo phú” để khuyên nhủ. Nội dung bài phú như sau:

Hạ thần từng nghe cách ngôn của các bậc thánh hiền thời trước, đọc các chuẩn mực được ghi trong sách sử truyền lại. Từ khi khai thiên lập địa, đến đế vương xây dựng quốc gia, những cách ngôn và di huấn này có thể coi là những nguyên tắc cơ bản của nhân luân, có thể dùng để tạo nên ngôn luận và đức nghiệp bất hủ. Thực hiện nó sẽ có thể tuân theo thiên mệnh, làm nên mỹ đức; vi phạm nó sẽ làm cho tà niệm tác khởi. Nó cho rằng sự hưng phế của nước nhà là thuận theo ý trời, coi sự cát hung của con người đan bện nhau như sợi thừng. Đến khi Thái Tông hoàng đế nổi dậy, thừa mệnh trời, lấy đức tốt trị thiên hạ, thuận theo các sự vật dùng ân đức để giáo hóa, coi trăm họ là cái gốc của việc trị vì. Suy ngẫm quy luật vận động bên trong của Thái cực, khảo sát sự thực lịch sử ngày xưa để vận dụng vào ngày nay. Cố gắng học tập cho đến nửa đêm, chăm chỉ làm việc, trân trọng từng tắc thời gian. Bởi vậy có thể làm tan băng dày, thay đổi hang lạnh, làm cho chính giáo đi đến những vùng biển và núi rừng xa xôi. Toàn dân đều vui mừng, cả nước truyền tin tốt lành.

Hiển hách thay thánh đường, cao vợi thay thiên mệnh; trời đất hóa thành vạn vật, thiên mệnh tụ ở thánh nhân đời trước. Lập ngôi Thái tử, củng cố căn cơ của đế nghiệp, tuân thủ quy luật thông thường của sự vật; lĩnh ngộ sự sâu ra rộng lớn, thần thái ngưng tụ, nghi dung rạng rỡ. Ngưỡng mộ ba việc thiện là hầu vua, hầu cha và hầu trưởng giả, ắt phải mở rộng nó; kính phục bốn đức tốt nguyên, hanh, lợi, trinh, mà thực hiện nó. Mỗi lần đi qua trung đình, nghe thấy lời dạy của cha về học lễ; luôn phải hỏi thăm việc ăn ở, bày tỏ lễ tiết tôn kính phụ vương. Kính phục lời dạy của thánh thượng, khiêm nhường trọng lễ; phát huy ý chỉ của thánh thượng để thể hiện thiên mệnh. Thực hiện đạo cha con để làm gương. Từ khi lý pháp của trời đất thay đổi, lễ giáo sinh ra, dùng nó để làm cho lễ nghĩa vua tôi được bình thường, làm cho tình thân cha con trở nên thuần hậu. Lễ nghĩa vua tôi, tình thân cha con, đầy ắp mà đạt đến cực điểm, tin rằng hoàng dương đạo lớn tùy thuộc vào con người. Lễ nào có thể nói Hạ Khởi và Chu Tụng lại giống Đan Châu và Thương Quân? Đẻo tinh và gọt kỹ, ôn cũ mà biết mới. Suy ngẫm đến lòng trung thành và sự tôn kính, bàn luận đến sự hiếu thuận và nhân ái. Vậy thì đức tốt sẽ có thể dưới soi rọi bốn biển, trên soi sáng nhật nguyệt tinh tú. Ngày trước ba vua dạy con, dựa theo thời lệnh bốn mùa, căn cứ vào độ tuổi để học tập; sẽ sai khiến trăm họ ở Trung nguyên và bốn phương, trước hết thi hành giáo hóa lễ nhạc. Nhạc giáo dùng để thay đổi phong tục, lễ giáo dùng để giáo hóa nhân dân. Không phải là thích tiếng chuông tiếng trống, mà là thể hiện chí hướng, tinh thần vui vẻ. Nào phải là hà tiện ngọc gấm, mà là kiềm chế dục vọng, bảo vệ bản thân. Sinh ra trong thâm cung, ở trên cả chư vương, không suy nghĩ sâu sắc đến đế nghiệp thì không thể yêu quý nước nhà. Cho rằng phú quý là tự nhiên mang đến, ý vào cao quý mà kiêu ngạo khoe khoang. Luôn phóng túng kiêu ngạo, hành sự trái với lễ giáo. Xem thường thầy dạy và khinh mạn lễ nghi, gần gũi gian nịnh mà phóng túng dâm dục. Sự rạng rỡ của Thái tử đột nhiên biến mất, đức hạnh của Thái tử sẽ bị bại hoại. Dù thiên hạ là của nhà mình, nhưng mỗi người trải qua bình an nguy hiểm khác nhau. Có người dựa

vào tài năng mà được đề bạt, có người bị vu hãm mà bị phế truất. Hoàn toàn có thể thẩm tra sự lành dữ của họ, quan sát được mất của họ. Xin cho phép trình bày sơ lược tình hình của họ, hy vọng phân tích văn từ và hiểu được nội dung.

Nhà Chu tích đức nên nắm chính quyền, thừa mệnh trời; dựa vào công huân của Văn Vương, Võ Vương, Thành Vương mở ra nghiệp đế bảy trăm năm. Đến Phù Tô làm Tần hoàng Thái tử thì không phải là danh vọng không đủ, lấy thận phận quan trọng của con cả, đến biên cương giám sát chỉ đạo. Họa hoạn ban đầu là Thái tử bị phế bỏ đến nơi xa; tai họa cuối cùng là Thái tử vong thân. Thần Nhị Thế lên ngôi, làm trái đạo nghĩa, khiến xã tắc nguy kịch và mất nước. Nhà Hán truyền ngôi lâu dài, cố nhiên là vì thái tử hiền minh kế tục nhau. Hán Cao Tổ sủng ái Thích phu nhân và Triệu vương, đem nước nhà làm trò đùa. Thái tử dùng kế của Trương Lương kết giao với “Thương sơn tứ hạo”, gây dựng vây cánh trong thiên hạ. Hán Cảnh Đế khi làm Thái tử thì vì Trịnh Thông lấy lòng Văn Đế nên khiến ông rất khó xử, sau khi lên ngôi lại bãi miễn Trịnh Thông, giết công thần Chu Á Phu; ông ta cả đời cảm thấy lo lắng về Ngô vương Lưu Tị, là bởi ông ta từng tranh chấp khi chơi trò chơi mà giết chết Ngô Thái tử. Võ Đế khi làm Thái tử, tuy còn nhỏ tuổi, nhưng lại có thể kiến nghị tuyệt vời là Hoàng đế khi về già phải phòng bị đại thần chuyên quyền, ý thức được Chu Á Phu ỷ công kiêu ngạo. Bởi thế ông có thể phát huy công nghiệp của tổ tông, kế thừa truyền thống của ba đời Cao Tổ, Văn Đế, Cảnh Đế. Khánh Thái tử Lưu Cứ xây dựng Bác Vọng uyển, giao tiếp với khách khứa, danh vọng còn chưa rõ ràng. Cảm thương cho ông vận khí rất không tốt, gặp tên giặc gian nịnh Giang Sung, kết quả tuy dẫn binh giết được loạn thần Giang Sung, nhưng lại rơi vào tội danh bội nghĩa mưu phản, không có cái chết có hậu. Hậu tự của Hán Tuyên Đế là Nguyên Đế yêu thích nho thuật, đạo lớn được trình bày; cảm phục ông xuất chúng về mặt đức giáo, khen ngợi ông nói năng trung thành chính

trực. Ban đầu hiểu được đạo nghĩa từ Khuông Hoàn, Vi Huyền Thành, cuối cùng do trọng dụng Hoảng Cung, Thạch Hiến mà mắc sai lầm. Hán Thành Đế tuy không bằng Định Đào Cộng vương, nhưng ông thờ phụ vương Cấp Chiêu không dám đi ngang qua đường lớn chuyên dành cho hoàng đế đi xe ngựa, đó là đức tốt chú ý đến những tiểu tiết. Điều này đặc biệt được những người có học thức uyên bác, thông hiểu cổ kim khen ngợi, đáng được ghi mỹ danh trong điển tích đời trước. Hán Quang Đế Trung Hưng, kế thừa đế nghiệp, Minh Đế, Chương Đế có thái độ nghiêm túc cung kính, đều hiểu rõ thời sự chính vụ, thông hiểu kinh học lễ học. Đối với người mình yêu quý thì hết lòng thương yêu, đối với anh em thì thân thiết quan tâm. Do đó có thể củng cố được sự nghiệp mà Đông Hải vương để lại, tuân theo truyền thống của thời đại Tây Chu. Ngụy Văn Đế Tào Phi ban đầu là Lang tướng trong ngũ quan, không được giáo dục về đức hạnh, tư thông với vợ của Viên Hy là Chân thị, bị Khổng Dung bịa câu chuyện Chu Công lấy Đất Kỳ để châm biếm, ông ta tuy tài năng cao cường và học thức uyên bác, nhưng cuối cùng vì hoang dâm mà hại đến danh tiếng. Sau đó còn truyền phẩm hạnh hoang dâm cho Minh Đế, khiến cho Minh Đế ở núi Trúc Thổ vườn Phương Lâm đến ba năm. Xa xỉ lãng phí kế thừa Tần Thủy Hoàng, tài năng bản lĩnh không bằng Hán Võ Đế. Kết quả sai khiến quần thần phục dịch, cũng không thể cứu được nỗi thống khổ của trăm họ. Tư Mã Viêm khoan hậu nhân ái, tướng mạo kỳ dị. Tấn vương Tư Mã Chiêu sủng ái Đào Phù mà bị mê hoặc, nhưng sau đó đã nghe lời khuyên can đúng đắn của bọn Bùi Tú lập Tư Mã Viêm làm thế tử. Tư Mã Viêm cuối cùng bình định được Giang Nam, dẹp yên bốn phương và thống nhất thiên hạ. Nghĩ đến Tấn Huệ Đế làm Thái tử, thăm tra việc làm của ông thì về mặt thánh đức vẫn còn ngu muội tối tăm. Quả thực như Vệ Quán than thở “giường ngự đáng tiếc”. Tiếc thương Khẩn Hoài Thái tử bị phế làm thứ nhân, giống như cuồng phong thổi bay cát bụi. Ông rất có thiên tư, lại nỗ lực học tập sáu nghệ, cũng là vì bị xúi giục làm ác mà làm hại chính mình. Người như vậy sao có thể tế lễ xã tắc, kế thừa nước nhà?

Thánh thượng yêu thương con em, lấy đức hạnh chí cao để thi hành gia giáo. Giống như Hán Võ Đế lập ngũ kinh bác sĩ để giáo dục con em, Chu Công Đán tu soạn các chế độ điển chương để phụ tá Thành Vương còn nhỏ tuổi; coi trọng kinh thuật nho gia, coi nó là pháp bảo trị nước. Dù hỏi lợi hại trong phương lược trị nước cũng lấy văn chương học vấn để tu thân dưỡng tính. Hy vọng nghe được những ý kiến hay từ những người bình thường, khiêm tốn thỉnh giáo người già giàu kinh nghiệm sống. Muốn đạt được thành công trong chính sự và thiên hạ yên định, đại sự hàng đầu là có được nhân tài để sử dụng. Nghiêu Đế để lại tấm gương biết người và giỏi dùng người, Văn Vương được ca ngợi vì có nhiều nhân tài đi theo. Tuyển chọn nhân tài từ trong những người chính trực, đem đức hạnh cao thượng ra để đối chiếu. Đánh giá tài năng và tác dụng của họ, thăm tra phẩm hạnh tiết tháo của họ. Phải căn cứ tình hình để phân phái chức vụ, không được vi phạm chế độ tham dự chính sự. Nếu bị lời đồn mê hoặc, không thể biết người để sử dụng, thì người có tài bị kiềm chế, kẻ bất tài lại được trọng dụng. Phường tiểu nhân xu nịnh giỏi đường ton hót, người chính trực can gián thì vì trung thực thành tín mà bị tội; kẻ bán quan dùng tài lộc mua chuộc để được thân cận. Thế nên tổn hại đến chế độ pháp lệnh của nhà nước, làm loạn đạo đức luân thường. Bảo khí của nước nhà gặp gian tà mà tiêu tán, trăm họ hy vọng được vỗ về mà quy về nhân nghĩa. Trời đất sinh ra vạn vật, chỉ có con người là quý nhất. Hình sự tố tụng không thụ lý sẽ có kết quả sinh tử khác nhau; oan khuất không được giải sẽ làm dao động chính khí âm dương giao hòa. Người có tài học thuận lợi hay trắc trở trên đường làm quan phụ thuộc vào việc chấp pháp nghiêm minh; sinh mệnh kéo dài hoặc rút ngắn bị thao túng trong tay gian quan. Bởi vậy Nghiêu Đế vẽ hình tượng ngũ hình, biểu thị ý thương xót; Hạ Vũ khóc cho tội nhân, thể hiện hết tình cảm thương tiếc. Thế nên lấy được mô thức từ thiên “Quẻ Đại Tráng” trong “Chu Dịch”, xây dựng lầu cao, trang trí tường vách. Còn về xây dựng

lâu đài và cung thất hoa lệ tinh khéo, lẽ nào chỉ là chế tác cầu vồng? Hoặc giả như Ngụy Văn Đế xây dựng đài Lăng Vân để được nhìn xa, hoặc như Hán Võ Đế xây dựng đài Thông Thiên để nhận nước cam lồ. No say mà sai khiến trăm họ, tính mệnh yếu ớt khí nghịch mà gặp tai ương. Do đó, Hán Văn Đế tiếc tài sản mà ngừng xây Lộ Đài, đề xướng tiết kiệm mà để lại đức tốt; tuy Chu Văn Vương có đất đai không quá trăm dặm, nhưng thi hành đức chính mà trăm họ đi theo, thế nên có thể hưng thịnh. Trong yến tiệc vui vẻ ấy lấy lễ tiết để giao thiệp với nhau, Đại Vũ chú ý đến việc uống rượu ngon mà làm tổn hại đến đức hạnh. Có thể qua cổng nhà mà không vào, hưởng thụ để lộ, là nhờ biết chính trực thánh minh, ôn hòa cung kính, biết tự giữ mình. Nếu uống rượu say mà trở nên tối tăm, ham muốn mà phạm vào việc ác, thì sẽ như Ân Trụ lấy rượu làm ao, cuối cùng đánh mất nước, giống như Quán Phu say rượu mắng chửi, kết quả bản thân bị tru diệt. Do đó, Y Doãn vì trào lưu say sưa ca múa thịnh hành mà đưa ra lệnh cấm rượu; Chu Công vì các nước lớn nhỏ diệt vong vì rượu mà để lại quy định bỏ rượu. Những mỹ nữ yếu điệu vây quanh quả thực là những người phối ngẫu tốt của người quân tử. Nàng Ban Cơ cắt đứt sủng ái, tạ tuyệt lời mời cùng đi chơi vườn của Hán Thành Đế, bởi nàng vốn hổ thẹn với việc làm người đẹp được sủng ái mà làm hỏng việc nước; mỹ đức của nàng Tuyên Khương là tháo bỏ bông tai thỉnh tội, khiến Chu Tuyên Vương không chìm đắm trong nữ sắc mà chăm lo chính sự. Nhưng cũng có Lệ Cơ gây họa loạn cho nước Tấn, Bao Tự làm diệt vong nhà Chu. Bọn họ xinh đẹp, như tranh vẽ, nhưng lại vô cùng tàn ác, đi ngược lại luân thường của con người. Bởi vậy gặp người đẹp nghiêng nước nghiêng thành là nghĩ đến việc để lại tấm gương tốt cho đế vương đời sau; gặp người con gái nghi dung xinh đẹp, cần dùng sự thực lịch sử của thời đại trước làm tấm gương. Còn có quy củ về việc săn bắn, nếu không lấy nhân nghĩa để tiết chế thì ắt sẽ dẫn đến chìm đắm trong săn bắn mà tinh thần mê loạn. Không chỉ là cơ thể vô cùng mệt mỏi, mà còn khiến cho tính tình phóng túng kiêu ngạo. Không biết sợ hãi trước núi cao hang sâu, đó là loại người ngạo ngược; coi

thả chim ưng xua chó săn làm vui, đó là hành vi của kẻ hèn kém. Ở ngôi cao của tông miếu xã tắc, cầm vật quý tiên vương để lại mà lại chơi cùng bọn ưng khuyển, gần gũi hiểm nguy mà lại thả lỏng cương ngựa. Ngựa chạy quá nhanh có nguy cơ làm lật xe, thú cũng sợ nơi không dành cho mình sinh tồn, bởi vậy nên cảm thấy xấu hổ vì săn bắn quá nhiều, lẽ nào không cảm thấy áy náy trong lòng hay sao?

Tiểu thần ngu muội nông cạn, may mắn nhận được ân sủng vinh hoa vô hạn. Nhờ dân gian đề bạt mà thần từ một kẻ tầm thường thiển lậu được sánh ngang hàng với các bậc đạt quan quý nhân; được gặp thánh đạo thi hành, thiên hạ thái bình; vui mừng vì Thái tử đang độ tuổi xuân mạnh mẽ, muôn phương tôn làm chính tông. Trong thời gian nhàn rỗi, thường nghiên cứu lễ nghĩa đức hạnh, tu thân dưỡng tính, đạt được thành tích. Ngưỡng mộ Thái tử tinh thần mẫn tiệp, khen ngợi Thái tử thông minh trí tuệ. Có đức hạnh lễ ngộ người hiền, có thể phù hợp với yêu cầu của lễ nghĩa. Cung điện hoa mỹ vừa sâu vừa rộng, màn trướng yên tĩnh; cây cối rậm rạp, gió mây thoang thoang. Hoa thơm ngào ngạt ngậm nụ; kiêu oanh uyển chuyển ca hát. Thái tử có tinh hoa của vạn vật, đông đúc và tốt đẹp, vẫn coi trọng đức hạnh, không chút mệt mỏi; yêu thích lễ nghĩa nên hết lòng nghiên cứu. Ban lệnh cho kẻ hèn này chấp bút làm văn, phô trương từ ngữ chốn cung đình. Điều này khác với Vương Bao làm bài “Động Tiêu phú”, hầu hạ Hán Nguyên Đế giải trí; cũng khác với Tào Thực làm bài thơ “Phi cái tương truy tùy”, đi theo Ngụy thế tử Tào Phi. Thần thiếu ngôn từ hay để ca ngợi đức hạnh của Thái tử, muốn được lấy sinh mạng của mình để báo đáp ân tình của thánh thượng. Xin cho phép tiểu thần hạ bái khấu đầu, chúc cho Thái tử mãi mãi xây dựng được phong khí và thanh danh tốt đẹp, kế tục ngôi vua truyền cho muôn đời, đại danh vang xa bao trùm hiền nhân từ xưa đến nay.

Thái Tông đã đọc bài “Tán đạo phú”, sai sứ giả nói với Lý Bách Dực:

– Trẫm đọc được bài phú của khanh ở chỗ Thái tử, trình bày các sự tích của Thái tử các triều xưa nay, dùng để khuyên can Thái tử, thật là ngắn gọn và chùng mực. Trẫm tuyền bạt khanh phò trợ Thái tử chính là vì những việc này, khanh rất xứng đáng với chức vụ được giao, nhưng phải có thủy có chung đấy!

Rồi ban thưởng cho Lý Bách Dực một con ngựa mã, ba trăm đoạn lụa.

Vào thời Trinh Quán, Thái tử Thừa Càn nhiều lần vi phạm chế độ lễ tiết, xa xỉ tòng dục ngày càng ghê gớm. Thái tử tả thứ tử Vu Chí Ninh đã soạn “Gián uyển” gồm 12 cuốn để khuyên nhủ Thái tử. Lúc này, Thái tử hữu thứ tử Khổng Dĩnh Đạt thường mạo phạm uy nghiêm của Thái tử để khuyên can. Nhũ mẫu của Thừa Càn là Toại An phu nhân nói với Khổng Dĩnh Đạt:

– Thái tử đã khôn lớn thành người, hà tất phải vạch lỗi của Thái tử trước mặt người khác?

Khổng Dĩnh Đạt đáp:

– Được nhà nước đãi ngộ rất hậu, ân tình sâu nặng, ta vì khuyên can mà chết cũng không thấy hối tiếc!

Khuyên can lại càng cấp bách. Thừa Càn lệnh cho ông soạn “Hiếu kinh nghĩa sơ”, ông dựa vào văn chương để bày tỏ ý kiến của mình, mở rộng con đường khuyên can. Thái Tông khen ngợi cả hai, ban thưởng cho họ mỗi người năm trăm xấp lụa, một cân vàng để khuyến khích họ khuyên can Thừa Càn.

Năm Trinh Quán thứ mười ba, Thái tử hữu thứ tử Trương Huyền Tổ vì Thừa Càn thường đi săn bắn mà bỏ bê việc học, nên dâng sớ khuyên can:

Thần nghe nói trời xanh đối với con người không phân thân sơ, chỉ phù hộ cho những ai có đức hạnh. Nếu đi ngược lại đạo trời thì sẽ bị người và thần từ bỏ. Tuy nhiên lễ chế mỗi năm đi săn ba lần thời xưa không phải là muốn dạy cho con người giết chóc, mà coi đó là trừ hại cho trăm họ. Bởi thế Thương Thang giăng lưới một mặt, để mở ba mặt, thiên hạ đều quy về nhân nghĩa. Nay đi săn giải trí trong ngự uyển, tuy về danh nghĩa khác với đi săn nơi dã ngoại, nhưng nếu đi săn giải trí không có lễ chế thì cuối cùng sẽ tổn hại đến độ lượng rộng rãi. Huống hồ truyền thuyết từng nói: “Học lễ mà không bắt chước thời xưa, chưa từng nghe nói”. Đã vậy thì đức hạnh rộng lớn ở ngay trong việc học tập lễ cổ, học tập lễ cổ phải dựa vào sự chỉ dạy của thầy. Đã phụng ân chiếu của thánh thượng, lệnh cho Khổng Dĩnh Đạt truyền cho Thái tử kinh thuật, hy vọng có thể thường xuyên dùng sự việc để hỏi, nhận được một phần vạn ích lợi. Lại tuyển chọn rộng rãi các học sĩ có danh vọng có đức hạnh, sớm tối hầu đọc. Đọc những lời dạy thánh nhân để lại, thẩm tra những việc trước đã làm, mỗi ngày biết những chỗ thiếu sót của mình, mỗi tháng không quên mình còn có thứ chưa học được. Như vậy sẽ tận thiện tận mỹ, những Thái tử hiền như Hạ Khởi, Chu Tụng còn có gì đáng nói? Người làm vua không ai không theo đuổi đức hạnh tốt, chỉ là vì lý tính không lẫn át được tình cảm, chìm đắm mê hoặc dẫn đến hôn loạn. Chìm đắm mê hoặc đã nghiêm trọng thì lời trung sẽ hoàn toàn bị tắc nghẽn, cho nên bề tôi tùy tiện a dua, đức hạnh của vua dần bị tổn hại. Cổ nhân có nói: “Đừng vì việc xấu nhỏ nhỏ mà không sửa đổi, là việc tốt nhỏ nhỏ mà không làm”. Bởi vì biết rằng sự phát sinh của họa phúc đều là dần dần hình thành. Điện hạ ở địa vị Thái tử, nên xây dựng đức hạnh tốt một cách rộng rãi. Dường thành thói xấu ham thích săn bắn thì làm sao chủ trì được sự vụ nước nhà?

Cẩn thận hành động, từ đầu đến cuối, sự lo lắng sẽ giảm dần; ban đầu còn không cẩn thận thì cuối cùng làm sao giữ được?

Thừa Càn không chịu nghe lời khuyên can. Trương Huyền Tố lại dâng sớ:

Thần nghe nói hoàng tử nhập học lấy độ tuổi lớn nhỏ làm thứ tự, là mong muốn làm cho Thái tử biết được thứ tự của vua tôi, cha con, tôn ti, lễ tiết của trường ấu, trong lòng nắm vững và vận dụng, hoằng dương rực rỡ khắp thiên hạ, đều có thể thực hiện thao đó mà truyền bá đi xa, dựa vào lời nói mà lan khắp thiên hạ. Điện hạ tinh lực đã dồi dào, còn phải học tập kinh thuật văn chương để kiểm điểm lại lời nói và hành động của mình. Hạ thần thấy các ông Khổng Dĩnh Đạt, Triệu Hoảng Trí không chỉ là những học giả có đức hạnh cao thượng, tri thức uyên bác, mà đồng thời còn tinh thông các nguyên tắc trị nước. Hy vọng làm cho họ thường xuyên ở bên Thái tử để giảng kinh thuật, hỏi han về đạo lý của sự vật, nghiên cứu thảo luận cổ kim, tăng thêm sự rực rỡ của thánh đức. Còn về cưỡi ngựa bắn tên, rượu ngọt, ca hát, nhất thời làm vui tai mắt, nhưng cuối cùng sẽ vấy bẩn tinh thần. Dần dà tập nhiễm lâu dài ắt sẽ thay đổi tính tình. Cổ nhân nói: “Tâm là chúa tể của vạn vật, hành sự không có tiết chế sẽ đi ngược lẽ thường”. E rằng căn nguyên khiến điện hạ bại hoại đức hạnh chính là ở đó.

Thừa Càn đọc xong bản tấu, càng thêm bực tức, nói với Trương Huyền Tố:

– Hữu tử tử mắc bệnh điên rồi chẳng?

Năm Trinh Quán thứ mười bốn, Thái tông biết Trương Huyền Tố nhiều lần can gián ở Đông cung nên ban cho ông chức Ngâm thanh quang lộc đại phu, kiêm nhiệm Thái tử tả thứ tử. Khi ấy Thái tử Thừa Càn từng đánh trống trong cung làm vui, tiếng trống vang ra ngoài, Huyền Tố gõ cửa bên trong cung cầu kiến, ra sức khẩn thiết khuyên can. Thừa Càn mới lấy trống trong cung ra, hủy trống trước mặt Huyền Tố. Thừa Càn phái nô tài phong hộ thừa lúc Huyền Tố sáng sớm lên triều, ngấm ngầm dùng roi ngựa đánh ông gần chết.

Khi ấy Thừa Càn thích xây dựng đình tạ, xa xỉ cùng cực, chi phí ngày càng tăng. Huyền Tố dâng sớ khuyên can:

Thần ngu muội vô tri, kiêm nhiệm chức vụ ở cung đình và Đông cung của Thái tử. Nước nhà đối với thần có ân tình sâu nặng như sông bể, thần đối với nước nhà lại chẳng có chút cống hiến nào. Bởi vậy thần nhất định phải hết lòng trung thành, làm hết trách nhiệm của bề tôi. Sứ mệnh Thái tử gánh vác rất nặng nề, nếu tích đức không to lớn thì sao kế tục bảo tồn được công nghiệp mà tiên vương gây dựng? Thánh thượng với điện hạ luận về thân duyên thì là cha con, hành sự quan hệ đến hoàng tộc và nước nhà, tài vật sử dụng không hề hạn chế. Ân chỉ này ban ra chưa được sáu mươi ngày, giá trị tài vật được sử dụng đã vượt quá bảy vạn, lãng phí đã đến cực điểm, còn có ai vượt qua mức độ đó? Dưới cửa cung Thái tử chỉ tụ tập toàn thợ khéo; bên trong vườn Đông cung không thấy có đại thần hiền lương. Nay muốn nói đến hiếu kính nhưng lại thiếu lễ tiết coi bữa ăn vấn an; muốn nói cung thuận nhưng lại đi ngược nguyên tắc mà quân phụ dạy bảo; tìm kiếm thanh danh nhưng lại không học tập sự thực là các bậc thánh hiền xưa yêu thích đức tốt; quan sát cử động hành vi nhưng lại có tội dựa vào quyền thế giết người. Các đại thần chính trực trong Đông cung chưa từng ở bên cạnh; hạng tiểu nhân dâm dật tà ác ngày ngày được thân cận trong thâm cung. Người ưa thích thì đều là nô lệ bày trò vui; những thứ ban thưởng cho người toàn là đồ chơi. Nhìn bề ngoài thì đã có những lỗi lầm lớn này; cái ẩn chứa bên trong không thể cho người khác biết, lẽ nào có thể đếm rõ được! Cung đình ban ra chính lệnh có khác gì cái chợ? Mọi hạng người sớm tối vào ra, tiếng tăm tà ác dần lan xa. Hữu thứ tử Triệu Hoảng Trí kinh học thâm sâu, phẩm hạnh đứng đắn, là nhân vật ưu tú hiện nay, thần nhiều lần thỉnh thị điện hạ, hy vọng thường xuyên cho vời ông ấy vào cung, bàn luận với ông ấy, mong được tặng mỹ đức cho Thái tử. Ý chỉ của điện hạ lại có sự nghi ngờ, nói rằng thần tự ý tiến cử, tiếp thu ý kiến hay phải giống nước chảy chỗ trũng, mà còn lo không theo kịp; lấp liếm lỗi lầm từ

chối khuyên can ắt sẽ rước lấy tổn hại. Người xưa nói: “Thuốc đắng dã tật, miệng đắng khuyên can có lợi cho hành sự”. Mong rằng điện hạ ở trong hoàn cảnh an toàn biết nghĩ đến lúc hiểm nguy có thể xảy ra, ngày một cẩn thận hơn.

Bản can gián được gửi đi, Thái tử Thừa Càn đọc xong cả giận, phái thích khách đi giết Trương Huyền Tố. Sau đó, Thừa Càn bị phế truất.

Năm Trinh Quán thứ mười bốn, Thái tử chiêm sự Vu Chí Ninh vì Thái tử Thừa Càn xây dựng cung thất, xa xỉ quá độ, chìm đắm trong thanh nhạc nên dâng sớ khuyên can:

Thần nghe nói biết tiết kiệm là nền tảng để hoǎng dương đức hạnh; tôn sùng xa xỉ, buông thả ham muốn chính là căn nguyên bại hoại đức hạnh. Do đó Tần Mục Công khoe khoang cung điện cao tận chín tầng mây, che lấp mặt trời, người Tây Nhung vì thế mà chê cười; nhà cửa cao lớn, tường vách trang trí, sách “Hạ thư” coi nó là bài học về việc nước nhà nguy vong. Ngày xưa Triệu Thuần cứu giúp nước Tấn, Lã Vọng làm Thái sư nhà Chu, hoặc là khuyên tiết kiệm tài vật, hoặc là khuyên không được phung phí của cải. Không hề không hết lòng trung phò tá nước nhà, hết mực thành ý thờ vua, mong làm cho đức hạnh cao thượng lan truyền đến nơi vô cùng vô tận, danh tiếng tốt đẹp vang khắp mọi nơi ai ai cũng biết. Những điều này đều được ghi trong sử sách, trở thành giai thoại. Vả lại Đông cung hiện nay là do nhà Tùy xây dựng, người nhìn thấy còn chỉ trích nó quá xa xỉ, than thở nó quá hào hoa. Đâu cần phải tu sửa thêm, hàng ngày hao phí của cải, công trình xây dựng không ngừng? Hơn nữa thợ thuyền nô bộc vào trong cung, gần đây không còn có ai giám sát theo dõi. Những người này hoặc là vi phạm chế độ nhà nước, hoặc là bị vương pháp chế tài, bọn họ qua lại trong ngự uyển, ra vào trong cung cấm, búa sắt đục sắt

mang theo bên mình, dùi sắt gậy sắt cầm trong tay. Bộ phận phụ trách cấm vệ sao có thể yên tâm? Hạ thần sao có thể không lo sợ?

Âm nhạc của nước Trịnh, nước Vệ, người xưa gọi là âm nhạc dân loạn. Ngày trước Mặc Tử đến một nơi tên là Triều Ca, vì tên ấp không phù hợp với tinh thần giản dị nên đánh xe quay lại bỏ đi; Khổng Tử tham gia hội ở Giáp Cốc, vung kiếm chém người lùn làm trò trước mặt Lỗ Định Công. Thánh nhân ngày trước đã cho là sai lạc, người hiền thông đạt cũng coi đó là lỗi lầm. Gần đây nghe thấy trong cung thường nhận ca kỹ Thái nhạc, vào cung thì không thả ra nữa. Những người nghe thấy việc này đều chân tay run rẩy, những người nói đến chuyện này đều thất kinh hồn phách. Chiếu lệnh mà thánh thượng khẫu dụ năm xưa xin điện hạ ôn lại; ý chỉ của thánh thượng rõ ràng, khuyên bảo rất khẩn thiết. Đối với điện hạ, không thể không suy xét; đối với vi thần, không thể không lo lắng.

Từ khi thần vào cung đình nhậm đức đến nay đã được mấy năm. Khuyển mã có thể ghi nhớ ân huệ nhận được, gỗ đá cũng biết cảm động nghĩa tình; mọi kiến thức nhỏ bé trong lòng thần, lẽ nào dám không hoàn toàn báo đáp? Mạo phạm trước mặt, lời nói không thuận tai, sách “Xuân thu” ví nó như thuốc. Mong điện hạ ngừng việc xây dựng của thợ thuyền, thả hết những người làm lao dịch đã lâu, cấm tuyệt âm nhạc dân dật của nước Trịnh, nước Vệ, biếm xích bọn tiểu nhân tà nịnh. Như thế, ba việc thiện thờ vua, thờ cha, thờ trưởng giả quả thực chu toàn, thiên hạ sẽ quy về nhất thống.

Thừa Càn đọc xong bản tấu, lòng thấy không vui.

Năm Trinh Quán thứ mười lăm, Thừa Càn nhân lúc việc nông bận rộn đã chiêu dụng tạp dịch như phu đánh xe ngựa trong cung đình..., không cho phép chia nhóm thay nhau làm việc khiến những

người này sinh lòng oán hận. Lại ngấm ngấm dụ dỗ rất nhiều kẻ ở nhỏ tuổi người Đột Quyết vào cung. Vu Chí Ninh dâng sớ khuyên can:

Thần nghe nói trời là cao nhất, nhật nguyệt chiếu rọi đức hạnh của trời; minh quân là thánh hiền nhất, bề tôi phò tá trợ giúp cho công nghiệp của minh quân. Bởi vậy Thái tử nhà Chu là Cơ Tụng được thăng làm Thái tử, được sự phò trợ của Mao Thúc, Trịnh Hoa công; Thái tử nhà Hán là Lưu Doanh làm Thái tử, được bốn người hiền Hạ Hoàng Công, Khởi Lý Quý... trợ giúp. Chu Công Đán lấy pháp quy mà Thế tử cần tuân thủ ra để yêu cầu Bá Cầm, Giả Nghị thăng thần khuyên can Hán Văn Đế, đều là thân cận đối với người có phẩm hạnh đứng đắn, khẩn thiết đối với người chính trực. Quân chủ hiền minh các thời đại không ai không liên tục khuyên bảo Thái tử, quả thực vì Thái tử là người kế thừa Thiên tử, ở địa vị trọng yếu. Thái tử lương thiện thì thiên hạ được ân huệ; Thái tử tà ác thì trăm họ bị họa hoạn. Gần đây nghe nói bọn kẻ hầu, xà ích, thú y từ đầu mùa xuân cho đến nay cuối hạ, ở dài trong nội cung phục dịch, không cho họ luân phiên làm việc. Có người ở nhà còn cha mẹ, không được con phụng dưỡng; có người ở nhà có con nhỏ, không được cha nuôi nấng. Mùa xuân đã bỏ hoang ruộng cày của họ, mùa hạ lại ngăn cản họ gieo trồng. Sự việc đi ngược lại sự dưỡng dục, e rằng sẽ sinh ra oán hận. Nếu tin tức truyền đến thiên tử hay biết thì điện hạ hối lộ có còn kịp? Vả lại bọn ca kỹ người Đột Quyết đều là lũ hoang rợ. Tiếp cận bọn họ sẽ tổn hại đến thanh danh tốt đẹp của điện hạ, gần gũi chúng chẳng có ích cho việc tăng thêm thịnh đức của điện hạ. Dụ dỗ bọn họ vào cung, chúng nhân đều cảm thấy kinh hãi, lẽ nào chỉ mình thần kiến thức tầm thường cảm thấy bất an? Điện hạ phải trên xứng với thánh đức của Thiên tử, dưới hợp với nguyện vọng căn bản của trăm họ, không được khinh thị việc ác nhỏ mà không tránh, không được xem nhẹ việc thiện nhỏ mà không làm. Cần phải có biện pháp ngăn chặn từ trong trứng nước. Xua đuổi bọn tiểu nhân không hiền, gần gũi bậc quân tử hiền

lượng. Như thế, đức hạnh tốt sẽ ngày một hưng thịnh, thanh danh tốt sẽ lan khắp các phương xa.

Thừa Càn cả giận, sai thích khách đến nhà Vu Chí Ninh để giết. Khi ấy Vu Chí Ninh đang để tang mẹ, hết thời gian để tang thì được phục chức làm Chiêm sự. Bọn Trương Sư Chính đột nhập vào nhà Vu Chí Ninh, thấy ông ngủ trên đệm cỏ, gối đầu trên cục đất nên không nỡ lòng xuống tay.

Đến khi sự tình Thừa Càn bại lộ, Thái Tông biết được chuyện của Vu Chí Ninh, rất khen ngợi ông.

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU

– QUYỂN 5 –

NHÂN NGHĨA

Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông nói:

– Trẫm xem các bậc đế vương xưa nay, ai đem nhân nghĩa để trị nước thì vận nước dài lâu; ai dùng hình pháp để trị trăm họ thì dù có thể tạm thời dẹp yên rối loạn, nhưng nước nhà cũng bại vong nhanh chóng. Đã nhìn thấy việc làm của các đế vương thời trước thì đủ có thể lấy đó làm gương. Nay dự định chỉ đem nhân nghĩa thành tín để trị nước, hy vọng trừ bỏ được phong khí hời hợt nông cạn của nhân tình ngày nay.

Hoàng môn thị lang Vương Khuê đáp:

– Đức hạnh nhân nghĩa của thiên hạ đã tổn thương từ lâu, bệ hạ xử trị tệ bệnh mà nó để lại, phát huy đạo đức nhân nghĩa, thay đổi phong khí, ấy là phước của muôn đời. Nhưng không có người hiền thì không thể trị nước, cốt lõi là có được người hiền.

Thái Tông nói:

– Nỗi mong mọi người hiền của trẫm, cả trong mơ cũng không quên!

Cấp sự trung Đỗ Chính Luân tâu:

– Trên đời ắt có người tài, có thể sử dụng bất cứ lúc nào, lẽ nào có truyền thuyết mơ thấy, gặp được Lã Thượng, sau đó mới trị nước?

Thái Tông rất đồng ý với ý kiến của ông.

Năm Trinh Quán thứ hai, Thái Tông nói với các quan theo hầu:

– Trẫm tưởng rằng sau khi nước nhà đạo loạn, phong tục của dân rất khó thay đổi, gần đây thấy trăm họ dần biết liêm khiết, biết hổ thẹn, quan lại trăm họ phụng công chấp pháp, trộm cắp ngày một giảm, từ đó biết rằng con người không có thói quen không thay đổi, điều đó phụ thuộc vào việc nền chính trị của nước nhà là trị hay loạn mà thôi. Bởi vậy biện pháp trị nước phải là dùng nhân nghĩa để vỗ về, dùng uy nghiêm thành tín để làm gương. Thuận theo lòng dân, loại bỏ chính lệnh hà khắc, không theo bàng môn tả đạo, như thế tự nhiên sẽ an định yên lành. Các khanh phải cùng nhau tiến hành việc này.

Năm Trinh Quán thứ tư, Phòng Huyền Linh tấu:

– Gần đây kiểm tra kho tàng, thấy binh khí cất trữ đầy đủ hơn thời Tùy rất nhiều.

Thái Tông nói:

– Tu sửa binh khí phòng bị giặc tuy là việc cần thiết, nhưng trẫm chỉ mong các khanh lưu tâm đến sách lược trị nước, phải hết mực trung thành làm cho trăm họ an cư lạc nghiệp, đó chính là binh khí của trẫm. Tùy Dạng Đế lẽ nào không có binh khí? Đủ để khiến ông ta diệt vong, chính vì ông ta không tu dưỡng nhân nghĩa, trăm họ oán hận bội phản mà ra. Phải hiểu được tâm ý này của trẫm, cần lấy đức hạnh nhân nghĩa để phò trợ trẫm.

Năm Trinh Quán thứ mười ba, Thái Tông bảo các quan theo hầu:

– Rừng rậm chim sẽ đậu, mặt nước rộng cá sẽ bơi, nhân nghĩa tích tụ thì trăm họ tự nhiên quy thuận. Người ta đều biết sợ tránh tai họa, không biết rằng thực hành nhân nghĩa thì tai họa sẽ không sản sinh. Chuẩn mực của nhân nghĩa phải ghi khắc trong lòng, thường xuyên làm cho nó tiếp tục phát triển; chỉ cần một khắc lười biếng, thì

đã cách nhân nghĩa quá xa. Giống như ăn uống để bồi bổ cơ thể, thường xuyên làm cho bụng no mới giữ được sinh mệnh.

Vương Khuê khấu đầu nói:

– Bệ hạ biết được những điều này, trăm họ trong thiên hạ thực là may mắn.

TRUNG NGHĨA

Phùng Lập làm Đông cung soái trong năm Võ Đức, rất được Ẩn Thái tử Lý Kiến Thành sủng ái. Khi Ẩn Thái tử chết, bộ hạ tả hữu đa số bỏ trốn. Phùng Lập than thở:

– Lẽ nào có thể khi Thái tử còn sống nhận được ân sủng của người mà khi Thái tử chết đi lại trốn tránh tai họa?

Thế nên dẫn quân đánh Huyền Võ môn, ra sức chiến đấu, giết chết Đồn doanh tướng quân Kính Quân Hoảng. Phùng Lập nói với bộ hạ:

– Đã có thể báo đáp Thái tử được một chút.

Rồi giải tán quân đội, tự mình bỏ trốn đến nơi hoang dã. Không lâu sau ông trở lại chịu tội. Thái Tông quở trách ông:

– Ngày trước ngươi đem binh tấn công, giết chết rất nhiều binh tướng của trẫm, sao có thể miễn cho tội chết?

Phùng Lập khóc mà rằng:

– Thần hiến thân thờ chủ, nguyện lấy cái chết để báo đền, khi chiến đấu không có gì lo sợ.

Rồi tỏ vẻ rất đau buồn, hầu như không chịu đựng nổi.

Thái Tông an ủi, bổ nhiệm ông làm Tả đồn vệ trung lang tướng. Phùng Lập bảo với người hầu:

– Được ân đức to lớn hoàng thượng ban cho, may được miễn tội chết, nhất định sẽ lấy cái chết để báo đền.

Không lâu sau, quân Đột Quyết tiến vào Tiệp Kiều, Phùng Lập dẫn mấy trăm kỵ sĩ chiến đấu với quân địch ở Hàm Dương, ông giết

chết và bắt được rất nhiều quân địch, đem quân đến đâu quân địch bị đánh tan đến đấy. Thái Tông hay tin rất khen ngợi.

Khi ấy còn có Tả phủ xa kỵ Tạ Thúc Phương trong phủ của Tề vương Lý Nguyên Cát, thống lĩnh binh trong phủ hội cùng Phùng Lập đánh Huyền Võ Môn. Sau đó giết chết Kính Quân Hoảng, Trung lang tướng Lã Hoàn, quân đội hoàng gia (Lý Thế Dân) sĩ khí không mạnh, bộ hạ của Tần vương phủ bèn đưa ra cái đầu của Lý Nguyên Cát cho ông xem. Tạ Thúc Phương xuống ngựa bật khóc, quỳ xuống cáo từ rồi bỏ trốn. Một ngày sau thì đến tự thú, Thái Tông bảo:

– Là một nghĩa sĩ.

Rồi ra lệnh thả ông, bổ ông làm Hữu dực vệ lang tướng.

Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông khi nhàn việc từng nói đến chuyện nhà Tùy diệt vong, cảm khái than rằng:

– Diêu Tư Liêm không sợ bị giết, nên thể hiện được tiết tháo cao thượng. Khảo sát người xưa cũng chẳng có ai hơn.

Diêu Tư Liêm lúc ấy đang ở Lạc Dương. Thái tông bèn gửi cho ba trăm khúc lụa và viết một bức thư cho ông: “Nhớ đến lòng trung nghĩa của khanh nên ban tặng những thứ này”.

Ban đầu những năm cuối đại nghiệp nhà Tùy, Diêu Tư Liêm làm Thị độc học sĩ của Đại vương Dương Hựu, đến khi quân khởi nghĩa tấn công kinh thành, lúc ấy quan lại thuộc hạ của Đại vương phủ phần nhiều sợ hãi bỏ trốn, chỉ có Diêu Tư Liêm hầu Đại vương, không rời nửa bước. Binh sĩ nghĩa quân chuẩn bị lên cung điện, Diêu Tư Liêm nghiêm giọng nói:

– Đường công dấy binh khởi nghĩa, vốn là để cứu vương thất. Các người không được vô lễ với Đại vương.

Các binh sĩ tin phục lời ông nên lui xuống, đứng dưới bậc thang. Một lát sau, Đường Cao Tổ đến, nghe chuyện này cho rằng Diêu Tư

Liên trung nghĩa, nên cho phép ông diu Đại vương Dương Hựu đến dưới lầu Thuận Dương. Diêu Tư Liêm khóc quỳ lạy rồi bỏ đi. Những người nhìn thấy đều khen:

– Thực là một người trung trinh cương cường! Người nhân nghĩa có dũng khí hẳn là những người thế này.

Năm Trinh Quán thứ hai, chuẩn bị an táng Túc ấn vương Lý Kiến Thành, Hải Lăng vương Lý Nguyên Cát đã chết. Thượng thư hữu thừa Ngụy Trưng và Hoàng môn thị lang Vương Khuê thỉnh cầu được tham gia tống táng, dâng sớ nói:

– Thần trước đây được Thái thượng hoàng bổ nhiệm nhậm chức ở Đông cung, ra vào cung điện của Thái tử gần mười hai năm. Trước Đông cung Thái tử phạm tội với nước, đấng tội với thần và người. Chúng thần không thể tuấn tử, cam tâm chịu chết, gánh vác tội của Thái tử để ghi danh vào hàng hiền nhân. Chỉ là sông tằm thường một đời, lấy gì để báo đáp sự trọng dụng của Thái thượng hoàng? Bộ hạ đạo nghĩa soi sáng thiên hạ, đức hạnh hơn hẳn các bậc quân vương thời trước. Lên núi tỏ lòng thương nhớ người chết, tưởng niệm anh em thủ túc; thể hiện nhân nghĩa, tỏ rõ tình cốt nhục. Định ngày lành an táng hai vị vương, ngày mong mỏi đã đến. Chúng thần bấy lâu nhớ nhung chuyện xưa, may mắn được gọi là cữu thần. Tuy đã mất thái tử, lại có vua, vẫn có thể thực hiện lễ tiết hầu vua, nhưng một năm trôi qua, cỏ sắp mọc xanh rì mà vẫn chưa bày tỏ nỗi bi ai tống táng. Đến thăm mộ phần, nhớ đến tình sâu nghĩa nặng. Mong rằng trong ngày an táng, được đưa tiễn linh cữu đến mộ.

Thái Tông cho là họ có tình nghĩa, bèn đồng ý, do đó các bộ hạ cũ của Lý Kiến Thành, Lý Nguyên Cát trong phủ đều được đi tống táng.

Năm Trinh Quán thứ năm, Thái Tông nói với các quan theo hầu:

– Trung thần nghĩa sĩ triều đại nào không có? Các khanh có biết nhà Tùy ai đáng được coi là trung trinh không?

Thị trung Vương Khuê nói:

– Thần nghe nói Thái thường thừa Nguyên Thiện Đạt ở kinh thành trấn giữ, gặp những kẻ nghịch tặc bá đạo là một mình một ngựa đến Giang Đô khuyên can Dạng Đế. Dạng Đế lệnh cho ông trở về kinh thành, hoàn toàn không tiếp thu lời khuyên can của ông. Sau đó, ông lại khốc lóc cực lực khuyên can. Dạng Đế cả giận, sai quân đuổi ông đi rất xa rồi giết ông trong rừng núi nóng ẩm phương nam. Có một vị Hồ bí lang trung tên là Độc Cô Thịnh, là Túc vệ ở Giang Đô, Vũ Văn Hóa Cập phát động phản loạn, Độc Cô Thịnh chỉ một mình chống lại quân địch và bị giết chết.

Thái Tông nói:

– Khuất Đột Thông khi ấy là tướng nhà Tùy, đánh nhau với quân ta ở Đồng Quan, nghe nói kinh thành bị chiếm bèn dẫn quân về đông để ứng cứu. Quân ta truy đuổi ông ta trong rừng đào, trẫm phái gia nô của ông ta đến chiêu hàng, ông ta giết chết tên gia nô ấy tại chỗ. Trẫm lại phái con trai ông ta đi, ông ta nói: “Ta được nhà nhà Tùy trọng dụng, đã nhậm chức hai đời hoàng đế. Nay đã đến lúc ta vì tiết tháo mà chết. Người vốn ở trong nhà ta, chúng ta là cha con, nay người là kẻ thù của nhà ta”. Nói rồi dùng tên bắn con, con ông ta né được bỏ chạy. Binh sĩ do ông ta thống lĩnh cũng tan hết. Khuất Đột Thông chỉ còn lại một mình, hướng về phía đông khóc, rất là bi thương: “Ta chịu ơn nước, làm tướng soái, trí mưu và dũng lực đều đã dùng hết. Gây nên thất bại diệt vong này không phải là ta không tận trung với nước”. Vừa nói xong thì truy binh bắt được ông ta. Thái thượng hoàng ban cho ông ta quan chức, ông luôn thác bệnh kiên quyết từ chối. Tiết tháo trung thành như thế thực đáng được ban thưởng và kính trọng.

Do đó lệnh cho quan chủ quản, tra tìm con cháu của những người dám khuyên can mà bị giết chết trong thời Tùy Dạng Đế rồi báo cáo

về triều đình.

Năm Trinh Quán thứ sáu, bổ nhiệm Tả quang lộc đại phu Trần Thúc Đạt làm Lễ bộ thượng thư, Thái Tông nói với ông về chuyện đó:

– Vào năm Võ Đức, khanh từng báo cáo thành thực với Thái thượng hoàng rằng trẫm có công lao trong việc yên định thiên hạ, không thể biếm xích giáng chức. Trẫm tính tình thẳng thắn, nếu bị trặc trở, e không tìm được uất ức phần nộ, đến nỗi gây ra nguy cơ sinh bệnh, dẫn đến tử vong. Nay khen cho khanh trung thành chính trực, đề bạt bổ nhiệm lần này.

Trần Thúc Đạt đáp:

– Thần vì cha con nhà Tùy giết hại nhau, đâu có thể cho phép mình mắt thấy người trước thất bại, người sau lại không đúc rút bài học? Thần vì thế tận trung can gián.

Thái Tông nói:

– Trẫm biết khanh không chỉ là vì một mình trẫm, mà quả thực là cho cả nước nhà.

Tiêu Vũ làm Thượng thư tả bộc xạ vào thời Trinh Quán. Thái Tông khi thiết tiệc chiêu đãi quần thần từng nói với Phòng Huyền Linh:

– Sau năm Võ Đức thứ sáu, Thái thượng hoàng có dự tính phế bỏ việc lập trẫm làm Thái tử như đã hứa trước đó. Khi ấy trẫm không được anh em dung nạp, quả thực là lo lắng, công lao không được ban thưởng, mà lại bị đổ ky bức hại. Tiêu Vũ không bị lợi lộc cám dỗ, không sợ hình phạt đe dọa, thực là rường cột của nước nhà.

Thế nên ban thơ cho Tiêu Vũ rằng:

*Gió mạnh biết cỏ bèn,
Rối ren biết trung thần.*

Tiêu Vũ bái tạ, nói:

– Thần được lời khuyên đặc biệt của bệ hạ, khen thần trung thực thành tín như vậy, thần dù chết đi cũng như còn sống.

Không lâu sau, tấn thăng Tiêu Vũ làm Thái tử Thái bảo.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Thái Tông đến mộ của Thái úy Dương Chấn nhà Hán, tiếc thương cho ông vì trung thành mà chết, đích thân viết văn tế để tế ông. Phòng Huyền Linh nói:

– Dương Chấn tuy năm đó ngậm oan mà chết, nhưng mấy trăm năm sau lại được bậc minh quân dùng xe đích thân chấp bút làm văn tế, có thể nói là tuy chết mà như sống, chết mà bất hủ. Thần lấy làm mừng cho Dương Chấn ở dưới chín suối mà may mắn được ơn trời. Bái đọc văn tế của thánh thượng đã cảm thấy bi thương và được an ủi. Người quân tử trong thiên hạ sao có thể không tự răn về tiết tháo, nhận thức việc tốt sẽ được đền đáp?

Năm Trinh Quán thứ mười một, Thái tông bảo các quan theo hầu:

– Người Địch giết chết Vệ Ý Công, ăn hết thịt ông, chỉ còn lại bộ gan. Đại thần của Vệ Ý Công là Hoảng Diễn khóc lóc kêu trời, ông tự moi gan rồi đặt gan Vệ Ý Công vào bụng mình. Nay tìm người như thế thì không được.

Đặc tiến Ngụy Trưng đáp:

– Ngày trước Dự Nhượng báo thù cho Trí Bá, muốn giết chết Triệu Tương Tử. Tương Tử bắt được ông, nói: “Ngày trước người thờ họ Phạm, họ Trung Hành phải không? Trí Bá đã giết chết họ, người lại

nường tựa vào Trí Bá, không báo thù cho họ; nay lại định báo thù cho Trí Bá là nguyên nhân làm sao?”. “Dự Nguỵng đáp: “Trước đây ta thờ họ Phạm, họ Trung Hành, bọn họ chỉ đối xử với ta như người bình thường, cho nên đa đền đáp họ như người bình thường. Trí Bá đối xử với ta như quốc sĩ, nên ta đền đáp ông ấy như quốc sĩ”. Điều này tùy thuộc vào việc vua đối xử với bề tôi như thế nào, sao có thể nói không có người trung thành?

Năm Trinh Quán thứ mười hai, Thái Tông tuần thú Bồ Châu, ở đó ban chiếu lệnh:

Ứng kích lang tướng Nghiêu Quân Tố nhà Tùy đã mất, ngày xưa trong thời đại nghiệp đã được bổ làm quan ở Hà Đông, giữ vững trung nghĩa, tận đại tiết của bề tôi. Tuy là chó Kiệt cắn Nghiêu, vi phạm nguyên tắc quay giáo đánh lại, nhưng gió mạnh biết cỏ bền, ông ấy quả thực đã thể hiện được tiết tháo cao thượng ở thời loạn, không thay đổi ý chí. Nay đến nơi này, nhớ lại chuyện xưa, bèn ban cho ân sủng để tỏ ý khích lệ. Có thể tuy tặng ông ấy là Bồ Châu thứ sử, lại tra tìm con cháu của ông ấy rồi báo cáo về cho trẫm.

Trong thời Trinh Quán, Thái Tông hỏi Trung thư thị lang Sầm Văn Bản:

– Các đại thần nhà Lương, nhà Trần thời Nam Triều, có ai đáng được khen ngợi? Bọn họ còn có con em đáng được tiến cử trọng dụng không?

Sầm Văn Bản tấu:

– Quân Tùy tấn công nước Trần, trăm quan nhà Trần bỏ trốn, không một người nào ở lại, chỉ có Thượng thư bộc xạ Viên Hiến một mình ở lại bên vua. Vương Thế Sung sắp đến lấy nhà Tùy, quần thần

dâng biểu khuyên ông ta lên ngôi, con trai Viên Hiến là Quốc tử tư nghiệp Viên Thừa Gia thác bệnh không ký tên. Cha con như vậy có thể nói là trung thành cương liệt. Em trai của Vương Thừa Gia là Viên Thừa Tự, nay làm huyện lệnh Kiến Xương, làm quan thanh liêm, tiết tháo trung chính, quả thực đã kế thừa được truyền thống của tiên nhân.

Thái tông cho vời Viên Thừa Tự bổ nhiệm làm Tấn vương hữu, kiêm Thị độc. Không lâu sau lại ban cho ông chức Hoǎng văn quán học sĩ.

Thái Tông tiến đánh thành An Thị ở Liêu Đông, quân dân Cao Ly đều liều chết chống cự. Thái Tông lệnh cho bọn Cao Diên Thọ, Cao Huệ Chân đến chiêu hàng, họ đến dưới thành khuyên quân trấn giữ An Thị quy thuận, trong thành giữ vững không suy suyển. Mỗi khi nhìn thấy lá cờ của Thái Tông, quân trấn giữ lại lên thành khua trống reo hò. Thái Tông cả giận, chiếu lệnh cho Giang Hạ vương Lý Đạo Tông xây núi đất công thành, nhưng mãi không đánh được. Thái Tông chuẩn bị lui binh, khen ngợi tiết tháo kiên trì của tướng giữ thành An Thị, ban cho họ ba trăm vuông lụa để khích lệ những người ra sức vì nước.

HIẾU HỮU

Tư không Phòng Huyền Linh hầu kế mẫu, có thể thuận theo sắc mặt của bà, cung kính hơn hẳn người thường. Mẫu thân ông bị bệnh, mời thầy thuốc đến nhà khám bệnh, ông nghênh đón mà rơi lệ. Đến khi để tang lại càng muôn vàn thương xót, thân thể gầy gò như que củi, Thái Tông lệnh cho Tán kỵ thường thị Lưu Ký đến an ủi khuyên giải, tặng cho ông giường ngủ, cháo ăn và muối.

Ngu Thế Nam ban đầu làm quan nhà Tùy, làm đến Khởi cư xá nhân. Khi Vũ Văn Hóa Cập giết vua phản nghịch, anh trai ông Ngu Thế Cơ khi ấy làm Nội sử thị lang, sắp bị giết. Ngu Thế Nam ôm anh lớn tiếng khóc, xin được chết thay cho anh. Vũ Văn Hóa Cập không đồng ý. Ngu Thế Nam từ đó bị thương tới mức hình hài gầy gò suốt mấy năm, người đương thời đều khen ông.

Hàn vương Lý Nguyên Gia, năm Trinh Quán thứ nhất làm thứ sử Lộ Châu. Khi ấy đã 50 tuổi, nghe nói Thái phi sinh bệnh nên khóc không ăn. Đến khi về kinh sư đưa tang, ông đau lòng hủy hoại cả thân mình.

Thái Tông khen ông thiên tính thật thà, nhiều lần an ủi khuyên bảo ông. Cả nhà Nguyên Gia tu thân trị gia có giáo dưỡng, tương tự như nhà người hiếu học có gia cảnh bần hàn. Ông và người em cùng mẹ khác cha là Lỗ Ai vương Lý Linh Nao rất thân thiết với nhau, anh

em gặp nhau thì theo lễ tiết của trăm họ. Ông tu dưỡng bản thân, giữ gìn thuần khiết, khi ấy các vương tử không ai sánh bằng ông.

Hoặc vương Lý Nguyên Quỹ, vào năm Võ Đức, ban đầu được phong là Ngô vương, năm Trinh Quán thứ bảy làm Thọ Châu thứ sử. Đến khi Cao Tổ mất, ông khóc lóc đau xót. Từ đó về sau thường mặc áo vải để tỏ lòng thương tiếc suốt đời. Thái Tông từng hỏi các thị thần:

– Trong các con em ta, ai hiền huệ?

Thị trung Ngụy Trưng đáp:

– Thần ngu muội, không thể hoàn toàn biết hết tài năng của họ, Chỉ có Ngô vương nhiều lần nói chuyện cùng thần, thần luôn tự thẹn là không bằng.

Thái Tông nói:

– Khanh cho rằng có thể so với ai ở thời trước?

Ngụy Trưng đáp:

– Học vấn phong độ thì như Hàn gián hiến vương Lưu Đức và Đông bình hiến vương Lưu Thương nhà Hán; còn về hiếu đạo đức hạnh thì như Tăng Sâm, Mân Tồn thời xưa.

Từ đó Thái Tông càng sủng ái Hoặc vương Nguyên Quỹ.

Vào thời Trinh Quán, Sử Hành Xương người Đột Quyết trực ở Huyền Võ Môn, khi ăn cơm để lại thịt trong rau. Người ta hỏi tại sao, anh ta nói:

– Mang về nhà cho mẹ ăn.

Thái Tông nghe nói, khen:

– Thiên tính nhân hiếu đâu phân người Hán, người Di?

Rồi ban thưởng cho anh ta một con ngựa mã tốt, ra lệnh cung cấp thịt cho mẹ anh.

CÔNG BẰNG

Thái Tông vừa lên ngôi hoàng đế, Trung thư lệnh Phòng Huyền Linh dâng tấu:

– Những người chưa được phong quan tước trong số các bộ hạ cũ của Tần vương phủ đều phàn nàn rằng bộ hạ của Đông cung Thái tử trước và Tề vương phủ được sắp xếp chức vụ trước mình.

Thái Tông nói:

– Thời cổ cho rằng người công bằng nhất là người công chính mà không có tư tâm. Đan Chu, Thương Quân đều là con trai của Nghiêu, Thuấn, ấy thế mà Nghiêu, Thuấn lại phế bỏ họ, không ban cho thiên hạ. Quán Thúc, Thái Thúc đều là anh em ruột của Võ Vương, thế mà Chu Công Đán lại thừa vương mệnh giết họ. Bởi thế mới biết người thống trị thiên hạ phải lấy thiên hạ làm công, đối với người không được có lòng riêng. Ngày trước Gia Cát Khổng Minh là thừa tướng của một nước nhỏ mà còn nói là “Lòng ta như một cán cân, phải công bằng, không được phân thân sơ đối với người”, huống hồ trăm nay đang trị vì một nước lớn? Trăm và các khanh, cơm áo đến từ dân, nhân lực của trăm họ đã dâng hết lên trên, nhưng ân huệ ở trên không ban rộng rãi cho trăm họ bên dưới. Nay sở dĩ tuyển bạt người hiền đức có tài chính là vì muốn yên định trăm họ. Dùng người chỉ xem người đó có đảm nhận được chức vụ hay không, sao có thể vì là người mới quen hay người đã quen từ lâu mà có thái độ khác nhau? Người mới gặp mà còn cảm thấy như đã quen thân, huống hồ là người đã quen từ lâu, có thể quên ngay được hay sao? Nhưng nếu không đảm nhận được chức vụ thì sao có thể vì là người quen mà ưu tiên sử dụng? Nay bất kể

những người này có được hay không, lại chỉ nói họ phàn nàn, lẽ nào đây không phải là nguyên tắc công bằng nhất hay sao?

Năm Trinh Quán thứ nhất, có người dâng sớ tấu việc, xin cho các binh sĩ trước kia của Tần vương phủ đều được nhận chức võ quan, bổ vào cung cấm làm cảnh vệ. Thái Tông bảo ông ta:

– Trẫm coi thiên hạ như nhà mình, không thể có lòng riêng với một số người, chỉ có thể bổ nhiệm những người có tài năng đức hạnh, sao có thể vì người mới người cũ mà có sự khác biệt trong đối xử? Huống hồ cổ nhân nói: “Binh khí như lửa, dùng mà không kiểm soát được sẽ thiêu mình”. Ý kiến này của khanh không ích gì cho việc trị nước.

Năm Trinh Quán thứ nhất, Lại bộ thượng thư Trưởng Tôn Vô Kỵ khi được triệu kiến đã không cởi kiếm mang theo vào cửa Đông Thượng các. Sau khi ra khỏi các, ông đến cổng cung, hiệu úy canh cửa mới phát hiện ra việc này. Thượng thư hữu bộc xạ Phong Đức Di thảo bản luận tội, cho rằng hiệu quý canh cửa không phát hiện ra Trưởng Tôn Vô Kỵ không cởi kiếm mang theo vào cung, tội đáng xử tử; Trưởng Tôn Vô Kỵ mang nhằm kiếm vào cung, xử đồ hình hai năm, phạt 20 cân đồng. Thái Tông đồng ý với ý kiến này. Thiếu khanh của Đại lý tự là Đới Trụ phản bác:

– Hiệu úy không phát hiện ra, Trưởng Tôn Vô Kỵ mang nhằm kiếm vào cung, cùng là tội lỗi. Hình luật nói: “Dâng thuốc thang, đồ ăn thức uống, thuyền bè ngựa dụng mà xảy ra sai sót không hợp với chế độ đều phải xử tử”. Nếu bệ hạ xét đến công lao của ông ấy thì cơ quan tư pháp không thể nghị tội được; nếu phải căn cứ theo pháp luật thì phạt đồng là không phù hợp.

Thái Tông nói:

– Pháp luật không phải là pháp luật của một mình trẫm, mà là pháp luật của nhà nước. Sao có thể vì Trương Tôn Vô Kỵ là hoàng thân quốc thích mà bóp méo pháp luật được?

Rồi hạ lệnh lấy ý kiến xử tội. Phong Đức Di kiên trì ý kiến ban đầu. Đới Trụ lại dâng tấu phản bác:

– Hiệu úy vì Trương tôn Vô Kỵ mà dẫn đến phạm tội, theo pháp luật thì tội phải nhẹ hơn. Nếu luận tội lỗi của họ thì tình tiết phạm tội như nhau. Nhưng mà một người sống một người chết, khác biệt về hình phạt quá lớn, thần bạo gan xin hoàng thượng xem xét đến kiến nghị của thần.

Vì thế Thái Tông mới miễn tội chết cho hiệu úy.

Khi ấy triều đình ra sức mở rộng việc tuyển dụng tiến cử nhân tài, có người mạo nhận lai lịch. Thái Tông ra lệnh những người mạo nhận tự thú, ai không tự thú khi trị tội sẽ xử tử hình. Không lâu sau có một người mạo nhận bị lộ, Đới Trụ căn cứ pháp luật phán xử lưu đày và trình vụ án lên Thái Tông. Thái Tông nói:

– Lúc đầu trẫm ban chiếu lệnh rằng ai không tự thú sẽ bị xử tử, nay căn cứ pháp luật phán xử lưu đày, thế là cho thiên hạ thấy lời trẫm bất tín.

Đới Trụ nói:

– Khi ấy mà bệ hạ xử tử hãn thì thần không thể can dự, Nay đã giao cho Đại ký tự xử lý, thần không thể vi phạm pháp luật.

Thái Tông nói:

– Khanh tự cho là tuân thủ pháp luật, nhưng lại khiến trẫm nói lời thất tín hay sao?

Đới Trụ nói:

– Pháp luật là thứ xưa nay dùng để công bố đại tín với thiên hạ; lời nói ra chỉ là khi ấy bộc phát do hỷ nộ mà thôi! Bệ hạ nhất thời giận dữ, muốn giết chết hẳn. Đã biết không thể như vậy nên giao cho pháp luật xử lý, đây chính là nhịn cái giận nhỏ mà bảo toàn cái tín lớn. Thần quý thay cho bệ hạ ở điểm này.

Thái Tông nói:

– Trẫm chấp pháp có chỗ sai lầm, khanh có thể uốn nắn, trẫm còn có gì phải lo lắng nữa?

Năm Trinh Quán thứ hai, Thái Tông nói với bọn Phòng Huyền Linh:

– Gần đây trẫm có gặp các bô lão triều Tùy, bọn họ đều khen ngợi Cao Cảnh là hiền tướng, thế nên trẫm đọc truyện ký về ông ta, có thể nói ông ta là người công bằng chính trực, đặc biệt tinh thông sách lược trị nước. Sự an nguy của triều Tùy phụ thuộc vào sự sinh tử của ông ấy. Tùy Dạng Đế vô đạo, ông ấy vô tội mà bị giết, sao trẫm có thể không hoài niệm? Thế nên bỏ sách xuống than thở tiếc nuối! Ngoài ra từ thời Hán Ngụy đến nay, Gia Cát Lượng làm thừa tướng cũng rất công bằng chính trực. Ông ấy từng dâng tấu xin bãi chức của Liễu Lập, Lý Nghiêm làm dân đến phương nam đất Thục. Liễu Lập nghe nói Gia Cát Lượng chết, khóc nói: “E là chúng ta sắp mất nước rồi!”. Lý Nghiêm nghe nói Gia Cát Lượng chết thì đau buồn phát bệnh mà chết. Vì thế Trần Thọ khen rằng: “Gia Cát Lượng chấp chính, công bằng chính trực. Người tận trung ích nước, dù là kẻ thù của ông cũng được khen thưởng; kẻ vi phạm pháp lệnh, lười nhác không hoàn thành chức trách, dù là người thân của ông cũng bị xử phạt”. Lẽ nào các khanh không ngưỡng mộ học tập? Nay trẫm thường ngưỡng mộ các đế vương hiền đức thời trước, các khanh cũng phải ngưỡng mộ các tế tướng hiền đức. Nếu được như vậy thì tiếng thơm và địa vị cao quý có thể giữ được lâu dài.

Phòng Huyền Linh đáp:

– Thần nghe nói mấu chốt của việc trị nước quả thực là ở công bằng chính trực, bởi vậy sách “Thượng thư” nói: “Không kéo bè kết cánh, vương đạo sẽ thênh thang; không kết cánh kéo bè, vương đạo sẽ thuận lợi”. Ngoài ra Khổng Tử nói: “Dùng người chính trực, phế bỏ kẻ gian tà, trăm họ sẽ phục tùng sự quản lý của người trên”. Những gì mà thánh thượng hướng đến quả thực có thể mang lại bản nguyên của sự giáo hóa, nắm được cốt yếu của sự chí công vô tư, bao la thiên hạ, khiến trăm họ thuận theo.

Thái Tông nói:

– Đây chính là điều trăm hảng muốn, làm gì có chuyện nói với các khanh mà không thực hiện?

Công chúa Trường Lạc là do Văn Đức hoàng hậu sinh ra. Trong thời kỳ Trinh Quán nàng xuất giá, Thái Tông chiếu lệnh các bộ phận liên quan chuẩn bị của hồi môn, tương đương gấp đôi của công chúa cả. Ngụy Trưng dâng tấu nói:

– Ngày trước Hán Minh Đế chuẩn bị phong cho con trai, nói: “Con trai ta sao có thể đãi ngộ giống như con trai của tiên đế được? Có thể tương đương với nửa số của Sở vương Anh, Hoài Dương vương Sái”. Sử sách thời trước coi chuyện này là giai thoại. Chị của thiên tử là công chúa cả. Con gái của thiên tử là công chúa; đã thêm chữ “cả” thì phải cao quý hơn địa vị của công chúa, tình cảm tuy khác nhau, nhưng lễ nghi thì không thể có khác biệt. Nếu để lễ vật của công chúa nhiều hơn của công chúa cả thì về lễ nghi e rằng không nên. Mong bệ hạ suy xét chuyện này.

Thái Tông khen ông nói đúng, nên sau khi bãi triều cho hoàng hậu biết lời của Ngụy Trưng. Hoàng hậu than:

– Từ lâu đã nghe hoàng thượng tôn trọng Ngụy Trưng, nhưng không hiểu tại sao, nay nghe lời khuyên can của ông ấy, lại có thể

dùng lễ nghĩa để khắc chế tình cảm của quân vương, có thể nói xứng đáng là bề tôi rường cột của nước nhà! Thiếp và bệ hạ kết tóc phu thê, được bệ hạ dùng lễ tương kính, tình nghĩa sâu nặng. Nhưng mỗi khi thiếp muốn can gián cũng phải đợi khi bệ hạ vui vẻ, thế mà còn không dám tùy tiện mạo phạm uy nghiêm, huống hồ là bề tôi, tình cảm xa cách? Vì thế Hàn Phi nói du thuyết là việc khó, Đông Phương Sóc nói du thuyết không dễ dàng, quả thực là như vậy. Lời trung trái tai nhưng lại có lợi cho hành sự, rất cần thiết cho người trị nước; tiếp thu lời trung thì nước nhà thái bình, từ chối lời trung thì chính cục sẽ rối ren. Thật lòng mong muốn bệ hạ hiểu được điều này, ấy là may mắn của thiên hạ.

Thế rồi xin phái sứ giả cung đình gửi năm trăm vuông lụa đến nhà Ngụy Trưng ban thưởng cho ông.

Hình bộ thượng thư Trương Lượng bị tố giác tội mưu phản, bị giam vào ngục, Thái Tông chiếu lệnh trăm quan nghị luận xử phạt, bá quan đa số nói Trương Lượng đáng chết. Chỉ có Điện trung thiếu giám Lý Đạo Dự dâng tấu nói dấu hiệu tội mưu phản của Trương Lượng chưa có, cho rằng ông ta vô tội. Thái Tông cả giận, giết ông. Không lâu sau chức Hình bộ thị lang khuyết người, Thái Tông lệnh cho tế tướng lựa chọn người xứng đáng, nhưng nhiều lần tấu lên đều không phê chuẩn, Thái Tông nói:

– Trẫm đã tìm ra người thích hợp. Ngày trước Lý Đạo Dự nghị luận về Trương Lượng có nói “dấu vết mưu phản còn chưa có”, có thể nói là công bằng hợp lý. Khi ấy tuy không tiếp thu ý kiến của ông ta, nhưng đến nay trẫm hối hận vô cùng.

Thế là bổ nhiệm Lý Đạo Dự làm Hình bộ thị lang.

Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái tông bảo các đại thần theo hầu:

– Nay trăm chăm việc cầu người có đức có tài, muốn chuyên tâm dồn sức vào sách lược trị nước, nghe nói có người tốt là đề bạt bổ nhiệm. Nhưng những kẻ bàn tán đều nói “những người này đều là thân thích cố cựu của đại thần trong triều”. Chỉ cần các khanh làm việc công bằng thì không phải lo lắng những lời này, có thể làm việc mà không cần câu nệ. Người xưa “tiến cử người của mình thì không tránh là thân thích, tiến cử người ngoài thì không tránh là kẻ thù”, là bởi tiến cử những người hiền thực sự. Chỉ cần có thể tuyển bạt bổ nhiệm người hiền tài thì dù là con em mình hay kẻ có oán thù cũng không thể không tiến cử.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Đặc tiến Ngụy Trưng dâng sớ:

Thần nghe nói người làm vua phải yêu mến người tốt việc tốt, ghét kẻ xấu việc xấu, gần gũi quân tử, xa lánh tiểu nhân. Yêu mến người tốt việc tốt rõ ràng thì quân tử sẽ đến; công khai ghét kẻ xấu việc xấu, tiểu nhân sẽ tránh xa. Gần gũi quân tử, triều đình sẽ không có chính lệnh không tốt; xa lánh tiểu nhân, lắng nghe ý kiến sẽ không thiên vị méo mó. Tiểu nhân không phải là không có một chút ưu điểm nhỏ, quân tử không phải là không có một chút lỗi lầm nhỏ. Lỗi lầm nhỏ của quân tử giống như một vết nhỏ trên ngọc trắng; ưu điểm nhỏ của tiểu nhân giống như hiệu quả dao cùn cắt một nhát. Dao cùn cắt một nhát, người thợ có kỹ thuật cao không hề coi trọng nó, vì ưu điểm nhỏ không thể che đậy được vô khối tà ác; ngọc trắng có vết nhỏ, thương nhân sáng suốt sẽ không vứt bỏ nó, vì vết nhỏ không ảnh hưởng đến vẻ đẹp tổng thể. Nếu yêu mến ưu điểm của tiểu nhân, nói thành yêu mến người tốt việc tốt; ghét bỏ quân tử mà nói thành ghét kẻ xấu người xấu, thì sẽ cho rằng ngọc trắng và đá chẳng có gì khác nhau, đó chính là nguyên nhân Khuất Nguyên trầm hà tự vẫn, Biện Hòa ôm ngọc khóc ra máu. Đã biết sự khác nhau giữa ngọc trắng

và đá, nhưng yêu mến người tốt việc tốt lại không đề bạt trọng dụng người tốt, ghét kẻ xấu việc xấu lại không xa lánh tiểu nhân, ấy là nguyên nhân nước Quách thời Xuân Thu diệt vong, đại phu nước Ngô là Sử Ngu di hận.

Bệ hạ thông minh uy vũ, thiên tư sáng suốt thông tuệ. Có chí bác ái, có rất nhiều con đường đề bạt bổ nhiệm nhân tài. Nhưng yêu mến người tốt việc tốt lại không thật coi trọng tuyển chọn nhân tài, ghét kẻ xấu người xấu lại không xa lánh tiểu nhân. Hơn nữa nói lời không giữ lời, nghe nói đến ưu điểm của người khác, đôi khi chưa chắc đã hoàn toàn tin; nghe nói khuyết điểm của người khác, cho rằng hẳn là như vậy. Dù sáng suốt và có kiến giải độc đáo thì e khi xử trí cũng còn chưa hoàn hảo. Tại sao lại như vậy? Quân tử khen ngợi ưu điểm của người khác, tiểu nhân công kích khuyết điểm của người khác. Nghe nói ưu điểm của người khác nhất định tin tưởng, thế thì thủ đoạn công kích của tiểu nhân sẽ tăng; nghe nói ưu điểm của người khác có chút hoài nghi thì con đường quân tử thể hiện mình sẽ giảm. Người trị nước nóng lòng trọng dụng quân tử và phế truất tiểu nhân, nhưng lại khiến con đường phát huy của quân tử bị giảm bớt, thủ đoạn công kích của tiểu nhân tăng lên thì luân lý vua tôi sẽ mất đi thường quy, trên dưới cách tuyệt không thông, sự loạn vong của nước nhà không kịp lo lắng thì làm sao có thể xem xét đến việc trị nước? Dùng việc thiện để tác thành cho nhau gọi là đồng tâm đồng đức; mang tà ác để giúp đỡ nhau gọi là kéo bè kết cánh. Nay trong và đục lẫn lộn, thiện và ác không phân biệt, coi dèm pha công kích là thành thực chính trực, coi đồng tâm đồng đức là kéo bè kết cánh. Coi đồng tâm đồng đức là kéo bè kết cánh thì sẽ cho rằng không điều gì tin được, coi dèm pha công kích là thành thực chính trực thì lời nào cũng tin. Đây là nguyên nhân ân trách của quân vương không ban được cho bề tôi, lòng trung của bề tôi không thể tỏ rõ với nhà vua. Đại thần không thể phân biệt uốn nắn, tiểu lại không có ai dám nghị luận. Khắp nơi đều hòa theo phong khí

không tốt này, hình thành nên thói quen. Đó không phải là cái phúc của nước nhà, không phải là phương pháp trị nước. Chỉ có thể làm gian tà dấy lên, làm lẫn lộn tai mắt, khiến nhà vua không biết cái gì đáng tin, bề tôi không thể yên định lẫn nhau. Nếu không có dự tính lâu dài, cắt đứt căn nguyên của nó thì hậu họa sẽ không ngăn chặn được. Nay đã thực hiện không làm cho nước nhà bại hoại, là do nhà vua có dự tính lâu dài, tuy ban đầu có sai lầm, nhưng cuối cùng nhất định sẽ có thành tựu. Nếu thế đạo có hỗn loạn, hành sự có sai lầm mà không sửa chữa, thì dù có hối hận cũng không kịp. Đã hành sự sai lầm không thể dùng để truyền lại cho con cháu đời sau thì lấy phép tắc gì để lưu lại cho mai sau? Huống hồ tiền cử sử dụng hiền lương, phế truất tà ác là ban cho người khác; đem sự thực lịch sử thời xưa làm gương là dùng cho chính mình. Soi tướng mạo phải nhìn xuống dòng nước trong tỉnh tại, tự soi mình phải lấy người hiền đức làm gương. Có thể dùng hiền vương ngày xưa để soi lại việc mình làm thì sự xấu đẹp của tướng mạo sẽ hiện ra trước mắt, sự tốt xấu của việc làm trong lòng mình biết rõ. Không cần phải nhọc công đọc ghi chép của quan lại, không cần phải dựa vào lời bàn tán của trăm họ bình thường, công lớn ngày một hiển hách, danh lớn ngày một vang xa. Người làm vua có thể không tập trung dồn sức vào việc đó sao?

THÀNH TÍN

Năm Trinh Quán thứ nhất, có người dâng sớ xin phế bỏ kẻ gian tà, Thái Tông bảo ông ta:

– Những người trăm bổ nhiệm đều được cho là người hiền, khanh có biết kẻ gian tà là ai không?

Người đó đáp:

– Thần ở trong nhân gian, không thể biết đích xác kẻ gian tà là ai. Xin bệ hạ giả thịnh nộ để thử nghiệm quần thần, nếu ai biết không sợ cơn thịnh nộ của bệ hạ mà thẳng lời can gián, ấy là người chính trực; ai thuận theo sự hỷ nộ của bệ hạ mà lấy lòng, ấy là kẻ gian tà.

Thái Tông nói với Phong Đức Di:

– Sự trong và đục của dòng nước phụ thuộc vào nguồn của nó thế nào. Vua là người ban hành chính lệnh của nhà nước, giống như đầu nguồn, trăm họ như dòng nước. Vua tự làm việc dối lừa mà muốn bề tôi làm việc chính trực, giống như nguồn nước đục mà muốn dòng chảy trong, theo lẽ thường thì không thể được. Trẫm thường vì Ngụy Võ Đế hay dùng quỷ kế làm điều lừa dối nên rất khinh thị. Dùng phương pháp này để thăm dò quần thần, sao có thể coi là biện pháp thi hành giáo hóa được?

Rồi ông nói với người dâng sớ:

– Trẫm muốn làm cho tín nghĩa rộng lớn nhất được thực hiện trên cả nước, không muốn đem phương pháp trí trá để giáo hóa phong tục xã hội. Biện pháp khanh nói tuy hay, nhưng trẫm không thể áp dụng được.



Năm Trinh Quán thứ mười, Ngụy Trưng dâng sớ:

Thần nghe nói nền tảng của trị nước là nhân nghĩa đức hạnh; sự đảm bảo của nhà vua là thành tín. Thành tín được xây dựng thì bề tôi không có lòng khác; đức hạnh lễ nghĩa hình thành thì người phương xa sẽ đến theo. Đã vậy thì đức hạnh lễ nghĩa, thành tín là đại cương của nước nhà, quan hệ đến luân lý vua tôi cha con, không thể rũ bỏ nó dù chỉ một khắc. Vì thế Khổng Tử nói: “Vua sử dụng bề tôi phải dựa vào lễ nghĩa, bề tôi hầu vua phải dựa vào trung thành”. Lại nói: “Xưa nay ai cũng phải chết, nếu dân không tin thì nước nhà không đứng vững”. Văn tử nói: “Nói phải giữ lời và thực hiện, chữ tín đã được coi trọng từ trước khi nói; phát lệnh phải có thành ý, nhất định phải chấp hành, thành ý phải kiên trì sau khi phát lệnh”. Vậy thì nói được mà làm không được thì lời nói không có chữ tín; phát lệnh mà không thực hiện thì pháp lệnh không có thành ý. Lời nói không có chữ tín, pháp lệnh không có thành ý thì đối với vua sẽ bại hoại phẩm đức, đối với bề tôi sẽ chuốc lấy họa sát thân, ngay cả khi thế đạo rối ren, người có đức có tài cũng không làm như vậy.

Từ khi vương đạo tốt đẹp đã được hơn mười năm, uy lực lan khắp toàn quốc, muôn phương đến triều bái, quốc khố ngày một dồi dào, lãnh thổ ngày một mở rộng. Nhưng đạo đức chưa sâu sắc hơn, nhân nghĩa chưa rộng rãi hơn, tại sao vậy? Vì thái độ đối xử với bề tôi chưa hoàn toàn thành tín, mặc dù làm việc có khởi đầu tốt đẹp, nhưng chưa chắc đã có kết thúc tốt đẹp. Sự hình thành của nó là tiệm tiến, không phải một sớm một chiều. Ngày trước vào năm Trinh Quán thứ nhất, nghe được việc tốt thì mừng rỡ khen ngợi, đến năm Trinh Quán thứ tám thứ chín, còn vui vẻ nghe lời khuyên can. Từ đó về sau, dần dần lời ghét khuyên can thẳng thắn; dù miễn cưỡng tiếp thu cũng không còn khoan hồng đại lượng như trước nữa. Người chính trực

dám nói thì dần tránh xúc phạm quân vương; kẻ gian tà thì không ngừng rót lời đường mật. Cho rằng người đồng tâm đồng đức là giám sát chính quyền, cho rằng người trung thành chính trực là phỉ báng người khác. Nói người ta là kéo bè kết cánh, dù người đó trung thực thành tín cũng cảm thấy khả nghi; nói người ta là chí công vô tư, dù người đó giả tạo dối lừa cũng cảm thấy không có tội lỗi. Người kiên định chính trực thì lo tội danh quấy rối chính quyền, người trung thành thẳng thắn thì sợ tội phỉ báng người khác. Thậm chí hoài nghi vô căn cứ, nghe lời giả dối mà sinh lòng nghi hoặc, khiến người chính trực không thể hoàn toàn trình bày hết ý kiến của mình, đại thần không ai có thể thẳng thắn can gián. Mê hoặc tai mắt của mình, khiến cho chuẩn mực lý tưởng bị cản trở, không được thi hành, tổn hại đến đức hạnh, e rằng xuất phát từ đây chẳng? Vì thế Khổng Tử nói: “Mồm miệng gian tà nguy hiểm sẽ lật đổ nước nhà”, hẳn là nói về tình trạng này.

Hơn nữa, quân tử và tiểu nhân, bề ngoài và nội tâm khác nhau. Quân tử che giấu lỗi lầm của người khác, khen ngợi ưu điểm của người khác; gặp họa thì không tùy tiện mong mình may mắn, hy sinh tính mệnh để bảo toàn nhân nghĩa. Tiểu nhân không coi bất nhân là vô sỉ, không sợ bất nghĩa, chỉ cần có lợi cho mình là có thể gây hại cho người để bảo toàn mình. Nếu phải gây hại cho người khác thì còn có việc gì không làm? Nay muốn nước nhà thịnh trị thì phải ủy thác việc nước cho quân tử; thế mà sự thành bại trong trị nước lại đi hỏi tiểu nhân. Thái độ đối với quân tử thì nghiêm khắc và xa lánh, thái độ đối với tiểu nhân thì tùy tiện mà thân cận. Thân cận tiểu nhân thì không gì không nói, xa lánh quân tử thì tình hình bên dưới không được bẩm báo lên trên. Như thế tốt xấu phụ thuộc vào tiểu nhân, hình phạt áp dụng cho quân tử, quả thực là quan hệ đến sự hưng vong của nước nhà, có thể không thận trọng sao? Đây là điều Tuân Tử nói: “Bảo người thông minh mưu hoạch nhưng lại cùng kẻ ngu xuẩn quyết định nó; bảo người có phẩm hạnh đứng dẫn thực hiện lại cũng kẻ có hành vi đê tiện

hoài nghi nó. Muốn thành công liệu có làm được không?”. Người có trình độ bình thường làm gì có thông minh vật? Nhưng bọn họ không có tài kinh bang tế thế, suy xét vấn đề không thể có dự tính lâu dài, dù có cố hết sức và trung thành cũng không thể tránh cho nước nhà khuyh bại. Huống hồ trong lòng có gian tà tư lợi, nịnh hót bợ đỡ, loại người này trở thành tai họa, chẳng phải là rất nghiêm trọng sao? Dựng cọc gỗ thẳng mà lại hoài nghi bóng nó không thẳng, thì dù vất kiệt tinh thần, lao tâm khổ tứ, sự việc cũng không có kết quả, cũng là điều đã rất rõ ràng.

Vua có thể tận lễ, tôi có thể tận trung, điều đó phụ thuộc vào việc đối ngoại, đối nội đều không có tư tâm, trên dưới tín nhiệm nhau. Vua không tin bề tôi thì không thể sử dụng bề tôi; bề tôi không tín nhiệm vua thì không thể hầu vua. Tín nhiệm là nguyên tắc quan trọng. Bởi thế trời bảo hộ nó, cát tường mà không có gì bất lợi. Ngày trước Tề Hoàn Công hỏi Quản Trọng: “Trẫm muốn làm cho rượu trong ly bị chua, thịt trên thớt bốc mùi ôi thiu, có tổn hại đến bá nghiệp không?”. Quản Trọng đáp: “Đó quả thực không phải là phẩm đức tốt, nhưng cũng không hại đến bá nghiệp”. Hoàn Công hỏi: “Thế nào thì hại đến bá nghiệp?”. Quản Trọng đáp: “Không hiểu được người khác hại đến bá nghiệp; hiểu mà không thể trọng dụng sẽ hại đến bá nghiệp; dùng mà không tín nhiệm sẽ hại đến bá nghiệp; đã tín nhiệm mà lại để tiểu nhân can thiệp sẽ có hại đến bá nghiệp”. Đại phu trung hành thị nước Tấn là Mục Bá đánh nước Cổ, sau một năm vẫn chưa hạ được, Quy Gián Luân nói: “Tôi có mưu sâu kế độc, không cần phải làm tướng sĩ mệt mỏi cũng có thể lấy được Cổ thành”. Mục Bá không thèm để ý đến ông. Tả hữu nói: “Không mất một mũi tên, không bị thương một binh sĩ mà có được nước Cổ, sao ngài lại không làm?”. Mục Bá đáp: “Con người Gian Luân, gian tà mà bất nhân nghĩa, nếu sai hấn đi lấy được Cổ thành thì ta có thể không thưởng cho hấn sao? Nếu thưởng cho hấn thì đó là thưởng cho kẻ gian tà. Kẻ gian tà đặc chí sẽ làm cho người trong nước Tấn bỏ nhân nghĩa mà làm việc gian tà. Tuy được

nước Cỗ, nhưng có ích gì?”. Mục Bá là đại phu của chư hầu, Quản Trọng là người phò tá bá nghiệp, họ còn có thể cẩn thận giữ chữ tín, xa lánh kẻ gian tà như thế huống hồ là bậc quân chủ nước lớn thống nhất thiên hạ, thánh vương kế thừa đại nghiệp nghìn thu lại có thể làm cho đức tốt thanh cao bị gián đoạn hay sao?

Nếu muốn làm cho quân tử tiểu nhân không lẫn lộn, phải dùng đức hạnh để vỗ về họ, đem chữ tín để đối đãi họ, lấy nhân nghĩa để khuyến miễn họ, tiết chế họ theo lễ tiết, sau đó mới có thể yêu mến người tốt việc tốt, ghét kẻ xấu việc xấu, thưởng phạt nghiêm minh. Tiểu nhân không thể thi triển được sự gian tà của họ, quân tử nỗ lực đi lên không biết mệt mỏi, chỉ dùng đức giáo mà không dùng hình phạt, làm cho thiên hạ có được cục diện thịnh trị, đâu phải là chuyện xa vời? Nếu yêu mến người tốt việc tốt mà lại không sử dụng người tốt, ghét kẻ xấu việc xấu mà lại không loại bỏ tiểu nhân, có tội mà không bị trừng phạt, có công mà không được khen thưởng, thì ngày nước nhà nguy vong có lẽ không còn xa, muốn mãi mãi ban phúc cho con cháu liệu có hy vọng gì?

Thái Tông đọc xong tấu sớ, than:

– Nếu không gặp được khanh thì trẫm có thể nghe được những lời này từ đâu?

Năm Trinh Quán thứ mười bảy, Thái Tông nói với các thị thần:

– Kinh truyện nói rằng “thà vứt bỏ thức ăn đầy đủ cũng phải giữ lấy sự tín nhiệm của dân đối với nước nhà”, Khổng Tử nói: “Dân không tin thì gốc rễ nước nhà không vững”. Ngày trước Hạng Vũ sau khi chiếm lĩnh Hàm Dương đã khống chế thiên hạ, nếu ông ta biết thực hiện nhân tín như triều Hán thì ai có thể đoạt được thiên hạ của ông ta?

Phùng Huyền Linh đáp:

– Nhân nghĩa lễ trí tín được gọi là “ngũ thường”, bỏ một cái cũng không được. Biết chăm chỉ thúc đẩy nó sẽ rất có ích. Ân Trụ vương khinh thị ngũ thường nên Chu Võ Vương thảo phạt; Hạng Vũ vì không có nhân tín nên bị Hán Cao Tổ đoạt mất thiên hạ, quả thực như bệ hạ nói.

TIẾT KIÊM

Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông bảo các thị thần:

– Xưa nay các bậc đế vương muốn xây dựng công trình đều phải coi trọng thuận với lòng dân. Xưa ông Đại Vũ phá chín núi, thông chín sông, hao phí nhân lực vô cùng lớn, nhưng chẳng ai căm hận oán ghét, chính là bởi lòng dân muốn làm như vậy, ông ấy đã tập trung được tâm nguyện của trăm họ. Tần Thủy Hoàng xây cung điện, người ta thường lên án phê bình, là bởi ông ta thỏa mãn ham muốn cá nhân, không thuận lòng dân. Gần đây trăm muốn xây một cung điện, vật liệu đã chuẩn bị đầy đủ, nhưng nghĩ đến chuyện của Tần Thủy Hoàng nên không xây nữa. Ngoài ra cổ nhân nói: “Đừng làm chuyện vô nghĩa để hại đến lợi ích của trăm họ”, “không mưu cầu thỏa mãn ham muốn cá nhân, để lòng không rối loạn”. Vốn đã biết mưu cầu ham muốn cá nhân thì lòng dân ắt rối loạn. Nếu phóng túng dâm dật xa xỉ thì ngày nước nhà nguy vong sẽ đến ngay. Những người từ vương công trở xuống, nhà cửa, xe cộ, cưới xin, tang ma..., phạm những thứ chiếu theo chức quan không được sử dụng đều bị cấm.

Từ đó trong suốt 20 năm, phong tục xã hội giản dị, vật chất dồi dào, không có tai họa đói rét.

Năm Trinh Quán thứ hai, công khanh đại thần dâng tấu:

– Theo “Lễ ký”, tháng cuối cùng của mùa hạ có thể ở trên lầu tạ xây trên đài cao. Nay cái nóng mùa hè chưa hết, những trận mưa lớn

liên miên mùa thu mới bắt đầu, hoàng cung thấp trũng ẩm ướt, xin bệ hạ cho xây một tòa lầu các để ở.

Thái Tông nói:

– Trẫm mắc bệnh khí lực suy nhược, đâu thích hợp ở chỗ thấp trũng ẩm ướt? Nhưng nếu đồng ý với thỉnh cầu của khanh thì lãng phí nhiều lắm. Ngày trước Hán Văn Đế chuẩn bị xây lộ đài, vì tiếc chi phí bằng tài sản của dân nên không xây nữa. Trẫm đức hạnh không bằng Hán Văn Đế mà tài vật hao phí lại nhiều hơn ông ấy, lẽ nào xứng đáng là đức hạnh của quân vương, với tư cách là cha mẹ trăm họ hay sao?

Công khanh nhiều lần dâng tấu thỉnh cầu, Thái Tông đều không chấp thuận.

Năm Trinh Quán thứ tư, Thái Tông bảo các thị thần:

– Mở rộng trùng tu cung điện, du ngoạn thường ngắm lầu đài là những điều đế vương mong muốn, nhưng trăm họ lại không mong muốn. Đế vương muốn như vậy là bởi kiêu xa dâm dật, trăm họ không muốn như vậy là bởi lao lực mệt nhọc. Khổng Tử nói: “Có một câu nói có thể thực hành suốt đời, đó là đạo nhân thư vậy! Những điều mình không muốn thì đừng làm cho người khác”. Những việc lao lực mệt nhọc quả thực không được để dân phải làm. Trẫm ở ngôi đế vương, có cả thiên hạ, xử lý sự việc đều phải nghĩ cho trăm họ mới thực sự có thể kiềm chế được ham muốn của mình. Nếu trăm họ không muốn làm như vậy thì nhất định phải thuận theo lòng dân.

Ngụy Trưng nói:

– Bệ hạ vốn yêu dân, thường tiết chế mình để thuận theo trăm họ. Thần nghe nói: “Ai đem ham muốn của mình thuận theo lòng dân thì hưng thịnh, ai làm khổ trăm họ để thỏa mãn mình thì diệt vong”. Tùy Dạng Đế tham lam vô độ, chỉ thích xa xỉ, mỗi khi quan lại cung phụng xây dựng hơi không vừa ý là xử phạt tàn khốc. Trên thích làm gì, dưới còn làm ghê gớm hơn, trên dưới đua nhau xa xỉ phóng túng vô độ,

cuối cùng dẫn đến diệt vong. Đây không chỉ là ghi chép trong sử sách, mà còn là những điều bệ hạ tận mắt trông thấy. Vì ông ta hoang dâm vô đạo, nên trời xanh ban lệnh cho bệ hạ thay thế ông ta. Bệ hạ nếu cho rằng ham muốn đã được thỏa mãn thì bây giờ không chỉ là đã thỏa mãn, mà là nên kiềm chế ham muốn. Nếu cho rằng ham muốn chưa được thỏa mãn, thì dù có vượt qua như thế vạn lần cũng không thỏa mãn.

Thái Tông nói:

– Khanh đáp hay lắm, không phải khanh thì sao trẫm có thể nghe được những lời này?

Năm Trinh Quán thứ mười sáu, Thái Tông bảo các thị thần:

– Trẫm gần đây có đọc truyện ký của Lưu Thông, Lưu Thông chuẩn bị xây điện Hoàng Nghi, Diên úy Trần Nguyên Đạt khẩn thiết khuyên can, Lưu Thông cả giận, hạ lệnh giết ông. Lưu hậu đích thân dâng tấu xin xá miễn, từ ngữ tình cảm rất khẩn thiết. Lưu Thông nguôi giận và cảm thấy hổ thẹn. Con người ta đọc sách chẳng qua là muốn tăng thêm kiến thức bổ ích cho mình. Trẫm đọc câu chuyện này, có thể dùng làm tấm gương sâu sắc. Gần đây muốn xây một tòa cung điện, vốn đã chuẩn bị đầy đủ từ vật liệu đến đất đai. Nghĩ đến chuyện Lưu Thông nên cho dừng công trình này.

LUẬN VỀ KHIÊM TỐN CUNG CẦN

Năm Trinh Quán thứ hai, Thái Tông bảo các thị thần:

– Người ta nói làm hoàng đế là có thể tự thấy tôn quý vinh hiển, không có gì đáng sợ, trẫm lại cho rằng cần phải giữ khiêm tốn cung cần, thường xuyên cảm thấy lo sợ. Ngày trước ông Thuấn khuyên ông Vũ: “Khanh chỉ cần không tự cho mình hiền năng là thiên hạ sẽ không ai dám tranh hiền với khanh; chỉ cần khanh không tự cho mình có công lao thì thiên hạ sẽ không ai tranh công lao với khanh”. Ngoài ra, “Chu Dịch” nói: “Chuẩn mực của quân tử là ghét kiêu ngạo tự mãn mà tôn sùng khiêm tốn cung cần”. Phàm những người làm hoàng đế, nếu tự cho mình là tôn quý vinh hiển thì không giữ khiêm tốn cung cần. Bản thân nếu có việc không đúng thì ai dám mạo phạm uy nghiêm dưng tấu khuyên can? Trẫm nói một câu, làm một việc đều trên sợ trời xanh, dưới sợ quần thần. Trời xanh ở tít trên cao mà nghe nhìn thấy thiện ác của nhân gian, sao có thể không sợ? Chúng công khanh đại thần sĩ nhân đều ngược nhìn lên, sao có thể không sợ? Từ đó suy xét, chỉ có thể thường xuyên khiêm tốn cung cần, thường xuyên thận trọng lo sợ, thế mà vẫn còn lo không phù hợp với ý chỉ của trời xanh và tâm nguyện của trăm họ.

Ngụy Trưng nói:

– Cổ nhân nói: “Hành sự không việc gì không có khởi đầu, nhưng lại ít việc có thể kiên trì đến cùng”. Mong rằng bệ hạ kiên trì nguyên tắc thường xuyên khiêm tốn, thường xuyên lo sợ, ngày một thận trọng, thế thì nước nhà mãi mãi được củng cố, không bị nghiêng

đồ. Thời đại Nghiêu Thuấn sở dĩ thái bình quả thực là nhờ áp dụng nguyên tắc này.

Năm Trinh Quán thứ ba, Thái Tông hỏi Cấp sự trung Khổng Dĩnh Đạt:

– “Luận ngữ” nói: “Người có tài năng thì thính giáo người không có tài năng, người tri thức nhiều thính giáo người tri thức ít; có tài cũng giống như không có tài, tri thức phong phú cũng giống như thiếu tri thức”. Thế nghĩa là thế nào?

Khổng Dĩnh Đạt đáp:

– Thánh nhân tiến hành giáo hóa, mong muốn mọi người khiêm tốn và quang minh chính đại hơn. Mình tuy có tài năng nhưng không khoe khoang tự đại, vẫn học hỏi người không có tài năng những điều họ biết. Mình tuy đa tài đa nghệ, nhưng vẫn cảm thấy chưa đủ, vẫn học hỏi người có tri thức ít hơn để bổ ích thêm cho mình. Tuy có tài năng, nhưng vẫn xem mình giống như không có tài năng; tuy tri thức phong phú, nhưng vẫn xem mình như không có tri thức. Không chỉ trăm họ phải như vậy, mà đức hạnh của đế vương cũng nên như vậy. Đế vương trong ân chứa thông minh, bề ngoài phải trầm lặng, làm cho mình cao thâm không để đo lường.

Vì thế “Chu dịch” nói: “Tự cho mình là mông muội để tu dưỡng chính đạo”, “Phải ẩn giấu sự sáng suốt để trị vì trăm họ”. Nếu đế vương ở ngôi chí tôn mà khoe khoang sự thông minh của mình, ý có tài năng hiếp đáp người khác, che giấu lỗi lầm không nghe can gián, thì trên dưới cách tuyệt, nguyên tắc cần tuân thủ giữa vua và tôi sẽ bị vi phạm. Xưa nay nước nhà diệt vong đều do tình trạng đó gây ra.

Thái Tông nói:

– “Chu dịch” nói: “Quân tử khiêm nhường và có trước có sau ấy là điều tốt lành”. Quả như điều khanh nói.

Rồi chiếu lệnh ban cho Không Dĩnh Đạt hai trăm đoạn lụa.

Hà Gián vương Lý Hiếu Cung được phong là Triệu Quận vương vào năm Võ Đức thứ nhất, tiếp đó được bổ làm Đông nam đạo hành đài Thượng thư tả bộc xạ. Lý Hiếu Cung sau khi dẹp Tiêu Tiển, Phụ Công Hựu, vùng Giang Hoài và Lĩnh Nam đều do ông tổng quản. Ông một mình nắm đại quyền một phương, uy danh rất lớn, lại được thăng nhiệm làm Lễ bộ thượng thư. Lý Hiếu Cung là người khiêm tốn lễ nhượng, không có vẻ kiêu ngạo tự đại. Khi ấy có Đặc tiến Giang Hạ vương Lý Đạo Tông, đặc biệt lừng danh thiên hạ về tài năng quân sự, đồng thời ham học, kính lễ hiền sĩ. Thái Tông đối xử với hai người rất thân thiết. Trong các thành viên hoàng thất, chỉ có Lý Hiếu Cung và Lý Đạo Tông, là những nhân vật kiệt xuất trong hoàng thất, không ai sánh bằng.

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU

– QUYỂN 6 –

NHÂN ÁI VÀ TRẮC ẨN

Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông nói với các thị thần:

– Phụ nữ ở ở trong thâm cung, tình cảnh thật đáng thương. Cuối thời nhà Thù, cung nữ được tuyển chọn vô số đến mức các cung quán của hoàng thượng đều có rất nhiều cung nữ. Việc này tổn hao rất nhiều tài lực của trăm họ, trăm không áp dụng cách làm như vậy. Hơn nữa cung nữ ngoài tưới nước quét nhà làm các việc vặt ra, còn dùng để làm gì? Nay chuẩn bị thả cho họ về để họ lấy chồng. Đây không chỉ là tiết giảm chi phí, giảm bớt chi tiêu của dân, mà còn là làm cho họ được trở lại với bản tính của mình.

Thế nên từ hậu cung đến dịch đình, lần lượt thả về hơn ba nghìn người.

Năm Trinh Quán thứ hai, vùng Quan Trung khô hạn, gây ra nạn đói. Thái Tông bảo các thị thần:

– Lụt lội hạn hán không điều hòa, đều là vì vua mất đức hạnh. Trăm đức hạnh không tốt, trời xanh hẳn là trách phạt trăm, trăm họ nào có tội gì mà chịu khổ nạn lớn! Nghe nói có kẻ phải bán con, trăm vô cùng xót thương.

Thế rồi phái Ngự sử đại phu Đỗ Yêm đi tuần tra, đem tiền của phủ khố hoàng gia chuộc lại những đứa trẻ đó trả lại cho cha mẹ chúng.

Năm Trinh Quán thứ bảy, Tương Châu đô đốc Trương Công Cẩn qua đời, Thái Tông nghe nói, rất đau buồn, theo tang lễ trú ở ngoại thành và phát tang cho ông. Có người tấu rằng:

– Theo sách âm dương nói: “Ngày tang vào ngày Thìn, không được khóc”. Đây cũng là quy định theo phong tục truyền lại.

Thái Tông nói:

– Tình nghĩa vua tôi giống như cha con, đau buồn xuất phát từ nội tâm, sao tránh kỵ ngày Thìn?

Thế rồi khóc Trương Công Cẩn.

Năm Trinh Quán thứ mười chín, Thái Tông chinh phạt Cao Ly, đóng trại ở Định Châu. Có binh sĩ đến, Thái Tông đích thân đến cửa bắc thành để vỗ về úy lạo họ. Có một binh sĩ tùy tùng bệnh nặng, không thể tân kiến, Thái Tông xuống chiếu sai người đến trước giường của anh thăm hỏi bệnh tình rồi sắc lệnh châu huyện chữa trị cho anh. Do đó tướng sĩ đều vui mừng nguyện theo Thái Tông xuất chinh. Đến khi đại quân về kinh đóng trại ở Liễu Thành, Thái Tông chiếu lệnh thu thập hài cốt các tướng sĩ trận vong, bày bò, dê, heo long trọng tế lễ. Thái Tông đích thân đến tế lễ, khóc lóc, mọi người trong quân ai cũng mũi lòng. Các binh sĩ tham gia lễ tế về nhà kể lại chuyện này, cha mẹ họ nói:

– Con trai chúng ta chết trận, thiên tử khóc cho chúng, chết cũng không di hận.

Thái Tông chinh phạt Liêu Đông, đánh thành Bạch Nham, Hữu vệ đại tướng quân Lý Tư Ma bị loạn tên bắn trúng, Thái Tông đích thân hút máu cho ông, tướng sĩ không ai không cảm động.

THẬN TRỌNG VỚI SỞ THÍCH

Năm Trinh Quán thứ hai, Thái Tông nói với các đại thần theo hầu:

– Người xưa nói: “Vua như đồ đựng, dân như nước; hình dạng của nước phụ thuộc vào đồ đựng nó chứ không phụ thuộc vào bản thân nước”. Vì thế Nghiêu, Thuấn dùng nhân nghĩa trị thiên hạ, dân phong theo đó thuần hậu; Kiệt, Trụ dùng bạo ngược thống trị thiên hạ, dân phong theo đó bạo tàn. Việc bề tôi làm đều theo sở thích của hoàng thượng. Chẳng hạn cha con Lương Võ Đế tôn sùng phù hoa, cuối thời Võ Đế không lưu tâm đến quân cơ việc nước, chế độ pháp điển. Đến khi Hồn Cảnh dẫn quân đánh hoàng cung, trăm quan từ Thượng thư lang trở xuống phần lớn không biết cưỡi ngựa, đi bộ bỏ chạy tán loạn, trên đường đi chết hết người này đến người khác. Lương Võ Đế và con trai Giản Văn Đế Tiêu Cương cuối cùng bị Hồn Cảnh giam trong cung cấm mà chết. Lương Hiếu Nguyên Đế ở Giang Lăng bị Vạn Nữ Vu Cần dẫn quân vây khốn, vẫn giảng “Lão Tử” không thôi, trăm quan đều mặc quân trang nghe giảng, không lâu sau thành Giang Lăng thất thủ, vua tôi đều bị bắt. Ngay Cảnh Tín cũng than thở về cách làm của họ. Việc này cũng đáng để lấy làm gương. Nay những điều trăm thích chỉ là các chuẩn mực của Nghiêu, Thuấn, các lời dạy của Chu Công, Khổng Tử, coi đó như chim có cánh, như cá dựa vào nước, mất chúng ắt diệt vong, không thể một khắc không có.

Năm Trinh Quán thứ hai, Thái tông bảo các thị thần:

– Việc thần tiên vốn là hoang đường, không có chuyện đó. Tần Thủy Hoàng thích việc thần tiên, kết quả bị Phương Sĩ Từ Phúc lừa gạt, phái mấy nghìn đồng nam đồng nữ theo ông ta xuống biển tìm thuốc tiên. Phương Sĩ lánh chính lệnh hà khắc bạo ngược của nhà Tần nên ở ngoài biển không về. Tần Thủy Hoàng còn đến bờ biển khắc khoải chờ đợi, trên đường về đến đồi cát thì chết. Hán Võ Đế vì muốn tìm thần tiên nên gả con gái cho kẻ làm đạo thuật. Sau đó thấy việc thần tiên không linh nghiệm bèn giết chết y. Xét theo hai chuyện này thì không được tìm kiếm thần tiên bừa bãi.

Năm Trinh Quán thứ tư, Thái Tông nói:

– Tùy Dạng Đế tính hay đa nghi, đề phòng người khác, một mực mê tín, xây dựng Trường Thành để ngăn cách người Hồ. Cuối cùng bị Vũ Văn Hóa Cập phái Cô Hành Đạt đến giết chết. Ngoài ra Dạng Đế giết Lý Kim Tài và các họ Lý gần như là giết tận, cuối cùng có ích lợi gì? Mà kẻ thống trị thiên hạ, chỉ cần bản thân đứng đắn, tu dưỡng phẩm đức là được, những việc hoang đường khác không đáng để bận lòng.

THẬN TRỌNG VỚI LỜI NÓI

Năm Trinh Quán thứ hai, Thái Tông nói với các thị thần:

– Trẫm hàng ngày thiết triều, muốn nói một câu thì phải cân nhắc xem câu nói đó có ích cho thiên hạ hay không, vì thế không dám nói nhiều.

Cấp sự trung kiêm Tri khởi cư sự Đỗ Chính Luân tấu:

– Lời nói và việc làm của nhà vua đều phải ghi lại, lời nói ra được ghi lại tại nơi ở. Chức vụ của thần là ghi lại lời nói và việc làm của vua, không dám không tận trung. Bệ hạ nếu có một câu vi phạm đạo lý thì sẽ tổn hại thánh đức nghìn vạn năm chứ không chỉ bây giờ có hại cho trăm họ. Mong rằng bệ hạ nói cẩn thận.

Thái Tông rất mừng, ban cho ông trăm đoan lụa.

Năm Trinh Quán thứ tám, Thái Tông bảo các thị thần:

– Nói là việc trọng đại của người có đức hạnh, nói lẽ nào là việc dễ dàng? Trăm họ bình thường nói ra một câu không tốt thì có người ghi lại, trở thành nỗi sỉ nhục và tổn hại của người đó. Huống hồ là bậc quân chủ của một nước, không thể nói chuyện có sai lầm. Trẫm thường xuyên lấy đó làm cảnh giới. Tùy Dạng Đế lần đầu đến cung Cam Tuyền, nước suối đá núi rất hợp ý, nhưng lại trách cứ không có đom đóm, bèn hạ lệnh: “Bắt một vài con về chiếu sáng ban đêm trong cung”. Quan chủ quản bèn phái mấy nghìn người đi bắt, mang về năm trăm rương đom đóm vào cung. Việc nhỏ còn mê lầm như vậy huống hồ là những việc lớn?

Ngụy Trưng đáp lời:

– Nhà vua ở địa vị tối cao trong thiên hạ, nếu có sai lầm thì cổ nhân cho là giống nhật thực nguyệt thực, người ta đều nhìn thấy. Quả thực phải cảnh giới thận trọng giống như bệ hạ.

Năm Trinh Quán thứ mười sáu, Thái Tông mỗi lần thảo luận với công khanh đại thần về học thuyết thời xưa, đều liên tục vặn hỏi họ. Tán thị thường thị Lưu Ký dâng sớ khuyến gián:

– Vua và tôi, người thánh triết và kẻ tầm thường ngu muội, trên dưới khác nhau, quan điểm cũng khác nhau. Từ đó thấy rằng đem kẻ cực ngu muội đối đầu với người cực thánh triết, đem kẻ cực ti tiện đối đầu với người cực tôn quý, họ chỉ muốn làm cho mình chiếm thế thượng phong, là điều không thể thực hiện được. Bệ hạ ban ý chỉ ân sủng, tạo sắc mặt ân từ, thái độ nghiêm túc lắng nghe lời bàn của người khác, khiêm tốn tiếp thu ý kiến của người khác mà còn lo bề tôi không dám đối đáp trước mặt, huống hồ bệ hạ thể hiện thần cơ, trở tài thánh biện, để phản bác lý do của người khác, viện dẫn nghĩa cổ để phủ định ý kiến của người khác, vậy bảo bề tôi dựa vào cái gì để trả lời? Thần nghe nói trời xanh coi không nói là tôn quý, thánh nhân coi không nói là đức tốt. Lão Tử cho rằng, “người thực sự giỏi biện bác giống như lời nói rất cùn”. Trang Tử cho rằng, “chân lý không cần dùng văn từ để tu sức”. Đây là sự giản dị cần thiết. Do đó Tề Hoàn Công đọc sách, Luân Biển ở dưới bàn tán; Hán Võ Đế hâm mộ người xưa, tôn sùng Nho học, Cấp Âm góp ý chế giễu. Đó cũng là không mong muốn quá đáng. Mà năng ghi chép sự việc sẽ tổn thương tâm tư, nói nhiều sẽ tổn thương nguyên khí. Nội thương tâm tư, nguyên khí, ngoại thương hình thể tinh thần, dù ban đầu không phát giác ra, nhưng sau này nhất định bị tổn thương, cần yêu quý chính mình vì nước nhà, lẽ nào làm tổn thương mình chỉ vì sở thích? Thần cho rằng nay thiên hạ thăng bình, đều là nhờ bệ hạ ra sức trị nước thực hiện được, muốn

làm cho nó duy trì lâu dài thì không thể dựa vào ngôn từ trôi chảy hùng biện. Chỉ có thể quên những sự yêu ghét, cẩn thận tiến hành lựa chọn, làm mỗi việc đều phải thiết thực, không được phủ định nguyên tắc cao nhất, giống như năm Trinh Quán thứ nhất là được. Còn như Tần Thủy Hoàng, do kiêu ngạo mà mất lòng người; Ngụy Văn Đế có tài hùng biện, nhưng do nói suông mà mất lòng dân. Đây là sự tổn hại của việc có tài ăn nói, có thể biết được rất rõ. Hy vọng giảm bớt loại hùng biện này, tu dưỡng tiết tháo và chính khí kiêm chế hứng thú sở thích, giữ cho mình thọ tựa Nam Sơn, trị nước thái bình thịnh thế như thời đại Đông Hồ, như thế trăm họ thật là may mắn, hoàng ân tỏa khắp thiên hạ.

Thái Tông đích thân chấp bút viết chiếu thư phê rằng:

– Không lo lắng thì không thể trị vì nước nhà; không nói chuyện thì không thể trình bày sách lược trị nước. Gần đây bàn luận với quần thần, vì thế gây nên nhiều điều phức tạp. Khinh thị người khác, thái độ kiêu ngạo, e rằng từ đó phát sinh; hình thể, tinh thần, tâm tư, nguyên khí không thể quá mức phiến lao như thế. Nếu nghe được lời chính trực, nhất định sẽ khiêm tốn sửa chữa.

CHỐNG LẠI SÀM TÀ

Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông nói với các thị thần:

– Trẫm thấy những kẻ tiểu nhân gian tà nói xấu người khác thời trước đều là bọn sâu mọt hại nước. Bọn chúng nói năng ngọt ngào, a dua bợ đỡ, câu kết với nhau; nếu là hôn quân thì chẳng ai không bị mê hoặc. Tôi trung con hiếu của nước nhà vì thế mà ngậm oan chịu tội. Hoa lan sắp nở rộ, gió thu lại đến phá hỏng nó; quân vương muốn soi xét sự lý, tiểu nhân sàm ngôn che giấu. Những việc này được chép trong sử sách, không thể liệt kê ra hết. Còn về việc bọn tiểu nhân sàm ngôn mê hoặc chúa thời Bắc Tề, nhà Tùy, những điều trẫm nghe thấy, nhìn thấy có thể nói một cách đơn giản cho các khanh nghe. Học Luật Minh Nguyệt là hiền tướng Bắc Tề, uy danh vang chấn địch quốc. Nhà Bắc Chu mùa đông hàng năm muốn vượt sông Phần, chỉ sợ ông dẫn quân từ phía tây đến tấn công. Đến khi Học Luật Minh Nguyệt vì Tổ Hiếu Trưng sàm ngôn vu tội, bị giết hại, nhà Bắc Chu mới bắt đầu có dự định thôn tính Bắc Tề. Cao Cảnh rất có tài trị nước, ông giúp cho Tùy Văn Đế hoàn thành bá nghiệp, năm triều chính hơn 20 năm, thiên hạ nhờ ông mà được yên bình. Tùy Văn Đế lại nghe lời đàn bà, một mực bài xích ông. Sau đó ông bị Dạng Đế sát hại, pháp chế chính lệnh nhà Tùy vì thế suy bại. Ngoài ra Tùy Thái tử Dương Dũng thống soái quân đội, trông coi triều chính đến 20 năm, vốn sớm có danh phận chư hầu. Dương Tổ lừa gạt Văn Đế, tàn hại người lương thiện, khiến quan hệ luân lý giữa cha con họ mất đi bản tính trời sinh. Căn nguyên của phản nghịch họa loạn bắt đầu từ đó. Tùy Văn Đế đã đành đồng danh phận con cả và con thứ, kết quả tự rước lấy họa sát thân, nước nhà không lâu sau cũng diệt vong. Người xưa nói, “thế đạo rồi ren là do

sàm ngôn gây nên”, quả thực không phải là lời nói bừa. Trẫm thường âm thầm đề phòng, lấy đó để ngăn chặn sàm ngôn vu tội phát sinh, vẫn lo còn chưa tận tâm tận lực, hoặc là còn chưa phát hiện được đầu mối. Sách sử đời trước nói: “Mãnh thú ở núi rừng, vì thế không ai dám đến hái rau dại; trung thần nắm triều chính, bọn gian tà tiểu nhân vì thế dừng mưu mô hoạt động”. Đây quả thực là kỳ vọng của trẫm đối với các khanh.

Ngụy Trưng nói:

– Sách “Lễ ký” nói: “Ở chỗ người khác không nhìn thấy cũng phải cẩn thận, ở lúc người khác không nghe thấy cũng phải thận trọng”. “Kinh Thi” nói: “Người quân tử bình dị dễ gần, không được tin sàm ngôn. Sàm ngôn rất không công chính, chỉ khiến thiên hạ rối ren”. Ngoài ra Khổng Tử “ghét tài ăn nói biện bác chỉ làm nước nhà diệt vong”, hẳn là vì thế mà nói. Thần từng khảo sát những người trị nước từ xưa đến nay, nếu nghe lời sàm ngôn vu hãm, tàn hại bề tôi trung lương bừa bãi ắt sẽ dẫn đến nước nhà diệt vong, tông miếu trở thành hoang phế, chợ búa trở nên vắng vẻ. Hy vọng bệ hạ đặc biệt cẩn thận với chuyện này.

Năm Trinh Quán thứ mười sáu, Thái Tông nói với Giám nghị đại phu Chử Toại Lương:

– Khanh chủ trì việc ghi chép, gần đây ghi lại những việc làm của trẫm là tốt hay xấu?

Chử Toại Lương đáp:

– Thiết lập sử quan, nhà vua làm việc phải ghi chép lại. Làm việc tốt phải ghi, có lỗi lầm cũng không được tránh.

Thái Tông nói:

– Hiện trẫm đang nỗ lực làm ba việc, cũng là mong muốn sử quan không đến nỗi ghi lại lỗi lầm của trẫm. Một là thẩm tra những sự

việc thành công thất bại của thời trước để làm gương; hai là tiến dùng người hiền, cùng lập sách lược trị nước; ba là bài xích, xa lánh tiểu nhân, không nghe sàm ngôn. Trẫm có thể kiên trì được, không bao giờ thay đổi.

HỒI LỖI

Năm Trinh Quán thứ hai, Thái Tông nói với Phòng Huyền Linh:

– Làm người rất cần học vấn. Trẫm trước đây vì kẻ địch các nơi chưa bình định được, mãi lo chinh phạt, đích thân cầm quân nên không có thời gian đọc sách. Gần đây nước nhà yên bình, trẫm không thể tự cầm quyển sách đọc, bèn sai người đọc to cho nghe. Luân thường vua tôi cha con, sách lược giáo hóa chính trị đều ở trong sách. Người xưa nói: “Không học giống như đối mặt với tường mà không thấy, gặp việc thì khó khăn”. Đây chẳng phải là lời nói suông. Lại nghĩ đến những việc làm hồi nhỏ, thật là không đúng.

Trong thời kỳ Trinh Quán, Thái tử Lý Thừa Càn thường không tuân thủ chế độ pháp lệnh. Ngụy vương Lý Thái vì có tài năng nên rất được Thái Tông coi trọng, chiếu lệnh cho Lý Thái dọn đến ở điện Võ Đức. Ngụy Trưng dâng sớ khuyên can:

– Ngụy vương đã là con yêu của bệ hạ, bệ hạ nên làm cho Ngụy vương hiểu danh phận đặc biệt của mình, luôn giữ an toàn, mỗi việc đều phải kìm nén kiêu ngạo xa xỉ, không được ở vào vị trí hiềm nghi. Nay dời đến cung điện này, để Ngụy vương sống ở phía tây Đông cung; Hải Lăng vương ngày trước sống ở đó, khi ấy mọi người đều cho là không nên, tuy rằng thời đại đã thay đổi, tình hình đã khác, nhưng vẫn lo người ta bàn tán. Ngoài ra trong lòng Ngụy vương cũng không được yên. Ngụy vương đã nhận thức được sự sủng ái của bệ hạ

thì nên giữ lòng lo sợ, hy vọng bệ hạ đáp ứng nguyện vọng tốt đẹp của Ngụy vương.

Thái Tông nói:

– Trẫm hầu như đã không suy xét kỹ lưỡng nên đã phạm sai lầm lớn.

Rồi lệnh cho Ngụy vương Thái trở về phủ đệ ban đầu.

Năm Trinh Quán thứ mười bảy, Thái Tông nói với các thị thần:

– Việc đau đớn nhất trong tình cảm của con người không gì hơn là cha mẹ qua đời. Bởi vậy Khổng Tử nói: “Phục tang cho cha mẹ ba năm là tang kỳ thông thường trong thiên hạ, trên từ thiên tử dưới đến trăm họ đều như vậy”. Lại nói: “Không chỉ là Ân Cao Tông, người xưa đều như thế”. Các đế vương cận đại dùng chế độ tang kỳ lấy ngày thay cho tháng của Hán Văn Đế là đã vi phạm nguyên tắc của lễ. Hôm qua trẫm đọc thiên “Phục tam niên tang” trong sách “Trung luận” của Tử Hàn, nội dung bài viết thuyết lý rất tường tận. Thật tiếc là không sớm đọc bộ sách này, khi ấy tang lễ cử hành cho cha mẹ thật là quá tùy tiện đơn giản. Nay chỉ có thể quy tội cho chính mình, trách chính mình, hối hận không kịp.

Thế rồi khóc rất lâu.

Năm Trinh Quán thứ mười tám, Thái Tông nói với các thị thần:

– Bề tôi đối với vua luôn là thuận theo ý chỉ, nói năng dễ nghe để lấy lòng. Nay trẫm muốn nghe lỗi lầm của mình, các khanh đều có thể phát biểu ý kiến đúng sự thực.

Tán kỵ thường thị Lưu Ký đáp:

– Bệ hạ mỗi lần bàn luận việc với các đại thần và khi có người dâng tấu sớ, vì ý kiến của họ không hợp ý bệ hạ nên đôi khi truy vấn

trách mắng ngay tại chỗ khiến họ đều hổ thẹn lui xuống. E rằng đây không phải là biện pháp khuyến khích bề tôi thẳng thắn can gián.

Thái Tông nói:

– Khanh nói đúng, trẫm cũng ân hận vì làm như vậy, nên nghe theo ý kiến của khanh để sửa đổi.

XA XỈ PHÓNG TÚNG

Năm Trinh Quán thứ hai, Thái Tông nói với Hoàng môn thị lang Vương Khuê:

– Năm Tùy Văn Đế Khai Hoàng thứ mười bốn, Quan Trung đại hạn, trăm họ rất nhiều người khổ khó. Khi ấy kho lương thực của nhà nước đầy ắp, nhưng ông ta không cho phép mở kho cứu tế, mà lại lệnh cho dân trốn đói đến các nơi có lương thực kiếm ăn. Tùy Văn Đế không yêu dân mà lại yêu kho lương của mình đến mức độ đó. Đến cuối thời ông ta, thống kê lương thực tích trữ của nhà nước thì có thể cung cấp cho cả nước ăn năm sáu chục năm. Tùy Dạng Đế ý giàu có nên xa hoa phung phí, hoang dâm vô đạo, kết quả dẫn đến diệt vong. Dạng Đế mất nước cũng có một phần trách nhiệm của cha ông ta. Người xưa nói: “Nếu trăm họ dùng không đủ thì quân vương làm sao dùng đủ?”. Chỉ cần lương tích trữ trong kho đủ để phòng bị cho năm đói kém, ngoài ra không phải lo tích trữ. Con cháu đời sau nếu hiền huệ thì có thể tự giữ được thiên hạ; nếu bất tài thì kho đụn tích trữ nhiều chỉ tăng thêm sự xa xỉ, ấy là họa căn vong quốc.

Năm Trinh Quán thứ chín. Thái Tông nói với Ngụy Trưng:

– Vừa rồi đọc sách sử Bắc Chu, Bắc Tề, các đế vương mất nước cuối thời, tình hình làm ác đa số tương tự nhau. Tề Hậu Chủ rất thích xa xỉ, mọi quan phủ quốc khổ hầu như đều bị ông ta dùng hết, còn quan khẩu, chợ búa thì không đâu không thu thuế. Trẫm thường nói điều này giống kẻ thèm ăn ăn cả thịt mình, thịt ăn hết thì mình cũng

chết. Vua không ngừng trưng thu thuế, trăm họ đã mệt mỏi, vua cũng ắt diệt vong, Tề Hậu Chủ là như vậy. Vậy thì Thiên Nguyên hoàng đế và Tề Hậu Chủ, bọn họ hơn kém nhau thế nào?

Ngụy Trưng đáp:

– Hai ông vua này tuy đều là mất nước, nhưng hành vi của họ khác nhau. Tề Hậu Chủ yếu đuối, chính lệnh triều đình không thống nhất, nước nhà không có pháp chế, cuối cùng dẫn đến diệt vong. Thiên Nguyên hoàng đế tính tình hung bạo ngang ngược, thường phạt do mình, độc đoán chuyên quyền, nguyên nhân mất nước đều là ở bản thân ông ta. Xét theo tình hình này, Tề Hậu Chủ kém hơn.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Thị ngự sử Mã Chu dâng sớ luận bàn về chính lệnh thời bấy giờ:

Thần quan sát lịch sử các thời trước, xét từ tình hình nhà Hạ, nhà Ân, nhà Chu và nhà Hán thống nhất thiên hạ, việc truyền ngôi kế thừa của đế vương, lâu dài thì được hơn tám trăm năm, ngắn thì cũng được bốn năm trăm năm, đều là nhờ tích đức, công nghiệp, ân đức tồn lưu trong lòng trăm họ. Lẽ nào không từng có quân vương tà ác, có điều nhờ ân đức của vua hiền đời trước mà được miễn tội mà thôi. Từ Ngụy, Tấn cho đến nhà Bắc Chu, nhà Tùy, việc truyền ngôi dài thì được năm sáu chục năm, ngắn thì chỉ được hai ba chục năm là diệt vong, quả thực là vì quân vương dựng nghiệp không tập trung vào việc đẩy mạnh giáo hóa ân đức, khi đó chỉ có thể giữ lấy ngôi vua của mình, trăm họ đời sau không có ân đức tiên vương lưu lại để nhớ. Cho nên việc giáo hóa chính trị của quân vương kế vị có suy giảm, một người đứng lên tạo phản là nước nhà tan rã. Nay bệ hạ tuy bình định được thiên hạ nhờ công tích của bề tôi, nhưng thời gian tích đức ngắn, quả thực cần xem xét đẩy mạnh đức hạnh của các ông Vũ, Thang, Văn Vương, Võ Vương, thi hành rộng rãi việc giáo hóa ân đức, làm cho ân đức dư thừa, làm nền tảng truyền lại cho con cháu đời sau. Làm sao có

thể chỉ cầu giáo hóa không có sai lầm, dùng để duy trì chế độ đương thời là được? Hơn nữa các quân vương thánh minh từ xưa tuy là tiến hành giáo hóa tương ứng với các trường hợp khác nhau của con người cụ thể, sự khoan hậu và nghiêm khắc của chính lệnh biến đổi theo thời cuộc, nhưng phương châm chung là thực hiện hai phương diện tiết kiệm cho bản thân và thi ân cho trăm họ. Do đó trăm họ của họ yêu quý họ giống như yêu quý cha mình, ngưỡng mộ họ như ngưỡng mộ nhật nguyệt, tôn kính họ như tôn kính thần linh, sợ họ như sợ sấm sét, đây là nguyên nhân để vị của họ được truyền lâu dài mà họa loạn không xảy ra.

Nay trăm họ ở sau thời loạn, nhân khẩu chỉ bằng một phần mười thời Tùy, nhưng quan sai phục dịch người nọ tiếp nối người kia lên đường, anh đi khỏi nhà em mới trở về, trước sau tiếp nối không dứt. Lộ trình xa, đi về năm sáu nghìn dặm, xuân đi thu về, đông đi hạ về, một chút thời gian nghỉ ngơi cũng không có. Bộ hạ tuy thường xuống ân chiếu, lệnh giảm sai dịch, nhưng các bộ phận liên quan vẫn không ngừng làm việc, tự nhiên phải dùng đến người, dù đã xuống chiếu lệnh cũng vẫn lay chuyển trăm họ. Thần thường đi hỏi, bốn năm năm nay, có rất nhiều lời oán thán, cho rằng bộ hạ không có lòng nuôi dưỡng họ. Ngày trước Đường Nghiêu lấy cỏ tranh lợp nhà, đắp đất làm bậc, Hạ Vũ cơm áo đơn giản, những việc như thế thần biết không thể lại thực hiện ở ngày nay, Hán Văn Đế tiếc chi phí nên cho dừng xây dựng lộ đài; thu thập túi vải mà bề tôi dâng sợ dùng làm trướng của cung điện, Thận phu nhân mà ông sủng ái mặc váy không quét đất. Đến thời Cảnh Đế, vì các loại đồ dệt như gấm vóc làm tổn hại đến việc dệt tơ, thêu thùa của phụ nữ nên hạ lệnh miễn trừ không dùng, khiến trăm họ sống an lạc. Đến Hiếu Võ Đế, tuy cực kỳ xa xỉ, nhưng nhờ vào ân đức Văn Đế, Cảnh Đế để lại nên lòng dân không động loạn. Nếu sau Hán Cao Tổ, tức thời đại Võ Đế, thiên hạ ắt không được bảo toàn. Những tình hình này về thời gian cách nay rất gần, sự tích còn có thể hiểu rõ.

Nay kinh thành và Ích Châu đang chế tạo đồ vật để dâng lên hoàng gia cũng như trang phục cho phi tần công chúa của chư vương, những người bàn tán đều cho không phải là tiết kiệm. Thần nghe nói những người chăm chỉ mà công nghiệp hiển hách thì đời sau lười biếng không làm; người chế định pháp lệnh phù hợp với lẽ thường thì sau này vẫn bại hoại sinh ra hỗn loạn. Bệ hạ hồi nhỏ sống trong dân gian, biết được nỗi vất vả của trăm họ, thành công và thất bại của đời trước đều đã tận mắt chứng kiến, mà còn như vậy. Mà hoàng Thái tử ở nơi thâm cung, chưa từng trải qua những việc trong xã hội, về những việc sau khi bệ hạ vạn tuế, quả thực là phải nên lo lắng.

Thần nghiên cứu tình hình thành công thất bại của các thời trước, chỉ cần có trăm họ oán hận bội phản, tụ tập làm trộm cướp thì nước đó sẽ nhanh chóng diệt vong. Nhà vua dù có muốn hối cải cũng không thể yên định bảo toàn. Nếu sự biến xảy ra, sau đó mới cảm thấy hối hận thì đã vô ích. Vì vậy quân chủ đời sau nhìn vào sự sụp đổ của đời trước là biết nền giáo hóa chính trị của họ sai lầm như thế nào, nhưng đều không biết bản thân mình có sai lầm gì. Do đó Ân Trụ chê cười Hạ Kiệt mất nước, còn Chu U Vương, Chu Lịch Vương lại chế giễu Ân Trụ diệt vong. Tùy Dạng Đế những năm đầu cơ nghiệp lại chế giễu Bắc Chu, Bắc Tề mất nước. Tuy nhiên hiện nay nhìn Dạng Đế, lại giống Dạng Đế nhìn Bắc Chu, Bắc Tề khi trước. Bởi vậy Kinh Phòng nói với Hán Nguyên Đế: “Thần lo đời sau nhìn ngày nay cũng giống như ngày nay nhìn đời xưa”. Lời này không thể không lấy làm cảnh giác.

Ngày trước, vào năm Trinh Quán thứ nhất, cả nước sản xuất thiếu thốn, một vuông lúa mới bằng một một đấu thóc, nhưng thiên hạ an cư lạc nghiệp. Trăm họ biết bệ hạ rất quan tâm thương xót họ nên mỗi người đều tự giác yên định, không từng có oán thán. Từ năm Trinh

Quán thứ năm thứ sáu đến nay, liên tục được mùa, một vuông lúa hơn mười thạch gạo, mà trăm họ đều cho là bệ hạ không quan tâm thương xót họ, đều có lời oán. Lại vì những việc làm hiện nay, rất nhiều việc không thật sự cần thiết. Xưa nay sự hưng vong của nước nhà không ở tích trữ bao nhiêu, mà chỉ phụ thuộc vào việc cuộc sống của trăm họ là đau khổ hay yên vui. Có thể lấy sự việc gần đây để chứng minh điều này, nhà Tùy tích trữ lương đầy kho đụn, nhưng Lý Mật lại tiếp quản nó; Đông Kinh Lạc Dương tích trữ vải vóc, nhưng lại do Vương Thế Sung chiếm hữu nó; quốc khố của quan phủ ở Tây Kinh Trường An tích trữ, nhưng cũng do Đại Đường ta sử dụng, đến nay vẫn chưa dùng hết. Nếu các kho đụn không tích trữ lương thực vải vóc thì Vương Thế Sung, Lý Mật sẽ nhất định không thể tập trung được nhiều nhân mã. Nhưng tích trữ vốn là việc bình thường của nhà nước, nhưng phải chờ trăm họ có dư thừa mới trưng thu tích trữ. Nếu trăm họ lao khổ mà cưỡng chế trưng thu, kết quả sẽ mang đi tài trợ cho kẻ địch, tích trữ nó là vô ích. Mà tiết kiệm giúp trăm họ được nghỉ ngơi, điều này đích thân bệ hạ đã thực hiện vào năm Trinh Quán thứ nhất, bởi vậy nay thực hiện nó không hề khó. Thực hiện một ngày là thiên hạ sẽ biết và ca hát nhảy múa. Nếu trăm họ đã lao khổ mà lại không ngừng sai dịch họ, chẳng may trong nước bị hạn hán lụt lội, biên cương có kẻ địch xâm phạm, phần tử phi pháp thừa cơ làm loạn thì sẽ xảy ra tình trạng không lường trước được, không chỉ là bệ hạ phải ăn tối ngủ muộn. Nếu dựa vào bệ hạ thánh minh, thực sự nghĩ đến việc phấn chấn tinh thần trị nước, không cần dựa vào chuyện thời xưa, chỉ cần theo kịp như năm Trinh Quán thứ nhất thì thiên hạ đã rất may mắn rồi.

Thái Tông nói:

– Gần đây, không ngờ trăm họ ca thán oán hận, đó chính là lỗi lầm của trẫm.

THAM LAM

Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông nói với các thị thần:

– Ngọc minh châu, không ai không quý, nếu dùng bắn chim há chẳng phải đáng tiếc hay sao? Huống hồ tính mệnh con người quý hơn minh châu, nhìn thấy tiền vàng không sợ lưới pháp luật, lập tức tham ô, đó chính là không yêu quý tính mệnh. Minh châu là vật ngoại thân mà còn không thể mang đi bắn chim, huống hồ tính mệnh quý trọng hơn lại đem đi đổi lấy tài vật? Quần thần nếu biết toàn lực trung thành thẳng thắn, có ích cho nước nhà, có lợi cho trăm họ, thì quan chức tước vị có thể nhận được. Tất cả không được dùng thủ đoạn nhận hối lộ để cầu lấy vinh hoa phú quý, tùy tiện thu nhận tài vật. Nếu vụ việc hối lộ bị lộ ra, bản thân cũng bị tổn hại, thành chuyện chê cười. Để vương cũng vậy, bốc đồng phóng túng, trưng dụng lao dịch vô hạn độ, tín nhiệm tiểu nhân, xa lánh người trung thành chính trực, lẽ nào có thể không diệt vong? Tùy Dạng Đế xa xỉ mà tự cho mình hiền năng, cuối cùng chết trong tay kẻ tầm thường, cũng thực đáng chê cười.

Năm Trinh Quán thứ hai, Thái Tông bảo các thị thần:

– Trẫm từng nói kẻ tham tài không thực sự biết quý trọng của cải. Thí dụ những kẻ làm quan ngũ phẩm trở lên trong và ngoài triều, bổng lộc rất hậu. Nếu thu nhận của hối lộ của người khác chẳng qua cũng được mấy vạn, chẳng may lộ ra thì bổng lộc cũng sẽ bị cắt bỏ, lẽ nào đây là biết quý trọng của cải? Nhìn thấy thu nhập nhỏ mà đánh mất lợi ích lớn. Ngày trước Công Nghi Hưu tính thích ăn cá, nhưng ông ta

không nhận cá người ta biếu nên có thể được ăn cá lâu dài. Hơn nữa kẻ làm vua mà tham tài ắt sẽ mất nước; kẻ làm tôi mà tham tài ắt sẽ mất mạng. “Kinh Thi” nói: “Gió lớn sinh ra vì có đường hầm, kẻ tham tài bại hoại đồng loại”. Đây quả thực không phải lời nói sai. Ngày trước Tần Huệ Vương muốn chinh phạt nước Thục, không biết đường đi, bèn cho chạm năm con trâu đá, đuôi trâu chứa vàng, người nước Thục nhìn thấy, tưởng là trâu đá biết đại tiện ra vàng. Vua Thục phái năm lực sĩ đến kéo trâu đá vào Thục. Đường đi làm xong, quân Tần sau đó tấn công, nước Thục bị diệt vong. Đại tư nông triều Hán là Điền Diên Niên nhận hối lộ ba nghìn vạn lạng, sau khi bị lộ phải tự sát. Những sự việc như thế nào có thể ghi lại hết? Trẫm nay coi vua Thục làm gương, các khanh cũng phải lấy chuyện của Điền Diên Niên làm bài học, không được dẫm vào vết xe đổ.

Năm Trinh Quán thứ tư, Thái Tông nói với công khanh đại thần:

– Trẫm cả ngày nỗ lực không biết mệt mỏi, không chỉ là lo lắng cảm thông với trăm họ, mà còn mong muốn làm cho các khanh giữ được phú quý lâu dài. Trời không phải không cao, đất không phải không dày, trẫm thường cẩn thận, sợ trời đất. Nếu các khanh biết thận trọng, chăm việc công, tuân thủ pháp luật, luôn biết sợ trời đất như trẫm thì không những trăm họ an ninh, mà chính các khanh cũng luôn được vui vẻ. Người xưa nói: “Người hiền nhiều của cải sẽ tổn hại ý chí, kẻ ngu nhiều của cải sẽ tạo thành sai lầm”. Lời này có thể dùng để cảnh giác. Nếu tư lợi làm xằng, tham ô của cải, không những sẽ bại hoại quốc pháp, tổn hại trăm họ, mà dù sự việc chưa bại lộ, trong lòng lẽ nào không thường cảm thấy lo sợ? Lo sợ rất nhiều thì cũng vì thế mà dẫn đến tử vong. Đại trượng phu lẽ nào có thể tùy tiện tham ô của cải mà để nguy hại đến tính mệnh bản thân, làm cho con cháu đời sau luôn cảm thấy hổ thẹn? Các khanh phải suy ngẫm những lời này.

Năm Trinh Quán thứ sáu, Hữu vệ tướng quân Trần Vạn Phúc từ cung Cửu Thành đến kinh thành, vi phạm pháp quy lấy, mấy thạch cám lúa mạch của dịch trạm để dùng. Thái Tông ban cho ông ta cám lúa mạch, lệnh cho ông ta tự công đi, để làm nhục ông ta.

Năm Trinh Quán thứ mười, Trị thư thị ngự sử Quyền Vạn Kỳ dâng sớ tấu:

– Các núi ở Tiêu Châu, Nhiêu Châu có rất nhiều mỏ bạc, khai thác có lợi nhuận rất lớn, mỗi năm có thể thu được mấy trăm vạn quan bạc.

Thái Tông nói:

– Trẫm là thiên tử tôn quý, những thứ này không hề thiếu. Chỉ cần có chủ ý hay, kiến nghị làm việc tốt có lợi cho trăm họ là được. Hơn nữa nước nhà thu nhập mấy trăm vạn quan tiền, sao sánh bằng có được một người có tài đức? Không thấy Khanh tiến cử người hiền kiến nghị làm việc tốt, lại không biết thăm tra kiểm soát người và việc phạm pháp, làm cho hào tộc quyền quý kính sợ, chỉ biết nói những việc khai thác mỏ bạc kiếm lợi. Ngày trước Nghiêu, Thuấn ném ngọc bích vào rừng, quăng minh châu xuống vực, do đó tiếng thơm được ca ngợi muôn đời. Hoàn Đế, Linh Đế nhà Hậu Hán tham lam của cải, xem thường đạo nghĩa, là những kẻ hôn quân. Khanh muốn biến trẫm thành Hoàn Đế, Linh Đế hay sao?

Ngay hôm đó lệnh cho Quyền Vạn Kỳ thôi giữ chức về nhà.

Hộ bộ thượng thư Đới Trụ qua đời, Thái Tông thấy nhà ông rách nát, không có chỗ thờ cúng, bèn lệnh xây gia miếu riêng cho ông.

Ôn Nhan Bác làm Thượng thư hữu bộc xạ, nhà nghèo không có chính thất, khi mất, linh cữu đặt ở phòng bên. Thái Tông nghe nói rất thương tình, bèn lệnh xây chính thất cho ông, ban cho của cải để giúp làm tang sự.

Sầm Văn Bản làm Trung thư lệnh, nhà thấp dột nát, không có màn trướng để che. Có người khuyên ông mua ít gia sản, Sầm Văn Bản than thở nói:

– Ta chẳng qua là một người dân bình thường, xưa nay chưa từng có công lao hãn mã, chỉ làm việc bằng chữ nghĩa, chức quan đến Trung thư lệnh, cũng là đỉnh điểm rồi. Được hưởng bổng lộc rất cao, sợ rằng thế đã nhiều lắm, còn có thể nói mua thêm gia sản nữa sao?

Người khuyên thở dài lui gót.

Nhà Ngụy Trưng không có chính đường. Khi sinh bệnh, Thái Tông đang chuẩn bị xây điện nhỏ, bèn cho dừng lại lấy vật liệu của điện nhỏ xây chính đường cho Ngụy Trưng, năm ngày thì hoàn công. Thái Tông phái sứ giả cung đình mang vải trắng đến ban cho Ngụy Trưng để thỏa mãn chí hướng coi trọng tiết kiệm của ông.

Thượng thư tả bộc xạ Đỗ Như Hối trình tấu:

– Giám sát ngự sử Trần Sư Hợp dâng tấu “Bàn về đề bạt kẻ sĩ”, nói rằng năng lực suy nghĩ của một người có thể có giới hạn nhất định, một người không thể kiêm nhiệm nhiều chức, theo đó chê bai chúng thần.

Thái Tông nói với Đới Trụ:

– Trẫm trị thiên hạ bằng nguyên tắc công chính, nay bổ nhiệm Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, không phải vì bọn họ là những bộ hạ cũ có công lao, mà là bởi họ có tài có đức. Trần Sư Hợp phi báng vô lối, chỉ là muốn ly gián vua tôi chúng ta. Ngày trước Thục Hậu chúa ngu tối nhu nhược, Tề Văn Tuyên Đế cuồng bạo loạn nghịch, nhưng nước nhà được thịnh trị là nhờ biết dùng Gia Cát Lượng, Dương Tôn Nhan mà không nghi kỵ họ. Nay trẫm dùng bọn Đỗ Như Hối cũng chính là theo biện pháp này.

Rồi lưu đày Trần Sư Hợp đến Lĩnh Nam.

Vào thời Trinh Quán, Thái Tông nói với Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối:

– Trẫm nghe nói xưa nay các đế vương trên hợp ý trời, những người làm cho thiên hạ thái bình đều là nhờ sức mạnh phò tá của bề tôi. Gần đây trẫm mở đường can gián là muốn biết những nỗi oan khuất của trăm họ, muốn nghe được lời khuyên can của bề tôi. Mọi người dâng mật tấu đều là tố giác quan lại các cấp, sự việc không có gì đáng nói, không đáng để tiếp thu. Trẫm liệt kê các quân vương đời trước để khảo sát, chỉ cần vua nghi kỵ đại thần là tình hình bên dưới sẽ không thể trình lên trên, muốn bề tôi hết lòng trung thành sao có thể được? Còn những kẻ không có kiến thức, chuyên sàm ngôn khiến vua tôi nghi kỵ lẫn nhau, quả thực là vô ích đối với nước nhà, ai dâng sớ công kích lỗi nhỏ của người khác sẽ xử tội sàm ngôn vu hại.

Ngụy Trưng làm Mật thư giám, có người tố cáo ông mưu phản. Thái Tông nói:

– Ngụy Trưng ngày trước là kẻ thù của trẫm, nhưng vì có lòng trung, trẫm đã bổ nhiệm ông ta. Sao có thể nói xấu vu hại được?

Cuối cùng không truy cứu Ngụy Trưng mà đem giết kẻ vu cáo.

Năm Trinh Quán thứ bảy, Thái Tông đến Bồ Châu, thứ sử Triệu Nguyên Khải lệnh cho các bộ lão mặc áo hoàng sa, chuẩn bị nghênh đón bái kiến hoàng đế hai bên đường; đồng thời cho đại tu phòng ốc trong phủ, sửa sang lâu các để lấy lòng hoàng thượng. Lại ngầm nuôi hơn trăm con dê, mấy nghìn con cá, chuẩn bị tặng cho hoàng thân quốc thích. Thái Tông hay biết, triệu ông ta đến trách:

– Trẫm tuần sát Hoàng Hà, Lạc Thủy, đi qua mấy châu, phạm những thứ cần dùng đều dùng vật tư của quan phủ. Người nuôi dê, nuôi cá cho trẫm, sửa sang phòng ốc sân vườn, đó là phong khí xấu thói quen xấu của nhà Tùy đã bị diệt vong, nay không thể lại thực hiện. Người phải hiểu được tâm ý trẫm, thay đổi thói quen xấu.

Vì Triệu Nguyên Khải khi nhậm chức ở nhà Tùy a dua bợ đỡ không đứng đắn nên Thái Tông nói những lời này để cảnh cáo ông ta. Triệu Nguyên Khải cảm thấy hổ thẹn lo sợ, mấy ngày sau không ăn mà chết.

Năm Trinh Quán thứ mười sáu, Thái Tông nói với thị thần:

– Người xưa nói: “Chim đậu trong rừng còn lo cây rừng không đủ cao nên xây tổ trên ngọn; cá lặn dưới nước suối còn lo nước suối không đủ sâu, nên đào hang dưới đáy suối. Nhưng chúng vẫn bị con người bắt được, đều là do tham mỗi gây ra”. Nay bề tôi được bổ nhiệm, ở địa vị cao, hưởng lộc hậu, làm việc phải trung thành chính trực, làm quan công chính thanh liêm, như thế sẽ không có tai họa, giữ được phú quý lâu dài. Cổ nhân nói: “Họa phúc bất định, do con người

tự chuốc lấy”. Còn những kẻ tự gây hại cho mình đều là bởi tham lam tài lợi, có khác gì loài cá, loài chim? Các khanh phải suy ngẫm những lời này để mà cảnh giác.

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU

- QUYỂN 7 -

TÔN SÙNG NHO HỌC

Đường Thái Tông vừa lên ngôi vua bèn cho lập Hoǎng Văn Quán ở bên trái chính điện, tinh tuyển người thông hiểu Nho học khắp nước để họ kiêm nhiệm học sĩ cùng với chức vụ hiện tại, luân phiên trực ban trong hoàng cung, khi Hoàng đế rảnh việc triều chính sẽ gọi vào nội cung, thảo luận điển tịch kim cổ, bàn việc lớn, đôi khi thảo luận đến nửa đêm mới thôi. Thái Tông lại xuống chiếu tuyển chọn con cháu của các quan lại cao cấp từ tam phẩm trở lên có công huân làm học sinh của Hoǎng Văn Quán.

Năm Trinh Quán thứ hai, Thái Tông xuống lệnh thôi tôn Chu Công làm thánh nhân đời trước, bắt đầu xây dựng miếu thờ Khổng Tử trong Quốc học. Bắt chước chế độ ngày trước, tôn Khổng Tử làm thánh nhân, Nhan Uyên là bậc thầy. Năm đó lại thu nhận rộng rãi nho sĩ trong thiên hạ, ban thưởng gấm vóc, cung cấp xe ngựa ăn uống, lệnh cho họ đến kinh thành, cho họ chức quan, người được phân bổ làm quan trong triều rất nhiều. Những người thông hiểu một bộ kinh lớn trở lên trong số các thái học sinh đều kiêm nhiệm chức quan. Trong Quốc học cho tu sửa hơn bốn trăm gian phòng, Quốc tử, Thái học, Tứ môn, Tuấn sĩ đều tăng số lượng học sinh, Thư học, Toán học đều có tiến sĩ, học sinh đầy đủ. Binh sĩ ở trong cung đình cũng có tiến sĩ dạy họ đọc kinh thư, ai có thể thông hiểu kinh học thì tiến cử lên hoàng đế. Hơn nữa thủ lĩnh các tộc Thổ Phiên, Cao Xương, Cao Ly, Tân La cũng cho con em họ đến xin nhập học đến mấy trăm người. Trong Quốc

học, số người học và dạy học có đến vạn người. Sự hưng thịnh của Nho học là điều chưa từng nghe thấy. Thái Tông lại mấy lần đến Quốc học, lệnh cho các quan học như tế tửu, tiến sĩ giảng luận, giảng xong ban cho mỗi người năm vuông lụa. Trong số các học sinh ai thông hiểu kinh thư sẽ lập tức đề bạt, bổ nhiệm chức quan.

Năm Trinh Quán thứ mười bốn, Thái Tông xuống chiếu:

– Hoàng Hoảng, Chủ Trọng Đô nhà Lương, Hùng An Sinh, Thẩm Trọng nhà Bắc Chu, Thẩm Văn A, Chu Hoảng Chính nhà Trần, Hà Thỏa, Lưu Huyền nhà Tùy... đều là những nhà nho lừng danh thời trước, kinh học nho thuật của họ có thể bắt chước được, lại thêm học sinh các nơi, đa số tuân theo sự giảng giải và trình bày của họ về nghĩa lý kinh điển, nên ban thưởng hậu cho họ để khuyến khích hậu bối, có thể tìm con cháu của họ hiện nay, ghi lại họ tên trình lên trẫm.

Năm Trinh Quán thứ hai mươi một lại xuống chiếu:

– Tả Khâu Minh, Bốc Tử Hạ, Công Dương Cao, Cốc Lương Xích, Phục Thăng, Cao Đường Sinh, Đới Thánh, Mao Trường, Tôn An Quốc, Lưu Hưởng, Trịnh Chúng, Đỗ Tử Xuân, Mã Dung, Lữ Thực, Trịnh Huyền, Phục Kiên, Hà Lâm, Vương Túc, Vương Bật, Đỗ Dự, Phạm Ninh... 21 người, đều dùng tác phẩm của họ truyền lại cho con cháu các đại thần hoàng thất. Đã tuân theo chủ trương của họ thì nên ban thưởng và tôn trọng, từ nay về sau khi tế Khổng Tử trong Thái học, có thể phụ tế trong miếu Khổng Tử.

Thái Tông hết sức tôn kính danh nho, coi trọng nho học.

Năm Trinh Quán thứ hai, Thái Tông nói với các thị thần:

– Điều quan trọng trong việc trông coi chính sự là có được nhân tài, dùng người không đúng sẽ khó đạt được thịnh trị. Ngày nay dùng

người phải lấy phẩm hạnh đạo đức, kiến thức học vấn làm căn bản.

Gián nghị đại phu Vương Khuê nói:

– Kẻ làm bề tôi nếu không có học vấn, không biết lời nói và hành động của người xưa thì sao có thể gánh vác được trọng trách? Thời Hán Chiêu Đế, có người mạo nhận là Vệ Thái tử, có mấy vạn người tụ tập đứng nhìn, đều cảm thấy mê hoặc. Kinh Triệu doãn Tuyển Bất Nghi xử lý giống như việc của Khôi Hối thời Xuân Thu. Chiêu Đế nói: “Công khanh đại thần cần phải dùng người thông hiểu kinh học nho thuật mà am hiểu đại nghĩa đời xưa, đây vốn không phải là những người mà kẻ tục lại múa may chữ nghĩa có thể sánh được”.

Thái Tông nói:

– Quả như khanh nói.

Năm Trinh Quán thứ tư, Thái Tông cho rằng kinh điển sách vở của Nho gia cách thánh nhân quá xa, câu chữ hoang đường sai lầm, hạ lệnh cho Tiền trung thư thị lang Nhan Sư Cổ khảo hạch đính chính Ngũ kinh trong Bí thư tỉnh. Khi công việc hoàn tất, lại hạ lệnh cho Thượng thư tả bộc xạ Phòng Huyền Linh tập trung rất nhiều nho sĩ thảo luận chi tiết. Khi ấy rất nhiều nho sinh tiếp nhận và học tập cách giảng giải mới, nhưng cách giải nghĩa sai lầm lưu truyền đã rất lâu, nên đều cho rằng khảo đính của Nhan Sư Cổ không đúng, tà thuyết dị đoan lưu hành như bầy ong bay loạn. Nhan Sư Cổ bèn dẫn dụng bản cổ được truyền từ đời Tấn, Tống đến nay, dựa theo nguyên văn đưa ra câu trả lời rõ ràng, dẫn chứng chi tiết khiến mọi người bất ngờ, chúng nho sinh đều khâm phục, Thái Tông khen ngợi hồi lâu rồi ban thưởng cho Nhan Sư Cổ năm trăm khúc lụa, lại ban cho ông chức quan Thông trực tán kỵ thường thị, công bố các kinh sách ông hiệu đính khắp toàn quốc, lệnh cho những người đọc sách học tập. Thái Tông còn cho rằng các trường phái Nho gia rất nhiều, các tác phẩm giải thích ý nghĩa kinh thư cũng quá nhiều, bèn hạ lệnh cho Nhan Sư Cổ và Quốc tử tế

tửu Khổng Dĩnh Đạt và những người nghiên cứu kinh thư viết ra lời giải thích và trình bày chính xác về ngũ kinh, tổng cộng 180 cuốn, lấy tên là “Ngũ kinh chính nghĩa”, giao cho Quốc học làm tài liệu dạy học.

Thái Tông từng nói với Trung thư lệnh Sầm Văn Bản:

– Con người tuy được trời ban cho phẩm tính và khí chất tốt, nhưng phải học rộng mới có thành tựu, cũng giống như nghêu sò bản tính ngâm nước, phải đợi đến khi nắng chiếu mới phun nước ra; gỗ có bản tính dễ cháy, phải nhờ công cụ phát hỏa mới cháy được; bản tính con người chứa đựng sự thông minh khéo léo, phải chờ học xong mới thể hiện bản chất tốt đẹp. Bởi vậy Tô Tần khi khắc khổ học tập đã lấy dùi đâm vào dùi, Đổng Trọng Thư khi dạy học buông kín màn trướng. Không nhờ nỗ lực phấn đấu rèn luyện về đạo đức và kỹ năng thì công danh không gây dựng được.

Văn Bản đáp lời:

– Thiên phú của con người như nhau, tình cảm hậu thiên có thể thay đổi, phải dùng học tập điều khiển tình cảm để làm nên bản tính con người. Sách “Lễ ký” viết: “Ngọc bất trác bất thành khí, nhân bất học bất tri đạo” (ngọc không mài không thành đồ dùng, người không học không biết lẽ làm người). Bởi vậy người xưa chăm chỉ học hành và gọi đó là đức hạnh đẹp nhất.

VĂN SỬ

Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông nói với Phòng Huyền Linh, người chủ trì việc biên soạn quốc sử:

– Gần đây thấy sách sử nhà Tiền Hán và Hậu Hán có chép các bài phú “Cam tuyền”, “Vũ liệt” của Dương Hùng, “Tử hư”, “Thượng lâm” của Tư Mã Tương Như, “Lưỡng đô” của Ban Cố”, những bài phú này đã dùng từ phù phiếm, không có ích lợi khuyến cáo cảnh giới con người thì sao lại đưa vào sử sách? Nếu có bài nào luận về chính sự, văn từ thẳng thắn, đạo lý đúng đắn, có ích cho việc trị nước thì dù trăm có tiếp thu hay không cũng đều phải chép lại.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Tác tả lang Trịnh Thế Long dâng biểu xin biên tập các bài văn của Thái Tông thành văn tập. Thái Tông bảo ông:

– Trẫm chủ trì việc nước, ban ra chiếu lệnh, cái nào có ích cho dân thì sử sách đã ghi lại, đủ có thể truyền cho hậu thế. Nếu làm việc không bắt chước thời xưa, chính trị hủ bại nguy hại đến dân, thì tuy có văn chương từ ngữ văn vẻ thì cũng khiến hậu thế chê cười, đó chẳng phải là điều trẫm cần. Như cha con Lương Võ Đế và Trần Hậu chúa, Tùy Dạng Đế, bọn họ cũng có văn tập truyền đời, nhưng những thứ họ viết phần lớn vi phạm pháp độ, nước nhà bị diệt vong trong thời gian ngắn ngủi. Phàm quân chủ chỉ cần lo rèn phẩm hạnh đạo đức, cần gì phải viết lách văn chương?

Thái Tông rất cuộc không cho phép.

Năm Trinh Quán thứ mười ba, Chử Toại Lương làm Giám nghị đại phu, kiêm Khởi cư lang. Thái Tông hỏi ông:

– Khanh gần đây chủ trì việc ghi chép, đã chép được những việc gì? Hoàng đế có thể xem được không? Trẫm muốn xem những ghi chép này chẳng qua là vì muốn biết sự được mất của những việc đã làm để cảnh giác khuyên răn mình mà thôi.

Chử Toại Lương nói:

– Những ghi chép hiện tại là tả sử và hữu sử thời trước, dùng để ghi lại lời nói và hành động của hoàng đế, tốt xấu gì đều ghi lại, hầu mong hoàng đế không làm điều phi pháp, chưa từng nghe nói hoàng đế muốn đích thân xem những ghi chép này.

Thái Tông nói:

– Trẫm có điều không phải, khanh nhất định cũng ghi phải không?

Chử Toại Lương đáp:

– Thần nghe nói tuân thủ đạo nghĩa vua tôi không bằng trung với chức trách của mình, trách nhiệm của thần là ghi chép, sao lại không ghi?

Hoàng môn thị lang Lưu Ký nói:

– Hoàng đế có lỗi giống như nhật thực và nguyệt thực, chúng nhân đều nhìn thấy. Dù Chử Toại Lương không ghi, người trong thiên hạ cũng sẽ ghi lại.

Năm Trinh Quán thứ mười bốn, Thái Tông nói với Phòng Huyền Linh:

– Trẫm thường xem sử sách thời trước, biểu dương người tốt, chỉ trích kẻ xấu, đủ để làm khuyên răn cho hậu thế. Không biết quốc sử

xưa nay sao không cho hoàng đế đích thân xem?

Phòng Huyền Linh đáp:

– Quốc sử dù tốt xấu đều ghi lại là mong muốn hoàng đế không làm điều phi pháp. Có thể có một số ghi chép ngược với ý kiến của hoàng đế nên không thể cho hoàng đế đích thân xem.

Thái Tông nói:

– Quan điểm của trăm hoàn toàn khác với người xưa. Nay muốn đích thân xem quốc sử, nếu có việc tốt, cố nhiên sẽ không cần bàn thêm; nếu có việc xấu thì cũng muốn dùng để cảnh giới, để mình sửa đổi mà thôi. Khanh có thể chép bản sao lục rồi dâng lên.

Bọn Phòng Huyền Linh bèn phân loại sách quốc sử, soạn các thực lục về Cao Tổ, Thái Tông thành mỗi thứ 20 quyển rồi trình lên Thái tông. Thái Tông xem đến sự kiện ngày 4 tháng 6, chữ viết có nhiều chỗ không rõ, bèn bảo Phòng Huyền Linh:

– Ngày trước Chu Công dẹp phản loạn Quản Thúc, Thái Thúc mà nhà Chu an định, Lý Hữu giết chết Thúc Nha mà nước Lộ an ninh, việc trăm làm, đại nghĩa của nó cũng giống như những việc này, là để an định nước nhà, có lợi cho trăm họ mà thôi. Sử quan cất bút ghi lại, việc gì phải sợ phiền phức mà che giấu? cần lập tức xóa bỏ những chữ thừa thãi lấp liếm, thẳng thắn viết ra sự việc.

Thị trung Ngụy Trưng dâng tấu nói:

– Thần nghe nói hoàng đế ở ngôi chí tôn, không có gì lo lắng sợ hãi, chỉ có quốc sử, dùng để trừng phạt kẻ xấu khuyến khích người tốt, ghi chép không chân thực thì hậu thế có gì để xem? Bệ hạ nay lệnh cho sử quan sửa lại văn từ, rất hợp với đạo lý công chính.

LỄ NHẠC

Thái Tông lên ngôi không lâu, nói với các thị thần:

– Theo “Chu lễ”, tên người, đến khi chết mới tránh húy, các đế vương ngày xưa cũng không tránh phạm húy tên mình khi còn sống. Chỉ có các đế vương cận đại mới thêm bừa các hạn chế, hạ lệnh tránh húy khi còn sống, đạo lý chưa hẳn đã đúng, cần có sự thay đổi.

Do đó xuống chiếu rằng:

– Theo sách “Lễ ký”, hai chữ trong tên người không cần phải nhất nhất tránh húy, Khổng Tử là bậc thánh nhân thông hiểu sự lý, không phải không có chỉ bảo. Gần đây, hạn chế không hợp lý, tên người đều tránh húy, chữ loại bỏ rất nhiều, tùy tiện làm như vậy là vi phạm huấn thị của kinh điển. Nay cần căn cứ lễ pháp, phải lược bỏ, bắt chước thánh nhân thời trước, để lại phép tắc cho hậu thế, tên chức quan và tên người cũng như văn thư điển tịch công tư, những câu nào có hai chữ “Thế” và “Dân” không đọc liền với nhau đều không phải tránh húy.

Năm Trinh Quán thứ hai, Trung thư xá nhân Cao Quý Phụ dâng tấu chương nói:

– Thần trộm thấy những người như Mật vương Lý Nguyên Hiếu đều là chí thân của tông thất. Tấm lòng hữu ái của bệ hạ, tình nghĩa cao hơn người xưa, ban cho họ trọng trách bảo vệ hoàng thất, hành sự phải theo nghi thức lễ tiết, để họ xứng với sự kính trọng của chúng nhân. Gần đây thấy con của hoàng đế chí lễ vái lạy bậc chú, các bậc

chú cũng vái lại, vương tước đã giống nhau thì cần tuân thủ lễ tiết của gia tộc, sao có thể đảo lộn vai vế trong gia tộc như thế? Mong bệ hạ để lại giáo huấn và cảnh giới, làm quy định tuân thủ lâu dài.

Thái Tông bèn xuống chiếu cho bọn Lý Nguyên Hiếu, không được vái lại khi các anh em Ngô vương Cách, Ngụy vương Thái chí lễ vái lại.

Năm Trinh Quán thứ tư, Thái Tông bảo các thị thần:

– Gần đây nghe nói các quan viên kinh thành và trăm họ khi để tang cha mẹ lại tin vào sách bói toán, trong ngày đưa tang không khóc, lấy đó làm lý do không nhận điếu từ, câu nệ những điều kiêng kỵ mà thôi đau thương, bại hoại phong tục, vi phạm nhân luân. Cần phải lệnh cho trưởng quan các châu huyện giáo dục hướng dẫn, nhất luật để tang theo quy định của tang lễ.

Năm Trinh Quán thứ sáu. Thái Tông nói với Thượng thư tả bộc xạ Phòng Huyền Linh:

– Gần đây có bốn họ Thôi, Lư, Lý, Trịnh ở Sơn Đông, tuy mấy đời liên tục suy vi, nhưng vẫn dựa vào danh vọng ngày trước, thích khoe khoang tự đại, tự xưng sĩ đại phu. Mỗi lần gả con gái cho tộc khác là đòi sính lễ tài vật, định hôn ước theo số lượng, chẳng khác nào con buôn ngoài chợ, rất bại hoại phong tục, gây rối loạn lễ pháp, địa vị của bọn họ đã không xứng hợp, phải cải cách.

Thái Tông hạ lệnh cho Lại bộ thượng thư Cao Sĩ Khiêm, Ngự sử đại phu Vi Đình, Trung thư lang Sầm Văn Bản, Lễ bộ thị lang Lê Hồ Đức Phân sửa đổi đính chính các họ, thu thập rộng rãi gia phả thế tộc toàn quốc, đồng thời dựa vào sử sách, kinh truyện, trừ bỏ hư huyền, đính chính thật giả, người trung hiền thì thêm vào, kẻ gian nghịch thì

loại ra, biên soạn thành “Thị tộc chí”. Bọn Cao Sĩ Khiêm trình lên đẳng cấp ước định, lấy họ Thôi làm cấp thứ nhất. Thái Tông bảo bọn họ:

– Trẫm và bốn họ Thôi, Lư, Lý, Trịnh ở Sơn Đông trước đây không có ân oán, chỉ vì họ mấy đời suy vi, lại không có người làm quan, còn tự xưng là sĩ đại phu, khi cưới xin lại đòi rất nhiều tiền tài vật phẩm. Có kẻ tài thấp mà tự cho là môn đệ cao quý mà du nhân tự đắc, buôn bán danh vọng của tổ tông, nhờ đó mà phát tài, trẫm không hiểu tại sao xã hội lại coi trọng họ như vậy. Vả lại sĩ đại phu có tài năng gây dựng đức nghiệp, công nghiệp, tước vị cao, kính thờ vua và cha mẹ, trung hiếu đều đáng được khen ngợi; hoặc là đạo đức nhân nghĩa luôn cao thượng, học vấn rộng rãi, cũng đủ là dòng dõi tôn quý có thể nói là đại trượng phu trong thiên hạ. Nay những người họ Thôi, Lư này chỉ khoe khoang sĩ thân thời xưa, sao có thể xứng là tôn quý? Từ công khanh trở xuống, dựa vào cái gì mà tặng cho họ rất nhiều tài vật, lại trợ giúp cho khí thế của họ, chỉ cầu hư danh, bất chấp thực tế, coi như vậy là vinh quang. Nay trẫm định ra đẳng cấp dòng họ, thực là muốn tôn sùng quan thần thời nay, tại sao Thôi Can được liệt vào đẳng cấp thứ nhất, chỉ là thấy rằng các khanh không quý trọng quan tước của trẫm. Đừng nhìn vào mấy đời trước, chỉ định đẳng cấp theo quan phẩm, nhân tài thời nay, cần phải thống nhất đánh giá quyết định, dùng làm chuẩn mực xác định.

Vậy là liệt Thôi Can vào đẳng cấp thứ ba. Đến năm Trinh Quán thứ mười hai, bộ sách hoàn thành, tổng cộng một trăm quyển, phát hành ra cả nước. Thái Tông lại xuống chiếu nói:

– Sự tốt đẹp của thế tộc dựa vào quan thân, chuẩn mực, trước hết là nhân nghĩa. Từ khi Bắc Ngụy mất nước, Bắc Tề diệt vong, xã hội đã thay đổi, phong tục cũng suy bại, họ của các nước Yên, Triệu ngày trước, đã lâu không có người làm quan, quý tộc các nước Tề, Hàn lại vi phạm phong khí nhân nghĩa, ở châu huyện không có danh tiếng, tự thân lại không tránh được tham lam, tự thôi phỏng là hậu duệ của

dòng dõi tôn quý, không coi trọng lễ nghi, chỉ biết đòi tài vật, gả con gái nhất định phải giả cho nhà giàu. Còn có những người mới làm quan và người có tiền, ngưỡng mộ tổ tông của những người này, tranh nhau kết thân với họ, tặng cho nhiều vàng bạc lụa là, như thể mua bán. Có người thuộc dòng dõi thấp hèn, bị sỉ nhục về quan hệ thông gia; có người khoe khoang dòng dõi ngày xưa, không biết lễ giáo. Những thói xấu này đã tích thành phong tục, đến nay chưa hết, đã loạn nhân luân, lại tổn hại đến danh giáo. Trẫm sớm tối cẩn trọng cảnh giác, suy nghĩ đạo trị nước, những việc có hại đời trước đều ngăn cản loại bỏ, chỉ có thứ phong khí xấu này là chưa thể hoàn toàn thay đổi. Từ nay về sau, cáo thị rõ ràng, để mọi người hiểu, nhất định phải hợp với lễ giáo, hợp với tâm ý của trẫm.

Con trai của Lễ bộ thượng thư Vương Khuê tên là Kính Trực, lấy con gái của Thái Tông là Nam Bình công chúa. Vương Khuê nói:

– Sách “Nghi lễ” có lễ tiết con dâu bái kiến cha mẹ chồng, từ thời cận đại đến nay phong tục bại hoại, công chúa xuất giá, lễ tiết bái kiến cha mẹ chồng đều phế bỏ. Nay hoàng đế anh minh, mọi hành vi đều tuân theo pháp chế, ta tiếp nhận sự bái kiến của công chúa, lễ nào là vì vinh dự của bản thân, chỉ là lấy đó để tác thành cho mỹ đức của nước nhà mà thôi.

Thế là cùng vợ ngồi lên ghế cha mẹ chồng, lệnh cho công chúa đích thân cầm khăn, hành lễ rửa tay ăn uống, lễ xong mới được lui ra. Thái Tông nghe nói khen hay. Từ đó về sau, công chúa được gả đến gia đình cha mẹ chồng đều phải giữ lễ tiết như vậy.

Năm Trinh Quán thứ mười hai, Thái Tông nói với các thị thần:

– Ngày xưa các chư hầu đến triều bái thì có nơi trú ngụ và trai giới tắm rửa, có cỏ cho ngựa ăn, dùng lễ tiết đối với tân khách để tiếp đãi. Ban ngày ngồi trên chính điện, tối đốt đuốc trong cung đình, thiên tử tiếp kiến họ, hỏi thăm nỗi vất vả của họ. Trong kinh thành nhà Hán cũng xây chỗ ở cho quan viên các quận lai kinh. Không lâu sau nghe nói sứ bộ đến kinh thành triều bái đều phải thuê trọ, ở chung với thương nhân. Lễ tiếp đãi đã không đầy đủ, ắt sẽ có oán thán, lễ nào còn có thể nỗ lực cùng làm việc?

Sau đó hạ lệnh trong kinh thành chỗ nào có đất trống thì xây dịch quán cho sứ bộ lai kinh triều bái. Xây xong, Thái Tông còn đích thân đi kiểm tra.

Năm Trinh Quán thứ mười ba, Lễ bộ thượng thư Vương Khuê dâng tấu:

– Theo pháp lệnh, quan tam phẩm trở lên gặp thân vương trên đường không cần xuống ngựa, nay họ đều vi phạm pháp lệnh để tỏ lòng tôn kính thân vương, làm sai pháp điển của triều đình.

Thái Tông nói:

– Các khanh muốn nâng cao mình, hạ thấp con ta hay sao?

Ngụy Trưng đáp:

– Từ thời Hán, Ngụy đến nay, thân vương xếp theo đẳng cấp đều ở dưới tam công. Nay quan tam phẩm và thượng thư sáu bộ, cửu khanh xuống ngựa vì thân vương, đó là điều thân vương không nên nhận. Tìm tiền lệ, không có căn cứ, nay thi hành, lại vi phạm quốc pháp, theo lẽ thì không được.

Thái Tông nói:

– Nước nhà lập Thái tử là chuẩn bị cho lên ngôi hoàng đế. Sự tốt xấu của một người không ở tuổi tác lớn nhỏ. Nếu không có Thái tử thì lập con thứ làm Thái tử. Theo lẽ đó, sao có thể khinh thị?

Ngụy Trưng nói:

– Người Ân coi trọng giản dị chất phác, có tình nghĩa, anh chết truyền cho em. Từ nhà Chu đến nay, lập Thái tử thì lập con trưởng để dập tắt suy nghĩ không đúng bốn phận của con thứ, chặn đứng căn nguyên họa loạn. Người trị nước phải thật cẩn thận về điều này.

Thái Tông chấp nhận tấu thỉnh của Vương Khuê.

Ngày Quý Sửu tháng 12 năm Trinh Quán thứ mười bốn, Thái Tông nói với các thị thần:

– Hôm nay là sinh nhật của trẫm, dân gian cho rằng sinh nhật có thể vui chơi thoải mái, nhưng trẫm lại nghĩ đến cha mẹ. Làm vua của thiên hạ, có sự giàu có của bốn biển, muốn được phụng dưỡng cha mẹ lại không được nữa. Tử Lộ ôm mối di hận không được công gạo cho cha mẹ, thực là có lý. Huống hồ “Kinh thi” viết: “Thương cho cha mẹ ta, sinh ta thật lao khổ”. Sao có thể tổ chức yến ẩm vui vẻ trong khi cha mẹ lao khổ, thế là vi phạm lễ pháp.

Vì việc này, Thái Tông đã khóc.

Thái thường thiếu khanh Tổ Hiếu Tôn dâng bài nhã nhạc mới của ông lên Thái Tông. Thái Tông nói:

– Chế lễ làm nhạc vốn là do thánh nhân bắt chước trời đất để thi hành giáo hóa, dùng để trói buộc tiết chế con người, sự tốt xấu của chính trị sao có thể là do âm nhạc được?

Ngự sử đại phu Đỗ Yêm đối đáp:

– Sự hưng vong của đời trước quả thực là do âm nhạc. Khi nhà Trần sắp diệt vong thì có bản “Ngọc thụ hậu đình hoa”; khi nhà Nam Tề sắp diệt vong thì có bản “Bán lữ khúc”, người đi trên đường nghe

thấy không ai không buồn bã than thở, đó chính là thứ âm nhạc vong quốc. Từ đó thấy rằng sự hưng vong quả thực là do âm nhạc.

Thái Tông nói:

– Không phải, âm thanh sao có thể ảnh hưởng đến con người? Người vui vẻ nghe thấy thì vui vẻ, người u sầu nghe thấy thì buồn bã, vui vẻ và u sầu tồn tại trong lòng người, không phải do âm nhạc. Nước sắp diệt vong, trong lòng trăm họ rất đau khổ, mà chịu cảm ứng của tâm tình đau khổ nên nghe thấy thứ âm nhạc này là bi ai mà thôi. Làm gì có âm nhạc có thể khiến con người trở nên vui vẻ hay bi ai? Nay hai bản nhạc “Ngọc thụ hậu đình hoa”, “Bán lữ khúc” đều còn tồn tại, trầm diễn tấu chúng cho các khanh, sẽ thấy các khanh không bi ai.

Thượng thư hữu thừa tướng Ngụy Trưng đối đáp:

– Người xưa nói, lễ chỉ là nói về các lễ vật như ngọc thô sao? Nhạc chỉ nói về các nhạc khí như chuông trống thô sao? Vui vẻ là ở sự hòa mục chứ không phải do âm điệu.

Thái Tông khen phải.

Năm Trinh Quán thứ mười bảy, Thái thường khanh Tiêu Vũ dâng tấu nói:

– Nay nhã nhạc thịnh hành khắp thiên hạ, tuy nhiên việc miêu tả công đức tối cao của hoàng đế vẫn có chỗ chưa tường tận. Với những kẻ bị đánh bại như Lưu Võ Chu, Tiết Cử, Đâu Kiến Đức, Vương Thế Sung..., thần mong thể hiện được hình tượng của bọn họ, dùng để miêu tả oai hùng của chiến thắng.

Thái Tông nói:

– Trẫm gặp lúc thiên hạ rối ren bất định, để cứu trăm họ khỏi nước sôi lửa bỏng nên bắt đấng dĩ mới thực hiện việc thảo phạt, vì thế dân gian mới có điệu múa này, nhã nhạc vì thế cũng sáng tác ra khúc này. Sự miêu tả của nhã nhạc nên chỉ thể hiện một hình tượng khái

quát. Nếu cứ miêu tả cụ thể thì sẽ có điều không hay. Trong số các khanh tướng hiện nay, có rất nhiều người từng chịu sự chỉ huy của bọn Lưu Võ Chu, đã có quan hệ vua tôi trong thời gian ngắn, nếu hôm nay thấy lại hình tượng đáng buồn khi ấy nhất định sẽ thấy bất nhẫn, trầm vì nguyên nhân này nên mới không cho miêu tả tường tận.

Tiêu Vũ bái tạ nói:

– Việc này quả thực thần không nghĩ tới được.

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU

- QUYỂN 8 -

LÀM NÔNG

Năm Trinh Quán thứ hai, Thái Tông nói với các thị thần:

– Mọi việc phải chú trọng cái căn bản. Nước lấy dân làm gốc, dân lấy cơm áo làm gốc, phàm lo chuyện cơm áo thì lấy không mất mùa làm gốc. Muốn không mất mùa thì chỉ khi hoàng đế không phiến hà trăm họ mới đạt được. Nếu chiến tranh liên miên, xây dựng cung đình không ngừng, mà muốn không chiếm dụng thời gian làm nông thì sao được?

Vương Khuê nói:

– Ngày trước Tần Thủy Hoàng, Hán Võ Đế, đối ngoại thì phát động chiến tranh, đối nội thì xây dựng cung đình xa hoa, nhân lực một khi dùng hết thì tai họa ắt phát sinh. Lẽ nào ông ta không muốn an dân sao? Nhưng đã đánh mất biện pháp dùng để an dân. Bài học nhà Tùy diệt vong cần phải dẫn ra để cảnh giới, bệ hạ đích thân chịu đựng tể nạn của nhà Tùy, biết cách để thay đổi. Tuy nhiên sự việc mới đầu làm thì dễ, kiên trì đến cùng lại rất khó. Mong rằng bệ hạ cẩn trọng từ đầu đến cuối mới đạt được hiệu quả tốt đẹp nhất.

Thái Tông nói:

– Khanh nói đúng. Để dân và nước an bình, phụ thuộc vào quân vương. Vua để dân nghỉ ngơi, dân sẽ vui; vua ham muốn nhiều, dân sẽ khổ. Đó chính là nguyên nhân trầm giảm bớt tư dục, trói buộc chính mình.

Năm Trinh Quán thứ hai, kinh thành khô hạn, sâu hại sinh sôi. Thái Tông đến Cẩm Uyển xem xét hoa màu, thấy sâu, dùng tay bắt lấy mấy con, cảnh cáo:

– Lương thực là sinh mệnh của trăm họ, người ăn lương thực là làm hại trăm họ. Trăm họ có lỗi, trách nhiệm ở một mình trẫm, nếu người có linh tính, chỉ nên ăn tim trẫm, không được làm tổn thương trăm họ.

Nói xong định nuốt sâu, tả hữu bèn khuyên can:

– Ăn vào sẽ sinh bệnh, không ăn được.

Thái Tông nói:

– Trẫm muốn đời tai vạ lên mình trẫm, còn tránh bệnh gì chứ?

Rồi nuốt sâu.

Năm Trinh Quán thứ năm, quan chủ quản dâng tấu chương nói:

– Hoàng Thái tử định tổ chức nghi thức quán lễ, nên cử hành trong tháng Hai là tốt lành, xin bổ sung đồ lễ để chuẩn bị cử hành nghi thức.

Thái Tông nói:

– Nay sản xuất vụ xuân mới bắt đầu, e rằng sẽ cản trở việc làm nông, hãy chuyển sang tháng Mười.

Thái tử thiếu bảo Tiêu Vũ dâng tấu nói:

– Theo suy tính của các nhà âm dương, cử hành vào tháng Hai tốt nhất.

Thái Tông nói:

– Kiêng kỵ âm dương, trẫm không tuân theo, nếu hành động của con người phải tuân theo kiêng kỵ âm dương, không xét đến đạo đức và lễ nghĩa mà muốn được trời ban phúc, như thế có thể được không? Nếu mọi việc làm đều tuân thủ chính đạo, tự nhiên sẽ luôn gặp được tốt lành. Huống hồ lành và dữ đều là do con người, sao lại dựa vào

kiêng kỵ âm dương? Vụ nông rất quan trọng, không thể bỏ lỡ một khắc.

Năm Trinh Quán thứ mười sáu, Thái Tông thấy giá lương thực trên toàn quốc thường mỗi đấu chỉ có năm đồng, nơi rẻ nhất một đấu chỉ được ba đồng, bèn bảo các đại thần theo hầu:

– Nước lấy dân làm gốc, dân lấy ăn làm sự sống, trăm là phụ mẫu của dân, nếu lương thực mất mùa thì trăm họ không còn là của nước nhà nữa. Lương thực đã trúng mùa như vậy, trăm chỉ nghĩ đích thân thực hành tiết kiệm, không được tùy tiện lãng phí xa xỉ. Trăm thường muốn ban thưởng cho người trong thiên hạ để họ đều được an lạc. Hạ lệnh giảm sai dịch tô thuế, không cưỡng chiếm thời gian của họ để họ canh nông, như thế sẽ giàu có; đốc thúc họ thực hành lễ tiết khiêm nhường, để trong thôn xóm, trẻ kính già, vợ kính chồng, như thế sẽ an lạc. Chỉ cần thiên hạ làm được như vậy, trăm không nghe nhạc, không đi săn cũng thấy vui trong lòng.

HÌNH PHÁP

Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông nói với các đại thần theo hầu:

– Người chết đi không sống lại được, chấp pháp phải khoan dung độ lượng. Người xưa nói: Kẻ bán quan tài những mong năm nào cũng có bệnh dịch, không phải là thù ghét ai, mà chỉ vì có lợi cho họ mà thôi. Nay người trông coi hình ngục làm án, tra án nghiêm khắc những muốn ứng phó với sát hạch để được thăng quan. Nay làm cách nào để việc làm án công bằng đúng đắn?

Gián nghị đại phu Vương Khuê nói:

– Chỉ cần chọn người thật công tâm lương thiện, ai công bằng đúng đắn thì tặng bổng lộc, thưởng vàng, ai gian trá tà ác sẽ bị đình chỉ.

Thái Tông xuống chiếu phê chuẩn biện pháp này.

Thái Tông lại nói:

– Việc nghị án phải hỏi các chức quan Tam công, Cửu khanh. Trường hợp xử tội chết đều phải được quan tứ phẩm như Trung thư tể tướng, Môn hạ tể tướng cùng Thượng thư cửu khanh nghị bàn, như thế có thể sẽ tránh được án oan và dùng hình quá mức.

Nhờ thế đến năm Trinh Quán thứ tư, cả nước chỉ có 29 người bị tử hình, hầu như hình pháp không dùng đến.

Năm Trinh Quán thứ năm, Trương Uẩn Cổ đảm nhận trông coi Đại Lý Tự. Lý Hảo Đức là người Tương Châu mắc bệnh tâm thần đã

lâu, nói năng ngông cuồng xằng bậy, Thái Tông hạ lệnh tra xét trường hợp này. Trương Uẩn Cổ tâu với Thái Tôn:

– Lý Hảo Đức mắc bệnh tâm thần là có nguyên do, nên không thể định tội theo luật pháp.

Thái Tông đang có ý định đặc xá, Trương Uẩn Cổ liền bí mật nói cho Lý Hảo Đức ý định của Thái Tông, lại còn gợi ý đến để cùng chơi cờ. Tổng quản Quyền Vạn Kỳ đã tố cáo Trương Uẩn Cổ về sự việc này. Thái Tôn nổi giận, liền hạ lệnh đem Trương Uẩn Cổ đến phía đông thành Trường An để xử trảm. Không lâu sau ông lại hối hận nói với Phòng Huyền Linh rằng:

– Các khanh nhận bổng lộc của triều đình thì phải coi việc của triều đình là việc của mình, dù việc lớn hay việc nhỏ cũng cần phải chú ý. Hôm nay không hỏi thì các khanh sẽ không chịu nói, nhìn thấy những việc không hợp lí mà cũng không mở miệng can ngăn, vậy thì còn gọi là giúp sức triều đình hay sao? Như Trương Uẩn Cổ thân là thẩm phán, chỉ vì phạm tội chơi cờ, lại còn tiết lộ ý định của ta, tội này không nhẹ, nhưng theo luật pháp thì tội này không đáng chết. Nhưng vì ta quá tức giận nên đã hạ lệnh xử trảm, các khanh lại chẳng hề nói một lời, quản việc triều chính mà không điều tra lại đã vội kết án, thế này gọi là trị quốc hay sao?

Vì vậy xuống chiếu:

– Dù phạm tội chết và có lệnh lập tức hành hình thì cũng phải phúc thẩm 5 lần mới được thi hành án.

Biện pháp thi hành án này bắt nguồn từ Trương Uẩn Cổ.

Lại nói:

– Tuân thủ các điều khoản trong luật pháp vẫn còn có thể xảy ra trường hợp bị xử oan. Từ nay về sau, các tỉnh thành khi tiến hành phúc thẩm, nếu có trường hợp đáng xử tử hình theo pháp lệnh nhưng có hoàn cảnh đáng thương, thì phải ghi lại và bẩm tấu.

Đầu năm Trinh Quán thứ hai, Uẩn Cổ đảm nhận chức thư ký cho phủ tổng quản ở U Châu đã trình lên Thái Tông bộ “Đại bảo thâm”,

ngôn từ và nội dung có thể trở thành những lời khuyên can rất tốt cho vua. Nội dung là:

Xưa nay, quan sát trong thiên hạ; chỉ có vua mới có quyền thưởng phạt, để trở thành một vị vua tốt thật không dễ dàng. Từ dân chúng cả nước cho đến các công thần đều phải đóng thuế theo yêu cầu của vua, quần thần chỉ biết làm theo ý vua. Vì vậy lòng người ngao ngán lo sợ, những dục vọng xấu xa cứ thế buông thả. Nào biết được trong một lúc lơ là thì xảy ra biến cố, tai họa xảy ra ngoài ý muốn con người. Lẽ ra phải để hoàng đế thi hành thiên mệnh, đó là cứu vớt những kẻ khốn khổ, giúp đỡ những người gặp cảnh ngộ khó khăn; soi đường cho những người lạc lối, đem lòng nhân từ đối đãi chúng dân. Ánh sáng quá mức thì sẽ không sáng nữa, quá công chính thì chẳng còn tình ruột thịt, vì vậy dùng một người để trị vì thiên hạ, không cần thiên hạ phải hầu hạ một người. Lễ tiết dùng để ngăn cấm sự xa xỉ, âm nhạc dùng để đề phòng sự truy lạc của người đó. Sổ sách bên trái viết lại lời bình, bên phải viết lại việc làm, ra ngoài phải thông thuộc đường đi, vào trong phải tăng cường cảnh vệ. Xuân hạ thu đông phải dàn xếp những lo âu và sắp xếp thoải mái. Sự sáng tối của mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao tựa như sự thành công và thất bại của người đó. Vì vậy hành vi của người đó phải phù hợp với phép tắc, cũng như âm thanh phải phù hợp giai điệu. Không nói thì không biết, ở vị trí cao thì phải hiểu được tình hình bên dưới; không nói thì không thấy tai họa, tai họa nhỏ tích tụ sẽ dần trở thành đại họa. Niềm vui không thể đạt đến cực điểm, vui quá hóa buồn; dục vọng nếu buông thả sẽ thành họa. Bên trong cung điện nguy nga tráng lệ, mà những nơi ở được chỉ chiếm một diện tích nhỏ mà thôi; những kẻ bạo chúa không biết tới điều này, chỉ biết lấy sản vật quý để xây dựng lâu đài cung điện. Trước mặt phô bày tám loại thực phẩm quý giá, nhưng những thứ ăn hợp khẩu vị thì chỉ một phần nhỏ; những kẻ bạo chúa lộng hành lại đem rượu trở thành hồ, lấy bã rượu chất thành núi. Đừng mê muội nữ sắc trong cung, đừng ham mê săn bắn bên ngoài,

đừng để ý đến những thứ của cải khó với tới, đừng thương thức tà âm của vương quốc đã diệt vong. Nếu ham mê nữ sắc trong cung sẽ làm hại nhân sinh, nếu ham mê săn bắn bên ngoài sẽ quấy nhiễu lòng dân, những thứ của cải khó với tới đều là những thứ xa xỉ lãng phí, âm nhạc của vương quốc đã diệt vong là quá phóng đãng. Tự cho mình là cao quý thì có thể tỏ ra ngạo mạn, làm nhục những người tài đức; tự cho mình thông minh thì chẳng cần ai khuyên bảo, luôn tự khoe khoang. Nghe nói, Vũ Vương thời Hạ những lúc chính sự bận rộn, đến giờ ăn cũng không yên; còn Văn Đế thời Ngụy, gian thần quấy nhiễu, không ngừng lôi kéo. Để bình định những kẻ không phục tùng, cần phải mềm mỏng như ánh nắng mùa xuân, như hạt sương mùa thu; phải mang tấm lòng bao la, luôn luôn ghi nhớ đức độ lượng. Khi xử lý chính sự giống như đang đi bên băng giá, tâm trạng luôn hồi hộp căng thẳng như lúc đứng trước vực thẳm, những lúc này đòi hỏi phải thật thận trọng xử lý.

“Kinh thi” nói: “Như thế không biết nhưng lại tuân thủ các quy tắc của trời”. Sách “Thượng thư” nói: “Không thiên vị người thân, không chiều theo bè đảng là con đường khang trang của đạo làm vua”. Trong lòng không có sự phân biệt, vứt bỏ yêu ghét. Phê phán những gì mọi người căm ghét, ca ngợi những gì mọi người ưa thích. Nếu đè nén những kẻ cương trực, hỗn loạn sẽ thống trị; khi oan ức được đề xướng khiếu nại, uẩn khúc sẽ ngay thẳng. Ví như bàn cân và đá không thể quyết định trọng lượng của vật thể, vì khi đặt lên bàn cân thì sự nặng nhẹ là đã có sẵn trong chính nó; như nước và gương soi không thể phản ánh được thực tế của vật thể mà chính bản thân nó tự thể hiện cái đẹp hay cái xấu thông qua việc phản chiếu. Không phải vì vẫn đục mà cho rằng là như nhớp, không phải vì trắng sạch mà cho rằng là trong sáng. Không phải vì đàn độn mà cho rằng là dốt nát, không phải vì khắt khe mà cho là thông tuệ. Tuy rằng những tròng ngọc kết trên vương miện che khuất đôi mắt nhưng vẫn quan sát được những hình tượng không tiết lộ. Tuy rằng hai trái cầu nhỏ hai bên vương miện che

kín đôi tai nhưng vẫn nghe được âm thanh thầm kín. Tư tưởng tung hoành trong thế giới sáng rạng, tinh thần ngao du trên con đường tinh hoa. Gõ vào bất kỳ vật thể lớn nhỏ nào cũng sẽ phát ra âm thanh, bất kỳ chén bát sâu hay nông, rượu vẫn sẽ được rót đầy. Vì thế có cầu, trời có đạo sẽ được tươi sáng, đất có đạo sẽ được bình yên, vua chúa có đạo thì thiên hạ sẽ có công lý. Xuân hạ thu đông âm thầm theo thời gian mà thay đổi, vạn vật không tự ý chủ trương mà tự nhiên được hình thành, ở đâu có đạo thì thiên hạ sẽ được thái bình. Bệ hạ nhờ vào tài năng và trí tuệ bình ổn bạo loạn cuối thời Tùy mà giành được thắng lợi. Người dân chỉ sợ uy nghiêm mà chưa có lòng biết ơn về ân đức. Bệ hạ nắm bắt vận mệnh của quốc gia, đề xướng phong tục thật tà chất phác. Người dân nhận được sự mở đầu tốt đẹp nhưng không duy trì đến cùng. Qua trình bày các lý lẽ trên thể hiện bệ hạ không đâu không nhìn nhận thấu suốt. Dùng đức tin mà cai quản nhân dân, dùng hành động trả lời cho mong mỏi. Lý lẽ căn bản bao gồm lời lẽ phải có khen chê. Thiên hạ là của công, vua chúa phải có đức hạnh tốt. Như Thương Thang tuyên bố lời chúc, như vua Thuấn gảy đàn hát ca; ngày qua ngày như thế. Đáp ứng khao khát của mọi người, trời tự nhiên sẽ phù hộ. Là cận thần thì phải thực hiện chức trách, mạnh dạn tấu cáo trước cái mê muội.

Thái Tông khen ngợi, ban thưởng ba trăm đoạn tơ lụa, đồng thời bổ nhiệm chức vị Đại lý tự thân.

Năm Trinh Quán thứ năm, Thái Tông xuống chiếu:

– Các quan chấp pháp ở kinh thành gần đây tấu xin xử quyết phạm nhân tử tội, tuy liên tục tấu năm lần, nhưng trong vòng một ngày là tiến hành xong, không có thời gian cân nhắc cẩn thận, thế thì tấu năm lần liên tục phỏng có ích gì? Dù có hối cũng không kịp nữa. Từ nay các quan chấp pháp ở kinh thành tấu xin xử quyết tử tù phải ba ngày tấu năm lần, các châu khác tấu ba lần.

Rồi đích thân thảo chiếu thư khuyến cáo:

– Gần đây các quan chấp pháp xử án đều căn cứ hồ sơ, có trường hợp tuy về tình có thể tha thứ nhưng cũng không thể vi phạm pháp luật, hoàn toàn định tội theo quy định. Nhiều trường hợp e rằng có oan khuất. Từ nay, Môn hạ tình nếu còn có trường hợp theo pháp luật đáng bị tử hình nhưng về tình có thể tha thứ được thì phải ghi lại tình hình rồi tấu lên.

Trong thời kỳ Trinh Quán, Diêm Trạch hành quân tổng quản, Mân Châu tổng đốc Cao Tăng Sinh phạm tội không nghe theo sự điều hành của Lý Tịnh, được miễn tử hình, lưu đày biệt xứ. Khi ấy có người dâng sớ tấu với Thái Tông:

– Cao Tăng Sinh trước kia là công thần của phủ Tần vương, xin xử khoan hồng cho ông ấy.

Thái Tông nói:

– Cao Tăng Sinh đi ngược sự điều hành của Lý Tịnh, lại vu cáo Lý Tịnh mưu phản, công lao ở vương phủ của hắn trước kia thực không nên quên. Nhưng trị nước phải tuân thủ pháp chế, xử sự phải thống nhất, nay nếu xá miễn cho hắn là bắt đầu tiền lệ mong được miễn xử phạt. Huống hồ từ khi khởi binh ở Thái Nguyên đến nay, ngay từ đầu đã có rất nhiều người hưởng ứng và lập được công lao trong chiến đấu, nếu Tăng Sinh được xá miễn thì ai không có suy nghĩ sẽ được may mắn như thế? Những người có công lao hẳn đều sẽ phạm pháp. Nguyên nhân trăm quyết không xá miễn chính là xét đến trường hợp như vậy.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Đặc tiến Ngụy Trưng dâng bản tấu:

Thần nghe sách “Thượng thư” nói: “Văn Vương lấy đức tốt trị thiên hạ mà cần thận sử dụng hình phạt”, “vua Kiệt thích dùng hình phạt e có lạm dụng khiến không khỏi thiên vị”. Sách “Lễ ký” nói: “Kẻ làm vua lấy cái lý ngay thẳng để sai khiến bề tôi thì bề tôi hầu vua dễ, không gian trá, vua cũng dễ biết được bên dưới, vua hành động theo lẽ phải, bề tôi không có gian trá thì có thể không cần dùng đến hình phạt. Vua mà đa nghi, dân chúng sẽ mê hoặc, không thấu hiểu bề tôi, như thế vua sẽ phiền lao”. Vua dễ hầu hạ, bề tôi dễ biết thì quan sẽ không phiền lao, trăm họ cũng không bị mê hoặc. Vì thế vua có đức tốt thuần nhất thì bề tôi thờ vua sẽ không có hai lòng, vua có thành ý trung hậu rộng rãi, bề tôi sẽ ra sức phò tá, cái gốc thái bình của nước nhà sẽ không bị sụp đổ, khắp nơi sẽ vang tiếng âu ca. Lòng nhân của bề hạ phủ khắp bốn phương, công huân cao hơn vạn vật trong trời đất, không ai không quy phục, người phương xa không ai không đến. Nhưng về ngôn luận thì coi trọng chữ nghĩa văn vẻ, tâm trí để vào những việc nhỏ nhặt, thưởng phạt còn có chỗ chưa chu đáo. Cái gốc của thưởng phạt là thưởng tốt phạt xấu, để vương sử dụng thưởng phạt sợ dĩ làm cho thiên hạ thái bình là bởi không quyết định nặng nhẹ theo thân sơ sang hèn. Nhưng việc thưởng phạt hiện nay lại không được như thế. Hoặc lấy tốt xấu để quyết định thưởng phạt, hoặc lấy hỷ nộ để quyết định nặng nhẹ. Lúc vui thì dù trường hợp đáng phạt cũng cho rằng về tình có thể tha thứ, lúc giận thì gán thêm tội khác ngoài bản án. Người mình thích thì khoét da thịt để tìm lông vũ, người mình ghét thì rửa sạch cáu bẩn để tìm vết sẹo. Vết sẹo mà tìm được thì trừng phạt sẽ quá độ; lông vũ mà tìm khoét ra được thì khen thưởng sẽ hoang đường. Trừng phạt quá độ thì việc tiểu nhân làm bậy sẽ tăng lên; khen thưởng hoang đường thì những chủ định đúng đắn của nhà vua sẽ bị tổn hại. Tội ác của tiểu nhân không trừng phạt, điểm tốt của quân tử không khuyến khích mà mong muốn nước nhà an ninh, hình phạt bị bỏ thì thần chưa bao giờ được nghe.

Vả lại, khi nhàn rồi thì bàn chuyện suông, tôn sùng học thuyết Khổng, Lão; khi giận thì tìm biện pháp hình phạt của Thân Bất Hại và Hàn Phi. Người làm việc chính trực thì bị bãi chức không dùng, kẻ hại người hăn cũng đã quá nhiều. Bởi vậy ý chỉ về đạo đức không được mở rộng nhưng phong khí hà khắc lại hưng thịnh. Phong khí hà khắc mà hưng thịnh thì kẻ dưới sinh ra trăm thứ tật, người ta tranh nhau chạy theo thời thượng, thế nên chế độ điển chương không thống nhất, dùng đức hạnh của đế vương để đánh giá quả thực là có hại đến đạo đức của quân vương. Ngày trước Bá Châu Lê giở thủ đoạn tệt hại, pháp lệnh của nước Sở bị hỗn loạn; Trương Thang dùng tâm ý của mình để định mức độ nặng nhẹ khi dùng hình, hình pháp nhà Hán cũng sinh ra tệt nạn. Sự gian tà bất chính của kẻ bề tôi còn không vạch trần được, huống hồ là việc ban hành pháp lệnh, thế thì còn có cách nào xử lý? Với trí thông minh của bệ hạ thì không sự che giấu nào không biết, lẽ nào tư tưởng còn có chỗ chưa thông đạt, tri thức còn có điều chưa hiểu rõ hay sao? Tự yên với thiên hạ thái bình, thì không cân nhắc thận trọng hình pháp nữa; tự vui trong hoan lạc thì quên đi lẽ biến đổi của vận mệnh. Họa và phúc chuyển hóa lẫn nhau, cát và hung sánh vai cùng nhau, tất cả đều do con người rước lấy, sao có thể không suy nghĩ được? Gần đây trách phạt khá nhiều, thị uy cũng tăng dần, khi thì vì đồ vật bày ra không đầy đủ, khi thì vì cung thất xây dựng không như ý, khi thì là vật dụng không vừa lòng, khi thì là bề tôi không vâng lệnh, nhưng đều không phải là cần kíp cho việc trị nước, quả thực là sự kiêu ngạo xa xỉ đã trở dậy. Thế mới biết “Sang không hện với kiêu ngạo mà kiêu ngạo tự đến, giàu không hện với xa xỉ mà xa xỉ tự lại” không phải là câu nói suông.

Vả lại, thiên hạ mà chúng ta giành được thực ra là từ nhà Tùy, căn nguyên nhà Tùy diệt vong, bệ hạ thánh minh hăn thấy rất rõ. Lấy của kho nhà Tùy so với dự trữ của chúng ta hiện nay, dùng binh lực của nhà Tùy để sánh với quân đội của chúng ta hiện tại, dùng số dân

của nhà Tùy để so với trăm họ của chúng ta bây giờ, so sánh mạnh yếu, đánh giá lớn nhỏ, lẽ nào ta bì được? Vậy mà nhà Tùy bại vong vì giàu mạnh, bởi Tùy Dạng Đế hung tàn, sai dịch không ngớt, khiến trăm họ lầm than không thể an cư lạc nghiệp; chúng ta dùng nghèo khó mà giành được thiên hạ an ninh, bởi bệ hạ thanh tịnh vô vi, thực hiện khoan sức dân, khiến trăm họ yên bình. Trăm họ yên bình thì nước nhà an ninh, trăm họ bạo động thì nước nhà đại loạn, ai cũng hiểu điều đó, không hề ẩn giấu mà khó nhìn thấy, không hề nhỏ bé mà khó quan sát thấy. Nhưng rất ít người đi trên con đường bằng phẳng dễ đi, mà hầu hết đều đi theo vết bánh xe đổ, tại sau lại như vậy? Là bởi khi an không nghĩ đến lúc nguy, khi thái bình không nghĩ đến lúc rối ren, khi tồn tại không nghĩ đến bại vong. Ngày trước khi nhà Tùy chưa loạn, tự cho là nhất định sẽ không loạn; khi chưa bị lật đổ thì tự cho là sẽ không bao giờ bị lật đổ. Vì thế thường xuyên phát động chiến tranh, sai dịch không ngớt, đến khi sắp bị nổi nhục sát thân mà vẫn không biết nguyên nhân mình bị lật đổ, lẽ nào không đáng thương hại? Soi sự xấu đẹp của hình dạng, nhất định phải đến bờ nước lặn; soi sự an nguy của nước nhà, nhất định phải lấy sự bại vong làm bài học. Bởi thế “Kinh Thi” nói: “Những việc dùng làm gương của nhà Ân không xa, nằm ngay ở triều đình nhà Hạ”. Thần mong rằng mọi động tĩnh hiện tại nhất định phải nghĩ đến sự diệt vong của nhà Tùy làm gương, như thế sự tồn vong trị loạn có thể biết được. Nếu có thể nghĩ đến nguyên nhân nhà Tùy nguy hiểm thì nước nhà sẽ thái bình; nghĩ đến nguyên nhân nhà Tùy rối loạn thì nước nhà sẽ được thịnh trị; nghĩ đến nguyên nhân nhà Tùy diệt vong thì nước nhà sẽ được sinh tồn. Biết được nguyên nhân tồn vong ở đâu thì kiềm chế ham muốn của bản thân mà thuận theo lòng dân, giảm thú vui săn bắn, dừng việc xây dựng cung thất nguy nga xa xỉ, ngưng làm những việc không cần làm, cẩn thận với sự tức giận khi nghe lời một phía. Gần gũi với người trung thành lương thiện, lánh xa kẻ nói năng đường mật, ngăn cấm những tà thuyết, thích những lời khuyên can. Tránh xa kẻ cấu thả, không xem trọng của cải khó kiếm, noi gương Nghiêu Thuấn, bắt

chước Vũ Thang quy tội về mình, quý trọng tài sản của dân, thuận theo tâm ý của trăm họ. Bắt đầu từ chính mình, khoan thứ cho người khác, nghĩ rằng chăm chỉ khiêm tốn sẽ nhận được lợi ích, không kiêu ngạo tự mãn mà rước lấy họa hại. Có hành động thì dân chúng trong thiên hạ ủng hộ, kêu gọi ra thì người xa muôn dặm hưởng ứng, vượt qua đạo đức của thời đại trước, xây dựng thanh danh để lại cho đời sau. Đó là kế hoạch rộng lớn của bậc thánh nhân, là sự nghiệp vĩ đại của bậc đế vương, để hoàn toàn làm được như vậy thì phải dựa vào giữ vững đạo thánh vương.

Giữ đạo thánh vương dễ, thực hành đạo thánh vương mới khó. Nếu đã thực hiện được cái khó khăn thì sao không thể giữ được cái dễ dàng? Nếu giữ không vững thì kiêu ngạo hoang dâm xa xỉ phóng túng sẽ làm dao động. Muốn cẩn thận đến cuối cùng như lúc ban đầu, có thể không tận lực để làm như vậy hay sao? “Kinh Dịch” nói: “Người có đạo đức khi ở yên không quên lúc nguy, thời bình không quên thời loạn, khi tồn tại không quên diệt vong, bởi vậy bản thân bình yên mà nước nhà cũng giữ được”. Lời nói rất hay, không thể không suy ngẫm. Thần nghĩ mong muốn trị nước của bệ hạ không hề giảm so với ngày trước; nghe được lỗi lầm là nhất định sửa chữa, tác phong ấy không hề kém ngày xưa. Nếu tận dụng thời cơ thiên hạ thái bình hiện tại để thực hành cẩn trọng tiết kiệm như trước kia thì thật là tận thiện tận mỹ, không ai sánh được.

Thái Tông cho là rất hay và tiếp thu những ý kiến này.

Năm Trinh Quán thứ mười bốn, thứ sử Đới Châu là Giả Sùng vì thuộc hạ có người phạm tội lớn trong mười tội không thể đại xá nên bị Ngự sử tố giác lên Hoàng đế. Thái Tông bảo các thị thần:

– Ngày trước Đế Nghiêu là bậc đại thánh nhân, Liễu Hạ Huệ là bậc đại hiền nhân, nhưng con trai Đế Nghiêu là Đan Chu lại bất tài,

em trai Liễu Hạ Huệ là Chích lại tội ác tày trời. Dựa vào sự dạy bảo của thánh hiền, tình nghĩa cha con anh em mà còn không hun đúc cảm hóa để họ thay đổi, bỏ ác theo thiện được. Nay phải một thứ sử đến cảm hóa người cả châu đều đi theo đường đúng thì sao làm được? Nếu vì nơi mình trị nhậm có người phạm tội là bị biếm chức thì e hết người này đến người kia che giấu sự việc, tội nhân thực sự sẽ lọt lưới. Các châu nếu có người phạm tội lớn không thể đại xá thì không được liên lụy đến trưởng quan châu đó, chỉ cần lệnh cho trưởng quan châu đó tra xét cẩn thận, là có thể trừ bỏ được kẻ gian tà.

Năm Trinh Quán thứ mười sáu, Thái Tông bảo Đại lý khanh Tôn Phục Gia:

– Người làm khôi giáp thì muốn khôi giáp chắc chắn, sợ người bị thương; người làm tên thì muốn tên sắc nhọn, sợ bắn không gây thương tích cho người. Tại sao? Vì ai có chức trách của người này, giúp người đó hoàn thành nhiệm vụ. Trẫm hỏi sự nặng nhẹ trong phán xử của pháp quan, thường nói hình pháp khoan dung hơn so với các triều đại trước kia. Trẫm vẫn lo về quan làm án, coi giết người làm điều có lợi, nguy hại đến người khác mà làm cho mình hiển quý, dùng để trục danh trục lợi, điều đáng lo bây giờ chính là ở chỗ đó. Cần phải ra sức ngăn cấm, dùng hình phải đại lượng công bằng.

SẮC LỆNH

Năm Trinh Quán thứ bảy, Thái Tông bảo các thị thần:

– Kẻ ngu trong thiên hạ nhiều, người khôn ít, người khôn không làm điều ác, kẻ ngu thường vi phạm pháp lệnh. Những ân điển đại xá khoan hồng đều chỉ dành cho những người không tuân thủ pháp lệnh. Người xưa nói: “Điều may mắn của tiểu nhân là niềm bất hạnh của người quân tử”. “Một năm hai lần xá miễn, người tốt sẽ im lặng không nói”. Nếu nuôi cỏ dại sẽ hại hoa màu, ban ơn cho kẻ phạm pháp làm loạn sẽ hại đến người tốt, ngày trước “Văn Vương ra quy định phạt vi phạm lễ giáo, đối với kẻ loạn luân thì trừng trị không tha”. Tiên chủ nước Thục là Lưu Bị từng nói với Gia Cát Lượng: “Ta thường đọc sách của hai người Trần Nguyên Phương và Trịnh Khang Thành, thấy cách trị nước mà họ trình bày rất hoàn hảo, chưa từng nói đến xá miễn”. Vì thế Gia Cát Lượng trị nước Thục mười năm không xá miễn mà nước Thục đại trị. Lương Võ Đế mỗi năm đại xá mấy lần, cuối cùng bị lật đổ bại vong. Kẻ ban ơn nhỏ sẽ hại đến đức lớn, vì thế từ khi có thiên hạ đến nay, trăm tuyệt đối không ban hành xá lệnh. Nay thiên hạ thái bình, lễ nghĩa thịnh hành, những ân điển đặc biệt khắp nơi không đếm xuể. E rằng kẻ ngu thường có lòng chờ may mắn, chỉ hòng vi phạm pháp lệnh, không biết sửa chữa lỗi lầm.

Năm Trinh Quán thứ mười, Thái Tông nói với các thị thần:

– Pháp lệnh nước nhà phải ngắn gọn rõ ràng, không được một tội mà có mấy điều khoản. Quy hình thức mà nhiều thì quan lại không

nhớ được, càng làm cho nảy sinh điều trí trá phạm pháp, chẳng hạn muốn thoát tội thì áp dụng điều khoản dùng hình nhẹ, nếu muốn cấu thành tội trạng thì áp dụng điều khoản dùng hình nặng. Nhiều lần thay đổi pháp lệnh quả thực không có lợi cho đạo trị nước, cần phải thẩm định kỹ pháp lệnh, không được có điều khoản trùng lặp.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Thái Tông nói với các thị thần:

– Các mệnh lệnh, văn cáo triều đình ban ra nếu không cố định lâu dài thì lòng người sẽ mê hoặc không hiểu, gian trá sẽ càng phát sinh. “Chu dịch” nói: “Hoán hãn kỳ đại hiệu”, nghĩa là ra hiệu lệnh giống như cơ thể đổ mồ hôi, đã ra rồi thì không thu hồi được nữa. Ngoài ra sách “Thượng thư” nói: “Ra lệnh phải cẩn thận, lệnh ra phải thực hiện, không được sửa đổi”. Và lại Hán Cao Tổ chính sự bận rộn, thời gian không đủ; Thừa tướng Tiêu Hà lại xuất thân tiểu lại, pháp lệnh do bọn họ lập ra mà còn có thể coi là đầy đủ. Nay phải suy ngẫm kỹ càng đạo lý này, không được khinh suất ban hành chiếu lệ, phải thẩm tra quyết định, làm khuôn mẫu vĩnh viễn.

Trưởng Tôn hoàng hậu lâm bệnh, ngày càng gần kề cái chết. Hoàng Thái tử bầm với Hoàng hậu:

– Mọi thứ thuốc hay đều đã dùng hết mà quý thể của mẫu hậu vẫn không thấy khỏe lại, con xin với phụ hoàng xá miễn cho tội phạm, kêu người xuất gia thờ Phật để mong được thần linh phù hộ ban phúc.

Hoàng hậu nói:

– Sống chết do mệnh, sức người không can dự vào được. Nếu làm việc thiện mà được thọ lâu thì ta chưa bao giờ làm điều ác; nếu làm việc thiện không có hiệu quả thì làm gì có phúc để mà cầu? Xá miễn tội phạm là việc lớn của nước nhà, mà bản thân Phật giáo, Hoàng

thượng thường luôn lo sẽ trở thành một thứ thiên lệch trong đạo trị nước, sao có thể vì một người phụ nữ như ta mà làm rối loạn đại pháp của nước nhà? Không được làm như lời con nói.

CỔNG NẠP

Năm Trinh Quán thứ hai, Thái Tông nói với Triều Tập Sứ:

– Căn cứ theo thổ nhưỡng phong nhiêu của đất để xác định cống nạp, việc này đã được ghi lại trong chế độ điển chương trước đây. Gần đây nghe nói đô đốc, thứ sử các châu mua danh, sản vật nơi mình lại hiềm không tốt, đi tìm kiếm ở nơi khác, bắt chước nhau, đã trở thành phong trào, rất phiền phức, cần phải thay đổi tệ nạn này, không được làm như vậy nữa.

Nước Lâm Ấp (tức Chiêm Thành, còn gọi là Champa, miền nam trung bộ của Việt Nam ngày nay) vào năm Trinh Quán có cống nạp một con vẹt trắng biết nói, rất thông minh, đặc biệt giỏi đối đáp, nhiều lần có những lời tỏ ra đau khổ. Thái Tông thương xót, bèn giao lại cho sứ thần Lâm Ấp, dặn ông ta mang nó về nước rồi thả vào rừng.

Năm Trinh Quán thứ mười hai, các nước Sơ Lặc, Chu Câu Bà, Cam Đường phái sứ giả đến cống nạp thổ đặc sản. Thái Tông bảo quần thần:

– Giả sử Trung Quốc không yên định thì sứ triều cống của các vùng Nhật Nam, Tây Vực sao có thể đến? Trẫm có đức hạnh gì đáng được hưởng nền thịnh trị như vậy? Nhìn thấy cảnh thịnh trị này mà lại nghĩ đến mối hiểm nguy. Gần đây những người có thể thống nhất thiên hạ, mở rộng biên giới chỉ có Tần Thủy Hoàng và Hán Võ Đế. Tần

Thủy Hoàng bạo ngược, truyền đến đời con thì diệt vong. Hán Võ Đế kiêu ngạo xa xỉ, đế nghiệp suýt tuyệt diệt. Trầm tay cầm binh khí bình định thiên hạ, các dị tộc phương xa đều đến quy phục, muôn dân bình an vô sự, sự cho là không kém Thủy Hoàng, Võ Đế. Nhưng thấy rằng tuổi già của hai ông vua này đều khó tự giữ thân nên trầm thường thấy lo sợ cho sự nguy vong của nước nhà, không một chút dám lơ là lười nhác. Chỉ có nhờ các khanh thẳng thắn khuyến cáo để sửa chữa lỗi lầm, phò trợ trăm trị nước cho tốt. Nếu chỉ khen cái hay mà che giấu điều dở, ai nấy đều nói những lời lấy lòng trầm thì sự nguy vong của nước nhà nhanh chóng sẽ đến.

Năm Trinh Quán thứ mười tám, Thái Tông sắp đi thảo phạt Cao Ly, Mạc ly chi (tên chức quan Cao Ly, tương đương với chức Bình bộ thượng thư kiêm Trung thư lệnh thời Đường) của Cao Ly phái người đến cống nạp vàng trắng. Hoàng môn thị lang Chử Toại Lương khuyên can:

– Mạc ly chi đã tàn hại vua của hãn, đó là việc các tộc phương Đông không thể tha thứ, bệ hạ nhân việc này khởi binh để vỗ về trăm họ nơi đó, thảo phạt kẻ giết vua, rửa mối nhục vua bị giết cho dân Liêu Đông. Ngày xưa thảo phạt kẻ hại vua quyết không nhận sự mua chuộc của hãn. Trước kia Tống Đốc giết Thương Công, tặng đại đỉnh của nước Cốc cho Lỗ Hoàn Công, Hoàn Công nhận lấy đặt trong Thái miếu. Tàng Viên Bá khuyên ngăn: “Người làm vua phải tỏ rõ đạo đức, ngăn chặn tà ác, nay bất chấp đạo đức, trợ giúp tà ác, đặt đồ người ta mua chuộc trong Thái miếu, trăm quan theo đó làm như vậy thì còn trừng phạt được ai? Chu Võ Vương đánh bại nhà Thương, dời cửu đỉnh đến ấp Lạc, nghĩa sĩ Bá Di còn cho là ông không đúng, huống hồ là đặt đồ vật thể hiện sự tà ác phản loạn trong Thái miếu, hậu quả sẽ ra sao?”. Ghi chép trong sách “Xuân thu” là chuẩn mực để mọi đấng quân vương bắt chước, nếu nhận đồ vật của kẻ phản chúa, tiếp nhận

triều cống của kẻ hại vua, không cho đó là lỗi lầm thì lấy lý do gì để đi thảo phạt Cao Ly? Thần cho rằng vàng trắng do Mạc ly chi cống nạp tất nhiên không thể nhận.

Thái Tông nghe theo ý kiến này.

Năm Trinh Quán thứ mười chín, vua nước Cao Ly là Cao Tạng và Mạc ly chi Cái Tô Văn phái sứ thần đến cống nạp hai người con gái đẹp. Thái Tông bảo sứ thần Cao Ly:

– Trẫm thương cho hai cô gái này phải xa rời cha mẹ anh em trong nước, nếu yêu quý sắc đẹp của họ mà làm đau lòng họ thì trẫm không nhận.

Nên từ chối, không nhận, trả hai cô gái đó về nước.

CẤM CÁC NGÀNH NGHỀ KHÔNG THIỆT YẾU

Năm Trinh Quán thứ bảy, Dương Tư Tề, người thợ khéo do Công bộ thượng thư Đoàn Luân dâng tấu tiến cử đã đến, Thái Tông ra lệnh thử tay nghề của anh ta, Đoàn Luân bảo anh ta làm đồ chơi con rối. Thái Tông bảo Đoàn Luân:

– Thợ được tiến cử là chuẩn bị dùng cho đại sự nước nhà, Khanh sai hãn làm những thứ này, phải chăng có ý muốn khuyến khích nghề làm đồ chơi?

Thế nên cắt giảm bổng lộc cấp bậc của Đoàn Luân và cấm trò múa rối.

Năm Trinh Quán thứ chín, Thái Tông bảo các thị thần:

– Việc quan trọng hàng đầu trong trị nước là phải cấm những nghề tiểu xảo không cần thiết. Sử sách nói: “Mài ngọc, giũa vàng cản trở việc làm nông; dệt gấm lụa sắc sỡ hại đến đức hạnh người phụ nữ”. Thánh nhân lập nên pháp độ, không ai không coi trọng tiết kiệm, bài trừ xa xỉ. Các bậc đế vương muốn xây dựng cũng phải thuận theo lòng dân. Ngày xưa, Hạ Vũ phá chín núi lớn, khai thông chín sông lớn, nhân lực sử dụng vô cùng nhiều mà dân không một tiếng oán hờn, chính là nhờ lòng người muốn làm và tập trung được tâm nguyện của trăm họ. Tần Thủy Hoàng xây dựng cung thất mà trăm họ lên án, là bởi chỉ màng đến tư dục mà bất chấp trăm họ. Nay trăm muốn xây

dựng một tòa cung điện, vật liệu đã đầy đủ, nghĩ đến việc của Tần Thủy Hoàng ngày xưa nên không cho xây nữa. Người xưa nói: “Đừng làm chuyện vô ích để hại đến lợi ích của trăm họ”, “không mưu cầu thỏa mãn ham muốn cá nhân, để lòng dân không rối loạn”. Vốn đã biết mưu cầu ham muốn cá nhân thì lòng dân ắt rối loạn. Thí dụ đồ đựng rượu chạm khắc tinh tế, đồ chơi trang sức bằng ngọc ngà châu báu, nếu phòng túng dâm dật xa xỉ thì ngày nước nhà nguy vong sẽ đến ngay. Những người từ vương công trở xuống, nhà cửa, xe cộ, cưới xin, tang ma..., phạm những thứ chiếu theo chức quan không được sử dụng đều bị cấm.

Từ đó trong suốt mấy mươi năm, phong tục xã hội giản dị, không hoa lệ, vật chất dồi dào, không có tai họa đói rét.

LUẬN VỀ HƯNG VONG

Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông nhân lúc nhàn rỗi hỏi các thị thần:

– Chu Võ Vương dẹp loạn thời Thương Trụ mà có được thiên hạ, Tần Thủy Hoàng thừa lúc nhà Chu suy yếu nên thôn tính sáu nước, cách họ lấy được thiên hạ không có gì khác nhau, nhưng để nghiệp dài ngắn sao lại chênh lệch như thế?

Thượng thư hữu bộc xạ Tiêu Vũ đáp:

– Thương Trụ bạo ngược, người trong thiên hạ đều oán hận nên chư hầu không hèn mà cùng hội sư với Chu Võ Vương. Triều Chu tuy suy yếu, nhưng sáu nước vô tội, Tần Thủy Hoàng lại cậy mưu trí và dũng lực, dần xâm chiếm các nước. Dẹp thiên hạ tuy giống nhau, nhưng lòng người và thể thái khác nhau.

Thái Tông nói:

– Không phải, sau khi nhà Chu thế nhà Ân, đã nỗ lực mở rộng nhân nghĩa; nước Tần đã đạt được mục đích, nhưng chuyên làm điều gian trá bạo ngược, họ không những lấy được thiên hạ theo cách khác nhau, mà cách giữ gìn giang sơn cũng khác nhau, cho nên để nghiệp ngắn dài phụ thuộc vào điều này vậy.

Năm Trinh Quán thứ năm, Thái Tông nói với các thị thần:

– Ý trời muốn làm cho người tốt được phúc kẻ xấu gặp họa, điều này rất hiệu nghiệm. Ngày trước Khải Thị Khả Hãn của tộc Đột Quyết mất nước cậy nhờ nhà Tùy, Tùy Văn Đế không tiếc lương thực vải

vóc, huy động rất nhiều binh sĩ đến bảo vệ nên họ mới được sinh tồn. Không lâu sau Đột Quyết giàu mạnh, đáng lẽ con cháu đời đời không quên báo đáp ân đức nhà Tùy, nhưng mới truyền đến Thủy Tốt Khả Hãn đã dấy binh vây khốn Tùy Dạng Đế ở Nhạ Môn quan. Đến khi nhà Tùy đại loạn, lại ỷ thế lớn mạnh, lấn sâu vào lãnh thổ nhà Tùy, khiến cho những người yên định xây dựng nước họ trước kia và con cháu đều bị Hiệt Lợi giết hại. Nay Hiệt Lợi nước mất nhà tan, lẽ nào không phải là kết cục của việc vong ân bội nghĩa?

Quần thần đều nói:

– Quả như lời bệ hạ nói.

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU

- QUYỂN 9 -

CHINH PHẠT

Mùa đông năm Võ Đức thứ chín, hai khả hãn của Đột Quyết là Hiệt Lợi, Đột Lợi dẫn hai mươi vạn quân đến phía bắc cầu Biện ở sông Vị, phái Chấp Thi Tư Lược đến triều đình dò la hư thực. Chấp Thi Tư Lược hư trương thanh thế nói:

– Hai vị khả hãn thông lĩnh trăm vạn đại quân, nay đã đến rồi.

Rồi yêu cầu trả lời. Thái Tông bảo y:

– Ta và Đột Quyết từng nghị hòa với nhau, các người vi phạm, ta chẳng làm trái điều gì, các người dựa vào đâu mà dẫn đại quân xâm nhập lãnh thổ nước ta, tự khoe cường thịnh? Ta đáng phải giết người.

Tư Lược hoảng sợ, xin được bảo toàn tính mệnh. Tiêu Vũ, Phong Đức Di xin tiễn Chấp Thi Tư Lược về theo nghi lễ. Thái Tông nói:

– Không làm như vậy được. Nay nếu thả cho hãn về, người Đột Quyết sẽ nghĩ là ta sợ.

Bèn sai người giam Chấp Thi Tư Lược lại. Thái Tông nói:

– Hiệt Lợi nghe được nước ta gần đây có nội loạn, lại nghe được trăm mới lên ngôi hoàng đế nên dẫn quân đến thẳng đây, cho là ta không dám chống lại chúng. Nếu trăm đóng cửa tử thủ, Đột Quyết sẽ xua quân giày xéo, tình thế mạnh yếu biến đổi tùy thuộc vào quyết sách ngày hôm nay. Trăm sẽ tự cầm quân ra trận thể hiện sức mạnh, để chúng hiểu rằng ta quyết đánh. Sự việc bất ngờ sẽ làm rối ý đồ của chúng, chế phục Hung Nô tùy thuộc vào hành động này.

Thế nên Thái Tông một mình một ngựa tiến qua sông Vị, Hiệt Lợi không hề đoán được ý đồ của Thái Tông. Không lâu sau quân Đường ồ ạt kéo đến, Hiệt Lợi thấy quân Đường hùng hực khí thế, lại

biết Chấp Thi Tư Lược đã bị giam nên rất sợ, xin nghị hòa và lập hòa ước rồi lui binh.

Năm Trinh Quán thứ nhất, các châu ở Lĩnh Nam tấu báo các Tù sư Cao Châu là Phùng Ang, Đàm Điện cậy thế binh lực phản bội triều đình. Thái Tông lệnh cho tướng quân Lận Dự trưng điều quân đội của mười tám châu thuộc hai đạo Giang Nam, Lĩnh Nam đi thảo phạt. Bí thư giám Ngụy Trưng can:

– Trung Quốc mới yên định, vết thương chưa hồi phục, Lĩnh Nam chướng khí nhiều, ôn dịch hoành hành, núi hiểm sông sâu, đường hành quân quá xa, khó bề tiếp tế, bệnh dịch thường xuyên xảy ra, nếu không như ý thì sẽ hối hận không kịp. Huống hồ Phùng Ang nếu phản loạn ắt sẽ giao hảo kết nạp người xa gần, phái quân chặn ở những nơi hiểm yếu, hơn nữa sẽ công phá các châu huyện, thiết lập quan lại. Tại sao tổ giác đã mấy năm mà quân đội của ông ta lại không vượt qua biên giới? Như vậy là hình thế phản loạn vẫn chưa hình thành, không cần phải dấy binh làm kinh động dân chúng. Bệ hạ đã không phái sứ giả đến đó dò la, thì dù có để ông ta đến triều đình trình bày e cũng không hiểu được chân tướng. Nay nếu phái sứ giả đi, cho bọn họ biết dự tính của triều đình, thì không cần dùng đến đại quân, bọn họ cũng sẽ tự đến quy thuận.

Thái Tông nghe theo kiến nghị này, Lĩnh Nam hoàn toàn được yên định. Thị thần dâng tấu nói:

– Phùng Ang, Đàm Điện năm xưa thường tiến đánh, bệ hạ phái một sứ giả đi mà Lĩnh Nam giờ được yên bình.

Thái Tông nói:

– Khi ấy các châu ở đạo Lĩnh Nam đều nói rằng Phùng An phản triều đình, trăm phải đi thảo phạt. Ngụy Trưng nhiều lần khuyên can, cho rằng chỉ cần dùng ân đức để vỗ về thì nhất định không cần thảo phạt, Phùng An cũng tự đến quy thuận. Trăm đã dùng mưu kế này làm

cho Lĩnh Nam được bình yên vô sự. Không cần vất vả mà yên định được Lĩnh Nam, hơn cả mười vạn đại quân.

Thế là thưởng cho Ngụy Trưng năm trăm vuông lụa.

Năm Trinh Quán thứ tư, có viên quan dâng tấu:

– Lời lẽ trong tấu chương của người nước Lâm Ấp không cung thuận, xin phái quân thảo phạt bọn họ.

Thái Tông nói:

– Binh khí là hung khí, bất đắc dĩ mới phải dùng đến. Vì thế Quang Võ Đế nhà Hán nói: “Mỗi lần dùng đến quân đội, bất giác tóc râu bạc trắng cả”. Từ xưa tới nay những người dùng hết binh lực, không ai không diệt vong, Phù Kiên tự thị mình có binh lực lớn mạnh, nhất định muốn thôn tính nhà Tấn, phát động trăm vạn đại quân, một cuộc chiến tranh đã tự diệt vong. Tùy Dạng Đế cũng nhất định muốn chiếm Cao Ly, lao dịch không dứt, nhân dân căm phẫn, cuối cùng chết trong tay một kẻ tầm thường. Còn như bọn Hiệt Lợi, ngày trước nhiều lần đến xâm phạm nước ta, bộ lạc của hắn đã mệt mỏi trong các cuộc chinh chiến liên miên, cuối cùng chuốc lấy diệt vong. Nay trăm thấy vậy, đâu có thể động một chút là điều phái quân đội? Huống hồ phải trải qua núi sông hiểm trở, những nơi đó chướng khí ngút ngàn, ôn dịch hoành hành, nếu binh sĩ của trăm nhiễm ôn dịch thì dù có tiêu diệt được man quốc này cũng có ích gì? Mấy câu bất kính không đáng để tâm.

Cuối cùng Thái Tông không thảo phạt nước Lâm Ấp.

Năm Trinh Quán thứ năm, nước Khang xin quy phục. Thái Tông nói với các thị thần:

– Các đế vương thời trước thường tập trung vào việc mở rộng cương thổ để mong được hư danh sau khi chết, việc này chẳng ích gì cho bản thân họ mà nhân dân lại rất khổ. Dù có lợi cho mình mà có hại cho trăm họ, trăm cũng nhất quyết không làm chuyện như vậy, huống hồ là theo đuổi hư danh mà làm hại trăm họ? Nước Khang đã đến quy thuận triều đình, việc cần kíp không thể không cứu trợ. Nhưng quân đội đi xa vạn dặm, lẽ nào không mệt nhọc, mệt nhọc cho người để cầu hư danh, đó không phải là việc trăm muốn làm. Việc nước Khang xin quy thuận, không cần chấp nhận.

Năm Trinh Quán thứ mười bốn, Binh bộ thượng thư Hầu Quân Tập thảo phạt nước Cao Xương. Khi quân đội dừng ở Liễu Cốc, ky binh trình sát về báo:

– Vua Cao Xương là Văn Thái đã chết, đã định ngày mai táng, người nước Cao Xương đều tập trung lại, nếu dùng hơn hai nghìn kỵ binh tinh nhuệ tập kích sẽ có thể hoàn toàn giành được thắng lợi.

Tiết Vạn Quân, Khương Hành Bản đều cho là có thể làm như vậy. Hầu Quân Tập nói:

– Thiên tử vì vua Cao Xương kiêu ngạo nên sai ta phụng ý trời thảo phạt, nếu tập kích bọn họ trong lễ tang thì không thể gọi là võ công, đó không phải là việc quân đội đi hỏi tội làm.

Thế nên lệnh cho quân đội tạm thời không hành động để chờ lệnh, khi tang lễ xong mới tiến quân tiêu diệt nước Cao Xương.

Năm Trinh Quán thứ mười sáu, Thái Tông nói với các thị thần:

– Ngoại tộc phương bắc đời đời xâm nhập quấy nhiễu, nay Diên Đà bộ cường thịnh không chịu quy phục, phải sớm xử trí bọn họ. Trẫm đã trăm trở cân nhắc vấn đề này, chỉ có hai đối sách: chọn ra mười vạn

quân, tấn công tiến đến khống chế họ, thanh trừ hung ác thì trong trăm năm sẽ bình yên vô sự, đó là một kế sách. Nếu đồng ý thỉnh cầu thông hôn của họ, kết thông gia với họ, thì trăm là phụ mẫu của dân, nếu có lợi cho trăm họ, lẽ nào luyến tiếc một cô con gái? Phong tục của ngoại tộc phương bắc phần lớn là do thê thất chủ chính, lại sinh con trai, tức là cháu ngoại ta, ắt sẽ không quấy nhiễu Trung Quốc, tuyệt đối có thể khẳng định. Xét từ điểm này, biên giới có thể yên bình trong vòng ba mươi năm. Trẫm đề xuất hai đối sách như vậy, đối sách nào hay hơn?

Tư không Phòng Huyền Linh đáp:

– Sau đại hỗn loạn nhà Tùy, dân số phần lớn chưa được phục hồi, binh khí hung ác, chiến tranh nguy hiểm là việc thánh nhân phải cẩn trọng cân nhắc. Chính sách hòa thân quả thực là điều may lớn cho thiên hạ.

Năm Trinh Quán thứ mười bảy, Thái Tông nói với các thị thần:

– Cái Tô Văn mưu sát vua và một mình nắm chính quyền nước Cao Ly, quả thực không thể dung thứ. Nay binh lực của nước nhà đánh bại hẳn không khó. Nhưng trăm không thể lập tức động binh, tạm thời lệnh cho Khiết Đan, Mạt Hát quấy nhiễu hẳn có được không?

Phòng Huyền Linh đáp:

– Thần nghe nói các nước thời xưa đều là lớn hiếp bé, đông hiếp yếu. Nay bệ hạ vỗ về trăm họ, tướng sĩ anh dũng tinh nhuệ, binh lực có thừa mà không tấn công hẳn, đó chính là bình định được bạo loạn, dừng việc binh đao mới là võ công thật sự như người xưa nói. Ngày trước Hán Võ Đế nhiều lần chinh phạt Hung Nô, Tùy Dạng Đế ba lần chinh phạt Cao Ly, nhân dân khốn khó, nước nhà phá bại, quả thực là do điều đó gây nên, xin bệ hạ suy xét kỹ.

Thái Tông nói:

– Được.

Năm Trinh Quán thứ mười tám, Thái Tông định đích thân chinh phạt Cao Ly. Khai phủ nghi đồng tam tư Úy Trì Kính Đức dâng tấu nói:

– Nếu Hoàng thượng đích thân đi Liêu Đông, Thái tử lại đang ở Định Châu, hai kinh thành Lạc Dương và Trường An là nơi đặt phủ khố, tuy có quân đội trấn giữ, nhưng chung quy vẫn bỏ trống. Liêu Đông đường đất xa xôi, e rằng sẽ xảy ra sự biến như Dương Huyền Cảm làm loạn, hơn nữa chinh phạt các nước nhỏ xa xôi không cần hoàng thượng phải thân chinh. Nếu giành được thắng lợi thì không xứng là võ công, còn nhược bằng không thắng lợi thì e bị người đời chê cười. Xin hãy giao việc chinh phạt Cao Ly cho các tướng tài, ắt sẽ tiêu diệt được họ.

Thái Tông không nghe theo lời khuyên này.

Lễ bộ thượng thư Giang Hạ vương Lý Đạo Tông theo Thái Tông chinh phạt Cao Ly, Thái tông chiếu lệnh cho Đạo Tông cùng Lý Huân làm tiên phong. Khi vượt sông Liêu đánh thành Khắc Cái Mâu thì thấy quân địch ồ ạt kéo đến, các tướng đều khuyên phải đào hào thật sâu, giữ lấy địa thế hiểm yếu, đợi Thái tông đến. Đạo Tông nói:

– Không làm thế được. Quân địch từ xa đến cấp cứu, binh sĩ rất mệt mỏi, chỉ dựa vào người đông để khinh thị quân ta, một trận chiến có thể đánh bại chúng. Ngày trước, Địch Yểm nhà Đông Hán không để lại quân địch cho vua, ta đã là tiền quân thì phải dọn đường chờ Hoàng thượng đến.

Lý Huân rất đồng ý với quan điểm của ông. Thế là Đạo Tông dẫn mấy trăm bị binh kiêu dũng xông thẳng vào trận địa địch, tả xung hữu đột. Lý Huân thừa thế dẫn quân giáp kích, đánh bại quân địch. Thái Tông đến nơi thương lớn để khao quân. Đạo Tông bị thương ở chân

trong trận chiến, Thái Tông đích thân băng bó cho ông và ban cho ngự thiện.

Bài “Đế phạm” của Thái Tông viết: “Giáo mác cung tên là hung khí. Đất tuy rộng lớn, nhưng phát động chiến tranh trăm họ sẽ khổ; nước nhà tuy an ninh, nhưng quên phòng bị chiến đấu trăm họ sẽ lười biếng. Trăm họ khốn khổ không phải là phương pháp giữ nước, trăm họ lười biếng không phải là biện pháp đối phó kẻ địch. Binh khí vừa không thể hoàn toàn loại bỏ, cũng không thể thường xuyên sử dụng. Bởi thế khi nông nhàn luyện tập võ nghệ, học nghi thức hành sự tiến thoái; ba năm trị quân, phân biệt cấp bậc vị thứ. Do đó Câu Tiễn lẽ con ếch trước mặt ba quân, khích lệ sĩ khí không quên nổi nhục, cuối cùng gây dựng bá nghiệp; Từ Yến bỏ võ bị, cuối cùng nước nhà diệt vong. Là bởi làm sao? Vì nước Việt đã học nghi thức tiến thoái trong hành sự, còn Từ Yến lại quên võ bị cho nước nhà. Khổng Tử nói: “Dùng dân không học võ đi chiến đấu là bỏ dân”. Bởi thế hiểu được uy lực của binh khí, dùng nó để mưu lợi cho nước nhà là chức trách của người dụng binh.

Năm Trinh Quán thứ hai mươi hai, Thái Tông định một lần nữa thảo phạt Cao Ly. Lúc này Tư không Phòng Huyền Linh mắc bệnh nặng, ông nói với con trai:

– Nay thiên hạ thái bình, mọi mặt đều được xếp đặt tốt, chỉ có hoàng thượng muốn một lần nữa thảo phạt Cao Ly, chính là đại họa của nước nhà. Hoàng thượng giận dữ ra quyết định, bề tôi không ai dám mạo phạm uy nghiêm để khuyên can. Ta biết cái hại của nó mà không nói, có thể nói là ngậm hờn mà chết.

Thế nên dâng bản tấu khuyên ngăn:

Thần nghe nói chiến tranh đáng ghét ở chỗ không thể ngừng lại, võ công đáng quý ở chỗ có thể chấm dứt chiến tranh. Nay những nơi mà sự giáo hóa của bệ hạ thi hành bất kể xa xôi đến đâu cũng đều đã đến. Những nước mà thời trước không chịu thần phục, bệ hạ cũng đã có thể buộc họ thần phục; những nơi thời trước không kiểm soát, bệ hạ đều đã kiểm soát được. Quan sát kỹ xưa nay, với tư cách là họa hại của nước nhà, không nước nào vượt qua Đột Quyết. Vậy mà bệ hạ vẫn có thể ngồi vạch kế hoạch thần diệu, không ra khỏi cung điện triều đường mà các Khả Hãn lớn nhỏ đều phải nối nhau quy hàng, phân cho họ chủ quản túc vệ trong cung cấm, cầm kích đứng trong quân ngũ. Sau này bộ Tiết Diên Đà dấy binh, cũng bị thảo phạt tiêu diệt. Các bộ Thiết Lạc ngưỡng mộ lễ nghĩa nên xin đặt châu huyện trong lãnh địa của họ. Từ sa mạc trở lên bắc, trong vòng vạn dặm không có chiến sự. Còn như nước Cao Xương ngang ngược xem thường pháp luật ở vùng sa mạc, Thổ Cốc Hồn tiến thoái bất định ở Thích Thạch Quan, dùng một cánh quân đến thảo phạt là toàn bộ bị dẹp yên. Cao Ly xưa nay tránh né thảo phạt, không ai có thể tấn công. Bệ hạ khiển trách kẻ phản nghịch làm loạn, giết vua ngược đãi trăm họ, đích thân thống lĩnh đại quân đến Liêu Đông hỏi tội. Chưa đến mười ngày đã chiếm được Liêu Đông, bắt được hàng chục vạn tù binh, phân đến các châu. Gột sạch mối nhục trước kia, chôn cất hài cốt các tướng sĩ trận vong, so sánh công lao, đánh giá đức hạnh thì hơn các đế vương thời trước vạn lần. Đó đều là việc mà bậc minh quân tự biết, tiểu thần sao dám kể lại toàn bộ.

Mong bệ hạ tuân thủ giáo huấn “biết đủ thì không nhục, biết dừng thì không xấu” của Lão Tử, nhằm giữ cho thanh danh cao vợi muôn đời. Ban ân huệ to lớn, chiếu lệnh khoan dung của bệ hạ thuận ứng với ánh xuân ấm áp mà bố thí ân trạch, cho phép Cao Ly sửa lỗi đổi mới. Đốt hết chiến thuyền có thể vượt qua sóng gió, dừng hết mọi sĩ tốt sắp chiêu mộ, tự nhiên trăm họ trong ngoài sẽ chúc mừng,

phương xa cung kính, trong nước an ninh. Thần tuổi già nhiều bệnh ở chức tam công, sớm tối chờ chết, chỉ hận không có chút bụi đất và nước sương để đóng góp đắp núi khơi biển. Xin dâng chút hồn phách còn lại và chút hơi tàn thay cho lòng thành kết cỏ báo ân. Nếu được tiếp thu mấy lời cuối cùng này của thần, thần dù có chết cũng thành bất hủ.

Thái Tông đọc bản tấu, than thở:

– Con người này bệnh nguy đến vậy mà còn lo cho xã tắc của trẫm.

Tuy lời khuyên của ông không được tiếp thu nhưng dù sao cũng là một hiến sách hay.

Năm Trinh Quán thứ hai mươi hai, quân đội nhiều lần xuất kích, cung thất được xây dựng âm ỉ, trăm họ rất vất vả mệt mỏi. Sung Dung Từ Thị dâng bản tấu khuyên can:

Trinh Quán đến nay đã được hơn hai mươi năm, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, nhân dân không bị lụt lội, hạn hán, nước nhà không xảy ra cảnh đói kém. Ngày trước, Hán Võ Đế là một bậc quân chủ tuân thủ pháp luật, còn dùng phù khắc ngọc để cử hành lễ phong thiên; Tề Hoàn Công là quan của nước nhỏ mà cũng muốn hội hợp chư hầu làm lễ phong thiên. Mong bệ hạ nhường công lao tự mình khiêm tốn, lễ nhượng công đức mà không độc chiếm. Dân chúng một lòng hướng về, nhưng bệ hạ còn thiếu lễ nghi cáo thành. Các đế vương thượng cổ có tiên lệ yết cáo ở núi Vân Vân, núi Đình Đình, mà bệ hạ thì chưa cử hành nghi lễ tế trời. Công đức như thế hoàn toàn có thể sánh với nghiệp tích của đế vương trăm đời, át cả bậc minh chủ vạn đại. Tuy nhiên cổ nhân có câu: “Có phúc lộc cũng chớ mừng”. Quả thực rất có lý. Giữ vững chí hướng ban đầu cho đến cuối cùng thật khó, ngay cả thánh nhân cũng rất ít người làm được. Điều này rất rõ ràng. Người có công nghiệp lớn dễ sinh kiêu ngạo, hy vọng bệ hạ sợ điều

đó; người có khởi đầu tốt rất khó kiên trì đến cùng, hy vọng bệ hạ thay đổi điều đó để cho thiện thủy thiện chung.

Thần tiếp trộm thấy mấy năm gần đây, lao dịch binh bị đồng thời tiến hành, phương đông có quân đội chinh Liêu, phía tây có chiến dịch chinh Quy Từ. Quân lính vũ trang khắp người rất nhọc nhằn, người lái thuyền đánh xe cũng rất vất vả trên đường vận chuyển. Hơn nữa chiêu mộ binh sĩ trú đóng biên cương, người đi kẻ ở đều có nỗi đau sinh ly tử biệt; vì cuồng phong bão táp, người và lương thực đều có mối nguy hiểm chìm nổi. Một nông phu nỗ lực canh tác, mỗi năm chẳng thu hoạch được mấy mươi thạch; một chiếc thuyền bị hỏng sẽ nhấn chìm hàng trăm thạch lương thực. Như thế chẳng khác nào vét hết nông sản để lấp sóng cả vô cùng, tham dân chúng nước khác không thể có được mà đánh mất quân đội của mình vốn đã được xây dựng tốt. Dù loại trừ hung ác, thảo phạt tàn bạo là quy củ thường có của quốc gia, nhưng lạm dụng binh lực phát động chiến tranh là việc các bậc tiên triết cấm làm. Ngày trước, Tần Thủy Hoàng thôn tính sáu nước mà đẩy nhanh sự diệt vong của cơ nghiệp nhà Tần; Tấn Võ Đế chiếm ba nước Ngụy, Thục, Ngô mà trở thành việc xấu dẫn đến bị lật đổ thất bại. Lẽ nào chẳng phải vì tự thị có công, tự phụ lớn mạnh, từ bỏ đạo đức mà xem nhẹ nước nhà, tham lợi ích mà quên nguy hại, ra sức phóng túng tư dục đó sao? Làm cho trời đất tuy rộng lớn mà không cứu vãn được sự diệt vong của họ, trăm họ đói rét, mệt mỏi mà trở thành họa hại của họ. Qua đó có thể thấy rằng, đất rộng không phải là sách lược an toàn lâu dài, dân lao khổ mới là căn nguyên nảy sinh họa loạn. Mong bệ hạ bố thí ân trạch nhân nghĩa, thương xót, cứu tế người nghèo khó mệt mỏi, giảm lao dịch, tăng ơn mưa móc.

Thần tiếp lại nghe nói cái gốc của việc trị nước quý ở chỗ vô vi nhi trị (không làm mà trị). Thần tiếp trộm cho rằng việc xây dựng không thể đồng thời tiến hành. Hoàng cung phía bắc vừa xây xong,

phía nam lại xây cung Thúy Vi, chưa qua một quý, cung Ngọc Hoa lại bắt đầu xây cất. Tuy là mượn hình thế của sông nước, nhưng không phải không có nổi vất vả trong xây dựng nhà cửa; công trình có giảm, cũng có sự lãng phí nhân công vật lực. Cuối cùng dù có dùng mái tranh để tỏ sự tiết kiệm thì cũng mệt mỏi giống như xây dựng bằng gỗ đá. Nếu quan phủ xuất tiền thuê thợ, thì luôn có tệ nạn phiền toái. Bởi vậy cung thất giản dị ăn uống đơn sơ là thói quen của bậc quân chủ thánh minh; cung điện lâu đài nạm vàng dát ngọc là sự khoe khoang của quân vương xa xỉ phóng túng. Vì thế bậc quân chủ có đạo dùng an dật để trăm họ được nghỉ ngơi; kẻ hôn quân vô đạo dùng âm nhạc để mình hưởng lạc. Mong rằng bệ hạ không vi phạm vụ nông, dùng nhân lực vừa phải hợp lý, như thế nhân lực sẽ không cạn kiệt; sử dụng họ mà vẫn khiến họ được nghỉ ngơi, lòng dân sẽ vui vẻ.

Những thứ đồ chơi quý lạ và đồ vật có kỹ nghệ tinh khéo là cái rù làm vong quốc; đồ châu báu và gấm lụa thực là thuốc độc mê hoặc lòng người. Thần thiếp trộm thấy những thứ dùng để uống và thưởng ngoạn tinh khéo hoa lệ giống như biến hóa ra từ trong tự nhiên; đồ vật quý lạ dâng lên giống như thần tiên tạo ra. Mặc dù khoe khoang những thứ hoa lệ khi thế tục suy vi, nhưng thực tế là bại hoại phong tục thuần hậu. Qua đó có thể thấy, đồ sơn không phải là khúc gỗ vuông phản nghịch, chế tạo ra nó mà chử hầu phản ly; ly ngọc lẽ nào là vật dụng nguy hiểm, Trụ dùng nó mà nước nhà diệt vong. Khảo sát căn nguyên, không thể không dùng. Chế định pháp lệnh trong tiết kiệm còn lo lắng họ xa xỉ; chế định pháp lệnh trong xa xỉ thì dựa vào cái gì để ràng buộc hậu thế? Mong rằng bệ hạ soi xét sự vật rõ ràng, trí tuệ rọi đến những nơi rộng rãi. Tông tích thịnh trị và họa loạn của đế vương các đời, bài học kinh nghiệm về an nguy trăm đời, vận mệnh hưng vong họa loạn, mấu chốt của được mất thành bại, vốn chứa đựng ở trong lòng, đây là kết quả quan sát lâu dài của bệ hạ, không cần dựa vào một đôi câu của thần thiếp để nói rõ. Chỉ là hiểu được những điều này

không khó, nhưng thực hiện mới thật không dễ. Khi công nghiệp rục rờ thì lòng sinh kiêu ngạo, khi thời thế yên định thì phóng túng bản thân. Mong rằng bộ hạ kìm lòng, cẩn trọng từ đầu đến cuối, kiên trì chí hướng ban đầu. Sửa lỗi nhỏ để tăng đức lớn, chọn sự đúng đắn ngày nay để thay thế cho sai lầm hôm qua. Vậy thì danh tiếng lẫy lừng sẽ vô cùng như nhật nguyệt, sự nghiệp to lớn sẽ vĩnh tồn như trời đất!

Thái Tông rất tán thành lời này, đặc biệt ban thưởng rất hậu.

YÊN ĐỊNH BIÊN GIỚI

Năm Trinh Quán thứ tư, Lý Tịnh tấn công Hiệt Lợi Khả Hãn của Đột Quyết và đại thắng, bộ lạc Đột Quyết rất nhiều người đến quy hàng. Thái Tông chiếu lệnh bàn chính sách yên định biên giới, Trung thư lệnh Ôn Ngạn Bác kiến nghị:

– Xin cho họ ở vùng Giang Nam. Theo tiền lệ năm Kiến Võ của Quang Võ Đế nhà Đông Hán, cho người Hung Nô đầu hàng ở dưới Ngũ Nguyên Trại, bảo toàn bộ lạc của họ, trở thành tường rào vững chắc, lại không thay đổi tập tục của họ, lấy đó để vỗ về họ, một là lấp đầy vùng đất trống, hai là tỏ lòng không nghi kỵ. Bởi vậy đây là biện pháp bao dung dưỡng dục.

Thái Tông nghe theo kiến nghị của ông. Bí thư giám Ngụy Trưng nói:

– Người Hung Nô xưa nay chưa từng suy bại như vậy, đây là trời xanh trừng phạt họ, cũng là do thần toán anh võ của bệ hạ. Bệ hạ vì họ đầu hàng mà không tru diệt họ, nên lập tức sai họ trở về vùng Bắc Hà, cư trú trên cố thổ của họ. Hung Nô không phải đồng tộc của chúng ta, khi lớn mạnh ắt sẽ xâm nhập cướp bóc, khi suy yếu thì đầu hàng quy thuận, bất chấp ân đức tín nghĩa. Hai đời Tần Hán chính là bị họa hoạn của họ nên thu lấy vùng Hà Nam của họ lập thành quận huyện, bệ hạ sao có thể để nội địa cho họ cư trú? Hơn nữa hiện nay người Đột Quyết đầu hàng có đến hàng chục vạn, mấy năm sau sẽ sinh sôi gấp mấy lần, cư trú ở nơi quá gần chúng ta, quá áp sát đô thành, giống như ẩn chứa mầm bệnh ở nơi yếu hại, sau này ắt trở thành họa hoạn. Tuyệt đối không thể để họ sống ở vùng Hà Nam.

Ôn Ngạn Bác nói:

– Thiên tử đối xử với vạn vật giống như trời xanh bao phủ, mặt đất nâng đỡ vạn vật, ai quy phục chúng ta thì phải thu nuôi họ. Nay Đột Quyết bị đánh bại, dân chúng còn lại đến quy phục, bệ hạ không thương xót, từ bỏ họ mà không nhận, đó chẳng phải là chính đạo trong trời đất. Từ chối thành ý của ngoại tộc, thần cho là không được, nên sắp xếp cho họ ở đất Hà Nam. Đây chính là, cho người sắp chết sông, cho kẻ diệt vong được tinh tồn. Họ cảm kích đại ân của ta, sẽ không bao giờ phản loạn.

Ngụy Trưng nói:

– Nhà Tấn có bộ lạc dị tộc do nước Ngụy để lại, sống rải rác ở các châu quận gần đô phủ nhà Tấn, Quách Khâm, Giang Thống kiến nghị đuổi họ ra ngoài biên ải, Tấn Võ Đế không nghe, mấy năm sau họ đã tấn công Lạc Dương, Trường An. Đời trước có chiếc xe đồ, tấm gương vong quốc không hề quá xa. Bệ hạ nhất định nghe theo kiến nghị của Ôn Ngạn Bác, cho họ xuống sống ở miệt Giang Nam, đó là nuôi dã thú để hậu hoạn cho mình.

Ôn Ngạn Bác nói:

– Thần nghe nói chủ trương của thánh nhân là không việc gì không thông đạt. Số dân chúng còn lại của Đột Quyết giao cả tính mệnh cho chúng ta, thu nhận họ cho sống ở nội địa, dùng lễ pháp giáo dục họ, chọn ra đầu lĩnh cho họ, phái họ vào cung cấm canh gác, họ sợ uy lực của hoàng gia, cảm niệm ân đức, có họa hoạn gì chứ? Hơn nữa Quang Võ Đế để dân chúng ở Đôn Vu Hà Nam cư trú ở các châu quận nội địa làm hàng rào cho Đông Hán, trải qua một đời không hề có phản loạn.

Thái Tông cuối cùng nghe theo biện pháp của Ôn Ngạn Bác, đông từ U Châu tây đến Linh Châu, đô đốc phủ bốn châu Thuận, Hựu, Hóa, Trường dùng để lập bộ lạc Đột Quyết, người Đột Quyết sống ở Trường An có đến gần vạn hộ.

Năm Trinh Quán thứ mười hai, Thái Tông đến cung Cửu Thành. Em trai của Đột Lợi Khả Hãn là Trung lang tướng A Sử Na Kết Xã Soái ngầm câu kết với bộ hạ, ủng hộ con trai của Đột Lợi là Hạ La Hạt đột kích nơi hoàng đế ở, sự việc thất bại, tất cả đều bị bắt chém đầu. Từ đó Thái Tông cho rằng người Đột Quyết không đáng tin, hối hận việc cho bộ lạc của họ ở Trung Quốc, thế nên sai đưa cựu bộ của họ đến vùng bắc Hoàng Hà để trấn thủ thành Định Tương ban đầu, lập Lý Tư Ma làm khả hãn thống soái họ. Thái Tông nhân sự kiện này nói với thị thần:

– Ngày trước không nghe theo kiến nghị của Ngụy Trưng, cảm thấy hầu như mất đi một phương lược trị an lâu dài.

Năm Trinh Quán thứ tư, Thái Tông cùng các thị thần bàn việc bố trí bộ lạc Đột Quyết, Trung thư lệnh Ôn Ngạc Bác nói:

– Tùy Văn Đế lãng phí kho phủ lập khả hãn cho người Đột Quyết để họ khôi phục nước mình. Sau đó Đột Quyết bất chấp ân nghĩa, không giữ chữ tín, vây khốn Tùy Dạng Đế ở Nhạ Môn Quan. Nay bộ hạ nhân từ khoan hậu, nghe theo ý nguyện của họ, hai vùng Hà Nam, Hà Bắc để mặc họ sinh sống, các bộ lạc đều có tù trưởng, không có quan hệ với nhau, thế lực phân tán, sao có thể thành họa hại được?

Cấp sự trung Đỗ Sở Khách nói:

– Dị tộc phương bắc rất khó dùng ân đức để vỗ về, dễ dùng uy lực hàng phục. Nay để bộ lạc của họ cư trú rải rác ở vùng Hà Nam, quá gần Trung nguyên, dần dà sẽ thành họa hoạn. Còn về chiến dịch ở Nhạ Môn Quan, tuy là Đột Quyết vong ân bội nghĩa, nhưng cũng là do Tùy Dạng Đế tàn bạo, Trung nguyên về thế đại loạn, nào có thể nói là vì khôi phục nước bị diệt vong mà chuốc lấy tai họa? Dị tộc không thể gây rối loạn, đó là huấn thị rõ ràng của bậc thánh triết, khôi phục nước bị diệt vong để không bị đoạn tuyệt là chuẩn mực thông thường của bậc quân vương thánh minh. Thần lo là làm việc không bắt chước người xưa thì rất khó lâu dài.

Thái Tông khen kiến nghị của ông, nhưng khi ấy đang tập trung xây dựng chính sách, nên không tiếp thu.

Sau khi Hiệt Lợi của Đột Quyết bị đánh bại, thủ lĩnh các bộ lạc đến đầu hàng đều được ban chức, cho ở trong triều đình, quan ngũ phẩm có trên một trăm người, chiếm khoảng một nửa số quan viên trong triều. Duy chỉ dụ Thác Bạt Xích không chịu quy phục, Thái Tông lại phái sứ giả đến chiêu, sứ giả đi lại liên tục. Đô đốc Lương Châu là Lý Đại Lượng cho rằng như thế không có ích cho quốc sự, chỉ lãng phí của cải của Trung nguyên, nên dâng bản tấu nói:

– Thần nghe nói muốn vỗ về bang ở xa trước hết phải yên định chỗ ở. Xưa nay bậc đế vương hiền minh dùng tín nghĩa để giáo hóa trăm họ, dùng quyền thế để sai khiến ngoại tộc. Từ khi bệ hạ cai trị Trung nguyên, làm vững gốc rễ của nước nhà, nhân dân an lạc, sản vật giàu có, ngoại tộc tự nhiên quy phục. Nay chiêu dụ Đột Quyết, thần không thấy lợi ích của việc làm này. Trăm họ đất Hà Tây, các châu huyện đều hoang vắng, dân số rất ít, lại thêm do chiến loạn cuối thời Tùy nên hao phí quá nhiều. Khi chưa bình định được Đột Quyết thì chưa thể yên tâm sản xuất; từ khi Hung Nô suy yếu mới bắt đầu khôi phục nông nghiệp. Nếu lập tức cho lao dịch, e sẽ gây ra tổn thương. Theo suy nghĩ của thần, xin cho dừng việc chiêu dụ. Nhà Chu yêu dân nên kéo dài được bảy trăm năm. Tần Thủy Hoàng khinh suất phát động chiến tranh phía bắc đánh người Hồ, ba mươi năm đã mất nước. Hán Văn Đế nuôi dưỡng quân đội yên tĩnh phòng thủ, thiên hạ yên định giàu có; Hán Võ Đế ra oai kinh lược nơi xa, trong nước trống rỗng tổn hao, tuy về già hối hận về việc dùng binh, nhưng hối đã không kịp. Đến thời Tùy, nhanh chóng đoạt được Doãn Ngô, lại thống trị Thiện Thiện. Sau khi chiếm được những nơi này, sự tiêu hao ngày một nhiều, cuối cùng chỉ có ổn hại chứ không có ích lợi. Xa thì lấy gương Tần Hán, gần thì soi vào nhà Tùy, tình hình động tĩnh an nguy

đều hiển hiện rất rõ. Doãn Ngô tuy đã xưng thần quy phục, nhưng ở ngoài sa mạc, đất đai phần nhiều là đá sỏi muối mặn. Những người đứng dậy tự xưng là thuộc quốc nội phụ, xin hãy thu nhận họ, vỗ về họ, để họ định cư ngoài biên ải, ắt sẽ sợ uy lực hoàng gia và cảm ân đức, vĩnh viễn làm thuộc quốc. Đây là ban ân huệ về nhân nghĩa mà thu được lợi ích thực tế. Gần đây người Đột Quyết ồ ạt vào Trung Nguyên, đã không thể để họ cư trú ở vùng Giang, Hoài để thay đổi phong tục của họ, mà ngay cả cho họ sống ở nội địa, cách kinh thành không xa, tuy là hành động khoan dung nhân từ, nhưng cũng không phải là kế sách an định lâu dài. Thần thường thấy một người lúc đầu đều quy hàng bèn thưởng cho năm cuộn gấm và một chiếc áo bào, các tù trưởng đều được làm quan lớn, bổng lộc hậu hĩnh địa vị tôn quý, ắt sẽ gây ra rất nhiều lãng phí. Dùng tô thuế đóng góp của dân để cung phụng, số người của bọn họ mà tăng lên thì không phải là điều tốt.

Thái Tông không nghe theo.

Năm Trinh Quán thứ mười bốn, sau khi Hầu Quân Tập bình định nước Cao Xương, Thái Tông muốn chia nước Cao Xương thành châu quận. Ngụy Trưng nói:

– Khi bệ hạ mới thống trị thiên hạ, vua nước Cao Xương lúc đầu đến triều bái. Từ đó về sau nhiều lần có người Hồ làm nghề buôn bán đến nói vua nước Cao Xương ngăn cản người từ Tây Vực đến nhà Đường triều cống, lại thêm vua nước Cao Xương vô lễ với đại sứ nước lớn, việc thảo phạt của hoàng thượng đối với bọn họ ngày một gia tăng. Nếu tội lỗi chỉ truy cứu một mình Văn Thái thì cũng được. Chi bằng nhân cơ hội này vỗ về dân chúng bị nạn ở Cao Xương, lập hậu duệ của vua Cao Xương, đây chính là thảo phạt kẻ thống trị có tội, vỗ về nhân dân bị nạn, uy lực ân đức lan khắp, đây là một sách hay trong trị nước. Nay nếu cho rằng quốc thổ của họ có lợi mà lập châu huyện ở đây thì ắt phải thường xuyên có hơn một nghìn người đến trấn thủ,

mấy năm thay đổi một lần. Mỗi lần đến thay đổi, số người tử vong sẽ lên đến ba bốn phần mười. Lệnh cho họ chuẩn bị quần áo tiền bạc, ly biệt thân thích, mười năm sau đất Lũng Thạch sẽ trống không. Bệ hạ cuối cùng không nhận được một hạt thóc một tấc vải. Đây gọi là phân tán tài sản hữu dụng để trị lý nơi vô dụng, thần không nhận thấy lẽ khả thi của nó.

Thái Tông không tiếp thu, cuối cùng lập Tây Châu ở nước Cao Xương, còn lập Tây đô hộ phủ ở Tây Châu, mỗi năm lại điều phái hơn một nghìn người đến phòng thủ ở nơi này.

Hoàng môn thị lang Chử Toại Lương cũng cho rằng làm như vậy không được, bèn dâng bản tấu:

– Thần nghe nói bậc minh quân thời xưa thống trị thiên hạ, để vương thông minh gây dựng cơ nghiệp phải ban bố ân đức giáo hóa rộng rãi, nhưng không trị vì nơi hoang vắng xa xôi. Do đó Chu Tuyên Vương chinh phạt Hiểm Doãn, truy đuổi đến biên giới là quay về; Tần Thủy Hoàng xây dựng Trường Thành ở nơi xa thiết lập quan ải phòng thủ. Bệ hạ đã tiêu diệt nước Cao Xương, uy lực lan đến tận Tây Vực, thu phục được đất đai của họ, thiết lập châu huyện. Tuy nhiên năm đầu quân triều đình xuất phát là năm mà vùng Hà Tây cung cấp phục dịch. Do cấp tốc tuyển quân và dùng lương thảo nên nhân dân không trở tay kịp, mười nhà thì chín nhà trống không, mấy châu quận đều trở nên tiêu điều xơ xác, trong năm năm cũng chưa thể khôi phục. Bệ hạ mỗi năm phái hơn một nghìn người đến phương xa trú phòng, họ cả năm ly biệt người thân, ngoài vạn dặm khao khát trở về nhà. Lộ phí hành trang của người ra đi phải tự túc, vừa bán lương thực, vừa bán vải vóc. Người chết trên đường càng không thể nói đến. Lại thêm phái người phạm tội đến tăng cường lực lượng trú phòng ở đó, trong số tù phạm giải đi lại có kẻ bỏ trốn, quan phủ phải truy bắt. Đường đi của nước Cao Xương sa mạc nghìn dặm, gió mùa đông giá lạnh như băng, gió mùa hè nóng như lửa đốt, người đi đường gặp tình cảnh đó đa số chỉ có nước chết. “Kinh dịch” nói: “Khi bình an không được quên lúc

hiểm nguy, khi thái bình không được quên lúc họa loạn”. Nếu quận Trương Dịch có chiến sự, khói bụi ngút trời, hệ hạ lễ nào có thể nhận được gạo thóc Cao Xương cung cấp cho một người mà kết thúc chiến sự? Chung quy phải điều phái quân đội ở cách châu Lũng Thạch. Từ đó thấy rằng, đất Hà Tây nay chính là tâm phúc, nước Cao Xương là tay chân, sao có thể lãng phí tài vật để trị lý đất đai vô dụng? Bộ hạ bình định Hiệt Lợi ở ngoài biên giới sa mạc, tiêu diệt thổ cốc Hồn ở đất Tây Hải. Đối với các bộ lạc còn lại của Đột Quyết, đã lập khả hãn cho họ; đối với dân mất nước Thổ Cốc Hồn, lại lập quân trưởng cho họ. Lại lập vua cho nước Cao Xương, không phải là không có tiền lệ. Đó chính là có tội thì thảo phạt, đã hàng phục rồi thì để nó sinh tồn. Nên lựa chọn người có thể lập ở nước Cao Xương, vỗ về họ, để họ làm thủ lĩnh, phái họ về nước. Đã nhận đại ân, Cao Xương sẽ trở thành rào chắn lâu dài của Trung Quốc. Trung Quốc không bị khuấy nhiễu, đã giàu có lại an ninh, thịnh nghiệp truyền cho con cháu mà để lại cho đời sau.

Bản tấu dâng lên, Thái Tông không tiếp thu.

Đến năm Trinh Quán thứ mười sáu, Tây Đột Quyết phái quân xâm phạm Tây Châu. Thái Tông nói với các thị thần:

– Trẫm nghe nói Tây Châu có tình hình khẩn cấp, tuy không đến nỗi gây nguy hại, nhưng sao có thể không lo lắng? ngày trước khi mới đánh dẹp Cao Xương, Ngụy Trưng, Chủ Toại Lương khuyên trẫm lập con em của Văn Thái làm vua, để Cao Xương vẫn trở thành một nước, trẫm lại không nghe theo kế sách của họ, nay mới tự hối tự trách. Ngày trước Hán Cao Tổ sau khi bị vây ở Bình Thành đã phong thưởng cho Lâu Kính, Viên Thiệu sau khi chiến bại ở Quan Độ đã tru diệt Điền Phong. Trẫm thường lấy hai sự việc này làm gương, lẽ nào có thể quên những người từng khuyên can trẫm?

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU

– QUYỂN 10 –

TUẦN HÀNH

Năm Trinh Quán thứ nhất, Thái Tông nói với các thị thần:

– Tùy Dạng Đế xây dựng cung thất trên quy mô lớn để phục vụ cho việc xuất du, từ Trường An đến Lạc Dương, cung quán mọc khắp dọc đường, ngay cả đến Tịnh Châu, Trác Quận cũng như vậy. Đường đi rộng mấy trăm bước, hai bên đường trồng cây trang trí. Nhân lực, vật lực của trăm họ không thể chịu đựng, cùng tập trung đi làm giặc cướp. Đến cuối thời nhà Tùy, một thước đất một người đã không còn thuộc về sở hữu của Tùy Dạng Đế nữa. Từ đó thấy rằng, xây nhiều cung thất, thích xuất du rốt cuộc có ích lợi gì? Đây đều là những điều trầm mắt thấy tai nghe, dùng nó để cảnh giác chính mình. Bởi vậy trăm họ không dám xem nhẹ việc sử dụng sức người, chỉ muốn làm cho trăm họ được yên ổn, không có oán hờn, không xảy ra chuyện phản nghịch mà thôi.

Năm Trinh Quán thứ mười một, Thái Tông đến cung Lạc Dương, cười thuyên du ngoạn trên ao Tích Thúy. Ông quay lại bảo các thị thần:

– Những cung uyển đài các này đều là do Tùy Dạng Đế xây dựng, ông ta sai dịch nhân dân, ra sức xây dựng những thứ hoa lệ này, nhưng lại không giữ được một đô thành. Ông ta thích xuất du, nhân dân không thể chịu đựng được sai dịch. Thơ xưa viết: “Cỏ nào không héo úa, ngày nào không vất vả”, “Trong các nước xa gần ở phương đông, vải gấm đều bị trưng thu hết”, chính là nói về tình trạng này,

cuối cùng khiến cho người trong thiên hạ sinh oán phản loạn, mình chết mà nước nhà cũng mất, nay cung thất của ông ta đều thuộc về trăm sở hữu. Triều Tùy bại vong, lẽ nào chỉ là quân chủ vô đạo, mà cũng là do đại thần phò tá không hiền lương. Như bọn Vũ Văn Thuật, Ngu Thế Cơ, Bùi Ôn, chiếm địa vị cao, hưởng thụ bổng lộc hậu, được đế vương ủy nhiệm mà chỉ biết nịnh bợ, bịt tai bịt mắt đế vương mà muốn cho nước không bị nguy vong, làm gì có chuyện đó?

Tư không Trưởng Tôn Vô Kỵ tấu:

– Nguyên nhân nhà Tùy diệt vong, vua thì không chịu nghe những lời trung thành chính trực; bề tôi thì chỉ biết vun quén cho bản thân. Kẻ tả hữu có lỗi, lúc đầu không kiểm tra, đạo tặc sinh sôi lại không tấu lên theo sự thực. Căn cứ điểm này thì đó không chỉ là trời muốn diệt nhà Tùy, mà quả thực là do vua tôi họ không giúp nhau sửa lỗi.

Thái Tông nói:

– Trẫm và các khanh tiếp nhận các tệ nạn nhà Tùy để lại, phải nêu cao chính đạo quang minh, thay đổi phong khí xã hội, để muôn đời nhận được lợi ích.

Năm Trinh Quán thứ mười ba, Thái Tông nói với bọn Ngụy Trưng:

– Tùy Dạng Đế kế thừa sự nghiệp Văn Đế để lại, trong nước giàu có, nếu biết luôn giữ lấy Quan Trung thì sao có thể nước mất nhà tan? Ông ta cuối cùng không thương xót trăm họ, xuất du vô độ, trực tiếp đến Giang Đô, không chịu nghe can gián của Đổng Thuần, Thôi Tượng, thân chết nước diệt, bị người thiên hạ chê cười. Mặc dù nói mệnh đế vương dài ngắn tùy thuộc nơi trời, nhưng thiện ắt có phúc, ác ắt gặp họa, cũng phụ thuộc vào hành vi của con người. Trẫm thường xuyên nghĩ đến những điều này, nếu muốn vua tôi được yên ổn lâu dài, nước nhà không có nguy hiểm phá bại thì vua có sai lầm, bề tôi

phải cố gắng nói ra. Trầm nghe được sự khuyên can của các khanh, dù không thể nghe theo ngay lúc đó, nhưng trải qua suy xét, ắt cũng lựa chọn những ý kiến hay để tiếp thu.

ĐI SĂN

Bí thư giám Ngu Thế Nam vì Thái Tông rất thích săn bắn nên dâng tấu khuyên can:

– Thần nghe nói quân vương đi săn vào mùa thu đông là chế độ đã thành lệ. Mong bệ hạ dùng thời gian rảnh sau khi nghe tấu chương, thuận theo thời lệnh mà đi săn bắn, tự tay đánh xe bọc da hổ, truy đuổi đến tận hang sâu, diệt hết các dã thú trong núi rừng. Tiêu diệt hung ác, loại trừ tàn bạo để bảo vệ trăm họ; thu thập sản vật dùng để bổ sung khí giới quân dụng; dâng lên tông miếu, tuân thủ nghi thức ngày trước. Nhưng bậc quân vương tôn quý ngồi trong xe ngựa bọc lụa dát vàng, thiên hạ ngưỡng mộ đức hạnh, các nước lo lắng cho vua, dọn dẹp đường mới đi xa, còn phải đề phòng xe ngựa bị lật, cẩn trọng như thế chính là vì nước nhà. Do đó, ở trước có Tư Mã Tương Như khuyên can Hán Võ Đế, ở sau có Trương Chiêu nghiêm túc khuyên can Ngô chủ Tôn Quyền. Thần thực không đáng nói, sao dám quên đạo lý này? Huống hồ cung tên cạm bẫy giăng kín khắp nơi, số cầm thú bị giết cũng đã đủ nhiều, ban thưởng vật săn được, ân huệ của bệ hạ cũng đã rất lớn. Mong bệ hạ dừng việc đi săn, thu lại gươm giáo, không từ chối thỉnh cầu của kẻ thấp hèn, tiếp thu kiến nghị trung thành. Đó là để lại tấm gương sáng, vĩnh viễn chiếu rọi muôn đời.

Thái Tông rất tán thưởng kiến nghị của ông.

Cốc Na Luật làm Giám nghị đại phu, từng theo Đường Thái Tông đi săn. Trên đường gặp mưa lớn, Thái Tông hỏi:

– Áo mưa làm thế nào để không thấm nước?

Cốc Na Luật đáp:

– Có thể làm bằng ngói, nhất định sẽ không thấm nước.

Ý là mong Thái Tông không nên thường xuyên đi săn. Thái Tông khen ngợi và tiếp thu, thưởng cho ông năm mươi khúc lụa, còn ban thêm một cái đai vàng.

Năm Trinh Quán thứ mười bốn, Thái Tông đến Sa Uyển ở Đồng Châu săn bắn, tự mình chiến đấu với mãnh thú, lại sáng sớm đi tối khuya mới về. Đặc tiến Ngụy Trưng dâng tấu nói:

– Thần nghe nói sách “Chu thư” ca ngợi Văn Vương không dám vui đùa khi đi săn, sách “Tả truyện” thuật lời trong sách “Ngu giản”, kể chuyện Hậu Nghệ làm cảnh giới. Ngày trước, Hán Văn Đế thấy dõc đứng định lái xe đi xuống, Viên Ang kéo dây cương lại, nói: “Bậc quân vương thánh minh không ngồi xe nguy hiểm, không chơi trò may rủi. Nay bệ hạ lái xe, đi lên núi cao dốc đứng, nếu xảy ra chuyện ngựa bị kinh sợ, xe bị lật mà bệ hạ lại không xem trọng tính mệnh của mình, sao có thể ăn nói với tổ tiên?”. Hán Văn Đế thích chiến đấu với thú dữ, Tư Mã Tương Như khuyên ngăn: “Sức có thể sánh với Ô Hoạch, nhanh nhẹn có thể sánh với Khánh Kỵ, quả có người như vậy. Trong số mãnh thú ắt cũng có loài hung dữ khác thường. Lúc hồi hã mà gặp dã thú hung dữ, ở nơi khó giữ thân mà hết hoảng thất thần, thì khi đó dù có tuyệt kỹ như Ô Hoạch, Phùng Mông cũng không thể thi triển, mà những loài nhỏ bé cũng có thể làm khó bệ hạ. Dù không lỡ bước cũng không có họa hoạn thì cũng không phải là việc thiên tử nên làm”. Hán Nguyên Đế ra ngoài thành tế trời, nhân tiện ở lại săn bắn, Tiết Quảng Đức tấu: “Thần thấy đất Quan Đông khốn khổ cùng cực, trăm họ bị tai họa. Nay mỗi ngày đánh chuông nhạc triều Tần đã diệt vong, hát nhạc dân dật của hai nước Trịnh, Vệ, sĩ tốt phơi thây nơi đồng hoang, quan tùy tùng vất vả mệt nhọc, bệ hạ muốn yên định tông miếu

nước nhà, sao không lấy việc vượt sông, đấu hổ để so sánh một chút?”. Thần trộm nghĩ, lòng mấy vị đế vương này lẽ nào là gỗ đá, chỉ thích thú vui săn bắn? Mà nguyên nhân họ biết bỏ sở thích của mình, khắc chế bản thân, nghe bề tôi khuyên can là muốn bảo toàn đất nước, chứ không phải vì bản thân. Thần nghe nói bệ hạ gần đây đi săn, đích thân đấu với mãnh thú, sáng sớm đi khuya mới về, lấy thân phận đế vương tôn quý, hành động ở nơi hoang vu, vào rừng rậm, đó không phải là việc không có nguy hiểm. Mong bệ hạ cắt bỏ hưởng lạc cá nhân, đừng thú vui chiến đấu với thú dữ, trên nghĩ cho tông miếu nước nhà, dưới vỗ về trăm quan và ức vạn dân chúng.

Thái Tông nói:

– Việc hôm qua là ngẫu nhiên hồ đồ, không phải xưa nay như vậy. Từ nay phải ghi nhớ chuyện này để cảnh giới.

Tháng mười năm Trinh Quán thứ mười bốn, Đường Thái Tông chuẩn bị đi Lạc Dương săn bắn. Huyện thừa Lạc Dương là Lưu Nhân Quỹ cho rằng nông thôn chưa thu hoạch xong, không phải là lúc nhà vua đi săn, bèn đến nơi Thái Tông dừng chân, dâng biểu thành khẩn khuyên can. Thái Tông dừng chuyển đi săn và thăng Lưu Nhân Quỹ lên làm huyện lệnh Tân An.

TAI HỌA VÀ TỐT LÀNH

Năm Trinh Quán thứ sáu, Thái Tông nói với các thị thần:

– Gần đây trăm thấy chúng nhân bàn luận, coi điềm lành là việc đại hỷ, nhiều lần có bản tấu chúc mừng. Theo ý trăm, chỉ cần làm cho thiên hạ thái bình, mọi nhà đều no cơm ấm áo thì dù có điềm lành gì cũng có thể sánh với Nghiêu Thuấn. Nếu trăm họ cơm áo không đủ, ngoại tộc khuấy nhiễu Trung Quốc thì dầu linh chi tiên dược mọc khắp bên đường, phượng hoàng làm tổ trong ngự uyển cũng có khác gì Kiệt Trụ? Từng nghe nói thời Hậu Triệu Thạch Lạc, có viên quan quân đốt gỗ liên lý lược trĩ trắng để ăn, lẽ nào Thạch Lạc đáng được gọi là quân chủ anh minh? Lại có chuyện Tùy Văn Đế rất thích dấu hiệu tốt lành, nên phái Bí thư giám Vương Thiệu mặc lễ phục, đốt nhang đọc “Hoàng Tùy cảm thụy kinh”, quả thực là nực cười. Ngày trước, Nghiêu Thuấn ở trên, trăm họ tôn kính họ như tôn kính trời đất, yêu họ như yêu cha mẹ mình. Họ hành động, nhân dân đều mừng; họ phát hiệu lệnh, nhân dân đều vui vẻ làm theo, đó mới là dấu hiệu tốt lành lớn nhất. Từ nay về sau, điềm lành ở các châu không cần phải dâng tấu.

Năm Trinh Quán thứ tám, vùng Lũng Thạch bị núi lở, rã lớn nhiều lần xuất hiện, vùng Sơn Đông và Giang Hoài thường xuyên xảy ra nước lụt. Thái Tông hỏi các thị thần, Bí thư giám Ngu Thế Nam đáp:

– Thời Xuân thu, núi Lương sạt lở, Tấn cảnh Công triệu Đại phu Bá Tông đến hỏi chuyện này. Bá Tông đáp: “Nước nhà lấy núi sông làm chủ, cho nên khi núi lở, nước sông khô cạn, quân vương vì những chuyện này mà không tấu nhạc khi ăn, không mặc áo hoa lệ, ngồi xe không sắc sỡ, bày biện lễ vật để cúng tế thần linh”. Núi Lương là danh sơn mà nước Tấn chủ tế. Tấn Cảnh Công nghe theo lời Bá Tông, do đó nước Tấn không bị họa hại. Năm Hán Văn Đế thứ nhất, hai mươi chín ngọn núi ở vùng Tề, Sở bị sạt lở trong cùng một ngày, nước lũ dâng cao. Văn Đế lệnh cho các địa phương không được dâng cống vật, ban ân huệ cho trăm họ thiên hạ, khiến người gần xa đều yên vui, cũng không xảy ra tai họa. Thời Linh Đế nhà Hậu Hán, rắn xanh xuất hiện bên cạnh ngự tọa; thời Tấn Huệ Đế, có con rắn lớn dài ba trăm bước xuất hiện ở đất Tề, bò qua chợ vào miếu đình. Theo lẽ thì rắn phải ở trong bụi cỏ, nay lại vào chợ, vào miếu đình, cho nên cho là chuyện lạ. Nay rắn lớn xuất hiện, vốn ở núi sâu đầm lớn ắt có rồng rắn, nên không đáng lạ. Rồi mưa ở vùng Sơn Đông đầy đủ, tuy là hiện tượng bình thường, nhưng thời tiết âm u quá lâu, e rằng có án oan xảy ra, cần phải kiểm tra xét xử lại các tù phạm bị giam, hy vọng có thể hợp với ý trời. Huống hồ tà ác không thể thắng đạo đức, chỉ có tu dưỡng đạo đức mới có thể loại trừ được tai họa.

Thái Tông cho là rất phải, bèn phái sứ giả đi cứu tế dân bị nạn, xét xử lại người bị hàm oan, đại đa số tù phạm được xá miễn.

Năm Trinh Quán thứ tám, có sao chổi xuất hiện ở trời nam, dài sáu thước, trải qua hơn một trăm ngày mới tắt. Thái Tông hỏi các thị thần:

– Trời xuất hiện sao chổi, là do trẫm thất đức, chính sự có sai lầm, đó là điềm hung gì?

Ngu Thế Nam đáp:

– Ngày trước thời Tề Cảnh Công có sao chổi xuất hiện, Cảnh Công hỏi Yến Tử, Yến Tử đáp: “Bệ hạ đào ao đầm chỉ sợ không sâu, xây dựng đài tạ chỉ sợ không cao, sử dụng hình phạt chỉ sợ không nặng, do đó trời xuất hiện sao chổi là để cảnh cáo bệ hạ”. Cảnh Công sợ mà thi hành đức chính, mười sáu ngày sau sao chổi lặn. Nếu bệ hạ không thi hành đức chính thì dù lân phượng nhiều lần xuất hiện thì cuối cùng cũng chẳng có ích gì. Chỉ cần triều đình không có lỗi lầm trong chính sự, trăm họ an cư lạc nghiệp, thì dù có tai họa cũng có tổn hại gì đến đạo đức của quân vương? Mong rằng bệ hạ không vì công đức hơn người xưa mà kiêu ngạo tự đại, không vì cuộc sống thái bình đã lâu mà bản thân kiêu xa dâm dật. Nếu có thể cẩn thận hành sự như vậy thì sao chổi xuất hiện cũng không cần phải lo lắng.

Thái Tông nói:

– Trẫm trị nước quả thực không có lỗi lầm như Tề Cảnh Công. Nhưng trẫm mười tám tuổi đã bắt đầu xử lý đại sự nước nhà, tiêu diệt Lưu Bân Chu ở phía bắc, bình định Tiết Cử ở phương nam, bắt Đậu Kiến Đức, Vương Thế Sung ở phía đông, hai mươi bốn tuổi bình định thiên hạ, hai mươi chín tuổi lên ngôi hoàng đế, ngoại tộc bốn phương đều hàng quy phục, trong nước bình an vô sự. Trẫm cho rằng xưa nay các bậc quân vương dẹp yên thời loạn kiệt xuất không ai bằng trẫm, nên sinh ra tư tưởng tự cao tự đại, đây là lỗi lầm của trẫm. Trời cao xuất hiện điềm hung, quả thực là vì điều này chăng? Tần Thủy Hoàng bình định sáu nước, Tùy Dạng Đế có của cải khắp thiên hạ, họ đã kiêu ngạo còn dâm dật nên nhanh chóng bại vong, trẫm có gì đáng để kiêu ngạo? Nói đến nghĩ đến những điều này, bất giác rất lo lắng mà kinh sợ vô cùng.

Ngụy Trưng nói:

– Thần nghe nói đế vương từ xưa không ai không gặp tai họa thay đổi, chỉ cần có thể thi hành đức chính, tai họa thay đổi tự nhiên sẽ tiêu trừ. Bệ hạ vì trời xuất hiện sao chổi nên biết cảnh giác lo sợ, suy

ngã, trách tội mình sâu sắc, thì dù có điềm hung như vậy cũng sẽ không trở thành tai họa.

Năm Trinh Quán thứ mười một, trời mưa lớn. Sông Cốc Thủy nước dâng làm đổ cửa thành, ngập cung Lạc Dương, bình địa nước sâu năm thước, hủy hoại mười chín cung tự, cuốn trôi hơn bảy trăm ngôi nhà dân. Đường Thái Tông bảo các đại thần theo hầu:

– Trẫm không có đức hạnh nên ông trời mới giáng tai họa. Hẳn là do trẫm tai mắt không sáng, hình phạt không phù hợp đến nỗi âm dương đảo loạn, mưa gió thất thường. Trẫm phải vỗ về trăm họ, nhận lỗi về mình, lo sợ cảnh giác. Trẫm còn lòng dạ nào một mình an hưởng sơn hào hải vị? Lệnh cho nhà bếp ngưng dâng thịt cá, chỉ dâng rau quả. Bá quan văn võ đều phải dâng sớ tấu việc, bàn luận sự được mất trong chính sự.

Trung thư thị lang Sầm Văn bản dâng bản tấu:

– Thần nghe nói gây dựng sự nghiệp thành công đã khó, giữ vững cơ nghiệp đạt được để trị vì còn khó hơn. Bởi vậy khi yên phải nghĩ đến lúc nguy là để ổn định cơ nghiệp; làm việc có trước có sau là để củng cố gốc rễ. Nay tuy trăm họ bình an vô sự, biên cương bình định an ninh, nhưng ta mới tiếp quản thời loạn ly, lại kế thừa lúc suy bại khốn khó, dân số giảm, đất đai khai khẩn không nhiều. Ân huệ ban ra đã rất rõ rệt, nhưng vết thương vẫn chưa lành; phong khí đức giáo lan khắp đất nước, nhưng tài sản vẫn còn thiếu hụt. Do đó người xưa dùng việc trồng cây để ví von. Thời gian lâu dần thì cành lá xum xuê; nếu thời gian trồng cây ngắn thì không thể vững chãi, dù có dùng phân tốt bón cho nó, có nắng xuân sưởi ấm nó, chỉ một người lắc, nó cũng bị khô héo. Trăm họ ngày nay rất giống với tình trạng này. Thường xuyên bao bọc nuôi nấng thì sẽ ngày một sinh sôi; một khi có trưng binh lao dịch, thì theo đó sẽ suy bại tiêu hao. Suy bại tiêu hao quá mức, dân sẽ không thể sinh tồn; dân không thể sinh tồn thì tiếng oán

hờn sẽ vang khắp; tiếng oán hờn vang khắp thì tư tưởng phản loạn sẽ nảy sinh. Bởi vậy Đế Thuấn nói: “Dân coi vua là tính mệnh, cho nên vua đáng yêu. Vua mất đạo nghĩa, dân sẽ phản loạn, cho nên dân đáng sợ”. Khổng Tử nói: “Vua như thuyền, dân như nước, nước có thể chở thuyền, cũng có thể lật thuyền”. Bởi vậy người xưa nói, bậc minh quân dù có phúc lộc cũng không dám dâm lạc, ngày một cẩn trọng, chính là đạo lý này.

Mong rằng bệ hạ xem các sự tích xưa nay, khảo sát sự an toàn và nguy hiểm, trên lấy nước nhà làm trọng, dưới chăm lo cho trăm họ. Tuyển chọn nhân tài phải quan sát kỹ càng, thưởng phạt phải thận trọng, dùng người hiền lương, biếm kẻ không hiền. Biết lỗi của mình phải sửa ngay, tiếp thu khuyên can phải nhanh chóng tự nhiên như nước chảy. Làm việc tốt không được do dự, lệnh ban ra phải giữ uy tín. Bảo dưỡng tính tình, giảm bớt thú vui săn bắn; phản đối xa xỉ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí xây dựng cung thất. Cố gắng làm cho trong nước bình yên chứ không theo đuổi mở rộng cương thổ; cất giữ cung tên mà không quên quân bị. Những việc nêu trên tuy là lẽ thường trong trị nước, nhưng cũng là việc bệ hạ thường xuyên thực hiện. Với sự ngu muội của thần, chỉ mong bệ hạ năng suy nghĩ mà không lười biếng, như vậy đức tốt có thể sánh với tam hoàng ngũ đế, cai trị muôn đời lâu dài như trời đất. Cho dù cây cỏ tác quái, rồng rắn gây ra tai họa, gà rừng gáy trên quai đỉnh, đá đất Tấn biết nói thì cũng có thể biến họa thành phúc, biến tai nạn thành tốt lành. Huống hồ tai họa do nước mưa gây nên là lẽ thường của tự nhiên, sao có thể nói là trời trách phạt mà khiến cho bệ hạ lo lắng? Thần nghe nói cổ nhân có câu: “Nông phu lao động còn thánh nhân cai trị, kẻ ngu nói chuyện còn người khôn lựa chọn”. Mạo muội nói lên kiến giải nông cạn, thần phục phủ bên dưới xin chịu hình phạt.

Thái Tông rất tán đồng và tiếp thu kiến nghị.

THẬN TRỌNG ĐẾN CÙNG

Năm Trinh Quán thứ năm, Thái Tông nói với các thị thần:

– Từ xưa đến nay, các đế vương cũng không thể thường xuyên giáo hóa thiên hạ. Giả sử trong nước yên định thì ắt lại có quấy nhiễu bên ngoài, nay ngoại tộc thuận phục, hoa màu được mùa, đạo tặc không xuất hiện, trong ngoài bình yên. Đây không phải là sức của một mình trẫm, mà thực là nhờ sự phò tá của các khanh. Tuy nhiên khi yên không được quên nguy, thái bình không được quên lúc loạn lạc, tuy biết hôm nay không có chuyện gì, cũng phải suy nghĩ về khởi đầu cho đến kết thúc của nó. Thường xuyên làm được như vậy mới là đáng quý.

Ngụy Trưng đáp:

– Xưa nay quân vương và các đại thần phò tá thường không thể thật hoàn hảo. Khi thì vua anh minh mà bề tôi không hiền lương; khi thì bề tôi hiền lương thì lại không có vua thánh minh. Nay bệ hạ thánh minh nên được đại trị. Ngày trước nếu có đại thần hiền lương mà vua không xem xét việc giáo hóa thì cũng không có ích lợi gì. Nay tuy thiên hạ thái bình, chúng thần vẫn lo, không thể lấy đó làm mừng, chỉ mong bệ hạ ở lúc yên định nhớ đến khi họa loạn, nỗ lực không được lười biếng.

Năm Trinh Quán thứ sáu, Đường Thái Tông bảo các đại thần theo hầu:

– Xưa nay các bậc vua chúa muốn làm việc tốt chẳng mấy ai kiên trì được đến cùng. Hán Cao Tổ vốn chỉ là một đình trưởng ở Tứ Thủy có công cứu nguy nan, diệt nhà Tần bạo ác, gây dựng đại nghiệp đế vương, nhưng nếu thời gian tại vị kéo dài thêm mười mấy năm, vì phóng túng hưởng lạc mà suy bại thì cũng chẳng thể giữ được công nghiệp ban đầu. Dựa vào đâu mà biết được kết cục này? Lý Huệ Đế vốn được ở ngôi thái tử với tư cách là con trưởng, cung kính nhân hiếu, thế mà Cao Tổ bị mê hoặc, muốn phế con cả lập con thứ; Tiêu Hà, Hàn Tín, công trạng đã cao, thế mà Tiêu Hà từng bị vào ngục vô cớ, Hàn Tín cũng bị biếm truất. Các công thần khác như bọn Anh Bố lo sợ bất an, cuối cùng mưu phản. Vua tôi cha con trái nghịch nhau hoang đường đến mức như thế, lẽ nào không phải là minh chứng cho việc khó giữ được công nghiệp hay sao? Bởi vậy trần không dám tự thị là thiên hạ đã an định, mà luôn lo lắng nguy vong để cảnh báo mình.

Năm Trinh Quán thứ chín, Thái Tông nói với các đại thần trong triều:

– Trẫm ngồi ngay ngắn khoan tay không làm gì mà trị được thiên hạ, bốn phương toàn bộ quy phục, lẽ nào là sức mạnh của một mình trẫm làm được, thực là nhờ sự trợ giúp to lớn của các khanh, cần phải suy nghĩ từ đầu đến cuối, vĩnh viễn củng cố sự nghiệp, con cháu đời đời kế thừa, làm cho lợi ích to lớn kéo dài đến muôn đời sau, làm cho những người mấy trăm năm sau đọc lại lịch sử triều ta cảm nhận được sự nghiệp lẫy lừng. Lẽ nào chỉ bắt chước chế độ của nhà Chu, Quang Võ Đế, Minh Đế của nhà Tây Hán và Đông Hán thôi sao?

Phòng Huyền Linh nhân đó tâu:

– Bộ hạ khiêm nhường nhượng công lao cho quần thần. Trị vì đạt đến thiên hạ thái bình căn bản là ở đại đức của bộ hạ, chúng thần nào

có năng lực gì? Chỉ mong bệ hạ có thủy có chung, thế thì thiên hạ mãi mãi nhận được lợi ích.

Thái Tông lại nói:

– Trẫm quan sát các quân chủ dẹp loạn thời trước tuổi đều quá bốn mươi, chỉ có Hán Quang Vũ Đế ba mươi ba tuổi. Nhưng trẫm mười tám tuổi đã cầm quân, hai mươi bốn tuổi dẹp yên thiên hạ, hai mươi chín tuổi lên ngôi thiên tử, đó chính là võ công vượt xa cổ đại. Trẫm trận mạc từ khi còn trẻ, không có thời gian rảnh rỗi đọc sách, từ Trinh Quán đến nay, tay không rời sách, hiểu được biện pháp căn bản trong giáo dục cảm hóa, phát hiện ra căn nguyên của việc trị nước. Thi hành mấy năm, thiên hạ đại trị, phong tục tập quán thay đổi lớn, con cái hiếu thuận, bề tôi trung thành, điều này lại là văn trị hơn hẳn thời xưa. Ngày trước các triều từ Chu, Tần, ngoại tộc quấy nhiễu, nay ngoại tộc, đều là thần thuộc, điều này lại là hơn hẳn cổ nhân. Ba phương diện này, trẫm có đức hạnh gì mà gánh vác nổi? Đã có công huân nghiệp tích như vậy, sao có thể không xem xét từ đầu đến cuối chứ?

Năm Trinh Quán thứ mười một, Thái Tông xuống chiếu:

– Trẫm nghe nói chết là cái kết của sự sống, là mong muốn con người trở về tự nhiên; mai táng là ẩn giấu thi thể, là mong muốn người khác không nhìn thấy được. Phong tục từ xưa để lại, chưa nghe thấy đắp mộ trồng cây; nề nếp hậu thế truyền lại, chỉ sử dụng quan tài. Chế giễu kẻ quá mức xa xỉ là không thích sự lãng phí của người đó; khen ngợi người tiết kiệm, là quý trọng người đó không có tai họa. Bởi vậy, Đường Nghiêu là thánh đế, táng ở Cốc Lâm, có truyền thuyết xung quanh mộ có cây làm dấu hiệu; Tần Mục Công là minh quân, táng ở cung Di Tuyền không thấy mộ đắp ở chỗ nào. Khổng Tử là hiếu tử, táng chung với cha mẹ ở vùng Phòng có mộ mà không đắp phần; Diên Lăng Quý Tử là cha hiền, an táng con trai ở nơi cách xa quê hương

giữa hai vùng Doanh, Bác. Những người này đều có dự tính lâu dài, có trí sáng độc đáo quả đoán, chỉ là làm cho người chết yên thân dưới đất, không phải là muốn lưu danh thiên cổ. Cho đến Hạp Lư vi phạm lễ chế, trong mộ dùng châu ngọc làm vệt nhận; Tần Thủy Hoàng không tuân thủ lễ pháp, trong mộ dùng thủy ngân làm sông biển; Quý Bình Tử nắm đại quyền nước Lỗ, chết đi dùng ngọc để đắp mặt. Những kẻ này chẳng ai không vì cất trữ quá nhiều vàng ngọc mà bị tai họa nhanh chóng. Mộ thất bị mở, đến nỗi thi thể trong mộ bị hỏa thiêu; quan tài bị tháo ra; thi hài cùng gỗ hoàng dương bị phơi sương. Suy ngẫm kỹ những việc quá khứ này, lẽ nào không đáng buồn? Từ đó thấy rằng, kẻ xa xỉ có thể coi là cảnh giới, người tiết kiệm có thể coi là tấm gương. Trẫm ở ngôi cao, tiếp nối những điều xấu tốt của đế vương trăm đời, không biết xem xét giáo hóa, nửa đêm cũng lo sợ. Tuy lễ chế mai táng người chết đã được ghi chép chi tiết trong sách “Lễ nghi”, cấm những điều khoản không hợp lễ pháp, nhưng nhà hoàng thân tôn quý phần lớn theo tập tục, trong trăm họ bình dân cũng có kẻ xa hoa lãng phí mà bại hoại phong khí xã hội. Bọn họ coi mai táng phô trương là dùng lễ mai táng người chết, coi xây đắp phần mộ là thực hiện hiếu đạo, thế nên làm cho áo tang quan tài hoa lệ; xe linh đồ táng dùng vàng bạc ngọc ngà trang trí. Nhà giàu sang vượt qua pháp độ mà khoe khoang với nhau, nhà nghèo hèn dùng hết tài sản cũng không làm được. Đây chỉ là phá hoại nề nếp giáo hóa, chẳng ích lợi gì cho người chết nằm dưới đất, nguy hại đã rất sâu cần phải phế trừ nó. Từ vương công trở xuống đến trăm họ bình dân, từ nay trở đi, đồ vật chôn theo có thứ nào không tuân theo quy định pháp lệnh thì quan châu, phủ, huyện tra xét rõ ràng, chiếu theo pháp luật định tội. Quan ngũ phẩm trở lên ở kinh thành và nhà hoàng thân tôn quý vẫn ghi lại tình hình rồi tấu lên.

Năm Trinh Quán thứ mười hai, Thái Tông nói với các thị thần:

– Trẫm nay đọc sách thấy việc tốt các bậc đế vương xưa làm đều bắt chước làm theo mà không chán. Trẫm trọng dụng các khanh, quả thực cho rằng các khanh là những đại thần hiền lương. Tuy nhiên nước nhà đạt đến mức thịnh trị vẫn chưa thể sánh được với thời đại Tam hoàng Ngũ đế, tại sao lại như vậy?

Ngụy Trưng đáp:

– Nay bốn phương quy thuận cống nạp, thiên hạ bình an vô sự, quả thực là nền thịnh trị xưa nay chưa từng có. Tuy nhiên từ xưa đến nay, các bậc đế vương mới lên ngôi đều muốn phần chấn tinh thần trị nước, để sự tích có thể sánh với Nghiêu Thuấn; đến khi an lạc thì trở lên kiêu xa phóng túng, không thể làm việc tốt đến cùng. Các bề tôi mới được bổ nhiệm đều muốn phò tá quân vương xoay chuyển thời cuộc, đuổi kịp công nghiệp của Tắc, Khế; đến khi phú quý thì chỉ biết giữ lấy quan chức tước vị của mình, không thể duy trì trung thành tiết tháo đến cùng. Nếu quân vương thường xuyên không lười biếng, mọi người đều biết kiên trì phò tá thì không cần lo không trị được thiên hạ, tự nhiên có thể vượt qua thời xưa.

Thái Tông nói:

– Quả như lời khanh nói.

Năm Trinh Quán thứ mười ba, Ngụy Trưng lo Thái Tông không giữ được đức tiết kiệm, mấy năm nay lại rất thích xa xỉ phóng túng, bèn dâng bản tấu khuyên can:

Thần quan sát các đế vương thời xưa tiếp nhận thiên mệnh xây dựng vương triều đều muốn truyền ngôi đến muôn đời, dự tính cơ nghiệp cho con cháu. Do đó ngôi yên trên triều đình buông áo khoanh tay, tuyên bố chính lệnh với thiên hạ. Họ bàn cách trị nước, coi trọng chất phác thuần hậu, kiềm chế phù phiếm xa hoa; nghị luận về con người ắt tôn trọng trung thành hiền lương, khinh thị tà ác gian hoạt; trình bày phép tắc chính trị thì cự tuyệt xa xỉ lãng phí, coi trọng giản dị

tiết kiệm; bàn luận về sản vật thì coi trọng ngũ cốc vải vóc, xem thường đồ chơi quý giá. Khi mới tiếp nhận thiên mệnh, đều tuân theo những nguyên tắc này để đạt được nền chính trị trong sáng; nhưng sau khi yên định được một chút thì phần lớn đều vi phạm những nguyên tắc này mà bại hoại phong tục xã hội. Tại sao lại như vậy? Lẽ nào không phải là vì ở ngôi chí tôn, có được của cải thiên hạ, nói lời không ai dám không thuận theo, việc làm mọi người phải phục tùng, công đạo bị tình cảm cá nhân che khuất, lễ nghi pháp độ bị sở thích dục vọng làm tổn hại đó sao? Xưa có câu: “Không phải là biết nó khó khăn, mà là thực hiện nó khó khăn; không phải là thực hiện nó khó khăn, mà là kiên trì nó đến cùng khó khăn”. Thực đúng như vậy.

Bệ hạ hai mươi tuổi đã ra sức cứu thiên hạ hỗn loạn, dẹp yên cả nước, gây dựng cơ nghiệp đế vương. Đầu thời Trinh Quán chính là lúc bệ hạ thanh niên lực tráng, kìm nén giảm bớt sở thích dục vọng, đích thân thực hành tiết kiệm, trong ngoài yên vui thái bình, thế nên xuất hiện cục diện đại trị thanh minh. Luận về công lao thì đến Thương Thang, Chu Võ Vương cũng không sánh kịp; nói về đạo đức, thì ngay Nghiêu Thuấn cũng còn kém xa. Thần từ khi được đề bạt làm tả hữu của bệ hạ, hơn mười năm nay thường hầu bệ hạ ở những nơi bàn đại kế quân quốc, nhiều lần tiếp nhận chỉ thị anh minh. Bệ hạ thường ca ngợi phương pháp trị vì nhân ái, chính nghĩa, kiên trì mà không từ bỏ; khen ngợi chí hướng chất phác tiết kiệm, từ đầu đến cuối không thay đổi. Một câu nói có thể làm cho nước nhà hưng thịnh, ý muốn nói chính là đạo lý này. Lời nói của bệ hạ còn ngân vang trong tai, sao có thể quên nó được? Những năm gần đây, bệ hạ đã có chút đi ngược lại chí hướng ban đầu, tinh thần đôn hậu thuần phác đã dần không còn kiên trì đến cùng được. Xin liệt kê một vài điều hiểu được như sau:

Năm Trinh Quán thứ nhất, bệ hạ không phiền nhiễu trăm họ, không tham dục, sự giáo hóa trong sáng yên lành lan tỏa đến các vùng xa xôi hẻo lánh. Nay khảo sát lại thì phong khí này đã dần biến mất.

Nghe lời nói của bệ hạ thì đã vượt xa các bậc minh quân thời cổ, nhưng hành vi của bệ hạ thì vẫn chưa vượt qua các quân chủ có phẩm đức bình thường. Dựa vào đâu mà nói như vậy? Hán Văn Đế, Tấn Võ Đế đều không phải đế vương anh minh thời cổ, thế mà Hán Văn Đế không nhận thiên lý mã, Tấn Văn Đế đốt áo làm bằng lông chim trĩ. Nay bệ hạ lại phái người đi ra ngoài vạn dặm tìm tuần mã, đến nước ngoài mua đồ vật quý lạ, bị trăm họ trách móc, bị ngoại tộc khinh thị, đó là điều thứ nhất bệ hạ đã không kiên trì được đến cùng.

Ngày trước, Tử Cống thỉnh giáo Khổng Tử cách trị dân. Khổng Tử nói: “Phải thận trọng như dùng dây cương mục nát để điều khiển chiếc xe sáu ngựa”. Tử Cống hỏi: “Sao lại lo lắng như vậy?”. Khổng Tử nói: “Không dùng đạo nhân nghĩa dẫn dắt nhân dân, nhân dân sẽ thù hận ta, sao không lo được?”. Bởi vậy sách “Thượng thư” nói: “Dân là gốc của nước, gốc vững thì nước mới yên”. Vua ở trên dân sao có thể không thận trọng được? Năm Trinh Quán thứ nhất, bệ hạ đối xử với nhân dân như đối xử với vết thương trên người mình, quan tâm gấp bội, thương xót họ vất vả cần lao, yêu dân như con mình. Bản thân luôn giữ giản dị tiết kiệm, không xây dựng cung thất nào. Mấy năm nay, tâm tư thiên về mặt xa xỉ túng đúc, quên mất khiêm tốn tiết kiệm, dễ dàng sử dụng nhân lực, còn nói: “Trăm họ không có việc gì làm sẽ phóng túng, vất vả sẽ dễ điều khiển họ”. Từ xưa đến nay, không có trường hợp nào do dân an nhàn mà nước nhà bị lật đổ bại vong, làm gì có điều ngược lại sợ trăm họ phóng túng mà cố tình bắt họ lao lực? E rằng đây không phải là quan điểm đúng đắn về chấn hưng nước nhà, thế thì sao có thể là biện pháp vỗ về dân lâu dài được? Đây chính là điều thứ hai bệ hạ đã không kiên trì được đến cùng.

Năm Trinh Quán thứ nhất, bệ hạ giảm bớt hưởng thụ của mình để người khác được lợi. Đến nay thì phóng túng bản thân để dân vất vả. Đức tính khiêm tốn tiết kiệm ngày một thay đổi, tính kiêu ngạo xa xỉ

ngày một khác đi. Tuy miệng luôn nói quan tâm đến dân, nhưng trong lòng lại rất quan tâm đến việc làm cho mình sung sướng. Khi thì muốn xây dựng cung thất, lo bề tôi khuyên can, bèn nói: “Nếu không làm như vậy thì không tiện cho bản thân lắm”. Ngại bởi tình vua tôi, thần sao có thể lại khuyên can nữa? Đây là có ý bịt miệng người khuyên can, còn có thể nói là lựa chọn ý kiến hay mà làm theo sao? Đây chính là điều thứ ba bệ hạ đã không kiên trì được đến cùng.

Thành công và thất bại trong lập mệnh tùy thuộc vào môi trường mà con người ta tiếp xúc. Tiếp xúc với cỏ lam thảo, bạch chỉ, hay là tiếp xúc với bào ngư cũng đều chịu ảnh hưởng của nó. Cẩn thận với người thân cận, không thể không suy nghĩ nghiêm túc. Trong năm Trinh Quán thứ nhất, bệ hạ chú ý trui rèn danh dự tiết tháo, không thiên vị, chỉ cần hiền lương là gần gũi, xa lánh biếm xích kẻ tiểu nhân, nay thì không như vậy nữa, gần gũi tiểu nhân một cách khinh suất, tôn trọng quân tử một cách chiếu lệ. Tiếng là tôn trọng quân tử, nhưng thực tế là kính nhi viễn chi; tiếng là khinh thị tiểu nhân, nhưng thực chất là gần gũi bọn họ một cách thân tình; gần gũi tiểu nhân thì không thấy cái xấu của họ, xa lánh quân tử thì không biết cái tốt của họ. Không biết cái tốt của quân tử thì không cần người khác ly gián cũng sẽ tự mình xa lánh họ; không nhìn thấy cái xấu của tiểu nhân, có khi còn tự mình gần gũi họ. Gần gũi tiểu nhân một cách thân tình quyết không phải là biện pháp giúp nước nhà thịnh trị; xa lánh tiểu nhân lẽ nào là tác phong chấn hưng đất nước? Đây chính là điều thứ tư bệ hạ đã không thể kiên trì đến cùng.

Sách “Thượng thư” viết: “Đừng làm việc vô ích để tổn hại đến việc có ích, sự nghiệp sẽ thành công; không quý vật kỳ lạ, không khinh thường vật dụng hàng ngày, nhân dân mới giàu có. Chó ngựa không phải bản địa sinh ra thì không nuôi, cầm thú quý lạ đừng nuôi trong đô thành”. Trong năm Trinh Quán thứ nhất, bệ hạ hành động tuân theo Nghiêu Thuấn, từ bỏ ngọc ngà châu báu, trở lại bản tính thuần phác. Những năm gần đây, lại đặc biệt thích những thứ dị kỳ,

vật hiếm có dù xa đến mấy cũng phải kiếm về; việc chế tác đồ chơi quý lạ không lúc nào ngừng. Bệ hạ thích xa xỉ lãng phí mà muốn quần thần trăm họ thuận hậu tiết kiệm, khuyến khích quá nhiều nghề tinh xảo mà muốn người làm nông giàu có chất phác thì rõ ràng không thể thực hiện được. Đây chính là điều thứ năm bệ hạ đã không kiên trì được đến cùng.

Đầu năm Trinh Quán, bệ hạ cầu người hiền như miệng khát muốn uống, quý trọng người được tiên cử, tin tưởng và bổ nhiệm họ, phát huy sở trường của họ, còn lo họ không phát huy đầy đủ. Những năm gần đây, bằng sự yêu ghét trong lòng, có khi người mà chúng nhân nói tốt mà được tiến cử trọng dụng, chỉ cần một kẻ dèm pha là từ bỏ họ; có khi người nhiều năm được tin dùng chỉ một một chút hoài nghi là xa lánh họ. Hành vi có cung cách nhất quán, làm việc có biểu hiện nhất quán. Kẻ dèm pha người được tiến cử không chắc đáng tin hơn người được tiến cử; thành tích trong nhiều năm không nên phủ định chỉ trong một khắc. Tấm lòng người quân tử, nhiều lần thực hành nhân nghĩa mà lập nên công đức to lớn; bản tính của tiểu nhân, thích moi móc thị phi để mưu lợi cho mình. Bệ hạ không thăm tra căn nguyên, kẻ trục lợi ngày càng được đề bạt, cho nên người ta chỉ mong không có lỗi chứ không ai nguyện tận tâm tận lực. Đây là điều thứ sáu bệ hạ đã không kiên trì được đến cùng.

Khi bệ hạ vừa lên ngôi hoàng đế, ở ngôi cao nhìn được sâu xa, làm việc chỉ cầu không phiền nhiễu trăm họ, trong lòng không có sở thích dục vọng. Trong thì loại bỏ dụng cụ đi săn, ngoài thì cấm tuyệt mọi hoạt động săn bắn. Mấy năm sau thì không giữ được chí này. Tuy không có sự an nhàn hưởng lạc trong thời gian dài, nhưng đôi khi cũng vượt qua lễ chế thiên tử một năm ba lần đi săn bắn. Thế nên làm cho thú vui săn bắn bị trăm họ chê cười; sự dâng cống ưng khuyến xa đến ngoại tộc bốn phương. Có khi nơi rèn luyện võ nghệ, đường đi xa xôi, bệ hạ đi sớm, khuya mới về, coi rong ruổi là thú vui, không nghĩ đến những biến cố khó lường và phát sinh bất trắc, liệu xảy ra tai họa

có kịp cứu vãn không? Đây chính là điều thứ bảy bệ hạ đã không kiên trì được đến cùng.

Khổng Tử nói: “Vua dùng lễ tiết để bổ nhiệm bề tôi, bề tôi dùng lòng trung để thờ vua”. Đã như vậy thì vua đối xử với bề tôi, về lễ nghĩa không được mỏng. Lúc bệ hạ mới lên ngôi thì gần gũi bề tôi bằng thái độ cung kính, ân huệ của vua ban xuống, suy nghĩ của bề tôi được truyền đạt đến vua, vua tôi đều tận tâm tận lực, trong lòng không một chút kiêu ngạo. Những năm gần đây, có rất nhiều chỗ xem nhẹ. Có quan địa phương được làm sứ tiết, dâng tấu việc lên triều đình, muốn gặp thiên tử để trình bày sự việc, lại không được lắng nghe với sắc mặt vui vẻ, có điều thỉnh cầu, lại không được ân chuẩn. Có khi do bề tôi có chỗ thiếu sót, lại nghiêm trách lỗi nhỏ, lúc ấy dù có nhanh nhạy khéo biện cũng không thể tỏ lòng trung, mà muốn trên dưới một lòng, quân thần hòa hợp, chẳng phải khó lắm sao? Đây chính là điều thứ tám bệ hạ đã không kiên trì được đến cùng.

Kiêu ngạo không được nuôi dưỡng, tư dục không được phóng túng, thú vui không được cực độ, ý nguyện không được thỏa mãn quá mức. Bốn điểm này để vương đời trước dùng để cầu phúc vận, người hiền thông đạt sự lý dùng làm cảnh giới sâu sắc. Vào đầu thời Trinh Quán, bệ hạ chăm chỉ nỗ lực, không dám lười biếng, cúi mình nghe theo người khác, còn thường cảm thấy mình làm chưa đủ. Những năm gần đây lại kiêu ngạo phóng túng, cậy vào công nghiệp vĩ đại, trong lòng khinh thị đế vương thời trước, tự phụ là thánh triết anh minh, xem thường nhân vật đương đại, đây là kiêu ngạo đang được nuôi dưỡng. Muốn làm gì đều phải được như ý, dù có khi kiềm chế tình cảm nghe theo khuyên can, nhưng vẫn không thể quên việc muốn làm, đây là tư dục đang được phóng túng. Chí thú vào việc vui chơi hưởng lạc, tâm tình không thấy mệt mỏi, tuy không hoàn toàn gây trở ngại cho chính sự, nhưng không còn chuyên tâm cho đại sự nước nhà, đây

là vui chơi quá độ. Thiên hạ yên định, ngoại tộc thần phục, vẫn làm khổ quân đội ở nơi xa, tiến công các dân tộc biên cương, đây là thỏa mãn tâm nguyện quá mức. Người gần gũi đón nhận ý chỉ của bệ hạ mà không chịu nói, người xa sợ uy vua mà không dám khuyên can, cứ thế tích lũy không ngừng, sắp sửa tổn hại đến phẩm đức cao thượng. Đây là điều thứ chín bệ hạ đã không kiên trì được đến cùng.

Thời đại Đào Đường, Thành Thang không phải là không có tai họa, đời sau ca ngợi họ có đạo đức chí cao là bởi họ làm việc có thủy có chung, vô vi nhi trị, không có tư dục, gặp tai họa thì đặc biệt chăm lo chính sự, ngày tháng bình an cũng không kiêu ngạo không phóng túng. Đầu thời Trinh Quán, nhiều năm liên lụt lội hạn hán, trăm họ trong ngoài kinh thành đều đổ ra ngoài Đồng Quan, diu già dắt trẻ, trở về mấy năm, không một nhà bỏ trốn, không một người oán thán đau khổ, đây thực là vì trăm họ đã cảm nhận được lòng thương xót chăm lo đến họ của bệ hạ. Những năm gần đây, trăm họ mệt mỏi vô cùng vì lao dịch. Thợ thủ công kết thúc thời kỳ phục dịch xong đều phải ở lại làm thuê cho quan phủ; binh sĩ đang phục dịch phần lớn bị điều đến kinh thành làm việc khác. Thu mua sản vật ở thôn quê liên tục không ngừng, sai phu vận chuyển trên đường người nọ tiếp nối người kia. Đã có tệ nạn, trăm họ sẽ dễ rối loạn, nếu do lụt lội hạn hán, mùa màng thất bát thì e lòng dân sẽ không thể yên ổn như trước. Đây chính là điều thứ mười bệ hạ đã không kiên trì được đến cùng.

Thần nghe nói: “Họa phúc bất thường, do chính con người chuốc lấy”. Con người ta không có sơ sót lỗi lầm thì việc quái dị sẽ không dễ dàng xảy ra. Bệ hạ thống trị thiên hạ đã mười ba năm, đạo nghĩa tỏa khắp xa gần, uy danh lan đến bốn phương, lễ giáo hưng thịnh, mọi nhà đều vui mừng. Đến năm nay, tự nhiên tai họa xảy ra nhiều, khí hậu oi bức gây ra hạn hán, lan khắp mọi nơi; kẻ xấu hung ác làm loạn bỗng nhiên xảy ra ở nơi gần kinh thành. Trời xanh sẽ nói gì? Hiến hiện điềm

dữ dự báo trước, đây chính là lúc bệ hạ cảnh giác lo sợ, suy nghĩ đến thiên hạ và chăm lo chính sự. Nếu nhìn thấy cảnh giới mà lo sợ, thì lựa chọn ý kiến hay mà làm theo, cẩn thận hành sự như Chu Văn Vương, quy tội cho mình như Ân Thương. Thường xuyên thực hiện các biện pháp trị nước của đế vương đời trước; suy nghĩ sửa đổi những việc bại hoại đạo đức hiện tại, cùng thiên hạ thay cũ đổi mới, như thế ngôi vua có thể lưu truyền muôn thuở, cả nước đều may mắn, làm gì có việc tai họa bại vong xảy ra? Như thế sự yên nguy, trị loạn của nước nhà đều phụ thuộc vào một mình quân vương mà thôi. Nay nền tảng thái bình đã cao như trời, chỉ còn thiếu một sọt đất nữa là thành công. Cơ hội nghìn năm khó có. Quân chủ anh minh có thể làm được mà không làm, đó chính là nguyên nhân tiểu thần lo lắng trong lòng mà thở dài.

Thần quả thật ngu muội nông cạn, không thông hiểu mấu chốt của chính sự, liệt kê sơ qua mười điều nhìn thấy để dâng lên bên tai thánh quân. Mong rằng bệ hạ tiếp thu kiến nghị của thần, tham khảo kiến giải của kẻ thiển lậu, mong có một chút ý kiến đúng đắn để bổ cứu cho thiếu sót của bệ hạ, thế thì chết cũng như sông, cam tâm tiếp nhận hình phạt.

Bản tấu được dâng lên, Thái tông nói với Ngụy Trưng: Bề tôi thờ vua, thuận theo ý chỉ dễ, chống lại ý vua cực khó. Khanh làm đại thần phò tá của trẫm, thường trình bày suy nghĩ của mình dâng lên trẫm. Trẫm nay biết lỗi thì sửa, có lẽ có thể làm việc tốt đến cùng. Nếu trẫm đã vi phạm những điều khanh nói thì còn mặt mũi nào nhìn khanh? Rồi sẽ dùng biện pháp gì để trị vì thiên hạ? Từ khi đọc được bản tấu của khanh, trẫm đã suy ngẫm và cảm thấy lời khanh nói đúng đắn giàu thuyết phục, trẫm dán nó trên bình phong, sớm tối cung kính đọc. Lại sao chép lại giao cho sử quan, hy vọng người nghìn năm sau biết được chuẩn mực quân thần cần phải tuân thủ.

Thế rồi Thái Tông ban thưởng cho Ngụy Trưng mười cân vàng, hai con ngựa tốt trong cung.

Năm Trinh Quán thứ mười bốn, Đường Thái Tông nói với các đại thần theo hầu xung quanh:

– Bình định thiên hạ, tuy trăm đã làm được, nhưng nếu giữ thiên hạ không đúng cách thì công nghiệp cũng khó giữ được. Tần Thủy Hoàng ban đầu cũng từng bình định sáu nước, có được bốn biển, nhưng về sau lại không giữ được, có thể lấy đó làm gương. Các khanh phải chí công vô tư, như vậy địa vị và danh tiếng cao đã gây dựng được sẽ còn mãi.

Ngụy Trưng đáp:

– Thần nghe nói, chiến thắng thì dễ, giữ được thành quả mới khó. Bệ hạ nghĩ sâu lo xa, khi bình yên nghĩ đến lúc nguy nan, công nghiệp đã hiển hách, mà giáo hóa đức hạnh lại đi sâu vào lòng người, luôn trị thiên hạ bằng thái độ như vậy thì xã tắc sẽ không bao giờ nghiêng ngả.

Năm Trinh Quán thứ mười sáu, Đường Thái Tông hỏi Ngụy Trưng:

– Xem các bậc đế vương xưa nay, có người truyền ngôi được mười đời, có người chỉ truyền được một hai đời, cũng có người tự lấy được thiên hạ rồi tự mình làm mất thiên hạ. Bởi vậy trăm luôn lấy làm lo sợ, hoặc là sợ nuôi dưỡng trăm họ chưa được vẹn toàn, hoặc là sợ mình lòng sinh kiêu ngạo, mừng giận quá độ. Tuy nhiên tự bản thân không thể biết được, khanh hãy giảng giải cho trâm biết, trăm sẽ lấy đó làm chuẩn mực.

Ngụy Trưng đáp:

– Lòng tham dục hỷ nộ, người hiền kẻ ngu ai cũng như nhau, chỉ có điều người hiền biết tiết chế, không để quá độ, kẻ ngu thì bốc đồng phóng túng, đến nỗi không thể cứu vãn. Bệ hạ thánh đức cao vời, ở lúc

yên nghĩ đến lúc nguy, thần thật lòng mong muốn bệ hạ luôn kiểm chế được để giữ lấy kết cục hoàn mỹ, xã tắc sẽ trường tồn.

HẾT

MỤC LỤC

1. LỜI NÓI ĐẦU
 1. LỜI NÓI ĐẦU
2. TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 1 –
 1. ĐẠO LÀM VUA
 2. CHÍNH THỂ
3. TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 2 –
 1. BỔ NHIỆM NGƯỜI HIỀN
 2. YÊU CẦU CAN GIÁN
 3. TIẾP THU LỜI CAN GIÁN
 4. THẮNG THẮN KHUYÊN CAN
4. TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 3 –
 1. QUẦN THẦN LÀM GƯƠNG
 2. CHỌN QUAN
 3. PHONG KIẾN
5. TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 4 –
 1. ĐỊNH PHẬN THÁI TỬ VÀ CHƯ VƯƠNG
 2. TÔN KÍNH THẦY
 3. ĐẠY DỠ THÁI TỬ VÀ CHƯ VƯƠNG
 4. KHUYÊN CAN THÁI TỬ
6. TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 5 –
 1. NHÂN NGHĨA
 2. TRUNG NGHĨA
 3. HIẾU HỮU
 4. CÔNG BẰNG
 5. THÀNH TÍN

6. TIẾT KIỆM
7. LUẬN VỀ KHIÊM NHƯỜNG
7. TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 6 –
 1. NHÂN ÁI VÀ TRẮC ẨN
 2. THẬN TRỌNG VỚI SỞ THÍCH
 3. THẬN TRỌNG VỚI LỜI NÓI
 4. CHỐNG LẠI SÀM TÀ
 5. HỐI LỖI
 6. XA XỈ PHÓNG TÚNG
 7. THAM LAM
8. TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 7 –
 1. TÔN SÙNG NHO HỌC
 2. VĂN SỬ
 3. LỄ NHẠC
9. TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 8 –
 1. LÀM NÔNG
 2. HÌNH PHÁP
 3. SẮC LỆNH
 4. CỐNG NẠP
 5. CẤM CÁC NGÀNH NGHỀ KHÔNG THIẾT YẾU
 6. LUẬN VỀ HƯNG VONG
10. TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 9 –
 1. CHINH PHẠT
 2. YÊN ĐỊNH BIÊN GIỚI
11. TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 10 –
 1. TUẦN HÀNH
 2. ĐI SẴN
 3. TAI HỌA VÀ TỐT LÀNH
 4. THẬN TRỌNG ĐẾN CÙNG

Table of Contents

LỜI NÓI ĐẦU

LỜI NÓI ĐẦU

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 1 –

ĐẠO LÀM VUA

CHÍNH THỂ

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 2 –

BỔ NHIỆM NGƯỜI HIỀN

YÊU CẦU CAN GIÁN

TIẾP THU LỜI CAN GIÁN

THẰNG THẮN KHUYÊN CAN

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 3 –

QUẢN THẦN LÀM GƯƠNG

CHỌN QUAN

PHONG KIẾN

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 4 –

ĐỊNH PHẬN THÁI TỬ VÀ CHƯ VƯƠNG

TÔN KÍNH THẦY

DẠY DỖ THÁI TỬ VÀ CHƯ VƯƠNG

KHUYÊN CAN THÁI TỬ

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 5 –

NHÂN NGHĨA

TRUNG NGHĨA

HIẾU HỮU

CÔNG BẰNG

THÀNH TÍN

TIẾT KIỆM

LUẬN VỀ KHIÊM NHƯỜNG

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 6 –

NHÂN ÁI VÀ TRẮC ẨN

THẬN TRỌNG VỚI SỞ THÍCH

THẬN TRỌNG VỚI LỜI NÓI

CHỐNG LẠI SÀM TÀ

HỐI LỖI

XA XỈ PHÓNG TÚNG

THAM LAM

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 7 –

TÔN SÙNG NHO HỌC

VĂN SỬ

LỄ NHẠC

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 8 –

LÀM NÔNG

HÌNH PHÁP

SẮC LỆNH

CỐNG NẠP

CẤM CÁC NGÀNH NGHỀ KHÔNG THIẾT YẾU

LUẬN VỀ HƯNG VONG

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 9 –

CHINH PHẠT

YÊN ĐỊNH BIÊN GIỚI

TRINH QUÁN CHÍNH YẾU – QUYỂN 10 –

TUẦN HÀNH

ĐI SẴN

TAI HỌA VÀ TỐT LÀNH

THẬN TRỌNG ĐẾN CÙNG